



Lá thư Ban Biên Tập

Ba mươi lăm năm về trước, người Việt chúng ta đã được thành phố Frankfurt am Main mở rộng vòng tay nhân ái chào đón và chấp nhận cho chúng ta được nhanh chóng hưởng quyền tỵ nạn cộng sản, chấm dứt những chuỗi ngày lo âu, chờ đợi khắc khoải trong các trại tạm cư ở Đông Nam Á....Trong bối cảnh đó, tình đồng hương nơi xứ lạ quê người, hơn lúc nào hết đã thúc đẩy chúng ta tìm về với nhau....

Những ngày chân ướt chân ráo đến đây, không phân biệt tuổi tác, trình độ, ai trong chúng ta cũng đã phải cố gắng vượt bực, cũng đã từng có những đêm dài thao thức để tìm cho mình một hướng đi, một quyết định, kiên trì trước những thử thách khó khăn v..v...Chặng đường đã qua để lại biết bao nhiêu là kỷ niệm, buồn cũng nhiều và vui cũng không ít, kể ra thật không hết!!! Nhưng dù kỷ niệm có sâu đậm đến đâu chẳng nữa rồi tất cả cũng sẽ nhạt nhòa theo năm tháng, theo tuổi đời chòng chát...Đó là lý do vì sao hội người Việt tỵ nạn tại Frankfurt và vpc đã ủy nhiệm Ban Biên Tập chúng tôi cố gắng thực hiện đặc san, không ngoài mục đích duy nhất là ghi lại tâm tình kỷ niệm buồn vui của chúng ta, nhân dịp Xuân Ất Mùi, đánh dấu 35 năm ly hương của người Việt tỵ nạn.

Những ngày cuối đông, đầu xuân của đầu thập niên 80 đến nay thấm thoát cũng đã 35 năm trôi qua....Rời xa quê hương, ra đi để tìm cho chính mình, cho gia đình, cho thế hệ con trẻ mai sau một cuộc sống tự do, nhân bản, cuộc sống của chúng ta từ đó đến nay luôn bị cuốn hút vào dòng chảy của xã hội chung quanh.

Giữ sao cho cân bằng hai bản phận “sống hội nhập” và đồng thời “gìn giữ bản sắc dân tộc” vẫn luôn là tâm niệm của chúng ta, của thế hệ thứ nhất trên quê hương mới. Sống hội nhập để cảm ơn xã hội đã và đang cưu mang chúng ta, tuy thực tế đôi lúc cũng không dễ dàng cho lắm. Gìn giữ bản sắc dân tộc để thế hệ con cháu chúng ta biết nhớ đến cội nguồn tình tự dân tộc Việt Nam, vì đó là những gì quý báu trân trọng nhất của con người.

Qua những đóng góp bài vở của đồng hương và thân hữu gửi về, Ban Biên Tập chúng tôi thật vô cùng cảm động khi ghi nhận được tâm tình nói trên và xin được giới thiệu đến quý đồng hương trong Đặc San Xuân Ất Mùi năm 2015.

Trước thềm năm mới, Ban Biên Tập xin kính chúc quý đồng hương, thân hữu xa gần một năm mới an khang, vạn sự như ý.

Ban Biên Tập Xuân Ất Mùi 2015

Cảm tạ

Ban Biên Tập ước mong Đặc San Xuân Ất Mùi 2015 với chủ đề “35 năm tự nạn Cộng sản” đem đến cho quý Đồng hương và Thân hữu những giây phút thoải mái với những truyện ngắn, tùy bút, những bài thơ và những hình ảnh đặc biệt của hành trình tìm Tự Do của người Việt tự nạn.

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn đến Đồng hương và Thân hữu xa gần đã khuyến khích và đóng góp nhiệt tình bài vở, thơ văn và hình ảnh sinh hoạt cho đặc san 2015.

Lần đầu tiên nhận lãnh trách nhiệm thực hiện Đặc San cho hội, nhất là trong một thời gian phải gọi là quá ngắn, chắc chắn Ban Biên Tập chúng tôi không tránh được những sơ sót ngoài ý muốn, rất mong quý Đồng hương và Thân hữu xa gần lượng thứ cho. Ban Biên Tập cũng xin cáo lỗi quý Đồng Hương và Thân hữu vì khuôn khổ và số trang có hạn nên một số bài vở của quý vị đã không góp mặt được.

Hy vọng Đặc San Xuân Ất Mùi 2015 sẽ được cất giữ như một quyển lưu niệm trong tủ sách gia đình của quý vị.

Ban Biên Tập

Chủ trương
Hội Người Việt tự nạn
tại Frankfurt

Ban Biên Tập
Đặc San Xuân Ất Mùi
2015

Nguyễn Văn Pháy
Nguyễn Hữu Mỹ Nga
Nguyễn Hữu Nghĩa
Phạm Trương Long

Trình bày:
Nguyễn Hữu Mỹ Nga
Nguyễn Hữu Nghĩa

Ấn loát:
Nguyễn Văn Pháy



Sự Hình Thành Hội NVTN tại Frankfurt và vùng phụ cận

Vietnamesen feierten „Geburtstag“ **Seit einem**



Der Frankfurter OB Walter Wallmann inmitten einiger Vietnamesen auf der Pressekonferenz am Freitag. Foto: Dabrowski

OB dankt der Bevölkerung für die großartige Hilfe!

Frankfurt. — Seit einem Jahr befinden sich nun rund 300 vietnamesische Flüchtlinge in ihrer neuen Heimat am Main. An diesem Wochenende feiern sie ihren „1. Geburtstag“

Von Ralph Klinkenborg

tag“ in der hessischen Metropole. Aus diesem Anlaß zog der Frankfurter Oberbürgermeister Walter Wallmann am Freitag vor der Presse Bilanz.

nung versorgt. Weitere Familien sollen in den nächsten Monaten folgen. Bis Mitte dieses Jahres werden 3,5 Millionen Mark für die Integration der Vietnamesen gebraucht.

● Zum Thema der Familienzusammenführung erklärte der Chef des Frankfurter Roten Kreuzes, Helmut Kinkel, daß insgesamt 200 Verwandte von Flüchtlingen erfaßt worden seien. Nur ein geringer

● Zusammenfassend, so Wallmann, habe es sich richtig erwiesen, diese Menschen in „Todesgefahr“ humanitären Gründen in Mainmetropole zu holen, wörtlich: „Darin sehe ich mich durch die spontanen Hilfebote und Unterstützung aus der Bevölkerung b stärkt!“

● „Die Eingliederung kann nach einem Jahr als weitgehend abgeschlossen gelten“

Vào cuối năm 1978, đầu năm 1979 thành phố Frankfurt am Main dưới nhiệm kỳ của cố thị trưởng Dr. Wallmann, đã thu nhận người Việt tỵ nạn cộng sản đầu tiên của tiểu bang Hessen.

Với truyền thống đoàn kết, hiền hòa, cần cù, nhẫn nại, luôn tương trợ nhau để

cùng sống chung trong một đại gia đình lưu xứ cũng như được sự trợ giúp của chính quyền thành phố Frankfurt và CHLB Đức, người Việt tỵ nạn chúng ta đã kết hợp nhau hình thành một tổ chức có tên là Hội Người Việt Tỵ Nạn tại Frankfurt và vùng phụ cận (HNVTN Frankfurt/M và VPC).

1980 đánh dấu năm thành lập Hội và được hợp thức hóa thủ tục đăng bạ tại tòa án Frankfurt năm 1981.

Từ ngày thành lập 1980 đến nay, Ban Chấp Hành được bầu theo nhiệm kỳ 2 năm và sinh hoạt hầu như được liên tục trải qua những vị hội trưởng:

1981-1983: Ông Lý Võ Sáng
1983-1985: Ông Phan ngọc Minh
1985-1986: Ông Vũ Dương Kiểm
1986-1987: Ông Trần Quốc Thái
1987-1989: Ông Trần Quang Dũng
1989-1991: Ông Võ Hùng Sơn
1991-1993: Ông Võ Hùng Sơn
1993-1995: Ông Lê Hồng Cẩn
1995-1997: Ông Lê Hồng Cẩn
1997-1999: Ông Lê Hồng Cẩn
1999-2001: Ông Lê Hồng Cẩn
2001-2003: Ông Nguyễn Hoàng Vũ
2003-2005: Ông Nguyễn Hoàng Vũ
2005-2007: Ông Lưu Văn Nghĩa
2007-2009: Ông Lưu Văn Nghĩa
2009-2011: Ông Lưu Văn Nghĩa
2011-2013: Ông Võ Hùng Sơn
2013-2015: Ông Võ Hùng Sơn

Ban Chấp Hành Hội cũng được bầu cử cùng nhiệm kỳ với vị Hội trưởng để thực hiện những sinh hoạt của hội. Kể từ ngày thành lập hội đến nay, hội đã tổ chức cũng như thực hiện nhiều sinh

hoạt đa dạng, tập trung vào những lãnh vực tiêu biểu sau đây, nhất là vào những thời gian còn phôi thai, bà con vừa mới đến thành phố Frankfurt và vùng phụ cận:

1.- Hoạt động tương tế sức khỏe và xã hội:

Hội tổ chức viếng thăm những trại tỵ nạn trong vùng, trợ giúp cho đồng hương người Việt tỵ nạn mới đặt chân đến Frankfurt về ngôn ngữ, hướng dẫn khám y tế để hoàn tất những thủ tục đòi hỏi của chính quyền. Hội làm trung gian liên lạc giúp cho thanh thiếu niên và đồng hương để lập thủ tục xin việc làm, xin chỗ học, học nghề. Hướng dẫn làm thủ tục để xin trợ cấp của chính quyền và các cơ quan.

2.- Hoạt động văn hóa:

Hội luôn đề ra những sinh hoạt nhằm bảo tồn và phát huy văn hóa Việt như:

- Lập thư viện của Hội để phục vụ đồng hương
- Sinh hoạt Giáng Sinh
- Sinh hoạt Tết Nhi Đồng
- Sinh hoạt Tết Nguyên Đán



Quang cảnh Lễ Chào Cờ và Mặc Niệm của Ngày Tết Nguyên Đán

3.- Hoạt động thể thao, sinh hoạt ngoài trời:

Hội đã liên kết với Liên Hội để tổ chức những ngày đại hội thể thao cho đồng hương NVTN tại CHLB Đức. Mỗi lần tổ chức quy tụ khá đông đồng hương tham dự, có các cơ quan truyền thông báo chí đăng tải.

4.- Hoạt động đấu tranh:

Song song với việc lo về đời sống, hội nhập và tương trợ nhau, Hội cũng đã liên kết với các tổ chức đoàn thể và Liên hội để hướng dẫn đồng hương, cũng như để đồng hương có dịp tỏ bày lòng yêu nước và chính kiến của mình trong những dịp biểu tình. Hội đã tạo điều kiện cũng như hỗ trợ cho họ bằng cách vận động đồng hương trong vùng, thuê xe buýt, làm thủ tục xin đi tham dự ngày Quốc Hận, ngày Nhân Quyền và tham dự những buổi hội thảo do Hội và các tổ chức tại CHLB Đức tổ chức.

Những năm sau này Hội thường tổ chức ngày Quốc Hận 30.4 và ngày Quốc Tế Nhân Quyền 10.12 tại địa phương Frankfurt am Main để cho bà con dễ dàng tham dự.

Song song với những sinh hoạt tương trợ, đấu tranh và hội nhập, hội cũng lập ra những chương trình bảo tồn và phát

huy văn hóa Việt như hình thành lớp dạy Việt ngữ cho con em đồng hương, mở khóa hướng dẫn sử dụng Internet cận đại, lập một đường dây liên lạc khẳng khít giữa hội với hội viên và đồng hương trong vùng.

Mong rằng qua những sinh hoạt căn bản nêu trên, Hội sẽ đóng góp phần nào vào việc bảo tồn và phát huy chính nghĩa, nhằm tạo cho cộng đồng NVTN chúng ta tại Frankfurt hội nhập vào xã hội văn minh tiến bộ một cách vững vàng.

Ban Chấp Hành đương nhiệm chúng tôi gửi lời tri ân tất cả quý vị thành viên của các Ban Chấp Hành tiền nhiệm, cũng như tất cả quý hội viên, thân hữu và đồng hương đã có công đóng góp tích cực cho những sinh hoạt của hội được tồn tại trong suốt 35 năm qua.

Nhân dịp Tết Ất Mùi 2015, Ban Chấp Hành Hội NVTN tại Frankfurt kính chúc tất cả đại diện Tôn giáo, Hội đoàn, đồng hương và Hội viên của Hội hưởng một năm mới đầy an khang và thành công trong mọi lãnh vực.

Xuân Ất Mùi 2015

BCH Hội NVTN tại Frankfurt

Hội trưởng: Võ Hùng Sơn



30 năm trên đất người Những kỷ niệm khó quên

Phạm Yến Lê

Tôi đến vùng đất Frankfurt vào cuối mùa hè 1985 và cũng lần đầu tiên đến với Hội Người Việt Tị Nạn Cộng Sản (NVTNCS) Frankfurt nhân dịp Hội tổ chức đại hội thể thao cho đồng hương khắp nơi. Đa số là giới trẻ về tham dự khá đông, tranh tài các môn thể thao như bóng bàn, bóng chuyền, đá banh, chạy đua ... Có một cô gái trẻ chạy đua mệt quá ngồi xuống khóc thật tội nghiệp. Ban đêm các em cắm lều ngủ ngoài trời, có lửa trại và văn nghệ bỏ túi, cây nhà lá vườn thật vui. Tôi cũng không quên quây ẩm thực của các chị rất hấp dẫn với những món ăn thuần túy VN như bún bò Huế của chị Lâm K.Nga, quây bánh trái chị Thái Gia Tuấn.

Vì mới đến Frankfurt phải lo nơi ăn chốn ở nên chúng tôi cũng không thể sinh hoạt thường xuyên với Hội được. Trong thời gian này nếu tôi nhớ không lầm thì hội trưởng là ông Lý Võ Sáng.

Sau một thời gian tạm yên ổn an cư lạc nghiệp, chúng tôi trở lại sinh hoạt với Hội thường xuyên hơn. Lúc bây giờ hội trưởng là ông Kiêm. Trong thời gian ông Kiêm làm Hội trưởng, ngoài những sinh hoạt thường lệ như tổ chức Tết Nguyên Đán, Tết Trung Thu, biểu tình (BT) 30.04, những buổi họp định kỳ ... có 2 lần tổ chức Đại nhạc hội. Lần thứ nhất có ca sĩ Khánh Ly, Elvis Phương, rất đông khán giả, lần thứ 2 có Lê Thu và vài ca sĩ khác cũng từ Mỹ qua.

Sau khi bức tường Bá linh sụp đổ vào tháng 10/1989, người Việt lao động bên phía đông ùn ùn chạy sang phía Tây. Để giúp những người này, ông Võ Hồng Sơn lúc này là hội trưởng tổ chức một đêm văn nghệ. Mặc dù rất bận rộn về việc giúp những người tị nạn mới nhưng Hội cũng sinh hoạt đều đặn như thường lệ, tổ chức Tết, tổ chức đi biểu tình 30.04 ...

Sau một thời gian dài không thấy Hội sinh hoạt gì cả tôi hỏi mọi người mới biết là vì những lý do khách quan nào đó Hội tạm ngưng sinh hoạt (và ban chấp hành cũng tạm thời giải tán!!!). Nếu tôi nhớ không lầm khoảng năm 1992.

Lúc này không riêng gì Hội NVTNCS Frankfurt mà các hội NVTNCS ở nhiều nơi trên nước Đức cũng vậy. Sau đó tình hình chính trị trong nước thay đổi. CSVN mở cửa cho về VN du lịch. Đó cũng là một lý do làm ngưng trệ sinh hoạt của cộng đồng (CD). Tuy vậy trong cộng đồng thỉnh thoảng vẫn có những sinh hoạt khác như Chi hội Phật tử tổ chức Tết, lễ Phật đầu năm, Công đoàn Công giáo tổ chức Đại hội Công giáo ...

*Gặp thời thế thế thời phải thế
(chí sĩ Ngô thời Nhiệm)*

Cho đến đầu năm 2000, một số người trong đó có chúng tôi, nhận thấy để có

một chỗ đứng trong thành phố Frankfurt, Hội phải sinh hoạt trở lại. Chúng tôi hội ý với nhau kêu gọi nhau tổ chức một buổi họp để thành lập lại ban chấp hành (BCH). Sau 3 lần 7 lượt bầu đi bầu lại, cuối cùng cũng bầu ra được một BCH, hội trưởng là anh Nguyễn hoàng Vũ, một thanh niên trẻ có nhiều khả năng về văn nghệ và tổ chức, tính tình hiền hòa, vui vẻ.

Vạn sự khởi đầu nan, với số ít ỏi hội viên còn quan tâm, từ số 0, nhờ có sự phối hợp với các hội bạn như Liên hội NVTNCS, Hội Phụ nữ VN Tự Do, Chi hội Phật tử ..., Hội cũng cố gắng sinh hoạt đều đặn như tổ chức Tết Nguyên Đán, hỗ trợ tài chánh mượn xe để hội viên tham gia biểu tình 30.04 ở Bá-Linh (lúc đó Tòa Đại sứ Việt cộng đã dời từ Bonn về Bá-Linh, Việt cộng chưa có Tòa Tổng Lãnh sự ở Frankfurt), tham gia diễn hành văn hóa (Parade der Kulturen) của thành phố Frankfurt tổ chức vào tháng 6, sinh hoạt mùa hè nướng thịt vào cuối tháng 8, tổ chức biểu tình ngày Nhân Quyền tháng 12 và tổ chức họp mặt tất niên vào tháng 12. Ngoài ra còn có từ 3-4 lần họp định kỳ để kiểm điểm công tác hay lên chương trình sắp tới hay họp đại hội đồng ...

Tôi thiết tưởng những sinh hoạt đáng ghi nhớ có tính cách lịch sử trong thời gian 2000-2010 có dịp cũng nên được nhắc lại cho mọi người, nhất là hội viên mới và giới trẻ sau này biết:

- 30.04.2000 tưởng niệm 25 năm mất miền Nam (VNCH), Hội NVTN Frankfurt có sự ủng hộ của Liên hội NVTN tổ chức 1 xe Bus 30 chỗ đi biểu tình ở Bá-linh;
- Năm 2004 tưởng niệm 40 năm hiệp định Genève chia đôi đất nước, Hội

NVTN Frankfurt cũng tổ chức được 2 xe Mini Bus để hội viên và thân hữu ở xa Frankfurt đi tham dự biểu tình trước trụ sở LHQ ở Genève và đêm không ngủ văn nghệ đấu tranh;

- 30.04.2005 tưởng niệm 30 năm mất nước, Hội cũng tổ chức 4 xe Mini Bus và xe nhỏ, số người tham dự trên 40 người đi tham dự biểu tình Bá-linh và đêm hội luận chính trị có văn nghệ đấu tranh;

- Tháng 5/2005 nhân ngày điều trần nhân quyền LHQ Genève hội tổ chức 1 xe Bus với 50 người tham dự. (Khoảng thời gian này Hội trưởng là anh Lưu văn Nghĩa).

Mỗi lần đi tham dự BT Bá-linh hay Genève mọi người rất vui, cùng hát, cùng ăn những khúc bánh mì chả nguội lạnh nhưng vẫn thấy ngon, cùng ngủ gà ngủ gật trên xe nhưng vẫn thấy vui vì ai cũng cùng mang theo một hành trang trong tận đáy lòng là vì dân tộc, vì tổ quốc, vì cộng đồng.

Ngoài ra trong thời gian trên còn có những tổ chức mang nhiều ý nghĩa và lợi ích như:

- Tổ chức nói chuyện về Ải Nam Quan, thác Bản Giốc, Hoàng Sa Trường Sa nhân dịp Tàu cộng công bố công hàm bán nước (14.09.1958) của PV Đồng với diễn giả BS Trần Đại Sĩ đến từ Paris;

- Thuyết trình về cuộc chiến tranh VN 54-75 và ra mắt sách với diễn giả Phan Nhật Nam đến từ Mỹ;

- Hội luận chính trị với thi sĩ, ngục sĩ nổi tiếng Nguyễn chí Thiện đến từ Pháp quốc và sau đó là chương trình văn nghệ rất đặc sắc với kịch thơ *Lời thề dưới đèn*

Hùng do Hội Phụ nữ VN Tự Do trình diễn được khán giả nhiệt liệt hoan nghênh và cảm phục;

- Công cuộc đấu tranh chống csvn với chiến sĩ Lý Tông;

- Ra mắt sách Hồi ký 26 năm tù của TT Thích thiện Minh (ở VN) với diễn giả Phạm Trần Anh (20 năm tù CS) đến từ Mỹ;

- Tổ chức Hội luận về Hoàng Sa Trường Sa với Đô đốc Hồ văn Kỳ Thoại, LS Nguyễn Thành đến từ Mỹ, LS Trần Thanh Hiệp đến từ Paris;

- Ra mắt sách *Thơ Tù* của HT Thích Quảng Độ với những diễn giả GS Võ văn Ái, Chị Ý Lan đến từ Paris và TT Thích Viên Lý đến từ Mỹ, màn hoạt cảnh Phi Khanh Nguyễn Trãi của chiến sĩ Nguyễn thị Ngọc Hạnh đến từ Pháp quốc và chị Xuyên, làm khán giả bùi ngùi xúc động;

Trong thời gian 2000-2010 hội tham gia cả thảy 7 lần Diễn Hành Văn Hóa do thành phố Frankfurt tổ chức, mỗi lần đều được đồng hương đến từ mọi nơi khắp nước Đức nhiệt tình tham gia ủng hộ. Ban đầu được thành phố tổ chức mỗi năm, sau từ năm 2006 vì thành phố tiết kiệm tiền nên 2 năm 1 lần.

Theo sự đánh giá của cá nhân tôi lần đầu tiên là hay nhất với các màn trình diễn đầy công phu và hấp dẫn: Múa lân (Hướng đạo Hùng vương), trình diễn võ thuật (Vovinam), múa quạt, múa nón (Hướng đạo HV), y phục phụ nữ 4 miền trung nam bắc và cao nguyên. Nhưng đặc biệt nhất là màn đám cưới cổ truyền VN do gia đình anh chị Dương Trường Cửu phụ trách, tất cả các báo đều đưa tin, báo Frankfurt Rundschau đăng

nguyên hình lớn chụp đám cưới lên trang đầu rất trang trọng, nếu tôi nhớ không lầm là hội được giải nhì sau Brazil.

Mỗi lần hội tổ chức nướng thịt hay tất niên mọi người tham dự đông đủ mang theo những thức ăn rất ngon, là dịp mọi người được thưởng thức tài nghệ nấu nướng của mấy chị.

Thành phần chủ lực của hội trong thời gian này phải nói là gia đình anh chị Lưu văn Nghĩa, gia đình anh chị Trần hữu Hải (chị Hiền) và Minh, Thùy An, gia đình anh chị Dương Trường Cửu và Minh Nguyệt, Cương, anh Nguyễn Hoàng Vũ, anh chị Hoàng Tôn Long, anh Phạm Thanh Lịch, chị Phạm thị Nga, anh Mẫn, sau đến anh Thiện, anh Trần văn Sơn và các cháu, anh Nguyễn Lê Sơn, chị Bích Thủy, anh chị Nguyễn văn Pháy, chị Hồng Yên ... và còn nhiều nữa.

Còn có những người từ xa nhưng luôn gắn bó với hội Frankfurt, thường xuyên có mặt và hết lòng yểm trợ như gia đình anh Huỳnh Thanh Hà, Mỹ Vân và các cháu ở Viersen, anh chị Trịnh Văn Mến ở Mannheim, anh chị Đỗ văn Thông ở Koblenz, anh chị Trần Di Nhơn ở Bad Münster... Khi nào việc nặng việc khó thì có các anh, khi nào việc lãng xăng thì có các chị. Bên cạnh đó còn có hội hướng đạo HV và nhóm Như Lan. Tất cả tạo thành 1 ngôi vườn chung, tuy nhiên bên cạnh những bông hoa xinh đẹp cũng có những cây cỏ dại, những con sâu ...

Vì sự sinh hoạt tích cực và đều đặn của Hội NVTN nên tiếng vang đến khắp mọi nơi trên toàn quốc. Mỗi lần có tổ chức lớn như diễn hành văn hóa, hội luận chính trị, biểu tình, đều có sự tham

dự của các anh chị từ xa đến như từ Bá linh, Hamburg, Bremen, từ Witten, Mönchengladbach, Köln, từ Mannheim, Nürnberg, München..., có cả đồng hương từ Pháp, Bỉ, Hòa Lan không quản ngại đường xa cũng đến tham dự với chúng ta nữa. Cuối năm 2010 đến lúc hội phải bầu lại BCH, theo như nội quy của hội 2 năm 1 lần.

Một lần như mọi lần qua 1 phiên họp đại hội đồng bầu cử tranh cãi gay gắt sôi nổi cuối cùng cũng bầu ra được một BCH. Anh Võ Hùng Sơn lại một lần nữa, sau trên 10 năm được đắc cử trở lại, với sự nhiệt tình và hăng say phục vụ CĐ của anh cùng với những thành viên khác trong ban chấp hành và sự đóng góp tích cực của một số hội viên đã tiếp tục con đường của Hội và sẽ đưa Hội càng ngày càng phát triển hơn. Cá nhân chúng tôi lúc nào cũng quý mến và ngưỡng mộ những người bỏ công sức thì giờ kể cả vật chất, ăn cơm nhà vác ngà voi để ra phục vụ CĐ một cách vô tư, trong tinh thần trong sáng và vô vị lợi. Ở đời thời nào cũng vậy, lúc thăng lúc trầm, lúc thịnh lúc suy, Hội NVTN Frankfurt cũng không ngoại lệ, tuy nhiên trong hội lúc nào cũng có những trụ cột chống đỡ.

*Thế sự thăng trầm quân mạc vấn
Yên ba thâm sử hữu ngư châu
Vất tay nằm nghĩ chuyện đầu đầu
Dem mộng sự đọ với chân thân thì cũng
hết.
(Cao bá Quát)*

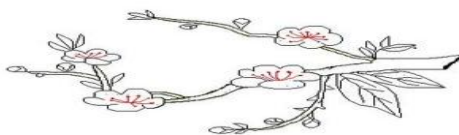
Tôi ngạc nhiên khi nghe một người trẻ nói với tôi rằng: "Em không ngờ lâu nay vẫn có những sinh hoạt thường xuyên của các hội đoàn, tổ chức NVTN. Uống quá, em đã bỏ phí thời gian bao nhiêu năm không làm gì cả".

Ngoài ra trong khi trao đổi chuyện trò với một số người khác tôi nhận thấy họ cũng nghĩ na ná như vậy. Họ tưởng rằng các hội NVTN trên toàn nước Đức đều ngưng sinh hoạt sau khi bức tường Berlin sụp đổ. Vì những nguyên nhân trên đã thúc đẩy tôi viết lên những trang giấy này vốn dĩ tôi không phải là người quen viết lách.

Sở dĩ tôi chỉ viết lên những sinh hoạt trong thời gian trên (2000-2010) vì lúc này chúng tôi sinh hoạt thường xuyên và trực tiếp với Hội. Từ năm 2010 vì lý do sức khỏe và tuổi già sức yếu nên phải hạn chế mọi sinh hoạt. Vì vậy từ năm 2010 trở đi tôi không dám có ý kiến. Biết thì nói không biết thì dựa cột mà nghe.

Trong bài này tôi chỉ đưa lên những sinh hoạt chính một cách tóm gọn, chắc còn nhiều thiếu sót hay sai thời điểm. Xin mọi người niệm tình tha thứ. Thành thật cảm ơn.

Frankfurt/M., 01/2015
Phạm Yến Lê



Frankfurt am Main và thắng cảnh lịch sử

Frankfurt am Main và thắng cảnh lịch sử

Xứ Việt

Frankfurt là thành phố lớn nhất của tiểu bang Hessen và là đô thị lớn thứ năm của nước Đức. Vào năm 1875, Frankfurt chỉ có hơn 100.000 dân. Từ năm 1928 hơn 500.000 dân và hiện nay có khoảng 700.000 dân cư. Thành phố này là trung tâm của các thành phố nằm kế cận nhau ở vùng Frankfurt-Rhein-Main với khoảng 2,2 triệu dân.

Frankfurt am Main còn là thành phố đầu tiên của nước Cộng Hoà Liên Bang Đức đón nhận và cư mang người Việt tỵ nạn cộng sản vào đầu năm 1979.

Để tri ân cơ quan chính quyền và dân chúng Đức của thành phố Frankfurt, chúng ta cũng nên đề cập đến những nét đặc thù của thành phố Frankfurt mà đã có thời gian được xem là Thành phố Tự do của Liên minh Đức quốc.



Thành phố Frankfurt am Main

Kể từ thời Trung Cổ, Frankfurt đã là một trong những trung tâm đô thị lớn ở Đức. Dòng sông Main khởi nguồn từ phía Đông Nam lên phía Bắc, ngang

qua thành phố Aschaffenburg rồi chảy ra hướng Tây băng qua thành phố Frankfurt trước khi nối liền với dòng sông Rhein xuất phát từ hướng Tây Nam vùng Basel, chảy lên phía Tây Bắc rồi đổ ra biển Đại Tây Dương. Nhờ những dòng sông này mà thuyền bè ngày xưa đã chuyên chở hàng hoá khắp nơi đến và đi ngang qua Frankfurt làm cho thành phố trở nên sầm uất.



Nghiên cứu về lịch sử, bức hình trên diễn tả thành phố mang tên Frankfurt. Frankfurt có nghĩa là con đường được lót bằng những tảng đá nhỏ ngang qua sông của người Franken thời xa xưa. Frankfurt am Main là thành phố Frankfurt nằm bên sông Main.

Kể từ năm 1816, qua một Đại hội Liên bang của Liên minh Đức (Bundesversammlung des Deutschen Bundes), Frankfurt được chọn là một Thành phố Tự do (Freie Stadt) trong Liên minh Đức. Trong quá trình chiến tranh, Đức sáp nhập vào nước Phổ (Preussen). Kể từ năm 1866 Frankfurt mất tính độc lập.

Sau khi đệ nhị thế chiến chấm dứt năm 1945, quân đội Mỹ đặt trụ sở chính tại Frankfurt. Tiếp theo đó, Frankfurt trở thành trụ sở hành chính cho ba vùng do quân đội Mỹ, Anh và Pháp chiếm đóng. Trong cuộc bầu cử chọn thủ đô liên bang, Frankfurt đã thất bại sát sao trước Bonn là thành phố được ưa chuộng của cựu thủ tướng Đức Konrad Adenauer.

Ngày nay Frankfurt là một trong những trung tâm tài chính quốc tế và là trung tâm công nghiệp, thương mại, được liệt kê trong danh sách các thành phố khác trên thế giới về lãnh vực kinh tế. Frankfurt là trụ sở của Ngân hàng Trung ương Châu Âu (EZB), Ngân hàng Liên bang Đức (Deutsche Bundesbank), có thị trường chứng khoán Frankfurt, nhiều tổ chức tài chính (bao gồm các ngân hàng Đức như Commerzbank, DZ Bank, KfW) và Messe Frankfurt (Hội chợ Frankfurt thí dụ về xe hơi và sách báo).

Ngoài ra Frankfurt còn được xem là trung tâm giao thông quốc tế. Phi trường Frankfurt là một trong những phi trường lớn nhất tại Châu Âu. Các nhà ga xe lửa chính là một ngã ba của trung tâm đường sắt. Những xa lộ nhiều „spuren“ tại vùng Frankfurt là trục giao thông bận rộn nhất của nước Đức và Châu Âu để nối liền từ Đông sang Tây, từ Nam lên Bắc trong việc vận chuyển hàng hoá. Song vào đó, Frankfurt còn có hệ thống Internet lớn nhất để trao đổi dữ kiện lên mạng trên toàn thế giới.

Ngoài ra, một tính năng đặc biệt của thành phố Frankfurt là được xem như đường chân trời của thành phố (Skyline der Stadt). Bởi vì thành phố có nhiều tòa nhà cao tầng nhất ở Châu Âu, Frankfurt đôi khi còn được gọi là một Mainhattan như ở New York.

Frankfurt còn được xem là thành phố du lịch mà du khách không thể nào bỏ qua một số thắng cảnh sau đây:

1) Đại Thi Văn Hào Johann Wolfgang Goethe



Tượng Johann Wolfgang Goethe.

Khi đến thành phố Frankfurt am Main, một nơi mà du khách không thể nào bỏ qua trong chuyến du lịch là viện bảo tàng và bức tượng của đại thi văn hào Đức: Ông Johann Wolfgang Goethe. Trên toàn thế giới, ngay cả tại Việt Nam, hầu như đại đa số người dân nhất là giới thanh niên sinh viên đều biết đến Học viện Goethe về ngôn ngữ học.

Johann Wolfgang Goethe là một trong những vĩ nhân của nền văn chương thế giới. Ông ta là một đại thi hào, nhà viết kịch, tiểu thuyết gia, nhà văn, nhà khoa học, họa sĩ của Đức.

Johann Wolfgang Goethe sinh ngày 28 tháng 8 năm 1749 tại thành phố Frankfurt trong gia đình có 5 anh chị em. Mẹ của ông tên là Catharina Elisabeth Textor xuất thân từ một gia đình giàu có, là con gái của Thị trưởng thành phố cũng là một luật gia có tiếng tăm, có văn phòng luật sư tại trung tâm thành phố Frankfurt. Cha của ông tên là

Johann Caspar, là con trai của một thợ may thời trang giàu có, khá nổi tiếng. Mặc dù là một luật gia, nhưng ông không kiếm tiền với nghề này mà sống nhờ vào tiền lời từ của cải mà cha ông đã để lại.

Thời niên thiếu của ông, cha ông và các gia sư đã dạy cho ông các bài học của tất cả các môn học phổ thông, đặc biệt là các ngôn ngữ như La Tinh, Hy Lạp, Pháp và tiếng Anh. Ông cũng được học khiêu vũ, cưỡi ngựa và đấu kiếm.



Ngôi nhà của gia đình Goethe, nơi Johann Wolfgang Goethe đã được sinh ra và lớn lên.

Theo mong muốn của người cha, từ năm 1765 đến năm 1767, ông theo học ngành Luật tại đại học ở Leipzig. Tại đây, ông cho ra thi phẩm lớn đầu tiên "Annette" với 19 bài thơ mà ông đã gom góp trong 2 năm. Trong một cuộc khủng hoảng về sức khỏe và tâm thần, ông đã đốt cháy phần lớn những bài thơ của ông vì ông nghi ngờ tài năng thơ ca của mình.

Vào tháng bảy năm 1768 ông bị bệnh sung phổi và chứng xuất huyết. Vào ngày sinh nhật thứ 19 của mình, ông rời thành phố Leipzig để trở về Frankfurt. Vào tháng 12, vì mắc phải chứng bệnh

nan y, thập tử nhất sinh đã xuất phát tại Leipzig, nên bấy giờ ông thích nghiên cứu và đào sâu về tôn giáo. Trong thời gian đó, ông đã cho ra đời tập thi ca về Trăng được gọi là "To the Moon" (sau này gọi là: "Tại Luna") cũng như một kịch nghệ hài hước đầu tiên của mình với tựa đề "Các đồng phạm".

Vào đầu tháng 4 năm 1770, Johann Wolfgang Goethe tiếp tục học Luật tại đại học Strassburg. Ông đã nhận bằng tiến sĩ Luật nhưng vì trong luận án tiến sĩ của ông có đoạn viết về tà quyền không thích hợp với giáo lý của tôn giáo thời bấy giờ nên văn bằng tiến sĩ của ông đã bị chính thức khước từ.

Vào mùa thu, ông quen với cô Frederike ở Alsace tại Sesenheim, con gái của giáo sĩ Brion. Ông đã yêu cô ấy đồng thời sáng tác nhạc phẩm Sesenheimer.

Goethe là một trong những gương mặt điển hình của văn chương Đức đã thoát khỏi trường phái cổ điển Weimar ở Đức trong cuối thế kỷ 18 và đầu thế kỷ 19. Sự đoạn tuyệt này cũng trùng hợp với thời kỳ khai sáng và chủ nghĩa lãng mạn.

Mặc dù thời thanh niên ông bị những chứng bệnh trầm trọng nhưng ông là người sống thọ nhất trong gia đình. Johann Wolfgang Goethe mất vào ngày 22.03.1832, hưởng thọ 83 tuổi.

Goethe đã để lại cho hậu thế một câu nói bất hủ „Dân chủ không đi những bước nhanh, nhưng nó sẽ đi chắc chắn đến đích“ (Die Demokratie rennt nicht, aber sie kommt sicherer zum Ziel). Khi ông qua đời (16 năm sau) , vào khoảng năm 1848-49, dân chủ đã bắt đầu hiện hữu trên đất nước ông.

2) Römerplatz:

Một trong những địa điểm nổi tiếng của thành phố Frankfurt am Main là Römerplatz: Römer có nghĩa là La Mã. Platz có nghĩa là chỗ. Ngày nay trên đài truyền hình tại Đức cũng như trên thế giới thường trình chiếu đến khu vực và các toà nhà Römer này.

Đây nhà Römer được sử dụng như Toà Thị sảnh thành phố Frankfurt am Main kể từ 600 năm trở lại đây. Đây là toà nhà lâu đời và đẹp nhất của Đế chế Cộng hoà cho đến nay.

Vào ngày 11 tháng 3 năm 1405 khi bộ máy hành chính thành phố Frankfurt cần một tòa nhà mới, hội đồng thành phố đã mua lại hai căn nhà của dân có tên là *Römer* (La Mã) và *Goldner Schwan* (Thiên nga vàng) thuộc trung tâm thành phố Frankfurt thời bấy giờ để dời Toà thị chính từ quảng trường Römerberg về đó.



Toà thị chính Frankfurt thường được trình chiếu trên các đài truyền hình. Căn nhà chính giữa dùng làm Sở Hộ tịch thành phố

Ở ngôi nhà giữa Römer, phía trên ban công là tượng của 4 vị hoàng đế, 2 huy hiệu của thành phố, một đồng hồ và một bảng thông tin về ngôi nhà.

Bốn vị hoàng đế đó là *Friedrich Barbarossa*, vị hoàng đế đầu tiên được bầu tại Frankfurt là năm 1152; hoàng đế *Ludwig* người Bayern, người đã cho phép mở rộng thành phố và mở rộng quyền tổ chức hội chợ vào năm 1330; hoàng đế *Karl IV* là người đã xác nhận thành phố Frankfurt là nơi bầu hoàng đế (1356) và người thứ tư là *Maximilian II*, hoàng đế đầu tiên đăng quang trong nhà thờ lớn Frankfurt (1562).



Römerberg thuộc khu Römerplatz đối diện với Toà Thị Sảnh thành phố.

Cũng như mặt ngoài kiểu Tân Gothic, ban công ở nhà giữa Römer chỉ được xây thêm trong đợt tái kiến trúc vào năm 1900. Ngày nay cũng như trong lịch sử, ban công này được xem là một bực danh dự không những dành riêng cho thành phố Frankfurt mà còn cho toàn nước Đức.

Trong những năm gần đây, ban công đã được dùng để vinh danh các đội thể thao đoạt giải vô địch thế giới như: đội nữ bóng đá Đức vô địch thế giới năm 2003, đội túc cầu nam quốc gia Đức khi vào chung kết vô địch túc cầu thế giới năm 2002, cũng như đội bóng quốc gia Đức

đoạt giải vô địch thế giới vào năm 2014 vừa qua.

Vào thập niên 60, ngày 25.06.1963, cố Tổng Thống Mỹ John Kennedy có câu nói bất hủ khi đến viếng thăm thành phố Bá Linh khi còn bị chia đôi "**Ich bin ein Berliner**" cũng đã đến thành phố Frankfurt am Main thăm viếng khu Römerplatz, nhà thờ Paulkirche. Nơi đây, khu Römerberg, Tổng Thống Kennedy đã được dân chúng Đức chào đón thật nồng nhiệt.

3) Chợ Giáng Sinh (Weihnachtsmarkt)

Nói đến quốc gia Đức, nhất là thời gian trước tết dương lịch mà không đề cập đến chợ Giáng sinh thật là một thiếu sót.

Thật vậy, Đức quốc là xứ của chợ Giáng sinh (Weihnachtsmarkt) được bắt đầu vào tuần lễ cuối tháng 11 đến ngày 23 tháng 12 để người dân có dịp mua sắm cho mùa Giáng sinh tăng thêm phần vui tươi vào mùa Đông băng tuyết.

Về nguồn gốc, chợ Giáng sinh bắt đầu xuất hiện từ cuối thời kỳ Trung Cổ vào khoảng thế kỷ 14. Tại Đức, các chợ Giáng sinh vào thời kỳ đầu có thể kể tới chợ Giáng sinh ở thành phố Dresden tại Đông Đức, được tổ chức vào năm 1434. Cho đến nay chợ Giáng sinh vẫn là nét văn hóa truyền thống đặc thù của Đức, Áo và Đông Bắc Pháp trong mùa Giáng sinh cũng như được phổ biến đến nhiều quốc gia khác trên thế giới.

Tại Frankfurt, chợ Giáng sinh kéo dài từ bờ sông Main - cầu Eisener Steg (cây cầu của tình yêu) chạy đến Römerplatz, rồi đến khu nhà thờ Paulkirche, tiếp tục đến con đường buôn bán Zeil ở trung tâm thành phố, khu Hauptwache...



*Chợ Giáng sinh tại khu Römerplatz,
Frankfurt*

Mỗi năm có khoảng 3 triệu người từ các tiểu bang, các quốc gia trên khắp thế giới đến thăm viếng trong mùa Giáng sinh. Gần khu chợ Giáng sinh có rất nhiều xe buýt tân tiến 2 tầng, mang bảng số của các quốc gia trong Liên minh Châu Âu (EU) đã chở đầy du khách đến Frankfurt thăm viếng.

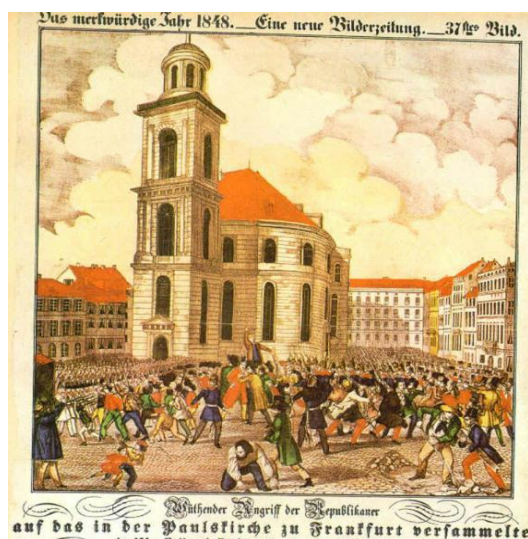
Các gian hàng trong chợ Giáng sinh thường là những quầy hàng được đóng ráp bằng gỗ. Tại Frankfurt, trước sân nhà thờ Thánh Phao Lô, "Paulkirche" có căn nhà gỗ 2 tầng, rất lớn, được chuyên chở đến lắp ráp để bán mật ong nguyên gốc được sản xuất. Những mặt hàng khác thường được bày bán tại các rạp.

Ngoài bên cạnh các mặt hàng trang trí cho Giáng sinh, các mặt hàng thủ công truyền thống, còn phải kể tới rượu vang được hâm nóng (tiếng Đức: *Glühwein*) với quế, hồi, đinh hương cùng chung với những lát cam khô thơm phức. Loại rượu vang hâm nóng được bán trong các cốc nhỏ bằng sành, bằng ly chai, để khách có thể vừa đi thăm chợ vừa uống rượu vang nóng dưới trời tuyết rơi lạnh buốt. Du khách cũng có dịp thưởng thức món xúc xích nướng bằng than gỗ, ăn với bánh mì hay khoai tây chiên. Ngoài ra du khách thích đứng chung quanh

bên các cái chòi (Hütte) cho ấm vì chính giữa có cái vỉ sắt với đường kính 1m được treo trên đồng lửa than hồng để xào gan heo, bò, gà tây chung với hành tây, ớt tươi có mùi thơm ngon bốc lên ngào ngạt. Khách đứng chung quanh chưa ăn cũng đã thấy đói bụng rồi. Tại Römerplatz có cây thông Giáng sinh rất cao với giàn đèn điện sáng rực tạo thêm phần ấm cúng. Trước cửa ngôi nhà Römer có bục gỗ để trình diễn những hoạt cảnh Giáng sinh, hầu hết là đờn ca hát múa của các ban nhạc dân gian.

4) Nhà thờ Paulskirche và Hiến Pháp Dân Chủ Cộng Hoà Đế Chế Đức

Một trong những địa điểm du lịch mà khách thập phương trên thế giới đến Frankfurt viếng thăm là nhà thờ Paul (Paulskirche) nằm kế bên Römerplatz. Nơi đây đã đánh dấu những dấu mốc lịch sử khởi đầu cho các nền dân chủ cộng hoà tại Đức quốc. Thiết nghĩ rằng chúng ta thuộc cộng đồng người Việt tỵ nạn cộng sản tại Frankfurt và vùng phụ cận cũng nên hiểu rõ để hướng dẫn bà con, thân hữu từ xứ khác đến, thăm viếng cho biết.



Cách mạng vào tháng 3 năm 1848 tại nhà thờ Paulskirche ở Frankfurt

Vào tháng 2 năm 1848 cuộc cách mạng bên Pháp xảy ra. Vào tháng 3 năm 1848 khắp các quốc gia trong Liên minh Đức cũng khởi sự cuộc cách mạng.

Đó là những cuộc đấu tranh của tư sản chống phong kiến, đã diễn ra mạnh mẽ. Nhà vua Friedrich Wilhelm IV, ngày 21 và 22 tháng 3 năm 1848 đã phải thỏa hiệp với giai cấp tư sản và tuyên bố sẽ xây dựng Hiến pháp chung cho đế chế Đức Phổ. Cuộc cách mạng này thích ứng thực tế của mỗi tương quan quyền lực trong Liên minh Đức.

Vào ngày 28.03.1849, một Đại hội Liên bang tại nhà thờ Paulskirche ở Frankfurt trong giai đoạn cách mạng được thực hiện để thành lập một Hiến pháp của Đức. Đó là Hiến pháp Đế chế Frankfurt (FRV=Frankfurter Reichsverfassung) và cũng được gọi là Hiến Pháp Nhà Thờ Paul "Paulskirchenverfassung" của Liên minh Đức.

Hiến Pháp này thể hiện một Đế chế Cộng hoà Dân Chủ đầu tiên của nền Quân chủ Lập hiến làm tiền đề cho những Hiến pháp được ban hành sau này.

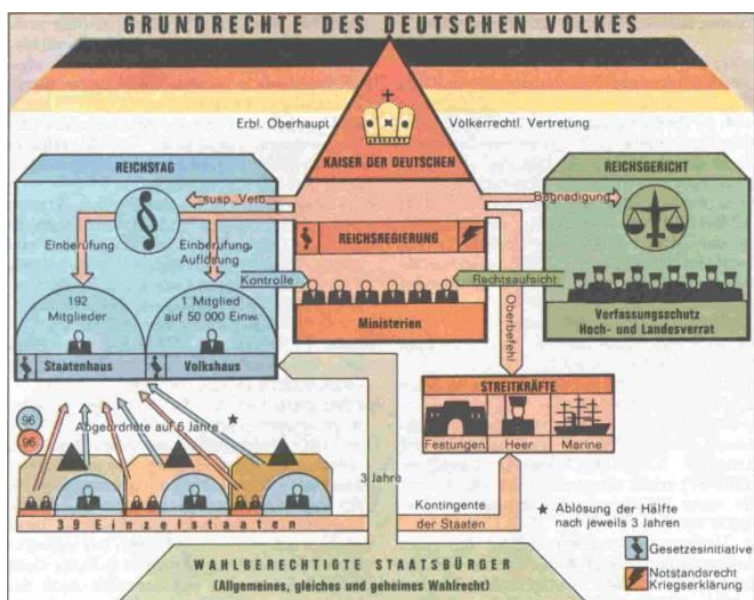


Cuộc cách mạng tại Bá Linh vào 18 tháng 3 năm 1848.

Tuy nhiên, mặc dù Hiến pháp FRV được ban hành, nhưng nó không được thực thi bởi vì các quốc gia lớn của Liên

minh Đức không chấp nhận, vì sự tranh giành quyền lực giữa Phổ và Áo chưa chấm dứt.

Sau đây là Hiến Pháp Đế Chế Cộng Hoà Đức của Nền Quân Chủ Lập Hiến đầu tiên năm 1849.



Die Reichsverfassung der Frankfurter Nationalversammlung von 1849

Chú thích:

Grundrechte der Deutschen Volkes: Các quyền căn bản của dân chúng Đức.

Kaiser der Deutschen: Hoàng đế Đức (Hành pháp)

Reichsregierung: Chính quyền Đế Chế

Ministerien: Cấp Bộ

Begnadigung: Sự ân xá

Reichsgericht: Toà án Đế chế (Tư Pháp)

Verfassungsschutz: Viện Bảo hiến

Hochverrat, Landesverrat: Sự phản quốc

Reichstag: Quốc Hội Đế chế (Lập pháp)

Einberufung: Sự triệu tập

Auflösung: Sự giải thể

Kontrolle: Sự kiểm soát

Mitglieder: Thành viên (Dân biểu)

Einw. (Einwohner): Cư dân

Staatenhaus: Thượng viện ngày nay được đề cử từ các Tiểu bang. Nhiệm kỳ mỗi dân biểu là 6 năm.

Volkshaus: Hạ viện ngày nay được bầu mỗi 3 năm

Wahlberechtigte Staatsbürger: Công dân có quyền bầu cử

Allgemeines, gleiches und geheimes Wahlrecht: Quyền đầu phiếu kín, bình đẳng và phổ thông

39 Einzelstaaten: 39 quốc gia (ngày nay gọi là tiểu bang)

Oberbefehl: Tổng Tư lệnh

Streitkräfte: Những lực lượng quân sự

Festungen: Các đồn bót, căn cứ

Heer: Lục quân

Marine: Hải quân

Notstandsrecht Kriegserklärung: Quyền tuyên bố tình trạng chiến tranh

Gesetzesinitiativ: Dự thảo luật, soạn thảo luật

Gesetzauaufsicht: Giám sát Tài phán

Frankfurt, Xuân Ất Mùi 2015
Xứ Việt

Dr. Walter Wallmann†

**Thị trưởng thành phố Frankfurt,
từ 15.06.1977 - 05.06.1986**

Tạ Công Thành

Dr. Walter Wallmann sinh ngày 24.09.1932 tại một làng nhỏ gần thành phố Uelzen miền bắc nước Đức. Ông là nhà giáo trường Realschule và là người thiên chúa giáo rất sùng đạo đã ảnh hưởng đến suy nghĩ và lối sống của ông rất nhiều. Ngoài ra bố ông rất thán phục nhà chính trị gia Gustav Stresemann, bộ trưởng bộ ngoại giao thời Weimar Republik, sự kiện này đã tạo một ảnh hưởng lớn cho sự dần thân vào con đường chính trị của ông. Từ lúc trẻ, ngoài gia đình thì nhà thờ, đảng phái, và chính quyền đối với ông là những cơ cấu quan trọng trong xã hội mà sau này ông đã tìm cách duy trì và ảnh hưởng ấy đến những sinh hoạt trong suốt quá trình làm chính trị gia. Khi bé ông rất ham mê đá banh và đã là trung phong của đội banh Sperber tại Uelzen, với đam mê đó ông vẫn thường vào phòng giải lao của đội banh Eintracht Frankfurt để cổ vũ tinh thần cầu thủ khi phải thi đấu những trận then chốt.

Ông bắt đầu đại học tại Marburg và kết thúc với hai mảnh bằng, đó là luật khoa và công pháp hành chính. Luận án ra trường tiến sĩ của ông với tiền đề "Những khó khăn của giáo chức khi trùng phạt học sinh trên quan điểm của luật hình sự" đã làm tranh cãi sôi nổi trong giới luật sư vào thời đó.

Vào năm 1966 ông được bầu vào quốc hội của tiểu bang Hessen. Hai năm sau đó, năm 1968 ông được bầu làm trưởng

khởi của đảng dân chủ thiên chúa giáo, CDU trong vai trò đối lập tại tiểu bang Hessen (từ năm 1945 đến 1987, 42 năm dài, chính phủ tiểu bang Hessen là do đảng xã hội dân chủ, SPD cầm quyền).

Vào nghề năm 1967 với chức vụ thẩm phán tại thành phố Kassel và chức vụ nghề nghiệp cuối cùng cũng là chức thẩm phán tại thành phố Gießen trước khi ông bắt đầu hoạt động chính trị cho đảng CDU toàn thời gian.

Vai trò của ông Dr. Walter Wallmann trong đảng CDU càng quan trọng hơn khi ông được bầu vào quốc hội liên bang vào năm 1972 và trở nên nổi bật khi ông kịch liệt chỉ trích chính sách mềm yếu của thủ tướng Willy Brandt (SPD) khi chấp nhận liên hệ ngoại giao với chính phủ Đông Đức dưới phương châm "chuyển hoá qua tiếp cận"(Wandels durch Annäherung", thay vì khước từ và cô lập Đông Đức như quan điểm của đảng CDU lúc bấy giờ.

Khi thủ tướng Willy Brandt phải điều trần trước quốc hội về việc một cộng sự viên thân cận của mình - ông Günter Guillaume bị vạch trần là nhân viên tình báo của cộng sản Đông Đức - thì ông Dr. Walter Wallmann được chỉ định làm chủ tịch của ủy ban điều tra vụ gián điệp xâm nhập vào phủ thủ tướng. Cuối cùng vào ngày 07.05.1974 thủ tướng Willy Brandt phải từ bỏ chức vụ thủ tướng liên bang.

Qua những thành tích trên Dr. Walter Wallmann được những người trong đảng CDU đánh giá là một người có nhận định chính trị sâu sắc, không thành kiến, khôn khéo trong việc điều hành nên ông đã được uỷ thác làm giám đốc điều hành của đảng CDU trong quốc hội. Để trả lời cho những thành công như ở trên ông chỉ khiêm nhường trả lời vì có cơ may làm trong uỷ ban điều tra nên có thời giờ đọc những bản tường trình và thêm kiến thức về luật công pháp hành chính từ xưa nên ông dễ hoàn thành công tác giao phó.

Từ thành tích trong quốc hội liên bang ông được đảng CDU đề cử ra ứng cử chức thị trưởng thành phố Frankfurt vào năm 1977, tại đây ông đã bị vị đương kiêm thị trưởng Rudi Arndt, của đảng SPD đề cử là "nhà chính trị vô danh từ một làng nhỏ bé" (politischer Nobody aus der Provinz), cốt ý ám chỉ là ông Dr. Walter Wallmann là người thiếu kinh nghiệm điều hành một thành phố lớn như Frankfurt. Để trả lời cho sự đề cử trên, ông Dr. Walter Wallmann đã lấy phương châm (slogan) "Người với khối óc và con tim"(Mann mit Verstand und Herz) trong cuộc tranh cử của ông. Cuối cùng vào ngày 20 tháng 3 năm 1977 ông Dr. Walter Wallmann đã được bầu làm thị trưởng thành phố Frankfurt, một thành phố luôn được đảng SPD nắm giữ trong suốt 30 năm

Với đà thắng cử chức vụ thị trưởng ở Frankfurt của Dr. Wallmann thuộc đảng CDU (1977), nhưng mãi đến 10 năm sau (1987), ông Dr. Walter Wallmann mới lấy được ghế Thống Đốc tiểu bang Hessen sau nhiều năm do đảng SPD cầm quyền tại đây. Đây là một kỳ công lớn của ông Dr. Walter Wallmann mang lại cho đảng CDU tại tiểu bang Hessen và cũng là bậc thang lớn cho sự cầm

quyền của đảng CDU trong tiểu bang Hessen sau này.

Khi lên nhậm chức thị trưởng của thành phố Frankfurt ông đã phát biểu như sau: [...]

Ich versichere am Anfang meiner Amtszeit, daß ich mich gegenüber allen Bürgerinnen und Bürgern in der Verantwortung weiß. Ich werde das Amt des Oberbürgermeisters aller Bürger sein.[...]

Frankfurt am Main muß ein Beispiel geben für die Überwindung von Indoktrination, Intoleranz und politischem Extremismus. Von unserer Stadt muß der entschlossene politische Wille zu liberaler Erneuerung ausgehen.[...]

Ein weiteres wichtiges Feld unserer Politik wird die planvolle Entwicklung Frankfurts sein, und ich meine das im weitesten Sinne. Wer mit Menschen von außerhalb spricht, erlebt ja oft genug in geradezu erschreckender Weise, welche negative Vorstellungen mit dieser Stadt verbunden werden. Politischer Radikalismus, Kriminalität, um nur diese zu nennen, sind Worte, die wir immer wieder hören.[...]

*(1) Xin xem phần chuyển dịch bên dưới,
(BBT)*

Nhìn lại và so sánh những phát triển tại thành phố Frankfurt thì nhiều người phải nhìn nhận là thành phố Frankfurt đã phát triển theo chiều hướng mà ông Dr. Walter Wallmann đã phát hoạ khi nhận chức thị trưởng thành phố. **Đó là sự phóng khoáng, ít có những xu hướng chính trị cực hữu, đã kích người ngoại quốc tại Frankfurt.**

Phi trường Frankfurter West (Startbahn West) đã được tiến hành xây dựng

thành công, thành phố Frankfurt bây giờ đã không còn bị mang tiếng là thành phố vốn nổi tiếng vì tội phạm như xưa, khu phố đèn đỏ Kaiserstrasse cũng đã bị thu hẹp lại dần, những viện bảo tàng dọc theo bờ sông Main đã mọc lên trong thời ông làm thị trưởng tại đây.

Sau khi rời bỏ chức vụ thị trưởng của thành phố Frankfurt, năm 1986, Dr. Walter Wallmann được đề cử vào nội các của thủ tướng Helmut Kohl và là người đầu tiên nhận lãnh chức vụ bộ

trưởng bộ bảo vệ môi sinh và an toàn cho nhà máy hạt nhân.

Đối với người Việt ty nạn cộng sản thì ông Dr. Walter Wallmann đã xúc tiến việc nhận người Việt ty nạn cộng sản một cách nhân đạo không lựa chọn vào dịp giáng sinh năm 1978. Ông đã phát biểu vào ngày 19 tháng 02 năm 1979 khi tiếp đón những người Việt ty nạn đầu tiên tại phi trường Frankfurt như sau: "Wir wollen unseren neuen Bürgern gute Nachbarn sein".



Qua lời phát biểu như trên đã cho thấy thái độ hành xử rất khiêm nhường của ông đối với người ty nạn khi đến Frankfurt, ông đã coi họ như là công dân mới của thành phố Frankfurt, không phân biệt giàu hay nghèo, cũ hay mới. Đó là một chính trị gia lớn với tấm lòng vị tha và khiêm nhường.

Dr. Walter Wallmann qua đời vào ngày 21.09.2013, hưởng thọ 81 tuổi.

Xin cảm ơn nước Đức đã tạo ra những người như ông Dr. Walter Wallmann.

(Viết dựa theo sách Frankfurts Oberbürgermeister von 1945 - 1995
Gebundene Ausgabe – 23. Mai 2012 von Hoffmann Hilmar)

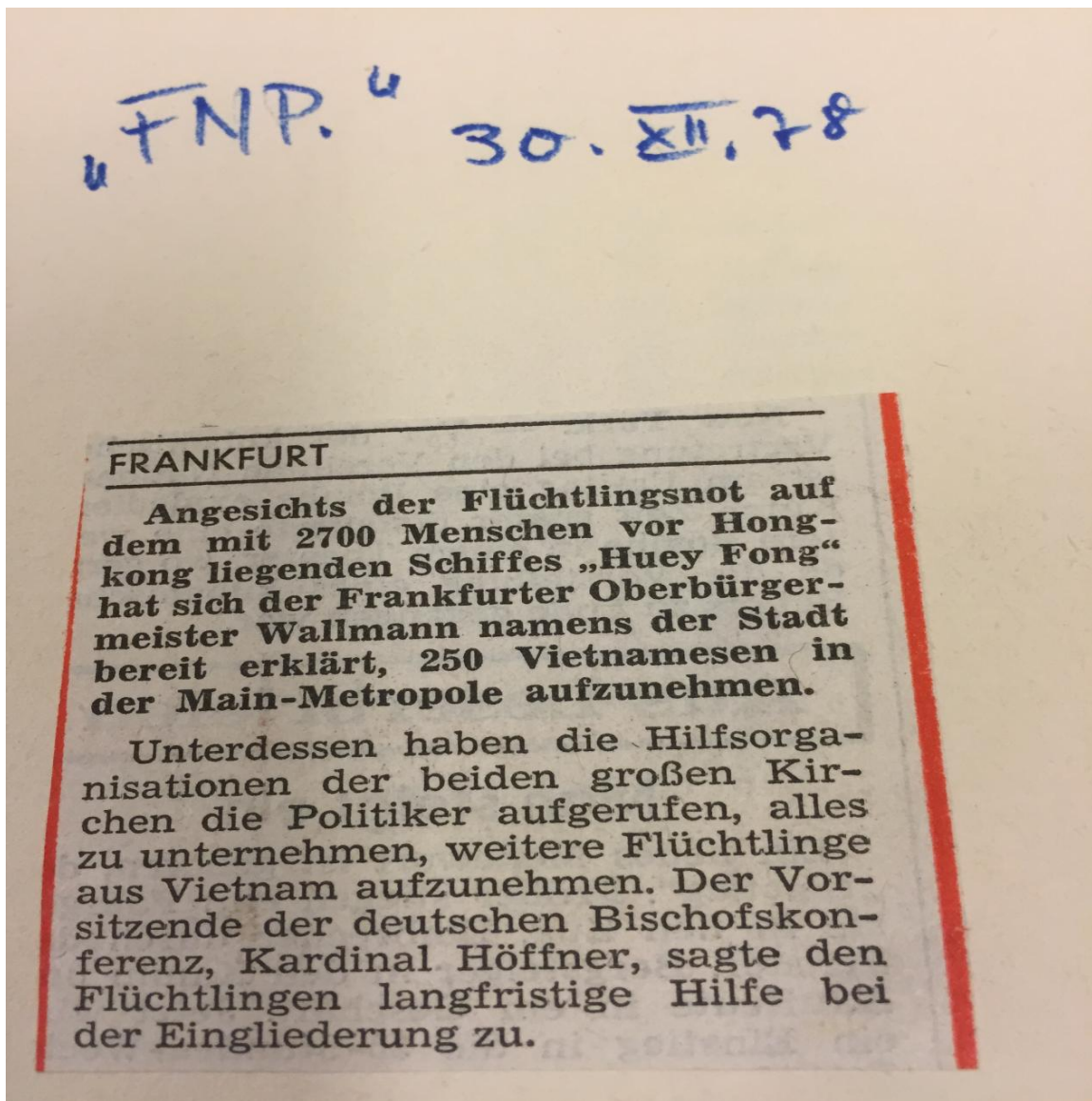
Tạ công Thành

(1) Chuyển dịch (BBT):

Khởi đầu nhiệm kỳ của tôi, đầu tiên, trước toàn thể đồng bào, tôi xin long trọng tuyên hứa sẽ làm tròn trách nhiệm trên cương vị Thị Trưởng của thành phố Frankfurt [...]

Thành phố Frankfurt phải là một mô hình tiêu biểu để khắc phục, vượt qua được những học thuyết mang đầy tính chất giáo điều, thiếu bao dung độ lượng và một đường lối chính trị đầy tính cách cực đoan. Thành phố của chúng ta quyết tâm phải có một chuyển hướng chính trị đặt trên căn bản phóng khoáng và bao dung [...]

Một khuynh hướng vô cùng quan trọng trong đường lối chính trị của thành phố chúng ta là từ nay Frankfurt phải có một chương trình phát triển quy mô, tôi muốn nói đến một sự phát triển trong ý nghĩa sâu xa rộng rãi nhất của nó. Nếu quý vị tiếp chuyện với một ai đó ở bên ngoài, quý vị thường sẽ bật ngửa trước những nhận thức khá tiêu cực về thành phố của chúng ta: đường lối chính trị cực đoan, thành phố đầy dẫy tội phạm.....đây chỉ là một vài thí dụ điển hình mà chúng ta thường phải nghe [...]



Vài cảm nghĩ nhân lễ truy điệu

Dr. Ernst Albrecht †

Nguyễn hữu Mỹ Nga

BBT: *Dr. Ernst Albrecht là Thống Đốc tiểu bang Niedersachsen từ năm 1976 cho đến năm 1990. Trong nhiệm kỳ kéo dài 14 năm của ông đã xây ra khá nhiều biến cố lịch sử, trong đó có định mệnh của thuyền nhân Việt Nam.*

Những bông tuyết đang xoáy vòng vòng trên không theo cơn gió đập vào khung cửa sổ gây ra những tiếng động nhẹ....Gió vẫn thổi, tuyết vẫn rơi, các mái nhà trong làng phủ một lớp tuyết trắng xóa càng tăng thêm màu trắng đục của bầu trời nặng trĩu mây tuyết. Nếu hôm thứ hai vừa qua, ngày 22 tháng 12 năm 2014, trời cũng đổ tuyết như ngày hôm nay, 3 ngày sau lễ Giáng Sinh, có lẽ chúng tôi không thể nào lái xe đến Hannover, cách nhà hơn 800 km đi về, để tham dự buổi lễ truy điệu vị Thống Đốc đáng kính của tiểu bang Niedersachsen thuộc miền Bắc Đức được. Ngày hôm đó, thời tiết cũng thật xấu như hôm nay nhưng chưa đủ lạnh nên chỉ mưa, mưa suốt đoạn đường dài....

Xe vào đến thành phố Hannover, một trong những thành phố lớn của Đức nổi tiếng với những cuộc triển lãm quốc tế như Cebit (Centrum für Büro- und Informationstechnik). Hai bên xa lộ dẫn vào thành phố là khu vực triển lãm thật rộng lớn. Vì sợ kẹt xe bắt từ trên xa lộ, nhất là xa lộ số 7 mới mở cửa lại sau mấy ngày đóng cửa vì một xe vận tải chuyên chở chất hóa học nghe nói khá độc hại bị lậtĐến sớm hơn giờ khai mạc hơn 1 tiếng nên chúng tôi dự định lái quanh một vòng quanh thành phố, không ngờ đường nào đường nấy kẹt

cứng, thôi đành kiếm chỗ đậu xe gần gần nhà hát lớn, nơi tổ chức lễ truy điệu.

Thò đầu ra cửa xe, chồng tôi vừa chỉ tay vào con đường dẫn vào chỗ đậu xe của nhà hát lớn đang bị hàng rào cản cấm vào, vừa lên tiếng hỏi đường ông cảnh sát mặc quần áo màu đen:

- Chúng tôi muốn vào đậu trong Garage của nhà hát lớn, có được không ?

Nhìn chiếc cà vạt đen của chồng tôi, có lẽ ông cảnh sát cũng đoán ngay là khách đến dự lễ truy điệu nên ông ta chỉ tay vào một ông cảnh sát khác đứng cách đó không bao xa:

- Ông bạn đồng nghiệp của tôi sẽ mở cửa cho ông, chào ông !

Nhìn quanh khu vực nhà hát lớn lúc đó tôi mới thấy là cảnh sát mặc đồng phục đen đứng rải rác khắp nơi. Lễ truy điệu do chính phủ tiểu bang tổ chức có khác, chốc nữa thế nào cũng có các quan khách thuộc thành phần chính phủ đến tham dự...Chúng tôi lái xe chậm chạp đến trước cổng vào Garage của nhà hát lớn. Một nhân viên thuộc ban tổ chức tay cầm sẵn xấp thẻ đậu xe đứng cạnh cổng dơ tay ra..... Chồng tôi vừa định quay ra băng sau lấy tấm thiệp mời tham dự lễ thì ông ta đã vội lên tiếng:

- Ông không cần đưa giấy mời đâu, tôi tin ông ! Thẻ đậu xe đây, ông lái xuống

hầm, quẹo phải ông sẽ thấy chỗ đậu xe đã dành riêng cho khách đến dự.

o O o

Thật cẩn thận chu đáo quá, tôi không khỏi thâm phục và mừng thâm trong lòng, vì cứ đình ninh sẽ phải cuộc bộ cả cây số dưới cơn mưa phùn lát phát với từng cơn gió thổi xoáy người để về đến nhà hát lớn.

Anh trưởng đoàn tên H. có dặn chúng tôi tập hợp trước nhà hát lớn vào lúc 13:30, chờ mọi người trong phái đoàn VN đến đông đủ rồi sẽ đi cùng với Dr. Neudeck vào bên trong. Trời nhiều gió nên chúng tôi không đứng bên ngoài chờ như lời dặn mà đành đi thẳng vào, đứng trong hành lang của nhà hát lớn chờ phái đoàn như đã hẹn ước. Một vài người VN cũng đã đến, tuy chưa quen biết nhau nhưng chúng tôi cũng tay bắt mặt mừng...Đồng hương, đồng cảnh, đồng tâm sự nên dễ bắt chuyện!

Khi anh H. cúi vào tay chúng tôi một mảnh giấy xếp chỗ ngồi cho từng người trong phái đoàn, anh bảo nhỏ:

„Gia đình ông Albrecht xếp cho phái đoàn VN chúng ta hai hàng ghế 7 và 8, sát ngay sau lưng hàng ghế từ 1-6 dành cho gia đình tang quyến....Tôi nhận tin qua điện thoại của BTC tối hôm qua mà cảm động quá! „

Sự sắp xếp đó đã nói lên tấm lòng của gia đình người quá cố dành cho người Việt ty nạn chúng ta. Vì quyết định đứng ra thu nhận 1000 người VN trong mùa Giáng Sinh của năm 1978 của vị Thống Đốc quá cố Albrecht cũng là quyết định chung của gia đình ông, như trong bài diễn văn của ông cựu thủ tướng Münterfering thuộc đảng đối lập SPD, đọc trong buổi lễ kỷ niệm 35 năm con tàu Cap Anamur, tổ chức ở Hamburg trong tháng 8/2014 vừa qua.

[...]Mùa Giáng Sinh năm 1978, hình ảnh thương tâm của chiếc tàu „Hải Hồng“ dài 50 mét, lênh đênh hết Bangkok đến Singapor vẫn không nước nào cho vào cập bến, nay phải đậu cách 3 dặm trước cảng „Port Kelang“ của Mã lai, trọng tải 1580 tấn với 2517 người VN mà hơn một nửa hành khách là trẻ em, đã được báo chí, truyền hình tường thuật mỗi ngày làm cả nước Đức cũng như thế giới rúng động.

Mùi phân, mùi nước tiểu, mùi mồ hôi bao trùm cả con tàu với bộ mã ri sét bên ngoài như sắp phải phế thải. Hơn 2500 người đứng ngòai chen chúc dưới cái nắng như thiêu đốt của miền nhiệt đới. Trẻ em nhỏ nằm bất động trong vòng tay của cha mẹ. Người nào người nấy ốm nhom, mắt đỏ ngầu như đang lên cơn sốt nặng, ai tìm được một chút bóng mát trên tàu, người đó thật may mắn. Chỉ có vài người là còn sức để nói chuyện...Tất cả đang mỗi mòn chờ đợi được sớm rời khỏi con tàu. Đã hơn một tuần nay, không một ai trên tàu có được bữa cơm cho ra hồn, nước uống cũng thiếu thốn một cách trầm trọng. Người bệnh hay bị thương gãy tay gãy chân không được chăm sóc. Những hàng chữ viết nguệch ngoạc trên tấm vải màu ngà „hãy cứu chúng tôi hay „in great danger“, „please recuse us“ treo lỏng chỏng bên hông tàu.....



Tàu Hải Hồng

Ngày chủ nhật mừng 3 tháng 12 năm 1978, chiếc máy bay quân sự Boeing 707 của Đức đã chở 163 người Việt ty nạn

đầu tiên, bỏ lại sau lưng quãng đời đen tối, đầy lo âu đe dọa, đập xuống phi trường Hannover-Langenhagen.

H.P., ngày đó cô chỉ mới 18 tuổi, là một trong số 163 người Việt, trong đó có 72 trẻ em, đã được tiểu bang Niedersachsen thân nhận trong đợt đầu tiên. Chiếc mền len mỏng mang dấu hiệu DRK (viết tắt tên Hồng Thập Tự của Đức) không đủ ấm để ngăn cái lạnh như cắt của mùa đông nước Đức, nhưng lời chào đón đầy tình người của vị Thống Đốc tiểu bang Niedersachsen, Dr. Ernst Albrecht, đã khiến mọi người có mặt lúc đó ấm lòng, cảm động đến rơi lệ:

„Chúng tôi biết các bạn đã quá căng thẳng, quá lo sợ, đã trải qua bao cực khổ thân xác, chúng tôi rất cảm thông với các bạn, với tất cả những gì các bạn đã cam chịu. Nhưng hôm nay các bạn đã đến đây, đến một đất nước mà các bạn có thể tự do sinh sống, không còn phải phập phồng lo âu bị bắt cứ một ai cưỡng bức“. Câu nói của Thống Đốc Albrecht, 36 năm về trước, H.P. cũng như 162 người còn lại, tuy không hiểu một chữ, nhưng ánh mắt, nụ cười nhân hậu của ông không làm sao cô quên được. Sau này được phóng viên báo chí phỏng vấn, cô vẫn muốn kể lại câu chuyện vượt biển của cô, kể để mọi sự việc không bị rơi vào quên lãng chứ không phải để được đăng hình trên báo như một „nữ anh hùng“.



Dr.
Albrecht (ngồi)

H.P. là người Việt gốc Hoa, được sinh ra và lớn lên ở Sài Gòn, cha mẹ cô có tiệm uốn tóc và một cuộc sống tương đối khá giả, đủ khá giả để công an phường

chiếu cố. Một buổi tối cuối thu năm 1978, cô đã cùng với 4 anh chị em leo lên một chiếc ghe nhỏ, trong túi với vốn vụn 100 đô la và vài chiếc nhẫn vàng. Cha mẹ cô đã trả một giá thật đắt cho nhân viên nhà nước - một nhà nước vốn vẫn lên án tư bản nhưng tham những thì không bút nào tả xiết - để mua tự do cho các con : 12 cây vàng mỗi đầu người. Một chuyến đi đầy bấp bênh, vô định và không biết có còn một ngày được ôm lại cha mẹ trong vòng tay của mình hay không. Nỗi sợ Cộng Sản lớn hơn cả nỗi sợ chết, nỗi sợ hiểm nguy đang rình rập ngoài biển khơi, H.P. chỉ còn biết phó mặc vào số phận.

Sau mấy ngày lênh đênh trên biển, ghe của cô gặp được con tàu „Hải Hồng“. Được cho lên tàu, ít ra cũng tránh được hiểm nguy của sóng gió, của hải tặc, cô tưởng đến được bến bờ tự do, nào ngờ các nước Đông Nam Á như Hongkong, Thái Lan, Singapur, Nam Dương hay Mã Lai ngăn cấm không cho tàu vào bờ. Chẳng nơi nào muốn giang tay đón nhận thuyền nhân. Mã Lai là nước đã đón nhận thuyền nhân VN nhiều nhất nhưng lúc này cũng đãhết chỗ.

Chính phủ Mã Lai ngày ấy nhất định đuổi con tàu Hải Hồng ra khơi, không cho cả nước uống, thức ăn, thuốc men, phó mặc những kẻ khốn khổ sống chết với nắng gió của đất trời. Mã Lai không muốn một mình lãnh đủ cái gánh nặng của thuyền nhân VN, Mã Lai muốn thế giới phải chia xẻ [...].

(trích dịch từ báo Spiegel online)
<http://www.spiegel.de/einestages/boatpeople-aus-vietnam-a-949685.html>)

o O o

Hàng ghê từ 1-6 vẫn còn trống. Trên sân khấu, di ảnh của Dr. Ernst Albrecht chụp lúc còn trẻ được đặt trên giá, dưới chân di ảnh là bó hoa màu đỏ và trắng, đơn giản nhưng thật trang trọng. Hai bức đọc diễn văn, cái thấp, cái cao được đặt xê xê

bên góc phải gần cánh gà của hậu trường. Sau lưng bức diễn vẫn là 3 lá cờ: cờ Âu Châu, cờ Đức và cờ của tiểu bang Niedersachsen. Tấm màn nhung màu xanh đậm phía đằng sau làm nổi bật khung hình của di ảnh với nụ cười thật nhân hậu của người quá cố.

Tấm hình ông Albrecht lúc còn trẻ được chụp thật hay, khuôn mặt không chụp thẳng mà cũng không chụp nghiêng, nên đứng bất cứ ở vị trí nào cũng thấy ánh mắt của ông như đang cười với mình. Nhất là khi ban hợp ca thiếu niên, khoảng từ 10-12 tuổi trở lên, đứng thành mấy hàng bên cánh trái của bức di ảnh, tuy ngồi từ hàng thứ 7 nhưng chúng tôi có cảm giác như ông đang nhìn và mỉm cười với ban hợp ca thiếu nhi của thành phố thuộc hàng cháu chắt của mình. Vì chính ông cũng có đến 34 đứa cháu Nội Ngoại.



Di ảnh Dr. Ernst Albrecht

Hai bên bao lon của nhà hát lớn, những chiếc máy quay phim nhà nghề của đài NDR (Norddeutscher Rundfunk) đang được chỉnh sửa vị trí. Các vị quan khách của chính phủ cũng đã lần lượt vào chỗ ngồi bên tay phải của hàng ghế đầu. Tôi

nhận ra được vài khuôn mặt „quen thuộc“: cựu thủ tướng Schröder và phu nhân của ông. Ông Schröder là người kế vị ông Albrecht trong chức vị thống đốc tiểu bang Niedersachsen ngày trước. Ông Schäuble, đương kim bộ trưởng bộ Tài Chính trong nội các hiện nay của bà thủ tướng Merkel. Ông Schäuble từng bị ám sát hụt cách đây đã khá lâu, sau vụ ám sát hụt ông phải ngồi xe lăn, là một nhà chính trị uyên thâm lỗi lạc rất nổi tiếng của Đức. Tất cả đèn trên trần nhà của nhà hát lớn được thấp sáng nhưng không sáng quá, tạo nên một không khí trang nghiêm nhưng ấm cúng.

Đúng 14 giờ, tang quyền của người quá cố mới lần lượt cùng nhau vào bên trong rạp. Đi lẫn giữa thân nhân là bà Ursula von der Leyen, người con gái thứ ba của ông Albrecht, hiện là đương kim bộ trưởng bộ quốc phòng của Đức. Dáng bà nhỏ nhắn, khuôn mặt không son phấn, bà đi như muốn thu hình sau lưng đảng phu quân của mình. Tuy bà là người con gái đứng hàng thứ ba trong gia đình nhưng vì tên tuổi địa vị của bà trong chính trường quá sáng chói nên tên bà luôn được nhắc đến trong suốt buổi lễ... Quả là một khác biệt với tinh thần Á Châu, tên người con cả không thấy được nhắc đến, mặc dầu tên tuổi và địa vị xã hội của ông ta không có gì phải che đậy.

Buổi lễ truy điệu vị cố Thống Đốc đáng kính được lồng trong âm điệu trầm buồn của dòng nhạc Johann Sebastian Bach, tiếng hát thanh thoát của ban hợp xướng thiếu niên của thành phố xen kẽ giữa những điệu văn của các ông Stephan Weil (đương kim Thống Đốc tiểu bang Niedersachsen), ông Bernd Busemann (chủ tịch quốc hội tiểu bang Niedersachsen), ông Rupert Neudeck (vị ân nhân thứ hai của người Việt, sáng lập

ủy ban „Cap Anamur“) và ông Wolfgang Schäuble (bộ trưởng bộ Tài Chính).

Các ông Weil, Busemann và ông Schäuble đã gửi lời chia buồn đến tang gia, nhắc lại quá trình hoạt động chính trị và xã hội của người quá cố. Một ý tưởng trong bài điều văn của Stephan Weil „Tình yêu tha nhân không thể chỉ thể hiện hạn hẹp trong vòng quốc gia của mình“. Câu nói thật đáng suy gẫm !

Tuy rất ít có cơ hội gặp gỡ như nhiều đồng hương của tôi, nhưng không làm sao tôi quên được dáng dấp gầy gò, đơn giản của ông Rupert Neudeck. Khi nghe ông nhân danh người Việt ty nạn để đọc bài văn điều văn, lòng tôi chợt chùng lại... Ông quý mến và dành nhiều đặc ân cho người Việt chúng ta quá. Xin được phỏng dịch trọn vẹn bài điều văn của ông Rupert Neudeck (sau khi được ông cho phép chuyển ngữ):



Dr. Neudeck đang đọc điều văn trong lễ truy điệu.

Bài phát biểu của Dr. Neudeck

BBT: Dr. Neudeck là sáng lập viên Ủy ban Cap Anamur để cứu thuyền nhân Việt Nam.

Thật là một việc hiếm hoi khi „Ước mơ“ trở thành „ Sự Thật“. Thế mà sự việc đó đã xảy ra. Theo Phúc Âm, „Ước mơ“ ở đây được hiểu như sau: Chỉ có một người nào đó ra tay cứu vớt kẻ

hoạn nạn đang sắp chết đuối trong biển Đông. Và „Sự Thật“ được thể hiện qua văn phòng làm việc của một thống đốc tiểu bang của nước Đức. Ước mơ và Sự Thật đã gặp gỡ nhau. Sự kiện đó quả là những khoảnh khắc ngoạn lệ.

Trước sự ra đi vĩnh viễn của Ernst Albrecht, chúng ta hãy dừng lại giây phút, hãy tự lắng nghe tâm tư, như một lần nữa, cảm ơn người quá cố.

Chúng ta đã được chứng kiến một quãng thời gian thật đặc biệt từ 1978 đến 1986: Cứu vớt giúp đỡ kẻ khốn khó đã trở nên một công tác thiện nguyện nhân đạo của toàn thể dân chúng và chính phủ.

Bởi vì công tác thiện nguyện đó thật hiếm khi xảy ra trong lịch sử của chúng ta, nên hôm nay tôi muốn nhắc lại đôi dòng để trân trọng vinh danh TS Ernst Albrecht.

Chiến tranh VN quả là một trải nghiệm khủng khiếp, ngay cả đối với thế hệ „trẻ“ chúng tôi, những người đã từng một thời bị cuốn theo phong trào phản chiến của những năm 1968....

Những người Cộng Sản Việt Nam từ miền Bắc đã cưỡng chiếm miền Nam và thống nhất hai miền Nam Bắc thành một. Hơn 4 triệu người sau đó đã bị CS tước quyền công dân, tàn nhẫn cách ly họ với xã hội bên ngoài bằng cách nhốt họ vào các trại cải tạo hoặc trại lao động. Cũng chính vì thế mà VN chưa thống nhất được bao lâu thì làn sóng người đổ xô bỏ nước ra đi tìm tự do bắt đầu bùng phát.

Tin tức dồn dập về con tàu mang tên „Hải Hồng“, một chiếc tàu đưa con người vào cõi chết, đã khiến tất cả chúng ta cũng như vị thống đốc tiểu bang Niedersachsen rung động tâm can.

Ông là một nhà chính trị, yêu âm nhạc và rất có lòng tin vào Thượng Đế, làm sao ông có thể chịu đựng trước cảnh thương tâm đó. Ông Albrecht cũng hiểu

rõ ràng, như hiến pháp Đức đã quy định, với cương vị và quyền hạn của Thống đốc tiểu bang, một quyết định của ông có thể cứu vớt được cả ngàn người.

Tàu Hải Hồng với hơn 3000 người, lên đênh từ Bangkok, Singapur cho đến Anambas, không một quốc gia nào cho phép con tàu khốn khổ vào đến hải phận của họ. Không một ai, không một quốc gia nào muốn ra tay cứu vớt những kẻ bất hạnh trên con tàu này. Cũng chính vì thế nên ông Albrecht quyết định thu nhận 1000 thuyền nhân. Ông là một người đầy lòng từ bi nhân ái, không chờ ý kiến các vị có thẩm quyền ở Berlin hay ở Genf có đồng ý chấp thuận hay không, ông biết là phải cứu người ngay lập tức.

Năm 1979, năm có hàng trăm ngàn người Việt tẩu nạn đổ xô ra biển Nam Hải, như những con bọ lao thân vào cối chết „Lemminge“, họ liều mình ra đi trên những con tàu thiếu đủ mọi trang bị hải hành, những con tàu thường chỉ để đi trên sông hay chỉ là những tàu đánh cá ven biển. Tàu nào có được một hải bàn trong tay đã là tốt lắm rồi.

Trong khung cảnh đó, chúng tôi đã bắt đầu công tác cứu vớt thuyền nhân với con tàu Cap Anamur. Người vẫn nổi tiếng với những quyết định mạo hiểm trong các buổi họp của liên bang hay tiểu bang, cá tính đó cũng đã thể hiện qua việc giúp đỡ và làm hậu thuẫn cho công tác thiện nguyện của chúng tôi. Người đó chính là vị Thống Đốc vừa mới qua đời mà chúng ta vô cùng thương tiếc.

Ông đã luôn luôn sẵn sàng dành cho chúng tôi thật nhiều ưu tiên trong việc thu nhận người tỵ nạn. Thường thì ông chia xẻ qua thư, chẳng hạn như: xin chúc mừng các ông mới vớt thêm 386 người ở biển Nam Hải“. Để hiểu rõ tường tận hơn về tình trạng của con tàu có hai cột buồm „Cap Anamur“, nhân một cuối tuần, vợ chồng ông đã mời chúng tôi đến Burgdorf, tư gia của ông

bà, lúc đó vợ ông còn sống. Nhóm chúng tôi đã đến thăm ông bà, có mặt trong ngày hôm đó gồm có một BS của Cap Anamur, ông Franz Alt và cá nhân tôi.

Chúng tôi phải cảm ơn ông. Tất cả người Việt tỵ nạn nghe tin ông qua đời đều rất đau buồn và hôm nay họ đã cử đại diện của họ đến đây để một lần nữa nói lên lòng tri ân đến vị ân nhân vĩ đại - Dr. Albrecht - người đầu tiên của nước Đức đã giang tay cứu vớt họ.

Năm 2010, nhân lễ khánh thành viên đá kỷ niệm để nói lên lòng tri ân của người Việt tỵ nạn đến nước Đức, và đặc biệt là để nói lên lòng tri ân đến ông, chúng tôi đã trân trọng chính thức mời ông đến tham dự buổi lễ. Ngày hôm đó chúng tôi đã rất lấy làm sung sướng khi có ông bên chúng tôi. Đó là lần gặp gỡ cuối cùng của cộng đồng người Việt tỵ nạn với ông, ông không nói gì nhiều, nhưng nụ cười nhân hậu ấm áp của ông đã thay cho ngàn lời nói.

4000 người Việt đã kéo về tập hợp ở bến tàu Hamburg. Họ về đây không chỉ để tỏ lòng tưởng nhớ đến những đồng hương đã bỏ mình trong biển cả trong chuyến đi định mệnh, mà ngày ấy họ đã mạnh dạn, không ngần ngại, cùng nhau cất lên tiếng ca bài quốc ca của Đức. Ngày hôm ấy tôi đã trông thấy những ánh mắt đầy ngán lệ của các nhà chính trị. Khung cảnh cảm động đó có lẽ các vị quan khách Đức chưa bao giờ chứng kiến.

Không biết người Đức chúng ta có được tưởng thưởng một cái gì đặc biệt khi chúng ta làm công tác cứu người hay không. Nhưng dù bất cứ trong trường hợp nào chúng ta cũng phải làm công việc cứu giúp đó.

Tôi hy vọng, cái gương sáng của vị thống đốc tiểu bang Niedersachsen sẽ là một bài học cho chúng ta, ít ra để noi gót theo con đường của Đức Giáo Hoàng Franziskus, người đã cảnh cáo

chúng ta, hãy chống lại sự thờ ơ vô cảm đang được hoàn cầu hóa hiện nay.

Thống Đốc một tiểu bang của Đức có thể cứu mạng sống của cả ngàn người với một chữ ký của mình. Hôm nay đây, tôi ước ao có một vị Thống Đốc khác, cũng lập lại nghĩa cử cứu người đó, để vinh danh tưởng nhớ đến người quá cố. „Đúng đắn“ và „Công bằng“ cho nhân loại chỉ có thể đạt được khi hai điều đó được thực hiện và thi hành với một tấm lòng thành. Và không có gì quý bằng khi chúng ta bắt tay ngay vào việc!

Trên bước đường làm công tác thiện nguyện, Heinrich Böll – bên cạnh Albrecht, ông ta là người ủng hộ rất quan trọng của chúng tôi - , đã gửi gắm đến chúng tôi những lời tâm huyết, mà theo tôi, đó là một lời thề, một lời tâm niệm của chúng ta trước nắm mồ của Albrecht. Böll đã nói rằng : „Thật là đẹp khi chúng ta cho một đứa trẻ đang đói được ăn no, được lau sạch mũi, được lau nước mắt cho nó. Cũng thật là đẹp khi chúng ta chữa cho người bệnh được lành lặn. Nhưng trong lãnh vực thẩm mỹ có một cái đẹp mà chúng ta chưa khám phá ra, đó là cái đẹp của „sự đúng đắn“.

Nói về cái đẹp của nghệ thuật, của con người, của thiên nhiên, chúng ta còn có thể đồng ý với nhau. Nhưng nói về cái đẹp của „sự đúng đắn“ và „sự công bằng“ thì đó quả là một áng thơ tuyệt tác khi „đúng đắn“ và „công bằng“ được thực hiện trọn vẹn đúng như ý nghĩa của chính nó.

Ngài Ernst Albrecht kính mến, nhân danh 1000 người Việt được ông và 11300 người Việt do Cap Anamur cứu giúp, tôi xin trân trọng tri ân những gì mà ông đã làm.

Dr. Rupert Neudeck

o O o

Bài phát biểu cuối cùng trong buổi lễ truy điệu do ông Wolfgang Schäuble,

bộ trưởng bộ Tài Chính. Châm dứt bài điệu vãn, chiếc xe lăn do chính ông điều khiển khuất dần sau cánh gà bên phải của hậu trường, sân khấu chỉ còn lại ban hợp xướng. Không một tiếng động. Người điều khiển ban nhạc chỉ xuất hiện trở lại sân khấu khi ông Schäuble đã về lại vị trí của ông ở hàng ghế đầu.

Bản hợp xướng „Jesu bleibt meine Freude“ của Sebastian Bach đã kết thúc buổi lễ truy điệu. Không một tiếng vỗ tay sau mỗi bản nhạc. Sự im lặng tuyệt đối của cử tọa đã giữ được không khí trang nghiêm của buổi lễ và nói lên lòng kính cẩn đối với người quá cố.

Đèn bật sáng, bà Ursula von der Leyen đứng dậy đầu tiên, cảm tạ ông nhạc trưởng và ban nhạc, sau đó bà bắt tay cảm tạ các quan khách của chính phủ. Tất cả đã diễn ra một cách nhã nhặn, không một ai của tang quyến, kể cả bà Ursula von der Leyen, lên sân khấu ngỏ lời....Các quan khách được mời đọc điệu vãn cũng đã giữ đúng khuôn khổ, bài đọc không quá dài. Một buổi lễ với đầy đủ chi tiết đã diễn ra vòng 1 tiếng 7 phút. Thật đáng khâm phục và đáng noi theo.

Sau buổi lễ, chúng tôi theo chân mọi người đến phòng tiếp tân của nhà hát lớn, dùng cà phê, bánh ngọt và một vài món ăn nhẹ trước khi ra về. Không biết số người được mời đến dự lễ truy điệu là bao nhiêu, 300-400 hay hơn nữa ? Phái đoàn người Việt đứng vây quanh các vị đại diện tôn giáo của mình. Tôi nhận ra được Thượng Tọa Thích Như Điển của chùa Viên Giác và cha Điem thuộc giáo phận Hildesheim-Niedersachsen. Gia đình tôi đã được gặp cha Điem từ khi hai cô em họ của chồng tôi được nhận vào dòng nữ tu Ursulinen, tu viện Kalvarienberg ở Bad

Neuenahr-Ahrweiler, gần Bonn. Từ ngày ấy đến nay cũng đã hơn 30 năm trôi qua mà hình như cha Diễm chẳng „già“ đi chút nào. Cha Diễm cũng nhận ra vợ chồng tôi, tay bắt mặt mừng, thật là vui. Khách người Đức đứng tùm năm tùm ba chuyện vãn. Khách VN thì hình như chỉ thích chụp hình. Không biết phái đoàn người Việt có đến bao nhiêu tấm hình, chụp chẳng biết để làm gì nhưng chụp thì vẫn chụp. Một dân tộc tính chẳng ?

Trời đã về chiều. Bên ngoài phố xá đã lên đèn. Anh trưởng đoàn yêu cầu tất cả chúng tôi hãy nán lại, vì ông Neudeck muốn nói đôi lời với phái đoàn người Việt.

Hai ngày trước lễ Giáng Sinh nên các cửa hàng đông như kiến. Kiểm cho ra một tiệm nước gần đó đủ chỗ cho hơn 20 người quả là một ảo tưởng. Trời mưa lất phất, những cơn gió lạnh thỉnh thoảng thổi ào tới, phái đoàn chúng tôi kéo nhau đi giữa phố kiếm chỗ ngồi.....hộp. Đi ngang qua tiệm cà phê Mövenpick, những dãy bàn ngoài trời trông trơn chẳng ai ngồi. Làm sao ngồi hộp ngoài trời dưới cơn mưa phùn lất phất ??? Cuối cùng chúng tôi cũng kiếm ra được một siêu thị thật lớn, trên lầu của siêu thị là Restaurant, thế nào cũng có chỗ ngồi.....

Mục đích chính hôm đó của ông Neudeck là đề nghị người Việt ty nạn trên nước Đức làm một lễ truy điệu riêng biệt của người VN dành cho ông

Albrecht. Nghe ông đề nghị, một lần nữa tôi lại không khỏi trầm phục và cảm ơn ông, nhưng đồng thời cũng cảm thấy hổ thẹn vô cùng. Hổ thẹn vì đúng ra ý nghĩ đó (người Việt ty nạn tổ chức một lễ truy điệu riêng cho ông Albrecht) phải do từ người Việt chúng ta, những người đã mang ơn ông. Đằng này, chúng ta đã không nghĩ đến (hay chưa nghĩ đến, mặc dầu ông Albrecht đã mất gần 10 ngày), thật hổ thẹn quá! Đã thế có người lại lên tiếng đặt câu hỏi „làm như thế với mục đích gì ? cho ích lợi riêng của Cap Anamur, của Grünhelm hay của cá nhân Neudeck?“. Câu hỏi thiếu tế nhị đó, tôi thấy ông Neudeck vẫn từ tốn giải thích, không nóng giận vì chạm tự ái.....

Đường về xa với vợ, 400 cây số, trời vẫn mưa, vẫn gió.....Một câu trong bài phát biểu của ông Neudeck vẫn còn văng vẳng bên tai tôi:

„Đúng đắn“ và „Công bằng“ cho nhân loại chỉ có thể đạt được khi hai điều đó được thực hiện và thi hành với một tấm lòng thành. Và không có gì quý bằng khi chúng ta bắt tay ngay vào việc. (Recht und Gerechtigkeit für die Menschen werden durch beherztes Agieren erreicht und durchgesetzt. Es gibt eben nichts Gutes, außer man tut es – R.Neudeck).

Udenheim, ngày 01.01.2015

Nguyễn hữu Mỹ Nga

Con Tàu Của Thế Kỷ 20

Nguyễn Văn Phỷ

(Cap Anamur I / Chuyến thứ 8)

1. Bối cảnh:

Nói đến con tàu thì chúng ta đều nghĩ ngay đến là vật vô tri vô giác. Tuy vậy, con tàu đó lại rất nổi tiếng, không những đối với toàn thể người Việt tỵ nạn cộng sản trên toàn thế giới, mà ngay cả người dân bản xứ, nơi đâu có người Việt định cư cũng đều biết đến. Có thể nói, con tàu không những làm cho thế giới rung cảm trước những hành động nhân đạo của nó vào những năm cuối thập niên 1970 và thập niên 1980 mà nó còn xứng đáng mang danh là "**Con Tàu của Thế Kỷ 20**". Đó là **Con Tàu cho Việt Nam** (Ein Schiff für Vietnam = A ship for Vietnam). Con tàu đã được nhân cách hoá như là một ân nhân của người Việt tỵ nạn cộng sản. Đó là con tàu cứu thuyền nhân trên biển Đông do vợ chồng Dr. Rupert Neudeck cùng nhà văn Heinrich Böll khởi xướng và thành lập vào tháng 8 năm 1979 và được **Ủy Ban Bác Sĩ Cấp Cứu Người Đức (Deutsches Komitee Not-Ärzte e.V.)** thực hiện.

Kể từ 30.04.1975, sau khi chiến tranh Việt Nam chấm dứt, vì không thể sống dưới chế độ cộng sản, khoảng 1,6 triệu người Việt bỏ nước ra đi bằng thuyền, ghe mà thế giới gọi là boat people (thuyền nhân). Theo tin tức của thế giới cho biết số người vượt biển bị chìm sâu xuống đáy vì bão tố, ghe chết máy lênh đênh trên biển nhiều ngày rồi chết khát,

chết đói, hoặc bị hải tặc Thái Lan cưỡng hiếp, bắt cóc vào các hang động ở ngoài đảo hoang v.v. có thể lên đến mấy trăm ngàn người. Tính đến năm 1979 Cao Ủy Tỵ Nạn Liên Hiệp Quốc phỏng đoán có ít nhất là từ 200.000 đến 250.000 thuyền nhân Việt Nam bị chìm sâu xuống đáy biển.

2. Tiến trình hình thành Con Tàu cho Việt Nam với Ủy Ban Bác Sĩ Cấp Cứu Người Đức:

Trước những làn sóng thuyền nhân trên biển Đông như vậy, một số quốc gia ở tây phương đã có những kế hoạch nhân đạo nhằm giúp đỡ thuyền nhân Việt Nam tỵ nạn cộng sản.

Pháp quốc là quốc gia đi đầu trong việc thành lập Ủy Ban và Con Tàu Nhân Đạo. Đó là **Ủy Ban một Con Tàu cho Việt Nam** "Le Comité Un bateau pour le Vietnam" được thành lập vào tháng 12 năm 1978 để tìm kiếm và cứu vớt người sắp chết chìm trên biển Đông, đã được mọi tầng lớp dân chúng, đại diện các tôn giáo, chính trị gia và đảng phái chính trị tại Pháp đã ủng hộ tích cực, ngoại trừ đảng cộng sản Pháp.

Vào tháng 2 năm 1979, hành động nhân đạo của Pháp lan truyền đến Đức quốc. Qua đài phát thanh và truyền hình "WDR" ở tiểu bang Nordrhein

Westfalen, ông Curt Hondrich đã nhanh chóng ủng hộ, lấy chữ ký của đồng nghiệp để vận động thành lập **Con Tàu cho Việt Nam "Ein Schiff für Vietnam"**. Nhà văn Heinrich Böll là người đầu tiên giúp đỡ ủy ban, tổ chức một cuộc họp báo vào ngày 18.04.1979 ở khách sạn Tulpenfeld tại Bonn. Lúc bấy giờ Bonn là thủ đô của nước CHLB Đức. Trong cuộc họp báo, có sự hiện diện của sáng lập viên Ủy Ban Pháp quốc, ông André Glucksmann và của Cao Ủy Liên Hiệp Quốc (UNHCR) đặc trách vấn đề tỵ nạn tại Tân Gia Ba (Singapore), bà Luise Drüke. Qua cuộc họp báo đó, công chúng Đức đã biết thêm về hàng trăm ngàn thuyền nhân Việt Nam bị chìm dưới biển khơi hay làm mồi cho cá mập. Trên đường vượt biển, thuyền nhân chỉ có hy vọng khoảng 50% được sống sót mà thôi.

Vào thời điểm này người Pháp đã thành lập còn tàu nhân đạo, được trang bị những dụng cụ của một bệnh viện nổi trên tàu, có cả thuốc men và đoàn bác sĩ cùng y tá. Họ đã khởi sự hoạt động ở vùng biển trước đảo Poulo Bidong khoảng 26 hải lý của bờ biển Mã Lai Á vào những tháng đầu năm 1979. Họ cần nguồn tài chánh để trang trải những chi phí. Sau cuộc họp báo (press conference), Ủy Ban Âu Châu "Con Tàu cho Việt Nam" (Die deutsche Sektion des europäischen Komittes Ein Schiff für Vietnam), bộ phận Đức quốc đã chuyển ngay vào trương mục của Ủy Ban Pháp 72.000 DM (Deutsche Mark = Đức Mã) để phụ giúp trả tiền thuê mướn tàu.

Vài tháng trôi qua, ngày 12.06.1979, trên tất cả trang báo chí, hệ thống truyền thanh, truyền hình tại CHLB Đức đồng loạt loan tin lời tuyên bố của một Bộ

trưởng Mã Lai Á rằng, kể từ giờ phút này, Mã Lai Á sẽ không cho phép người Việt tỵ nạn đến bờ biển Mã Lai Á. Mã Lai Á sẽ dùng áp lực gọi là "**Task Force VII**" để đẩy thuyền nhân Việt Nam ra lại biển khơi mặc cho sóng to gió lớn, bão táp và dù cho những chiếc ghe thuyền bị hư hại hay quá tải như thế nào. Tin tức này làm chấn động và bàng hoàng cả thế giới. Đồng thời tất cả hệ thống truyền thông tại Tây Đức đã đăng tải liên tục không ngừng nghỉ bi kịch ngoài biển Đông với tựa đề "**Verdammt der Meere**" (tạm dịch: **Phẫn nộ biển khơi**), và họ nói thẳng thừng rằng "**thế mà chẳng ai giúp đỡ**".

Thế là, một ủy ban đã được thành lập và được dân chúng, bác sĩ, y tá cùng những người săn sóc bệnh nhân tự nguyện tham gia một cách tích cực. Liên tục sau đó, vào ngày 17.07.1979, chương trình truyền hình vào mỗi buổi sáng từ 5:30 giờ đến 9:00 giờ sáng gọi là "Morgenmagazin=Tập chí buổi sáng", viết tắt MoMa, của đài truyền hình và phát thanh NDR (NordDeutsche Rundfunk) liên tục tường thuật về mục đích của ủy ban này. Vào ngày 24.07.1979 thì chương trình TV-Magazin ở Baden-Baden cũng đã loan báo về sự thuê mướn một con tàu để đến biển Đông cứu người vượt biển và săn sóc thuyền nhân trong các trại tỵ nạn ở các đảo đang gặp phải mọi sự thiếu thốn về thuốc men, thực phẩm... Ba ngày sau đó, trương mục ngân hàng của ủy ban đã có được trên 1 triệu DM (Deutsche Mark) do ân nhân chuyển vào giúp đỡ. Thế là kế hoạch thành lập Con Tàu cho Việt Nam đang tiến hành thực hiện.

Song vào đó, ủy ban cũng đề cập đến tính gấp rút để có con tàu càng sớm

càng tốt, nhằm cứu vớt thuyền nhân đang lâm nạn trên biển Đông. Ủy ban nghĩ rằng nếu mượn con tàu từ Hamburg đi đến Tân Gia Ba (Singapore) và biển Đông cũng mất ít nhất là 4 tuần lễ. Như vậy quá chậm trễ.

May mắn thay cho ủy ban, sau khi tin tức liên tục được phát đi trên các hệ thống truyền thanh, truyền hình tại Đức, thì đại diện của một Công Ty Chuyển Vận Đường Thủy "Bauer und Hauschildt" ở Hamburg, ông Hans Voß đã liên lạc với ủy ban và cho biết công ty của ông đang có một con tàu mang tên **Cap Anamur** hiện nằm tại hải cảng Kobe ở Nhật Bản.

Con tàu có chiều dài 118 m, bề rộng 17 m, chiều cao 9 m. Vì là tàu dùng để chở kiện hàng nên trên tàu đã có thiết trí 3 hệ thống cần trục, rất thuận tiện cho việc cứu vớt thuyền nhân. Tàu Cap Anamur vừa hạ thủy vào ngày 26.07.1979 từ xưởng đóng tàu Watanabe Shipbuilding, Hakata, Nhật Bản. Đồng thời, ông Voß cũng nộp đơn xin chính quyền liên bang và tiểu bang Đức thay đổi mục đích của con tàu, để có được giấy phép cho tàu Cap Anamur đi cứu người vượt biển trên biển Đông thay vì dùng để chở kiện hàng thương mại.

Ngày 30.07.1979 ủy ban liên lạc và thương lượng với ông Voß về giá cả thuê mượn. Vào ngày 31.07.1979 ủy ban đến thành phố Hamburg, gặp ông Voß để ký hợp đồng thuê con tàu Cap Anamur với giá 210.000 DM tiền thuê hàng tháng, cộng thêm những chi phí cho việc trang bị dụng cụ y khoa và tiền nhiên liệu để chạy máy. Theo kế hoạch, con tàu phải khởi hành cứu người vượt biển vào ngày 09.08.1979. Vào ngày

04.08.1979 đội ngũ y tá và bác sĩ tình nguyện đầu tiên lên đường để bắt đầu làm việc trên tàu.

Để kịp thời gian khởi hành, trong vòng 4 ngày, từ 5 đến 09.08.1979 họ phải cấp tốc làm việc ngày cũng như đêm để thiết lập một bệnh viện nổi trên tàu cũng như trang bị mọi dụng cụ y khoa cần thiết và những chỗ nằm trên boong tàu. Ngoài ra những trang thiết bị cho vấn đề hàng hải và tiếp cứu cũng được cung cấp thêm.

Vào lúc 15.04 giờ ngày 09.08.1979, con tàu Cap Anamur nhổ neo rời hải cảng Kobe của Japan với sự tham dự của rất nhiều cơ quan truyền thông truyền hình, báo chí Nhật Bản. Họ đến quay phim và tiễn đưa con tàu ra khơi hướng về biển Đông. Dưới sự hướng dẫn và điều khiển của thuyền trưởng (Captain) Klaus Buck, con tàu đã hiện diện tại biển Đông vào ngày 13.08.1979 và bắt đầu đi vào hoạt động.

3. Hoạt động trên biển Đông:



Tàu Cap Anamur

Trong thời gian đầu, dọc theo bờ biển VN ngoài hải phận quốc tế, tàu Cap Anamur ít tìm thấy ghe vượt biển. Do đó ủy ban đã thay đổi kế hoạch và được

chính quyền liên bang Đức cho phép vào thả neo ở đảo Anambas trước trại ty nạn Air Raya.

Nơi đây, Ủy Ban Bác Sĩ Cấp Cứu Người Đức (**Deutsches Komitee Not-Ärzte e.V.**) phối hợp với Ủy Ban Âu Châu đang hoạt động với tàu **Ile-de-Lumière** và **Lysekil** để săn sóc và giúp đỡ cho 35.000 thuyền nhân Việt Nam đang ty nạn tại đó.

Các bác sĩ, y tá đã đến các trại ty nạn từ đảo Tanjung đến Anambas để săn sóc y tế cũng như để giúp đỡ người ty nạn trong trại qua việc phân phối gạo, sữa bột cho họ.

Theo tin tức thế giới, kể từ đầu tháng 2 năm 1980 làn sóng người vượt biển bắt đầu lan rộng trên biển Đông. Vào ngày 07.02.1980 ủy ban đưa tàu ra khơi, hoạt động trên tuyến đường từ bờ biển VN đến Thái Lan, Mã Lai Á, Tân Gia Ba và Nam Dương. Đặc biệt là vùng biển Mekong Delta và vịnh Thái Lan.

Ra khơi lần này con tàu đã cứu được 2 ghe vượt biên gồm 65 người, trước sóng to gió lớn. Khó khăn nhất là, khi biển động mạnh thì tầm nhìn xa để tìm kiếm ghe vượt biên từ tàu Cap Anamur bị hạn chế vì ghe vượt biển quá nhỏ, chỉ thấy như một chấm đen. Khi ghe trụt xuống độ thấp của sóng biển thì những quan sát viên trên tàu không còn thấy gì cả. Do đó, ủy ban đã quyết định mượn một máy bay trực thăng để bay đi tìm kiếm ghe vượt biên ở từ xa.

Vì vậy, kể từ chuyến thứ 2, ủy ban phải trả tiền mượn trực thăng là 40.000 DM cho mỗi lần Cap Anamur ra khơi.



Máy bay trực thăng của Cap Anamur

Nếu thời tiết cho phép, hàng ngày trực thăng đều rời boong tàu và bay đi tìm kiếm ghe. Mỗi lần như vậy kéo dài khoảng 2 giờ rưỡi.

Cùng đi với phi công có thêm những đại diện của đoàn y tế trên tàu. Họ mang theo ống dòm (Ferngläser), kể cả ống dòm hồng ngoại tuyến để tiện việc tìm kiếm ban ngày cũng như vào đêm.

Mỗi khi trực thăng thấy được ghe vượt biển, phi hành đoàn tức thời thông báo về cho thủy thủ đoàn hoặc Ủy Ban Cap Anamur trên tàu biết. Lúc đó thuyền trưởng sẽ chỉ thị tăng tốc độ tàu tối đa để có thể đến địa điểm chiếc ghe được phát hiện càng sớm càng tốt, nhằm chặn đứng mọi bất trắc có thể xảy ra. Đồng thời trực thăng bay vòng quanh gần ghe để cho biết thêm tin tức số người trên ghe. Song vào đó phi hành đoàn cũng thông tin cho thuyền nhân trên ghe biết rằng con tàu nhân đạo Cap Anamur đang tiến gần đến họ để họ yên tâm.

Nhờ có được máy bay trực thăng trợ giúp để tìm kiếm thuyền nhân, tính đến tháng 9 năm 1980, Cap Anamur đã cứu vớt được 3329 người sắp chết đuối và bị chìm nơi biển Đông.

4. Quảng bá và vận động ân nhân:

Vào khoảng tháng 8 năm 1980, ở mọi nơi công cộng và nhà ga xe lửa, xe buýt tại Tây Đức đều có dán, đăng và phổ biến một số tấm hình của thuyền nhân Việt Nam đã được Cap Anamur cứu vớt ở biển Đông nhằm kêu gọi dân chúng Đức mở rộng tình người tiếp tục ủng hộ cho Ủy Ban Bác Sĩ Cấp Cứu Người Đức của Con Tàu Cap Anamur.



Nhờ vậy, Cap Anamur đã nhận được rất nhiều sự hỗ trợ từ tinh thần lẫn tài chánh của mọi giới trong dân chúng Đức, các hội đoàn từ thiện.v.v.. Họ đã chuyển vào trương mục của ủy ban nhiều triệu Đức Mã. Nhờ vậy con tàu Cap Anamur đã có thể hoạt động liên tục.



Hai tấm hình tương phản của cuộc đời do phóng viên báo chí Đức chụp trong chuyến thứ 8 của Cap Anamur I.

Hình bên trái: Thuyền nhân trên biển khơi. Do phóng viên báo chí Gerard Klijn theo tàu Cap Anamur, chụp hình gia đình tác giả (vợ và 2 con) vào cuối tháng 6 năm 1980 trong lúc tàu đang cứu vớt ghe vượt biển ở vùng tam giác Việt-Mã-Thái trên biển Đông. Người phụ nữ năm ấy 26 tuổi, đang bế 2 con không còn mảnh áo che thân vì áo quần ướt hết trong lúc vượt biển. Vào tháng 8 năm 1980, tấm hình này được phổ biến khắp mọi nơi công cộng tại Đức. Người phụ nữ hiện nay dạy nấu ăn Việt Nam ở các VHS (VolksHochSchule: Bình Dân Học Vụ), Familienbildung Stätte (Trung

Tâm Giáo Dục Gia Đình), hoặc ở các Học viện Institute hay Academy thuộc lãnh vực Nữ Công Gia Chánh.

Hình bên phải: Do nhà báo Đức chụp tại phòng đợi của phi trường Frankfurt am Main vào ngày đầu tiên đến Đức, 15.07.1980, gồm tác giả và 2 con. Tác giả là thuyền trưởng ghe thứ nhất vượt biên được Cap Anamur I, chuyến thứ 8 cứu vớt. Tấm hình diễn tả một con người hai tâm trạng và nói lên **Niềm Vui Mới trước Ngưỡng Cửa của Tương Lai**. Lúc này, 2 con có quần áo mới do Cap Anamur cấp phát khi rời

khỏi Cap Anamur ở hải cảng Tân Gia Ba để lên đường đi qua Tây Đức. Năm ấy đưa con thứ hai (đứng giữa) 18 tháng và hiện nay là bác sĩ y khoa ngành nội thương, đã có phòng mạch từ năm 32 tuổi. Đưa con thứ nhất (đứng bên phải) 3 tuổi, hiện giờ là kỹ sư

(Dipl.-Ing.) Systemtechnik và Kinh tế, và là IT-Manager.

Tác giả là kỹ sư điện (Dipl.-Ing.), chuyên ngành viễn thông, tốt nghiệp Gerhard Mercator University tại Duisburg năm 1987.

o O o

5. Thành quả hoạt động của Cap Anamur:

Những nỗ lực với lòng nhân đạo tuyệt hảo của vợ chồng nhà báo Dr. Rupert Neudek và nhà văn Heinrich Böll nói riêng và Hội Bác Sĩ Cấp Cứu Người Đức cùng với nhiều ân nhân, chính quyền các cấp tại Đức nói chung, con tàu Cap Anamur đã thực hiện 3 giai đoạn đi vào biển Đông để cứu vớt 11.300 thuyền nhân Việt Nam:

Cap Anamur I: (Sept. 1979-Mai 1982):
9.507 người

Cap Anamur II: (März 1986-Juli 1986): 888 người

Cap Anamur III: (April 1987-Juli 1987):
905 người

6. Những Buổi Lễ Kỷ Niệm:

6.1. Lễ Khánh Thành Bia Tưởng Niệm tại Troisdorf năm 2007:



Thuyền vượt biển, được tìm thấy và cứu vớt bởi Cap Anamur vào tháng 4 năm 1984 ở biển Đông. Hôm nay nó hiện hữu như một tượng đài tại khuôn viên Troisdorf, Germany.



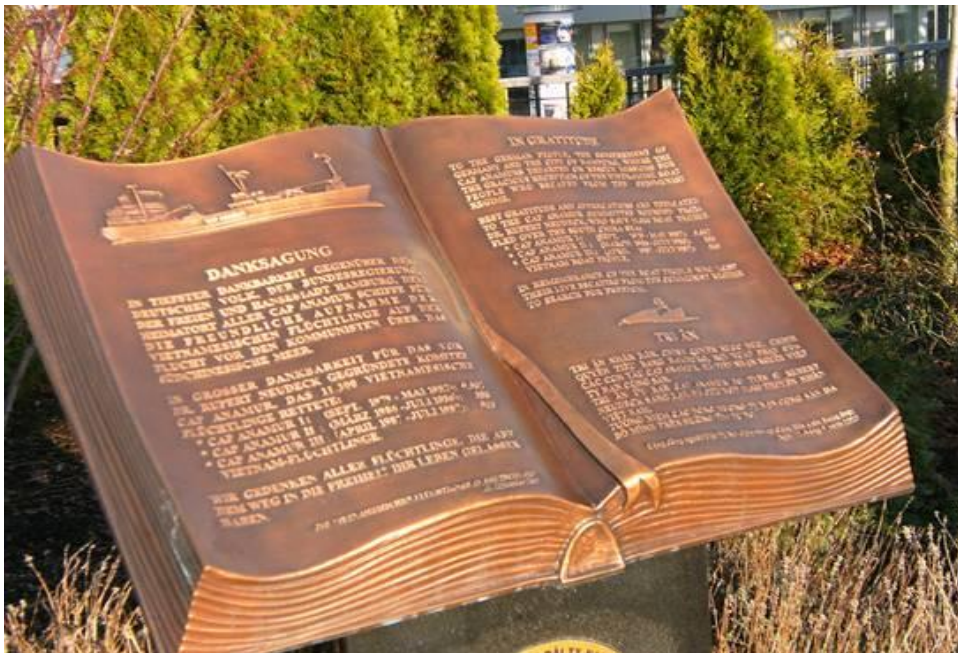
Bia Tưởng Niệm được xây dựng tại khuôn viên Troisdorf nói lên lòng tri ân của thuyền nhân Việt Nam đối với chính quyền và nhân dân Đức, đặc biệt Dr. Ernst Albrecht - cựu Thống đốc Tiểu bang Niedersachsen, West Germany, là tiểu bang đầu tiên nhận người Việt tỵ nạn cộng sản và Ủy Ban Cap Anamur đã cứu vớt 11.300 thuyền nhân Việt Nam, đặc biệt là sáng lập viên Dr. Rupert Neudeck.

6.2 Bia Tri Ân và Tưởng Niệm của Thuyền Nhân Việt Nam tại hải cảng Hamburg:

Vào năm 2009, để đánh dấu 30 năm kỷ niệm con tàu Cap Anamur ra khơi cứu thuyền nhân Việt Nam, người Việt tỵ nạn cộng sản đã xây dựng tấm bia tại hải cảng Hamburg để tỏ lòng biết ơn nhân dân Đức, chính quyền liên bang Đức, chính quyền thành phố thương mại Hamburg - nơi xuất phát của các con tàu Cap Anamur, đã tiếp nhận người Việt tỵ nạn cộng sản. Cùng tri ân Ủy Ban Cap Anamur do Tiến sĩ Rupert Neudeck sáng lập, đã cứu vớt 11.300

thuyền nhân Việt Nam. Đồng thời để tưởng niệm các đồng hương ty nạn cộng sản đã bỏ mình trên đường vượt biên tìm tự do. Trong buổi Lễ Khánh Thành có sự tham dự của sáng lập viên, cộng tác viên "Con Tàu Cho Việt Nam", Dr. Neudeck và nhiều chính khách, chính trị

gia, nhà báo và đại diện các tôn giáo... Đặc biệt, có sự tham dự của Dr. Philipp Rösler, là người Đức gốc Việt, chủ tịch đảng FDP, Phó Thủ tướng nước CHLB Đức kiêm Bộ trưởng Bộ Kinh tế thời bấy giờ.



6.3 Lễ Kỷ Niệm 35 Năm Một Con Tàu Cho Việt Nam:

Vào cuối tháng 5 năm 2014 tôi nhận được Thư Mời của anh Nguyễn Hữu Huấn, trưởng ban tổ chức Lễ Kỷ Niệm 35 Năm Một Con Tàu Cho Việt Nam gửi đến để vận động đồng hương hỗ trợ tài chánh cho việc tổ chức cũng như mời đến tham dự đông đủ vì có thể là buổi Lễ Kỷ Niệm cuối cùng vì sáng lập viên Con Tàu Cho Việt Nam, ông Dr. Neudeck khá lớn tuổi và sức khoẻ ngày càng yếu kém theo thời gian. Buổi lễ được tổ chức tại Bia Tưởng Niệm Thuyền Nhân Việt Nam tại hải cảng Hamburg vào ngày 09.08.2014.



KS NV Pháy (thuyền nhân) và vợ chồng Prof. Dr.- Ing. Vương Thế Anh (cựu sinh viên du học trước 30.04.1975) cùng đến tham dự Lễ Kỷ Niệm Một Con Tàu Cho Việt Nam 09.08.2014 tại hải cảng Hamburg

Lễ Kỷ Niệm Một Con Tàu Cho Việt Nam năm nay đã thu hút rất nhiều bà con thuyền nhân Việt Nam, có khoảng trên 1000 người đến tham dự.

Có rất nhiều đồng hương, mặc dù không được Cap Anamur cứu vớt cũng hiện diện trong buổi lễ. Thêm vào đó có rất nhiều đồng hương đến từ nhiều quốc gia khác trên thế giới.

Về phía người Đức có sự hiện diện của sáng lập viên Con Tàu cho Việt Nam, Dr. Neudeck và Ủy Ban Bác Sĩ Cấp Cứu Người Đức cùng các nhà báo, đại diện tôn giáo, chính quyền thành phố Hamburg.

Song vào đó có những chính khách, chính trị gia như cựu Phó Thủ tướng (FDP) Dr. Rösler, hiện là Chủ tịch Diễn Đàn Kinh Tế Thế Giới tại Thụy Sĩ, cựu Phó Thủ tướng (SPD) ông Müntefering, ông Freimut Duve, Dân biểu Quốc Hội Liên Bang, Luật sư Burkhardt Müller-Sönksen, cựu Dân biểu Quốc Hội Liên Bang; ký giả Frank Alt, Giám đốc chương trình truyền hình Baden Baden, Dr. Med. Hans-Georg Tafel, cựu Bác sĩ cấp cứu trên tàu Cap Anamur và Bà Dr. Luise Drüke thuộc đại học Havard cùng nhiều ân nhân khác đã đến tham dự.



Dr. Rupert Neudeck, vị ân nhân của thuyền nhân Việt Nam, sáng lập viên Ủy Ban Cap Anamur và là Chủ Tịch Hội Mũ Xanh



Hiện diện tại buổi lễ: Cựu Phó Thủ tướng (FDP) Dr. Rösler, cựu Phó Thủ tướng (SPD) ông Müntefering, và sáng lập viên Con Tàu Cho Việt Nam, Cap Anamur Dr. Neudeck.

Về phía Việt Nam, ngoài sự hiện diện của các vị lãnh đạo tinh thần của các tôn giáo còn có những đại diện các tổ chức đoàn thể không những tại CHLB Đức mà còn đến từ Hoa Kỳ. Ngoài ra còn có phái đoàn đại diện Liên Hội Người Việt Canada và Chủ tịch Ủy Ban Xây Dựng Viện Bảo Tàng Thuyền nhân tại Ottawa cũng dành nhiều thời giờ quý báu để qua Hamburg, Đức quốc tham dự buổi lễ.

Sau phần chào mừng và giới thiệu của ông Nguyễn Hữu Huân, trưởng ban tổ chức, là phần phát biểu của Dr. Neudeck với lời mở đầu tràn đầy tình thương dành cho người Việt: "**Tôi cũng là Người Việt Nam = Ich bin auch ein Vietnamese**". Tiếp theo là phần phát biểu của các quan khách Đức. Ngoài ra, có anh John Nguyễn Khánh Hưng (đảng FDP) một thanh niên trẻ thế hệ thứ hai, sinh trưởng tại Đức đã nói về sự hội nhập của người Việt vào xã hội Đức. Anh hy vọng rằng những người trẻ tuổi người Đức gốc Việt cần giữ cả hai nền văn hóa và nên theo đuổi lãnh vực chính trị để sau này có cơ hội giúp quê hương Việt Nam.

Xen kẽ những lời phát biểu của quan khách là những phần trình diễn các màn vũ cùng những bản hợp ca do các hội đoàn tại Đức trình diễn để giúp vui.

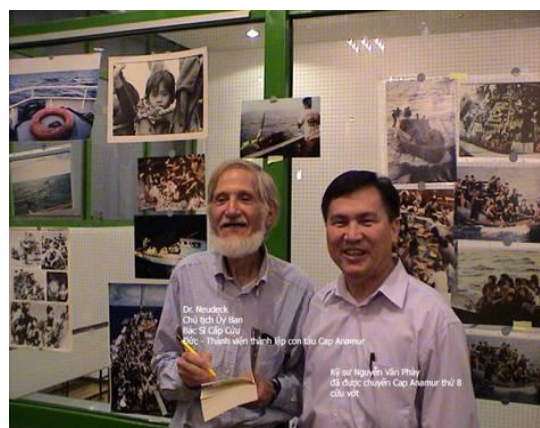
Buổi Lễ Kỷ Niệm 35 Năm Con Tàu Cho Việt Nam tại hải cảng Hamburg rất thành công, chấm dứt lúc 16:00 giờ. Sau đó mọi người cùng đến tham dự đêm văn nghệ được tổ chức vào lúc 19 giờ tại hội trường Đại học Quân sự Helmut-Schmidt Universität tại Hamburg-Jenfeld.

7. Thuyền nhân từ quan điểm của khoa học:

Nói đến con tàu của thế kỷ 20 - thế kỷ của thuyền nhân tỵ nạn cộng sản cũng là đề tài mà một số chuyên gia trên thế giới đã dày công nghiên cứu từ quan điểm của khoa học để làm sáng tỏ trên cơ sở những câu chuyện về cuộc sống của họ, cũng như hiện tượng của khả năng phục hồi. Về điểm này ông Nathan Caplan, sinh năm 1930, nhà tâm lý học người Mỹ, là giáo sư đại học Michigan đã đóng góp công sức thật hữu ích. Ông đã nghiên cứu các gia đình thuyền nhân Việt Nam đang định cư tại hải ngoại và nhận thấy rằng họ đặt giá trị gia đình rất mạnh mẽ. Thuyền nhân Việt Nam đã đề cao sự giáo dục. Điều này được giải thích và chứng minh rằng nhiều trẻ em trong số con cái của họ đã mang lại kết quả học hành rất tốt, trên trung bình.

Trong bối cảnh của Châu Âu, khoa học gia ngành giáo dục, ông Olaf Beuchling cũng đã khảo sát sự hội nhập của người Việt tỵ nạn tại Đức trong nghiên cứu rất giá trị của mình với tựa đề "Từ một thuyền nhân trở thành một công dân Đức": Di dân, hội nhập và thành công ở

học đường trong một cộng đồng người Việt lưu vong. Ông cũng đã nhấn mạnh tầm quan trọng của giá trị văn hóa và nó đã mang lại cho họ những kinh nghiệm.



Hình được chụp nhân dịp Lễ Kỷ Niệm 35 Năm Tỵ Nạn tại München năm 2010.

8. Tạm kết:

Nhân Lễ Kỷ Niệm 35 Năm Một Con Tàu Cho Việt Nam, tôi xin ghi lại vài nét về con tàu Cap Anamur, là ân nhân của tôi và gia đình nói riêng cũng như toàn thể thuyền nhân được Cap Anamur cấp cứu nói chung để tỏ lòng tri ân đến chính quyền liên bang, tiểu bang và nhân dân Đức, cũng như sáng lập viên ông bà Dr. Rupert Neudeck, nhà văn Heinrich Böll và toàn thể Ủy Ban Cap Anamur cùng các chính khách, chính trị gia, các hội đoàn từ thiện, các tổ chức tôn giáo, các hệ thống truyền thanh truyền hình, phóng viên báo chí, đã giúp đỡ và tạo điều kiện cho con tàu Cap Anamur cứu vớt chúng tôi ngoài biển Đông cũng như tiếp nhận và giúp đỡ chúng tôi xây dựng một cuộc sống mới tại một xứ tự do dân chủ, nhân bản và pháp quyền. Đó là **Con Tàu của Thế Kỷ 20**.

Nguyễn Văn Phẫu

<http://navygermany.gerussa.com>

Bài diễn văn của Philipp Rösler

(nhân lễ kỷ niệm 35 của Cap Anamur ngày 09 tháng 8 năm 2014 tại Hamburg)

Mỹ Nga phỏng dịch

BBT : Dr. Philipp Rösler, Bác sĩ, cựu phó thủ tướng CHLB Đức nhiệm kỳ 2011-2013, đương kim chủ tịch Diễn Đàn Kinh Tế Thế Giới, Thủy Sĩ.

Kính thưa ông Neudeck, kính thưa ngài phụ tá Giám mục, kính thưa ông Müntefering, ông Franz Alt và kính thưa toàn thể gia đình Cap Anamur.

Tôi xin cảm ơn ban tổ chức đã mời cá nhân tôi đến tham dự, và đặc biệt hân hạnh hơn nữa, đây là lần thứ hai tôi được có mặt trong buổi lễ kỷ niệm này. Cách đây 5 năm, nơi đây cũng đã tổ chức kỷ niệm 30 năm Cap Anamur. Tiếng nói và việc làm nhân đạo của Cap Anamur đã vang vọng rất xa, lễ kỷ niệm sinh nhật nên được tổ chức hằng năm. Và vì thế tôi rất lấy làm hân hạnh khi được tham dự cùng quý vị.

Đến đây, trước hết là để cùng nói lên lời cảm ơn. Cảm ơn tất cả những ai đã làm công tác thiện nguyện này.

Trước tiên phải kể đến là ông Rupert Neudeck, người đã nói rất đúng về hai chữ “Tự do“. Ông Tổng thư ký của đảng chúng tôi đã nói rằng „trên thực tế, càng đặt nặng vấn đề AN NINH, TỰ DO càng bị giảm thiểu hay ngược lại“. Rupert Neudeck đã từ chối „An Ninh“ để chọn lấy „Tự Do“ cho những thuyền nhân ở biển Nam hải ngày đó, những người đã vì hai chữ „TỰ DO“ mà liều chết ra đi. Và đây cũng là lời cảm ơn nồng nhiệt nhất xin được gửi đến ông Neudeck của những ai đã ra đi tìm tự do.

Thứ đến phải cảm ơn là những nhân viên làm việc trên con tàu Cap Anamur, gồm thủy thủ đoàn, các vị Bác Sĩ, nhưng nhất là các nữ y tá, tất cả đã không quản ngại gian nan để giúp đỡ các thuyền nhân. Xin cảm ơn tất cả những ai đã mở vòng tay thu nhận và giúp đỡ người VN trên nước Đức.

Trong một buổi lễ nào đó, tôi đã gặp các nữ y tá, những người đã từng làm việc trong Hồng Thập Tự. Họ kể lại cho tôi những cảm giác của họ khi cứu giúp thuyền nhân VN ngày xưa và bây giờ họ thật sung sướng và hãnh diện khi biết được các thuyền nhân mà họ đã cứu vớt ngày xưa, ngày nay đang có được một cuộc sống ấm êm và hạnh phúc.

Với những người làm việc thiện nguyện này và gia đình của họ, tất cả chúng tôi, (kể cả tôi) cùng xin nói lên lời cảm ơn nồng nhiệt nhất.

Franz Müntefering đã nhắc đến gia đình Albrecht, nói cho đúng ra là nhắc đến bà Albrecht, người đã nhìn thấy trên TV những thảm cảnh đang xảy ra... Chính bà đã cùng phu quân của bà đồng lòng kêu gọi nước Đức hãy ra tay thu nhận thuyền nhân, tiểu bang Niedersachsen là tiểu bang đầu tiên của nước Đức đã đứng ra nhận lãnh công việc nói trên. Lời kêu gọi của bà ngày đó, bà đã không hề hối hận, vì thế chúng tôi cũng xin trân trọng cảm ơn bà.

Đây cũng là một đôi hia bảy dặm của chính giới Đức. Tôi phải công nhận là ông Müntefering nói rất đúng, lúc này tôi cho ông ta là đúng nhưng không phải lúc nào ông ta cũng có lý. Một quyết định sáng suốt, chính đáng, không tiếc nuối, có giá trị cho ngày đó và bây giờ: Một quốc gia giàu mạnh, một dân tộc giàu có, đứng ra giúp đỡ những ai đang gặp khốn đốn cùng đường, thừa quý vị, vẫn là một hành động đáng noi gương, một cảnh cáo cho thời đại hiện nay.

Tôi đã nói lên lời cảm ơn với tất cả trong ngày lễ kỷ niệm sinh nhật hôm nay, đã cùng hát chung bài quốc ca, cùng cảm nhận cái vinh hạnh có đội banh số một của thế giới, nhưng ở đây tôi cũng xin nhắc đến một thí dụ về đời sống hội nhập. Chưa có một cộng đồng ngoại quốc nào lại hội nhập thành công như cộng đồng người Việt tỵ nạn. Vì sao ? Vì người Việt Nam biết đặt nền tảng gia đình lên trên hết, và họ cũng hiểu rằng, sau gia đình thì nền học vấn là quan trọng hơn cả. Chưa ai đặt vấn đề học vấn quan trọng như cộng đồng tỵ nạn VN. Quan niệm học vấn của người Việt thật đáng được noi theo.

Những gia đình Đức đã từng đứng ra giúp đỡ các thuyền nhân là vì nhờ họ đã trông thấy qua TV các thảm cảnh đang xảy ra. Đại diện của thủ tướng hay nữ thủ tướng là những người có mối dây liên hệ chặt chẽ với báo chí truyền thông. Ngày đó, những gì được báo chí hay TV tường thuật đều rất hữu ích và cần thiết, qua đó dân chúng mới thấy những gì đau khổ đang xảy ra trên thế giới.

Bởi thế nên hôm nay đây, khi chúng ta long trọng ăn mừng lễ kỷ niệm, ngỏ lời tri ân, chúng ta cũng nên nhân cơ hội này mà tự nhắc nhở rằng, lúc này, trên

thế giới, đang còn biết bao nhiêu người đang vất vả lầm than trên đường tỵ nạn, họ cũng khổ sở không khác gì các bạn của những năm về trước. Và họ cũng đang cần đến sự giúp đỡ của chúng ta như các bạn đã từng nhận được từ người Đức ngày ấy. Cũng thật tốt khi chúng ta có được cơ hội ngày hôm nay, như một nhắc nhở, để không quên những ai đang cần đến sự giúp đỡ như ở Syrien, Irak, Lybien, Gaza...Đâu đâu cũng còn rất nhiều người cần được giúp đỡ, nhất là lúc này cuồng phong đang nổi dậy ở Lampedusa.

Phải ghi nhớ, phải đừng bao giờ quên, rằng người VN tỵ nạn là cộng đồng đã có thể hội nhập thành công trong xã hội Đức. Sự rộng lượng, bao dung không thể là một yếu điểm, cũng không phải là một cử chỉ tỏ lộ lòng độ lượng, mà là một bước tiến thật chính xác để đưa đến một cộng đồng thành công và hùng mạnh ngay trong một quốc gia như Đức. Hãy khoan dung với nhau, đừng chỉ nghĩ đến việc cho „tạm trú“, mà nên hoan nghênh mở rộng vòng tay mời đón người khác đến với mình. Những ý tưởng đó chúng ta cũng nên cùng nhau ngâm nghĩ.

Nước Đức rất hùng mạnh, ngày xưa nước Đức cũng đã vượt qua gian nan thì ngày nay nước Đức cũng sẽ như vậy. Cuối cùng, tôi cũng muốn nói với các quan khách từ xa đến, từ USA, từ Canada...hay tất cả những ai không sinh trưởng trên nước Đức (nếu nhìn kỹ, ai cũng phải nói rằng „người VN rất đẹp“).

Xin quý vị hãy rao truyền với khắp thế giới rằng nước Đức của chúng tôi lúc nào cũng mở rộng cửa, bao dung, một quốc gia đẹp nhất thế giới.

Xin cũng được cảm ơn đến tất cả.

Chúng ta hãy cùng nhau chia xẻ và thụ hưởng. Những dấu hiệu của một hội nhập thành công, những dấu hiệu của một cử chỉ rộng mở vòng tay chào đón đầy tình người, chính là những biểu hiệu nói lên tình nhân loại. Đó là tất cả những gì hay đẹp rất đáng quý mà thế hệ đi trước đã tự khoác lấy cái trách nhiệm đó vào mình và bây giờ, chúng

ta, thế hệ nối tiếp, chúng ta cũng đang và sẽ đảm nhiệm cái nhiệm vụ đó như ngày xưa.

Xin cảm ơn tất cả.

Udenheim, ngày 22.08.2014
Mỹ Nga phỏng dịch



Quê tôi

Nguyễn Tam Kỳ

Tôi thường mặc cảm về giọng nói Quảng Nam của mình, giọng nói quê mùa. Dân miền quê tôi đúng là quê. Chúng tôi nói chuyện mộc mạc, đơn sơ, chẳng màu mè, trau chuốt *rào trước đón sau* như các nơi khác. Giọng nói quê, lời nói quê, thật đúng là *quê một cục*. Vì quê như vậy đến đâu không dám nói nhiều, nói ra sợ bị chọc quê.

Thế nhưng mới đây lại đọc được bài viết của ký giả Nguyễn Khắc Nôi viết về giọng nói Dạ Lan trên đài phát thanh quân đội trước 75 mọi người yêu thích đến độ ghiền không bao giờ quên. Cô Dạ Lan là người gốc Quảng Nam. Tôi giật mình ngỡ ngàng. Người Quảng Nam có giọng nói hay để đời như vậy sao? Thật bất ngờ.

Bài viết nói cô làm xướng ngôn viên cho đài phát thanh Đông Hà, rồi gặp nhà thơ Hà Huyền Chi người Bắc dạy cho cô phát âm theo giọng Bắc, cô được mời về làm xướng ngôn viên cho đài Quân Đội, chương trình Dạ Lan đi vào lịch sử và cũng đi vào lòng người từ dạo đó. Giọng Quảng Nam, giọng mặn chát như muối biển, một khi thêm chút đường, bột ngọt (Bắc+Huế) vào bỗng trở thành hay hay.

Giờ đây ngồi nhớ lại quê xa, miền đất mà ca thơ cho rằng:

*Đất cày lên sỏi đá.
Trời hành cơn lụt mỗi năm
Quê em nghèo lắm ai ơi.
Mùa đông thiếu áo, ngày thời thiếu cơm.*



Thời tiết khắc nghiệt, hai mùa mưa nắng. Mưa triền miên và nắng cháy da. Quanh năm cơ hàn, vì nghèo bữa đói bữa no, người dân luôn sống trong lo sợ, sợ bão lụt mùa đông sợ hạn hán mùa hè.

Cuộc sống và hoàn cảnh như vậy làm sao có được những người có tâm hồn ướt át, ủy mị, tình cảm ngọt ngào.

Thế nhưng khi thiên nhiên không đãi ngộ đất mẹ lại sinh ra những người con đáng quý. Một ngày xa xưa đã có tiếng *Ngũ phụng tề phi*. Năm người đỗ tiến sĩ được vua phong, tài nguyên hiếm quý đi vào lịch sử của đất Ngũ Hoàng Sơn.

Làm con cháu xin kính cẩn nghiêng mình trước quý vị tiền bối, vang danh như Phan Chu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Trần Cao Vân, Trần Quý Cáp, Nguyễn Duy Hiệu, Phan Khôi.... Mang chí anh hùng đã chết vì đại cuộc. Những vị tiền bối xứ Quảng.



Có người nói khi yêu người ta dễ làm thơ, không biết dân Quảng Nam có trái tim không già, và luôn luôn sống với tình yêu hay sao mà có vô số nhà thơ, Mạc Phương Đình, Võ Đại Tôn, Hoàng Phong Linh, Tường Linh, Thành Tôn, Luân Hoán, Thái Tú Hạp...không làm sao kể hết.

Nhiều người đẹp quê tôi may mắn đi vào giai thoại tình yêu bởi những chàng trai đa tình, lãng mạn có thiên phú về thi ca, họ đã thắm yêu trộm nhớ và đưa các cô nàng đi vào con đường tình sử.

Nhạc sĩ Vũ Đức Sao Biển với *Thu hát cho người*, anh một thời yêu Hồ Thu Hà Lam người bạn gái của người viết. „Dòng sông nào đưa người tình đi biệt, Mùa thu nào đưa người về thăm lối xưa, về đôi sim ta nhớ người vô cùng...“, dòng nhạc trữ tình như dòng sông đưa người đi xa xứ, tình tự không nằm ở đôi sim Thăng Bình nhưng đi khắp bốn phương trời thật nhẹ nhàng và sâu lắng.

Một Đynch Trầm Ca với *Ru con tình cũ*, viết cho người đẹp Tam Kỳ, chị Ngọc Thuỳên, một thời làm điều đứng bao chàng trai.

„*Mười năm tình cũ*“ của Trần Quảng Nam sinh ra ở Tam kỳ lớn lên ở Đà Nẵng.

Anh định cư một nơi, nhưng bài tình ca của anh vang vang khắp bốn biển năm châu, „*Mười năm không gặp tương tình đã lỡ...*“, nơi nào có tiếng Việt nơi đó vang lên lời ca: *mười năm không gặp...*

Một Trầm Tử Thiêng, „*Chuyện chiếc cầu đã gãy*“, „*Có tin vui giữa giờ tuyệt vọng*“...



Còn biết bao nhiêu nhà báo, nhà văn xuất thân từ xứ Quảng đang ở Sài gòn và hải ngoại. Một người tài ba Bùi Giáng đầy bí ẩn, đời sống nửa tỉnh nửa điên của ông cũng không thiếu người ngưỡng mộ.



Nhà văn đang nổi tiếng ở Việt Nam Nguyễn Nhật Ánh, ở hải ngoại, nhà văn nữ Hoàng Nga, Trần Yên Hòa...

Năm tháng trôi qua hơn ba mươi năm định cư nơi xứ người, dù muốn dù không, giọng Quảng Nam cũng bị mai một. Đôi khi cũng thêm nghe được tiếng quê mình, cũng muốn hàn huyên về thói lè quê cũ. Thêm giọng nói quê như thêm nước mắm nguyên chất.

Rồi một ngày thật cơ duyên may mắn chúng tôi gặp được người em đồng hương cùng quê (NVL) .

Thật ấm áp trong căn phòng khách, bên ngọn nến vàng chúng tôi trò chuyện tâm tình, người em trai này đã ngâm cho chúng tôi nghe những bài thơ bất hủ. Thật tuyệt vời với giọng ngâm pha chút Huế, chút Bắc đậm đà ngọt ngào truyền cảm làm sao.

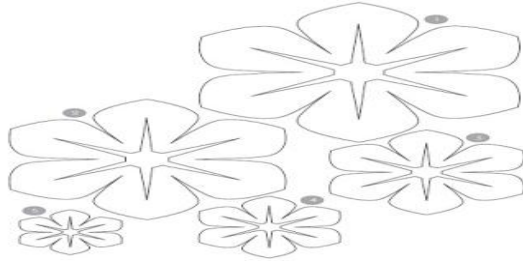
Như một lời tạ lỗi, tôi muốn thưa với người cùng quê, tôi không còn mặc cảm mình làm dân xứ Quảng, phải nói thật ân huệ được làm con xứ sỏi đá này.

Và hơn nữa, tự nhiên tôi cảm thấy yêu tấm lòng đơn sơ, chân thật, mộc mạc của người dân quê, bất cứ quê nào trên quê hương Việt Nam của tôi.

Nguyễn Tam Kỳ

Tết và Kỷ Niệm

Trâm Hương



Hôm nay là 23 tháng chạp, ngày đưa ông Táo về trời, ông Táo „đất“ mà hơn bốn mươi năm qua tôi không một lần hỏi thăm hay rớt tới ông, tuy vậy năm nào tôi cũng được xem ông mặc áo xanh áo đỏ, đội mũ cánh chuồn bằng giấy, đọc sớ trên sân khấu, đã thế có năm tôi „được“ xem ông đọc sớ đến mấy lần. Năm nay tôi nằm nhà nên bày ra nấu bánh chưng, để trước khi đưa ông Táo về trời, tôi nhờ ông làm việc chút xíu trước khi lên châu Ngọc Hoàng. Ông Táo tân thời của tôi là cái bếp bằng Gaz có 3 chân sắt. Ông Táo „sắt“ được kê ngoài Terrasse, giang sơn của ông là cái bàn vuông nhỏ, tôi cẩn thận che thêm cho ông cây dù cho bớt lạnh, bớt gió trong mùa đông rét mướt của xứ Đức.



Nồi bánh chưng xứ Đức

Không khí Tết bắt đầu đến với tôi khi trong bếp bày ngổn ngang những rổ rả

đựng nếp, đậu xanh, thịt ba chỉ ướp tiêu hành và mớ lá chuối xanh tươi nhưngđông lạnh. Đứng rửa lá mà lòng miên man nhớ đến những cái Tết năm xưa khi còn nhỏ, còn ở nhà với cha mẹ.....

Một tuần trước Tết, là con gái lớn trong nhà nên tôi được tháp tùng theo mẹ lên chợ Cầu Muối mua sắm để sửa soạn Tết.

Chợ Cầu Muối lúc nào cũng tấp nập, dịp Tết nhất lại càng đông đúc tấp nập hơn, người đi mua sắm chen vai thích cánh, những sạp bán dưa hấu cao nghều nghệu, tiếng rao mời chào khách sao mà náo nhiệt vui vẻ tung bừng quá.

Mẹ tôi đứng lựa dưa hấu, bắt ông bán hàng dùng dao nhọn, xẻ một hình vuông nhỏ vào quả dưa, để xem bên trong dưa có đỏ và không bị xộp hay không. Ông bán hàng nhắc quả dưa lên một cách chuyên nghiệp, rồi vừa vỗ quả dưa kêu bình bịch vừa liêng thoảng miệng quảng cáo:

- dưa của tui bảo đảm đỏ, không xộp, dở thì bác Hai.....đem... trả ...lại... tui.... Lựa xong chục dưa, mẹ tôi dặn để riêng ra một góc, chốc nữa mua bán xong sẽ quay trở lại để lấy. Rồi xăm xăm đi vào

những gian hàng bán gừng, bán dừa khô, bán củ kiệu, hành hương củ nhỏ màu đỏ, mẹ tôi vừa lựa từng củ gừng vừa giải thích cho tôi:

- con nhớ lựa gừng non, đừng lựa gừng già, gừng già cay, làm mút không ngon, mà nhớ lựa những củ có hình dáng đẹp, khi cắt, lát gừng mỏng sẽ thành những cô tiên múa cho đẹp....

Tôi cũng mảy mò lựa theo mẹ, nhưng lại cố tình lựa những củ có hình dáng đơn giản để về nhà gọt cắt cho dễ, còn gừng non hay già thì chỉ biết cầu may rủi bốc đại. Hết hàng gừng, mẹ tôi đảo qua hàng bán hành và củ kiệu. Những bó kiệu có râu ria xồm xoàm, mẹ cứ nhắc lên nhắc xuống, không biết mẹ lựa theo tiêu chuẩn nào, tôi chỉ nhớ là tôi bốc bó nào, mẹ lại xì một tiếng rồi bỏ lại:

- con phải lựa bó nào củ nhỏ, đừng ham củ lớn, ngâm không đẹp lắm đâu.

Đến hàng dừa khô thì tôi đứng im không dám táy máy, vì trái dừa khô nào cũng khô như nhau, biết đâu mà lựa, vậy mà mẹ tôi cũng cầm lên lắc lắc, bỏ lên bỏ xuống mấy bận. Qua đến hàng bán trái Me thì mẹ khỏi dạn, tôi nhớ là phải lựa trái Me nào dài đều và có hình cong cong, món này là món ruột của tôi, mặc dầu biết là ngồi gọt vỏ Me rất chi ư là cực khổ. Đến sạp bán măng cầu xiêm là tôi bắt đầuhết xiu quách, chỉ mong mẹ tôi đừng trả giá nữa mà mua đại vài trái cho mau cho rồi, nhưng đi chợ ở Việt Nam mà không trả giá thì sao ngây ngô giống người ngoại quốc quá, lớ ngớ là mua hớ với giá trên trời dưới đất như chơi. Sang đến hàng chum ruột, mẹ tôi chỉ trả giá sơ sơ vì cô bé bán chum ruột mặt mày hiền lành, một khuôn mặt khá hiếm thấy ở chợ Cầu

Muối. Các bà bán hàng ở chợ Cầu Muối có tiếng là dữ, lớ quớ là nghe mắng vốn đây cả tai. Tôi chỉ sợ mẹ tôi bị la, nhưng đông người và ồn ào quá, thành ra nếu có bị la chắc cũng không phân biệt nổi với tiếng chào mời hay tiếng trả giá ồn ào nhưcái chợ.

Cuối cùng rồi mẹ tôi cũng mua bán xong. Bây giờ hai mẹ con tôi đã tay xách nách mang đầy cả hai tay. Chen ra được bên ngoài, ngoắc một chiếc xích lô máy, lại trả giá, ông xích lô máy phụ mẹ tôi khuôn chực đưa hầu lên xe, giỏ bị đầy nhóc nào củ kiệu, hành tỏi, me, chum ruột, dừa khô, và măng cầu xiêm. Chiếc xe phóng như bay trong dòng xe xuôi ngược đông đúc của Sài Gòn đưa hai mẹ con tôi về nhà. Gọt vỏ gừng với những củ có hình dáng điệu bộ như cô tiên là phần của mẹ tôi, phần của tôi là gọt những củ thẳng tuột, không cong queo này nọ. Ngâm gừng trong nước muối độ 2 tiếng thì đến màn cắt lát. Mẹ tôi có con dao mỏng thật bén, cắt lát nào lát nấy đều ri và các ngón tay ngón chân của củ gừng vẫn còn nguyên vẹn.

Ngày xưa còn nhỏ tôi không thích ăn mút gừng, vì ở nhà trời nóng, ăn mút gừng cay toát cả mồ hôi. Mặc dầu trước khi bỏ gừng vào chảo để rim liu riu với lửa nhỏ, mẹ tôi đã nấu gừng qua một lần cho bớt mù, bớt cay và như thế khi rim, gừng sẽ không bị sậm màu. Ngày đó còn nhỏ, tôi nào biết đến cái thú nhâm nhi miếng mút gừng cay và uống miếng nước trà cho thấm giọng của người lớn !!!

Rồi bây giờ thì đến màn gọt trái me, vừa gọt vừa chảy nước miếng vì tưởng tượng đến vị chua của trái me. Gọt vỏ me cũng trần ai cực khổ lắm, nhất là đòi hỏi một kiên nhẫn tuyệt đối. Những trái me chua tròn dài được ngâm trong nước

đường nấu sẵn, xếp đứng từng trái vào những keo lọ có bề cao hơn trái me, rồi đổ nước đường nấu sẵn vào keo, đậy kín lại và chờ ngày Tết, lôi ra, cắn một miếng vào trái me dầm chua ngọt, chỉ mới tưởng tượng thôi mà tôi đã chảy đầy nước miếng trong miệng. Nước đường ngấm me lên men, nhấp nhấp vài ngụm cứ như là uống rượu của người lớn.

Thuở nhỏ tôi đã là „bợm“ rượu rồi thì phải!

Mứt măng cầu xiêm thì đơn giản hơn. Món mứt này tôi phụ mẹ rất đặc lực, mặc dầu vẫn không biết phân lượng đường và măng cầu xiêm, phải cho bao nhiêu thì vừa. Mẹ tôi vừa đảo chảo mứt gừng bên cạnh vừa canh chừng lượng đường mứt măng cầu xiêm của tôi:

-thêm nữa đi con, thêm độ một chén ăn cơm là vừa!

Sao ngày đó tôi chẳng nhắc mẹ tôi ghi lại phân lượng đường và trái cây cho rõ ràng nhỉ, năm nào cũng làm mứt mà năm nào tôi cũng phải chờ mẹ phán mới yên tâm. Khi chảo mứt măng cầu xiêm vừa xên xét quánh lại là tôi bắt đầu lôi mớ giấy kính trong đã cắt sẵn ra, sửa soạn gói. Mứt còn dẻo để gói, để một hột măng cầu màu đen quay ra ngoài, phết một muống nhỏ mứt lên giấy kính, hai tay vặn hai đầu ngược chiều nhau, hơi nóng của mứt làm giấy kính căng phồng lên. Cái kẹo măng cầu xiêm không những ngon tuyệt mà hình dáng dài dài tròn trĩnh trông xinh xắn vô cùng. Làm cực nhọc cả buổi tối mà mấy cậu em tôi vốc một lúc cả mấy cái, vừa đánh bài vừa ăn, chẳng biết thưởng thức hay nghĩ đến cái „công lao“ của bà chị gì cả. Bây giờ đến màn mứt Dừa. Nạo dừa khô ra khỏi vỏ là nhiệm vụ của chị giúp việc,

mẹ chỉ lo phần xắt lát dừa. Những lát dừa trắng tinh, dài, mỏng, mềm mại, được rim trong một chảo lớn. Nhà tôi đông anh em, lại chỉ toàn con trai, ăn cái gì cũng nhiều, chỉ mỗi tội ăn mà không biết „thưởng thức“, ý tôi muốn nói là không biết khen, chứ chê thì tài lắm. Mứt Dừa khi vừa xên tới xong, trắng phau trắng ngần trông thật đẹp. Tôi lại khoái cái lớp dừa hơi vàng ở bên dưới chảo, tuy không đẹp nhưng ăn thơm hơn những lát mứt dừa trắng tinh trắng ngần.

Nhà tôi là người Huế nên ngoài những món mứt thông lệ, năm nào mẹ tôi cũng không quên làm bánh in, bánh in bột nếp hay bánh in đậu xanh. Những cái khuôn bánh in bằng đồng mẹ tôi chỉ mua được ở Huế, khuôn bánh in bột nếp có hình vuông, khuôn bánh in đậu xanh có hình chữ nhật. Mỗi khuôn có một cái nắp khắc hình chữ Vạn hay chữ Thọ.

Bánh in bột nếp làm rất công phu. Vào sinh sống ở Saigon, mẹ tôi vẫn mang theo cái cối đá để xay bột nếp làm bánh in. Khi tôi lớn lên và biết phụ mẹ chút xíu thì mẹ tôi không dùng cối đá để xay bột nếp nữa mà mua sẵn bột về làm.

Theo mẹ tôi kể thì bột nếp làm bánh in trước hết phải rang lên, rồi đem xay nhuyễn bằng cối đá, xong đem trộn với nước đường nấu sẵn, rồi phải rây cho hỗn hợp bột đường hòa trộn với nhau cho đều. Nhân cho bánh in cũng rất công phu. Bí đao xắt hột lựu, rim sơ qua với đường, xong đem trộn với mè rang và thêm một chút xíu quế cho thơm. Bột nếp làm bánh in của người Huế cũng tương đương như bột nếp làm bánh dẻo Trung Thu. Bánh in ra khuôn rồi, phải bỏ từng cái bánh cẩn thận lên sàng, sấy cho khô, rồi sau cùng mới đem gói bánh vào giấy kính màu đỏ. Cẩn nhẹ một miếng bánh in bột nếp là phải biết ngậm

miệng mà lắng nghe hương vị bùi bùi thơm thơm của bánh và nhân bánh, chứ vừa ăn vừa nói là bị sặc ngay.

Bánh in bột nếp đã cất công như thế nhưng cũng chưa nhiều khê bằng bánh in đậu xanh. Mặc dầu là bột làm bằng đậu xanh tán nhuyễn nhưng người Huế vẫn gọi bánh in này là bánh hạt sen. Công đoạn làm bánh in rất nhiều khê, vậy mà anh em chúng tôi cứ nửa ăn nửa bỏ, vứt lung tung, tội nghiệp mẹ, cứ chắc lưỡi tiếc của tiếc công....Quả là chúng tôi đã không biết công lao của mẹ và cũng chưa đủ trình độ để „thưởng thức“ những món ngon vật lạ của ngày Tết, nhất là những món bánh cổ truyền và hết sức đặc thù của quê hương xứ sở như thế này. Ngày Tết, trên bàn thờ ông bà tổ tiên hay trên bàn nước trong phòng khách khi nào mẹ cũng bày một đĩa bánh in gói giấy đỏ....

Năm nào mẹ tôi cũng làm chả thè và tré. Ngồi phụ mẹ cắt nào tai heo, thịt đầu heo và thịt bò đem chiên lên rồi cắt rôi, chưa kể những củ riềng cứng oi là cứng và mớ tỏi cay nồng. Cái gì cũng phải cắt mỏng, cắt sợi, cắt rôi. Cái kiên nhẫn của mẹ đã lây qua tôi tự lúc nào.

Trước khi làm Tré, mẹ tôi đã làm sẵn Thính để trộn Tré cho mau chua. Mẹ tôi làm Thính bằng đậu xanh rang xay nhuyễn, chứ không dùng nếp hay gạo như vẫn thường làm để trộn Nem nướng.

Mẹ tôi giải thích là Thính đậu xanh là Thính của nhà vua, dân gian ít người biết đến công thức này. Ngày đó tôi cứ thắc mắc trong đầu không biết nhà mình có họ hàng dây mơ rễ má gì với vua chúa mà mẹ lại biết đến Thính đậu xanh. Sau này mẹ tôi cũng có giải thích cái "dây mơ rễ má" đó cho tôi nghe nhưng lâu ngày quá tôi cũng quên đi không còn

nhớ nổi bà Di hay bà Cô nào là hoàng hậu của ông vua nào thuộc nhà Nguyễn ngày xưa. Trộn thính xong là bắt đầu nén chặt Tré, rồi đến gói Tré thành từng lọn trong lớp lá ổi, ngoài bọc lá chuối, và bên ngoài cùng lại thêm một lớp rom rạ. Lọn Tré với lớp rom rạ bọc bên ngoài trông quyến rũ làm sao. Mẹ tôi treo Tré thành từng chùm trong bếp, trong nhà bắt đầu dậy mùi thơm lừng của Tré. Khách khứa đến thăm nhà ngày Tết, tôi có nhiệm vụ dọn một đĩa tré, một đĩa chả thè, đĩa củ kiệu, vài món Mứt, bung ra mời, miệng lí nhí chúc Tết rồi chui tọt vào nhà để sát phạt tiếp trong ván bài xì lát với anh em trong nhà...

Lúc nhỏ, khi còn học tiểu học, đến mừng hai Tết là cha mẹ tôi đi một vòng thăm họ hàng. Bên nội, cha tôi là út, bên Ngoại, mẹ tôi đứng hàng áp út, nên phận em, cha mẹ tôi có nhiệm vụ đi chúc Tết các bác các cô dì trong họ.



Ông anh và mấy cậu em trai của tôi ham ở nhà đánh bài hay chơi giỡn với nhau nên không phải đi theo cha mẹ chúc Tết, tôi là con gái „độc nhất“ vì em gái tôi lúc đó chưa ra đời, nên cứ phải „đại diện“ anh em, đi theo cha mẹ chúc Tết họ hàng.

Ngày đó tôi miễn cưỡng đi theo, nhưng đến nơi mới nhận ra rằng mình được độc quyền lãnh tiên mừng tuổi. Về nhà dấu béng ông anh và mấy cậu em ! Dấu là vì tôi không muốn chia chát số tiền đã „đại diện“ anh em nhận giùm, đại gì chia!!!



Bầu cua cá cọi ngày tết

Năm cha tôi làm việc ở Huế, gia đình dọn về theo và tôi đã ăn một cái Tết nhớ đời ở đây. Số là đầu năm, sáng Mừng Một Tết, anh em tôi theo thông lệ, mặc quần áo mới, theo thứ tự lớn nhỏ ra chúc Tết cha mẹ.

Sáng sớm Mừng Một hôm đó, trời mùa đông ở Huế lạnh gây gây, anh em tôi đứa nào cũng thảng bộ quần áo đẹp mới may nhưng vì còn sớm quá, chưa tới giờ chúc Tết, nên cả bọn chúng tôi rủ nhau ra vườn chơi.... Vườn nhà rộng mênh mông nên mẹ tôi có nuôi thêm hai con bò để làm kỹ giỗ ông bà Nội: kỹ ông Nội tôi vào rằm tháng giêng và kỹ bà Nội tôi vào rằm tháng ba. Hai con bò vẫn quanh quẩn sống trong vườn nhà, những bãi phân bò nằm rải rác dưới hai gốc nhãn sai trái vẫn là một đề tài sôi nổi của anh em tôi.

Cậu em kể tôi, anh chàng này vốn vẫn hay bày những trò nghịch ngợm quái quỷ, đưa đề nghị là cấm thử viên pháo đại vào bãi phân bò rồi châm ngòi đốt xem pháo.... nổ to cỡ nào. Miệng nói, tay cầm pháo vào bãi phân và châm lửa

đốt. Cả bọn 7 anh em tôi đứng quây quần chung quanh hồi hộp chờ.....xem.....pháo.....nổ!!!!

Cùng với tiếng nổ cái đùng của viên pháo, phân bò văng lên tung tóe, dính đầy mặt mũi và quần áo của chúng tôi. Mặt đứa nào đứa nấy lúc ấy tái mét không phải vì lạnh mà vì....sợ. Kết quả là một cái Tết không có tiền lì xì !!!



Chiều 29 Tết cha mẹ tôi bắt đầu nấu bánh Tết. Cha tôi gói bánh Tết rất đẹp, nhưng sửa soạn mọi thứ vẫn là công việc của mẹ, cha chỉ lo tước lạt và gói. Gian nhà bếp của nhà tôi khá rộng, mẹ dậy sớm, bày sẵn Nếp, Đậu đã ngâm từ tối hôm qua. Hai cái đòn gỗ kê giữa nhà cho cha mẹ tôi ngồi gói bánh.

Cha tôi cao lớn, chân lại dài nên ông duỗi chân duỗi tay chiếm trọn gian sơn gói bánh. Gói xong là ông đi lên nhà, mẹ lại lục đục xếp bánh vào thùng và đem nấu ở ngoài sân, gần cái giếng sâu của gia đình. Lúc còn ở nhà, ngày gói bánh, tôi chỉ quanh quẩn bên cạnh chờ cha mẹ sai vặt.

Với tôi ngày ấy, gói bánh Tết là một việc trọng đại, nên không hề nghĩ đến việc học gói học làm, nhưng cái việc ném bánh chín tới là khi nào cũng có tôi dơ tay xung phong đi đầu.

Đêm giao thừa, trong cái vắng lặng thanh vắng của buổi giao mùa, mùi trầm hương tỏa bay khắp nhà, mẹ tôi khoác cái áo dài ra sân thắp hương khấn vái ông bà tổ tiên phù hộ cho con cháu được mọi sự bình yên. Cha tôi loay hoay lo đốt châm ngòi phong pháo đỏ treo trước nhà. Chung quanh nhà đã vang rền tiếng pháo nổ dòn tan đón Giao Thừa.... Năm tôi thi Tú Tài II, sau khi cúng Giao Thừa, mẹ tôi cho tôi bỏ quả dưa hấu làm

đôi, bói quẻ đầu năm, dưa đỏ thi đậu, dưa không đỏ chắc phải đi „mảng vốn“ ông bán hàng ở chợ Cầu Muối. Năm ấy, quả dưa hấu tôi bỏ đôi, đỏ tươi, đẹp như đôi môi đỏ thắm của cô gái xuân thì. Tôi đã thi đậu và vẫn thích được bói quẻ đầu năm như một ngày xa xưa đó....

Trầm Hương



Chúc bạn

Vừa đủ HẠNH PHÚC để giữ tâm hồn bạn được ngọt ngào.

Vừa đủ THỬ THÁCH để giữ bạn luôn kiên nhẫn.

Vừa đủ MUỘN PHIỀN để giữ bạn thật sự tỉnh táo.

Vừa đủ HY VỌNG để cho bạn được hạnh phúc.

Vừa đủ THẤT BẠI để bạn mãi khiêm nhường.

Vừa đủ THÀNH CÔNG để giữ bạn mãi nhiệt tâm.

Vừa đủ BẠN BÈ để bạn được an ủi.

Vừa đủ VẬT CHẤT để đáp ứng các nhu cầu vật chất của bạn.

Vừa đủ NHIỆT TÌNH để bạn cho đời thêm hân hoan.

Vừa đủ NIỀM TIN để xua tan những thất vọng.

Chúc em

Nhanh chóng qua cầu

Tuy rằng trơn trượt nhưng cầu dễ đi

Mong em chẳng ngại ngùng chi

Bên kia có kẻ ngu xi đời chờ

Cô Nàng Xứ Huế

Trà Giang



*Cô gái Huế năm xưa mười tám tuổi
Má hồng tươi, môi thắm, mũi dọc dừa
Buổi ban đầu gặp gỡ lắm ngẩn ngơ
Tôi trót đã nhìn cô nên ái ngại*

*Tim tôi đập ngập ngừng từng hơi thở
Bởi vì cô trao ánh mắt dịu hiền
Bao tháng ngày lòng ấp ủ triền miên
Mang gió thoảng hương xưa nàng tái
ngộ*

*Anh vẫn biết yêu nhau là sẽ khổ
Vì đường đời có lắm lúc gian truân
Đám cưới mình vào độ tuổi thanh xuân
Rồi cách biệt ba năm trời đằng đẵng*

*Mẹ con thơ tháng ngày anh xa vắng
Em nhọc nhằn phải tần tảo nuôi con
Tình yêu em ôi thương nhớ vô vàn
Và ngày ấy anh trở về đoàn tụ*

*Tình đôi lứa mỗi tình đầy ấp ủ
Trọn lời thề Non Nước mãi tạc ghi
Tìm tự do đã cùng bước ra đi
Vượt biển cả đầy hiểm nguy tính mạng*

*Sau cơn mưa bầu trời xanh bừng sáng
Phương trời Tây bảo bọc cuộc đời mình
Ta vươn lên trong ánh nắng bình minh
Thế mới rõ tình thân là quan trọng*

*Thế mới rõ Tình Yêu và Hy Vọng
Mãi trường tồn xây hạnh phúc tương lai
Ta bên nhau đi suốt đoạn đường dài
Đời sẽ đẹp và tình yêu bất diệt.*

*Đức quốc – Kỷ Niệm 40 Năm Đám Cưới
(01.1975-01.2015)*

***Thương tặng Cô Nàng Xứ Huế
Trà Giang***



Nhớ lại tháng ngày qua



Trần thị Đông Thu

1. Tuổi thơ

Nơi sinh của tôi là thành nội Huế, gần hồ Tịnh Tâm đây hoa sen nở rộ vào tháng sáu, thơm ngát diu diu cả một vùng trời. Mẹ tôi cũng sinh vào tháng sáu nên mẹ tôi được ông Ngoại tôi đặt cho biệt hiệu là „Bạch Liên“, hoa sen trắng. Mãi về sau này khi em gái tôi ra đời, mẹ tôi đặt cho em tên Mỹ Liên, tôi mới được mẹ giải thích vì sao mẹ đặt tên này cho em. Đến 5 tuổi thì tôi theo cha mẹ vô Sài Gòn vì cha tôi phải vào Sài Gòn làm việc. Ông Bà Ngoại, họ hàng Nội Ngoại của tôi tất cả còn ở lại Huế.



Cha Mẹ tôi là một trong những người đi tiên phong trong họ hàng nhà tôi vào

Sài Gòn lập nghiệp thuở đó. Mỗi lần có Cô Dì Chú Bác từ Huế vào Sài Gòn chơi, ai cũng mang theo một ít quà quê hương miền Trung xa lắc cho gia đình tôi, nào là nón lá bài thơ, nón găng thô kệch có thêu rồng phượng phía mặt bên trong, nào là những xâu hạt sen khô, mè xứng dòn, mè xứng dẻo, bánh ít đen lá gai, những con nước không chân trắng phau (miền Nam gọi là con sứa), ăn với trái vả đắng chát chấm mắm ruốc mà ngày xưa còn bé, tôi chẳng thấy nó ngon ở chỗ nào cả, chỉ thấy Mẹ tôi hít hà chất lười chếp miệng sao mà ngon thế này. Những món quà tuy nhỏ nhoi tầm thường nhưng thấm đượm tình quê hương, làm sao mà không „ngon“ cho được ! Mãi sau này, khi sống xa quê hương hàng vạn dặm, xa cả nửa vòng trái đất, tôi mới cảm nhận được những cái nhỏ nhỏ vô cùng quý báu đó.

Ông bà Nội tôi mất sớm nên chúng tôi chỉ còn ông bà Ngoại. Tôi không nhớ rõ năm nào, chỉ biết là lúc ấy tôi còn nhỏ lắm, cha tôi chở chúng tôi bằng chiếc xe Citroen màu đen từ Sài Gòn về Huế ăn

Tết với ông bà Ngoại và gia đình cậu dì của tôi. Một mình mẹ lo sửa soạn chuẩn bị mọi thứ cho bảy con 6 đứa một chuyến đi chơi xa. Chuẩn bị ở đây có nghĩa là ngoài quần áo, dày dép, áo len áo ấm này nọ vì thời tiết vào dịp Tết ở Huế lạnh lắm... Mẹ còn phải bới xén các thức ăn vặt vĩnh cho anh em chúng tôi ăn dọc đường, từ trái cây, khoai sắn, cho đến com vắt thịt kho, thịt chà bông... vì lũ anh em chúng tôi như „tằm ăn rỗi“, lúc nào cũng ăn và lúc nào cũng đói, mà ăn dọc đường dọc xá thì vừa bụi bặm lại vừa tốn kém.

Là con gái lớn, tôi được mẹ giao phó mang đồ ăn thức uống chất vào xe để còn biết chỗ mà lấy cho các em khi chúng nó kêu đói. Tôi chỉ nhớ là ngày ấy từ sở làm về, mới bước chân vào nhà, cha tôi đã hối hả giục cả nhà lên xe. Hồi giục vẫn là một thói quen cố hữu của cha tôi và mẹ tôi thì lúc nào cũng bắt cha tôi chờ, không bắt chờ sao được, khi mọi chuyện lớn nhỏ trong nhà chỉ một tay mẹ lo... Thứ nào chưa đem lên xe ông bắt bỏ lại, vội vã lái xe ra khỏi thành phố, lên xe rồi ông mới giải thích vì sao mà phải quỳnh quáng như thế. Ông nói, giờ phút chót, chính phủ đã ra lệnh khẩn cấp, cấm ngặt tất cả mọi di chuyển ra khỏi thành phố trong dịp Tết, công chức tuyệt đối không được rời nhiệm sở Nếu chần chờ thêm vài ba tiếng đồng hồ nữa thì không thể ra khỏi thành phố, và như thế là phải dẹp chuyến đi ăn Tết ở Huế mà cha mẹ tôi đã chờ đợi và hứa hẹn với ông bà Ngoại từ mấy tháng nay.

Ngày xưa những chuyến du lịch xa xôi như thế này thật là hiếm hoi, từ Sài Gòn mà lái xe theo quốc lộ số 1 về đến Huế là cả một chuyến viễn du, cứ như là đi du lịch năm châu bốn bể ra ngoại quốc không bằng. Năm đó mẹ tôi còn đang

mang thai người em thứ 7 của tôi, cô em gái duy nhất. Nếu tính ngược dòng thời gian thì năm đó phải là năm 1960. Một mình cha tôi lái từ Sài Gòn ra Huế, một chuyến đi dài gần 1200km, đi máy bay chong chóng thời ấy cũng mất cả 3 tiếng đồng hồ, còn lái xe hơi cà rịch cà tang phải đi mất 3 ngày 2 đêm mới đến. Chúng tôi đã đi qua những tỉnh miền Trung quen thuộc như Phan Thiết, Cam Ranh, Nha Trang, xa hơn nữa là Qui Nhơn, Bình Định, Tuy Hoà, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Tam Kỳ, Đà Nẵng và cuối cùng về đến Huế.

Con đường quốc lộ số 1 thời ấy có thể nói là còn tạm an ninh, không có những đồn bót canh gác nghiêm phòng cẩn mật kiểm soát như sau này, đường xá thì ổ gà ổ vịt, khi thì một khúc đường nhựa không có lề đường, không có vạch kẻ ngăn chia hai chiều, khi thì chỉ là một con đường đất đỏ, bụi tung mịt mù, những cây cầu cũ kỹ vẹo mình rắc róc mỗi khi xe chúng tôi qua cầu....Xe cộ dọc đường phần lớn là xe đạp, họa hoằn lắm mới có một chiếc xe đồ chở lư thừa hành khách với những giỏ cần xé nằm lỏng chỏng trên nóc xe, theo nhịp xe nhún lên nhún xuống, lắc lư tránh ổ gà như sắp sửa rơi xuống đường. Cha tôi cứ phải bám còi tin tin để qua mặt, lũ trẻ con chúng tôi lại được dịp vỗ tay âm ỉ mỗi khi Cha tôi qua mặt một chiếc...xe hàng. Đường xá tốt xấu kiểu gì cũng chẳng ăn thua quan hệ gì với lũ trẻ con chúng tôi, cả sáu anh em tôi đứng ngồi ở băng sau xe, đứa lớn thì đứng, chen nhau mà đứng, đứa nhỏ thì ngồi ...lõn nhõn trên xe.

Thời đó làm gì có chuyện cài giây an toàn, nên anh em chúng tôi thay nhau mà ngồi, và dĩ nhiên chỉ chịu ngồi khi buồn ngủ vì lý do dễ hiểu là không thể ngủ đứng được. Mỗi lần dừng chân ở

đâu để nghỉ xả hơi ăn uống, lúc lên xe đi tiếp anh em chúng tôi tự điếm danh từ số 1 đến số 6, con số 6 thì tôi hộ giùm cho cậu em „út“ lúc đó mới 3 tuổi. Tài xế là cha tôi chỉ cần nghe đến số 6 là rồ máy chạy, cha mẹ tôi phải dọa như thế để chúng tôi sợ mà lo leo lên xe nhanh nhanh, chứ đũa leo lên đũa leo xuống, cứ như cóc nhảy nhồm thì chẳng bao giờ „đề pa“ đi được. Chỉ có cha tôi là phải gồng người ra mà lái vì mẹ tôi không biết lái xe. Nhưng nội cái chuyện làm quan tòa phân xử anh em tôi vì dành chỗ đứng tốt trên xe cũng đủ làm mẹ tôi mệt lử, hết quay bên này đến quay bên kia đỡ dành, công việc này chắc là còn mệt và căng thẳng hơn cả lái xe ...

Tôi còn nhớ khi về đến Qui Nhơn, chúng tôi phải nghỉ đêm cuối ở đây, đêm đầu thì ngủ lại ở Nha Trang. Bọn anh em tôi, 4 đũa lớn ngủ một phòng, 2 em nhỏ thì ngủ chung với cha mẹ tôi. Vì chúng tôi chỉ quen chạy chân không ở nhà, ở đây là khách sạn dọc đường, có lẽ chỉ hơn khách sạn „ngàn sao“, họ để guốc gỗ cho chúng tôi đi cho sạch chân ở ngoài cửa phòng ... Mấy đũa tôi khoái tí, cứ thế mà xỏ guốc, mang guốc đi tới đi lui trong phòng kêu lộp cộp, lâu lâu còn giả bộ đi ra ngoài hành lang...rửa chân cho mát... Lộp cà lộp cạp suốt đêm!

Cha mẹ tôi lúc này đã yên giấc sau một ngày mệt nhọc, không biết là bây con đang phá làng phá xóm, phá giấc ngủ của khách ngủ trọ trong khách sạn... Sáng hôm sau khi xuống thanh toán tiền bạc, ông chủ khách sạn lịch sự đưa cho cha tôi mảnh giấy của một người khách trọ nào đó: „Yêu cầu khách sạn cất guốc khi có con nít đến ngủ trọ“. Nghe nói đêm khuya ông khách đã bỏ đi và để lại cái giấy này cho cha mẹ tôi !! Biết làm

sao hơn với lũ con nghịch ngợm, có la mắng chúng tôi lúc đó thì chuyện cũng đã xong rồi Bàu đoàn thê từ lại leo lên xe đi tiếp cuộc hành trình đầy thú vị.

Ra khỏi địa phận Qui Nhơn Bình Định là đèo Đại Lãnh, phong cảnh thật hữu tình ... Trên cao nhìn xuống những rừng dừa xanh ngút ngàn, sóng biển trắng xóa đập vào ghềnh đá văng bọt nước lên cao, bờ biển khi ẩn khi hiện sau rừng dừa xanh, ánh nắng rực rỡ trong vắt của buổi ban mai nhảy múa trong những tàng cây cao hai bên ven đường. Lúc đó sao tôi thấy lòng mình thơ thới yêu đời, yêu phong cảnh quê hương không thể tả, mặc dầu tôi chỉ là một con bé con mới 9 tuổi đầu !



Biển Đại Lãnh

Càng về gần đến Tam Kỳ, Đà Nẵng, trời càng âm u, ánh nắng chan hoà của đoạn đường Nha Trang - Qui Nhơn bây giờ đã được dần dần thay thế bằng những giải mây mù thấp trĩu nặng nước mưa ... Leo lên được gần đến đỉnh đèo Hải Vân thì bỗng dung xe của cha tôi....làm reo, không chịu chạy nữa.

Đèo Hải Vân thật ra không quá cao nhưng đối với kỹ thuật xây đường xá của Pháp ngày xưa thì đèo chỉ được chạy một chiều, hoặc lên hoặc xuống, xe nào lên được tới đỉnh thì phải ngừng ở đó, đợi mọi xe phía bên kia đèo lên hết dốc mới được phép chạy xuống. Mỗi lần lên xuống như vậy là mất cả

tiếng đồng hồ, thành ra xe nào cũng hỏi
hả cho kịp giờ lên đèo và xuống đèo.



Đèo Hải Vân

Bây giờ xe của cha tôi chết máy như thế
này chắc là kẹt lại ở trên đỉnh đèo rồi,
làm sao mà xuống cho kịp lần đổ đèo
này...Tuy là con nít nhưng lòng tôi
cũng đánh lô tô lo sợ, chỉ biết cầu mong
sao cho xe sớm chạy lại được...

Trời mưa như trút, mây giăng thật thấp
tưởng như nắm được, dòng nước lũ xối
xả chảy hai bên đường càng làm tôi
thêm lo sợ, mắt đã bắt đầu róm róm
chực khóc mà cố gượng. Cha tôi mở
nắp máy xe tìm cách sửa, mẹ tôi bầu bí
cũng ráng chạy bộ lên dốc để tìm người
phụ giúp cha tôi. Anh em tôi lúc đó đưa
nào cũng biết thân nên không dám chọc
phá nhau, đứng im thin thít chung
quanh xem cha sửa xe, chẳng đứa nào
chịu ngồi lại trong xe Không biết
cha tôi mở cái nắp gì mà hơi nước phụt
ra cái rầm, làm thằng em thứ 4 của tôi
đang đứng xớ rớ gần đó hoảng quá,
nhảy đại sang một bên, may mà bên
đường chỗ đó chỉ là một cái hố cạn, cu
cậu nằm gọn lỏn trong hố mặt mày xanh
ngắt vì sợ. Sau cú „xì hơi“ đó máy xe
nổ trở lại, nên xe cha tôi theo kịp đoàn
xe đổ dốc xuống đèo.

Xuống hết đèo, vào đến địa phận Lăng
Cô, miền Trung của tôi sao nghèo nàn
quá đỗi, trời tháng giêng lạnh buốt mà
người ta vẫn đi chân không, không giày
không dép, trên người mang cái áo tơi lá

làm lũ gánh gồng hay đạp xe đạp đi
trong mưa gió. Nón lá và áo tơi lá ướt
đẫm nước mưa đã là những hình ảnh
không bao giờ quên được trong trí óc
non nớt của tôi.



Lăng Cô - Huế

Về đến Huế, có ông bà Ngoại, có cậu
mợ và các anh các chị con cậu tôi xúm
xít xung quanh mừng rỡ, cha mẹ chúng
tôi như rũ bỏ được bao nhiêu lo lắng
cho đoạn đường thiên lý vừa trải qua...
Cái Tết đó tôi được sống trọn vẹn trong
tình gia tộc, có ông bà và có họ hàng
thương yêu. Tết đó tôi được mặc cái áo
dài đầu tiên trong đời, mặc áo ké của bà
chị họ, cái áo dài bằng nỉ màu cà phê
sữa sao mà ấm áp và đẹp quá, cái áo đã
được tôi diện cả ba ngày Tết.

Sáng mừng hai ngũ dậy cha tôi đưa cả
nhà về làng Nội thăm mộ ông bà Nội
tôi. Làng Nội tôi chỉ cách Huế 15 km,
làng Dương Nỗ, có con sông mang cùng
tên làng, một nhánh sông đào của sông
Hương, chảy ra cửa biển Thuận An.
Con sông mà cha mẹ tôi vẫn thường
tranh cãi nhau vì mẹ tôi vẫn cho rằng
con sông Bồ, chảy qua làng Niêm Phò,
làng của mẹ tôi, con sông này đổ ra Phá
Tam Giang, rộng lớn hơn sông Dương
Nỗ của cha tôi. Mẹ tôi vẫn cho rằng
sông đào, sông nhân tạo thì không thể
nào rộng hơn sông thiên nhiên được.
Đến ngày hôm nay tôi vẫn không biết
sông làng Ngoại hay sông làng Nội rộng
hơn mà „phân xử“ đúng sai cho cha mẹ.

Mộ ông bà tôi nằm ngoài ruộng đồng, đường ra mộ bùn lầy ướt át trơn trượt, phải đi bộ ra xa tấp mới đến ...Trời tháng giêng ở Huế có mưa phùn nhẹ, trong không khí có mùi lạnh lạnh rét mướt của mùa đông.

Ở SG đã quen với cái nóng nhiệt đới, lũ anh em chúng tôi đứng trước mộ ông bà mà hai hàm răng đánh bò cạp vì lạnh, môi đỏ ửng nào đỏ ửng tím ngắt, chỉ ung mau mau được quay về căn nhà của ông bà Ngoại, được ôm cái lồng ấp có những cục than nho nhỏ mà bà Ngoại phát cho mỗi đứa chúng tôi.

Về làng thấp được nén hương cho ông bà Nội tôi, cha mẹ tôi rất lấy làm mãn nguyện và chắc là không còn cảm thấy mệt nhọc khi phải lái xe mấy ngày mấy đêm, đi cả ngàn cây số với lũ con nghịch như quỷ. Những ngày cùng các anh chị lớn con của cậu tôi đi thăm các lăng tẩm Tự Đức, Khải Định là những kỷ niệm khó phai trong lòng tôi.



Hồ Sen Lăng Tự Đức

Cái gì rồi cũng không kéo dài mãi được, mùng 4 Tết, gia đình tôi phải quay trở lại Sài Gòn.

Thật là kỳ lạ, chuyện „đi ra“ Huế tôi vẫn còn nhớ như in trong đầu, thế mà chuyện „đi về“ trở lại Sài Gòn, tôi lại hoàn toàn không nhớ một mảy may gì cả.

Trong ký ức chỉ còn sót lại một điều duy nhất mà tôi còn nhớ là tôi đã khóc sụt sùi suốt đêm với người chị họ lớn hơn tôi 2 tuổi, người chị đã cho tôi hưởng cái cảm giác làm người lớn mặc áo dài.... Tôi khóc vì ngày mai chị em tôi phải xa cách nhau, không biết khi nào mới lại được gần gũi, làm sao lúc đó tôi biết được là sẽ có cái ngày đảo chánh, lật đổ ông tổng thống Ngô đình Diệm....đưa đẩy gia đình cậu tôi phải vào Nam sinh sống, cho chị em tôi được trùng phùng

Mùa hè năm 1965, mùa hè thứ hai của tôi ở Trung Vương, khi cha tôi ra nhậm chức ở Huế đem theo cả gia đình về lại nơi chôn nhau cắt rốn, anh em tôi theo cha mẹ về Huế mà lòng buồn rười rượi vì phải xa bạn, xa trường ở Sài Gòn....

Về Huế nhằm vào dịp nghỉ hè, chưa phải đặng tới sách vở, bạn mới trường mới nên chúng tôi tạm quên những chuyện tương lai xa vời phức tạp, chỉ biết tận hưởng những ngày hè đầy thú vị mà ở Sài Gòn chưa chắc chúng tôi đã có thể có được.

Ngày nào chúng tôi cũng đạp xe đạp từ Toà Khâm, nhà mới của chúng tôi ở đây, đạp về Đập Đá, về Vĩ Dạ hay đạp lên Bến Ngự, dốc Nam Giao, đạp qua cầu Trường Tiền sáu vài mười hai nhịp mà hồi đó tôi chưa có thì giờ để đếm

Đạp vào Thành Nội, tìm đến hồ Tịnh Tâm, ngày nào siêng lắm thì đạp lên Thiên Mụ, đạp bờ hơi tai vì phải leo lên con dốc khá cao, để rồi quay xe lại, thả hai tay co giò đổ dốcHái những chùm trái keo (phượng tây) trong vườn nhét đầy túi làm đồ nhắm dọc đường, loại trái giống như trái phượng, trái chỉ nhỏ hơn và hột ăn bùi hơn. Chúng tôi vừa đạp xe, một tay vịn ghi đông xe

đạp, tay kia bóc vỏ trái keo với sự trợ giúp của hàm răng, nhần nhần ra những hột keo xanh xanh nho nhỏ, nhai bùi bùi trong miệng, rồi vớt đại vỏ keo xuống con đường Lê Lợi chạy dọc theo bờ sông Hương đầy bóng mát êm ả của hàng phượng vĩ đỏ rực trồng hai bên đường.



Cầu Trường Tiền

Những ngày tập bơi bì bõm ở Đập Đá, nhà của ông bà Ngoại tôi. Khúc sông Hương này rẽ quanh theo Cồn Hến nên nước chảy không xiết lắm, anh em tôi chặt vài thân cây chuối trong vườn, hì hục hè nhau lặn xuống sông cho nổi lênh bênh tứ tán, rồi cứ thế mà cầm đầu nhảy tòm xuống nước, vịn theo mấy nhánh cây mọc vươn ra ngoài, lặn hụp theo kiểu „bơi chó“ quờ quạng tới được những thân cây chuối đang trôi nổi trước mặt, rồi cứ thế, mỗi đứa tay ôm một thân cây chuối và chân thì đạp vùng vẫy quậy nước tung tóe ...tập bơi. Lúc lên đến bờ thì đứa nào đứa nấy run rẩy ướt như chuột và áo quần thì dính đầy mù chuối, giặt kiềng gì cũng không ra hết mù....

Vì cả mấy anh em tôi chỉ tự học lấy với nhau, chẳng ai là thầy ai, đứa nào bạo dạn ít sợ thì học nhanh, biết bơi sải, bơi nhái, đứa nào nhát cáy thì tha hồ uống nước sặc sụa, rồi đứa sau theo đứa trước, như một bầy rái cálặn hụp trong giòng sông êm ả của quê nhà.

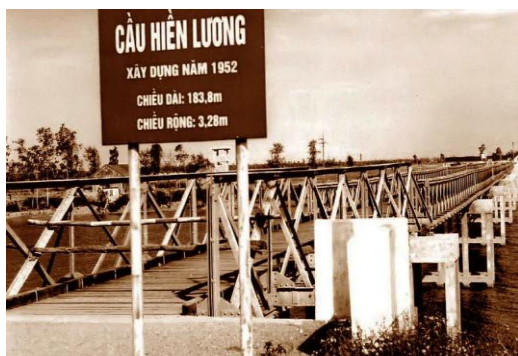
Những chiếc thuyền nan đánh cá chạy dọc ven sông, gõ lóc cóc vào thành ghe cho cá nghe tiếng động mà tụ tập tới cho họ giăng lưới bắt, đành quay mũi ghe chèo đi hướng khác tìm chỗ giăng lưới, vì ở đây, những con ...“rái cá Saigon“ đang khuấy động cái yên tĩnh của khúc sông, cá tôm gì cũng sợ, lặn trốn mất tiêu.

Hè đó cha tôi cho chúng tôi ra Quảng Trị thăm cây cầu lịch sử Bến Hải chia đôi hai miền đất nước. Cầu Bến Hải, sông Bến Hải, vĩ tuyến 17..... những cái tên này đối với tôi sao lúc nào cũng xa tắp khủng khiếp quá, mang đầy tính đe dọa, hận thù, chia rẽ, tôi chưa hề coi đây là giải đất của quê hương xứ sở yêu dấu, chẳng hiểu vì sao ?

Đoạn đường từ Huế ra Quảng Trị không xa lắm, chỉ 60 hay 70 cây số gì đó, cha tôi chỉ cho bốn anh em lớn chúng tôi đi theo, căn dặn cẩn thận không được chạy lăng quăng và không được nói vớ vẩn bậy bạ. Những lời căn dặn của Cha tôi càng làm tôi ghét thêm cây cầu khó thương này mặc dầu chưa thấy bóng dáng nó ra sao. Ngày đó anh tôi và tôi thường vặn radio nghe chương trình Dạ Lan, tiếng nói ấm áp của người nữ phóng viên vẫn nhắc đến cầu Bến Hải, với tôi lúc đó như một thực thể xa vời, chẳng ăn nhập gì với tôi.

Không hiểu lúc đó cha tôi đã nghĩ gì mà dắt bốn đứa con của ông đứng trên cây cầu biên giới này. Sau này, khi đọc tập hồi ký của cha tôi, tôi mới hiểu được phần nào tấm lòng của ông lúc ấy. Một ngày xa xưa nào đó, ngày cha tôi còn độc thân, ông đã liều mình vượt qua cửa Việt, bỏ lại đằng sau lưng những tháng ngày tù đày đen tối đầy hận thù của miền Bắc mà trở về vùng quê hương yêu dấu ấm áp tình người. Cửa Việt

ngày xưa cũng là một ranh giới phân chia bên này bên kia, bên Việt Minh và bên Quốc gia....Những kỷ niệm ngậm ngùi của một quá khứ xa xưa như sống lại với cha tôi khi ông lặng yên đứng trên cây cầu Bến Hải chia cắt hai miền...



Từ xa, trên một quãng đời trống, không nhà không cửa, đồng không mông quạnh, một vùng phi quân sự, tôi đã thấy thấp thoáng bóng lá cờ vàng ba sọc đỏ đang ngao nghễ phát phới bay tung trong gió. Càng đến gần, cầu Bến Hải nhỏ bé càng hiện rõ thêm ở cuối chân trời, giòng nước sông Bến Hải xanh ngắt lặng lẽ phẳng lặng, một thứ phẳng lặng an bình giả tạo, chảy nhẹ nhàng như lướt dưới chân cầu. Những dàn loa phóng thanh mấy chục cái được treo làm hai tầng, chia mặt loa thẳng sang bờ Bắc bên kia, những dàn đèn pha vô tri vô giác như sẵn sàng rọi chiếu bất cứ ngọn cây khúc cỏ nào hai ven bờ. Bên kia sông, một cột cờ khác cũng cao không kém gì cột cờ bên này, mảnh cờ đỏ sao vàng cũng phát phới tung bay trước gió, cũng một dàn loa phóng thanh, to hơn và cao hơn bên bờ Nam, chia mặt loa đen ngòm sang bờ Nam như thách thức khiêu khích. Chúng tôi tới cầu Bến Hải may là nhằm lúc hai bên đang ngừng giờ phát thanh, chỉ có cơn gió lồng lộng làm tung bay phần phật hai ngọn cờ hai bên bờ Nam Bắc,

ngao nghễ thách thức nhau như tự thuở nào. Chỉ có tiếng gió lao xao còn ngoài ra là một im lặng rợn người. Một đồn canh nhỏ nằm lặng lẽ giữa cầu, lần ranh giới chính thức chia hai miền Nam Bắc được cả thế giới công nhận !!!

Cha tôi dắt bốn anh em tôi xuống cầu, đi theo cha tôi là hai người cận vệ. Những mảnh ván của cây cầu run nhẹ dưới chân tôi, nước sông vẫn lặng lẽ chảy, cảm giác sợ sệt trong tôi lúc đó hầu như biến mất, tôi vẫn nhớ là lúc đó tôi vênh mặt lên như sẵn sàng đối kháng với bất cứ một đe dọa nào...Một thứ „tuổi trẻ nông nghênh“, chỉ biết mình mà không biết người...Đứng trên cầu, tôi tò mò giương mắt nhìn sang phía bờ bên kia...Thấp thoáng xa xa chỉ thấy có vài dáng người đi ra đi vào một cái điểm canh nhỏ nằm bên kia bờ sông...Một người lính bộ đội miền Bắc đang đứng canh gác bên kia cầu, thấy cha con tôi tới, cũng thủng thẳng bước lên cầu tiến gần về phía chúng tôi... Hai bên hình như có đôi lời „chào hỏi“, nhưng không bắt tay nhau. Tôi trở mặt thao láo nhìn người lính của miền Bắc, thấy hắn cũng „giống“ mình nhưng sao thấy... không có một chút cảm tình gì cả, mặt hắn ta lạnh như tiền, không thương được.

Lúc đó tôi đã nghĩ rằng sẽ không bao giờ có một ngày tôi đặt chân lên phần đất của bờ Bắc bên kia, chắc là không bao giờ và sẽ không bao giờ xảy ra chuyện đó. Bao nhiêu chục năm sau, mặc dù đất nước không còn bị chia cắt nữa, tôi vẫn ngần ngại không muốn về. Đã biết bao nhiêu lần tôi bay ngang bay dọc trên bầu trời Việt Nam, khoảng cách với quê hương chỉ có 10 km tính theo độ bay cao của máy bay. Từ trên nhìn xuống mảnh đất thân thuộc yêu dấu nhưng sao quá xa cách với

tôi.....Mãi cho đến 33 năm sau, khi tâm hồn tôi vượt qua được cái ngần ngại không muốn về thăm quê hương nữa, chúng tôi đã quyết định tháp tùng theo một nhóm du khách Đức về „du lịch“ Việt Nam từ Bắc chí Nam.... Lần đầu tiên trong đời đặt chân xuống phi trường Nội Bài của Hà Nội, lòng tôi đã chùng lại, tâm trạng bồi hồi thật khó diễn tả, nhưng không hiểu sao cái cảm giác xa cách ấy lại trở về trong tôi, vẫn làm cho tôi như giữ một khoảng cách không muốn gần gũi với Hà Nội.

Cái cảm giác dồn nén bức bối khó chịu của ngày nào khi đứng trên cầu Bến Hải lại trở về với tôi khi đứng bên này, bên phía Tây của bức tường ô nhục Berlin, phải nhìn vọng sang bên kia, bên phía đông của bức tường. Đằng sau bức tường là cổng „Brandenburger Tor“ với lớp gạch đá cũ kỹ đen xì, đứng âm thầm chịu đựng dưới ánh mặt trời gay gắt trên cao. Tôi đã nhìn cái „khải hoàn môn“ của Đông Bá Linh không khác gì khi nhìn cái cột cờ ngạo nghễ khiêu khích của bờ Bắc sông Bến Hải ngày xa xưa đó

Khi bức tường Bá Linh sụp đổ, dân chúng hai miền Đông Tây của Đức đã ôm nhau nhảy múa mừng đón ngày đất nước họ từ nay thống nhất thành một. Ngày đó tôi đã đem theo vào sở một chai Champagne để uống chia vui với người bản xứ mà lòng buồn vơi vợi khi chạnh nghĩ đến đất nước quê hương mình, cũng „thống nhất“, cũng không còn bị chia cắt, nhưng sao mình vẫn phải làm người dân xa xứ, sống lạc loài nơi xứ sở quê người.



Lúc gia đình tôi còn ở Huế, anh em tôi đã nhập học vào các trường Quốc Học, Đồng Khánh hay Hàm Nghi thì biến động miền Trung bùng nổ, đâu đâu cũng nghe „đá đảo Thiệu Kỳ“, đâu đâu cũng chỉ thấy biểu tình và biểu ngữ... Cha tôi đưa mẹ tôi và các em nhỏ vào lại Sài Gòn vì ở Huế không còn yên lành nữa. Không hiểu sao lúc ấy cha mẹ tôi lại để ba anh em lớn chúng tôi ở lại Huế. Sau này tôi hỏi lại mẹ tôi thì mẹ tôi nói rằng, sợ các con nghỉ học nửa chừng không có học bạ để nộp lại cho trường ở Sài Gòn. Cho tới bây giờ, mấy chục năm đã trôi qua, trải qua bao nhiêu biến cố hãi hùng khác, thỉnh thoảng nhắc lại chuyện ngày xưa, mẹ tôi vẫn còn rung mình tỉnh giấc không ngủ lại được, vì sao hồi đó lại „to gan“, để mấy đứa con lớn ở lại Huế, nếu lỡ dại có chuyện gì xảy ra ???

Mặc cho tình hình sôi động ở Huế, anh em tôi dọn về Bến Ngự ở với người dì, người em gái út của mẹ tôi, chờ ngày trường học mở cửa lại mà đi học cho đến hết niên khóa. Lúc đó tôi chẳng hiểu chuyện gì đã xảy ra ngoài chuyện trường học bây giờ đóng cửa, mặc dầu chưa hết niên khóa, học trò không phải đi học, được ở nhà vui chơi thỏa thích.

Những ngày tháng ở chung với người dì vui tính, anh em chúng tôi ngày nào cũng nhảy xuống sông Bến Ngự trước mặt nhà bơi ngang bơi dọc. Dì tôi ở chung với gia đình chồng, có mấy người em chồng cũng cỡ tuổi anh em chúng tôi, lại hợp tính hợp tình, suốt ngày vui đùa với nhau nên tôi chẳng thấy nhớ cha mẹ và các em của tôi gì cả.

Thu, cô em chồng đảm đang của dì tôi học cùng lớp với tôi ở Đồng Khánh, tuy học cùng lớp nhưng hình như Thu lớn hơn tôi vài tuổi. Thu có nuôi hai con heo trong vườn nhà, con heo nái gần ngày sinh nên chỉ nằm lười biếng quanh quần trong chuồng. Ngày nào Thu cũng dụ khi anh em tôi vớt bèo dưới sông lên để Thu xắt nhỏ, trộn với thân chuối và cám cho heo ăn. Ngày nào lười lên được một vè bèo thật lớn là tôi hí hửng nhất định đòi Thu tiền công vớt bèo. Thu thường trả nợ tôi bằng đĩa bánh bèo hay vài cái bánh bột lọc, hình như những thức ăn này lúc nào cũng có sẵn trong nhà.

Cái đêm heo nái chuyển bụng đẻ, tôi muốn cùng Thu thức để canh chừng, nhưng rồi ngủ gục lúc nào không hay. Sáng hôm sau tỉnh dậy, chạy ra chuồng heo, thấy mấy chú heo con nằm bú vú mẹ ngon lành, tôi đứng ngẩn tò te nhưng không dám trách Thu, tại sao không đánh thức tôi dậy để phụ làm „cô mụ“ cho heo. Tôi chỉ nhớ khi chia tay với gia đình dì để vào lại Sài Gòn với

cha mẹ tôi, tôi cũng đã lại khóc sụt sùi, vì có chia tay nào mà vui đâu.

Vào Sài Gòn tôi được trường Trưng Vương cho nhập học lại và trở lại lớp cũ có bạn bè quen biếtcho đến ngày đậu tú tài rồi sang Tây Đức du học. Trước khi lên đường, khoảng đầu tháng hai, sau khi ăn Tết, cha mẹ tôi cho tôi về Huế thăm mộ ông bà Nội tôi.

Huế vẫn còn mùa đông, vẫn còn mưa phùn bay lất phất, vẫn còn cái lạnh lạnh gai gai không quen cho người Sài Gòn, tôi đã được cô cháu gái, tuy hàng cháu nhưng cùng tuổi với tôi vì cha nó, người anh họ, con trai đầu của ông bác cả tôi, cũng gần gần bằng tuổi cha tôi.

Hai cô cháu tôi đèo nhau bằng chiếc Honda về làng, con đường ra mộ lũy lội bùn non, chúng tôi bỏ xe đi bộ ra cánh đồng. Tiếc thay cánh đồng trong mùa đông đã ngập đầy nước, tôi chỉ còn biết đứng nhìn xa xa gò mả của ông bà Nội chênh vênh ngoài kia mà không thấp được một nén hương trước ngày ra đi. Lúc đó tôi đã nghĩ, lần này không thấp hương được thì lần sau cũng không muợn màng gì ...Cái lần sau đó tôi phải đợi mãi đến 33 năm sau.

Trên chuyến bay từ Hà Nội về Huế khi tôi trở lại Việt Nam, tôi đã ghen ngào và bật khóc khi cô tiếp viên của hãng hàng không Việt Nam báo tin máy bay sắp đáp xuống Phú Bài - Huế.

(xin xem tiếp phần 2 trang 63)



Cảm Nghĩ Về Bốn Mùa

Trung Đạo Nguyễn Văn Nhân

Mùa thu ở Âu Châu khí trời se lạnh và sương mù đã bắt đầu giăng phủ khắp đó đây. Thường thì sương phủ mịn mờ vào những buổi sáng tinh sương kéo dài cho đến khi mặt trời lên hay đôi lúc còn dày đặc cho đến khi mặt trời đứng bóng. Sương cũng thường khi xuất hiện vào những buổi chiều tàn trước khi hoàng hôn phủ chụp. Nếu ai đã từng dong ruổi đường xa, băng qua những cánh đồng bát ngát vào những buổi chiều tà, tất sẽ có cơ hội dõi mắt xa xa ngắm từng cụm sương mờ bao phủ cỏ cây, dấu che từng khóm nhà đang lẩn khuất dưới sương, lúc ráng chiều đang dần dần khuất bóng. Thật là một nét đẹp nhẹ nhàng mờ ảo như sương!



Sương còn là biểu tượng cho sự phù du của cõi thế, mà ngàn năm trước nơi Cối Việt, có một vị thiên sư đã từng dặn bảo chúng đệ tử rằng: „*Nhậm vận thịnh suy vô bố úy- Thịnh suy như lộ thảo đầu phô*“, đại ý : „*Sợ gì suy thịnh thế gian- Thịnh suy như cỏ bên đàng treo sương!*“. Thật là thâm thúy và đáng ngẫm nghĩ thay! (Quốc sư Vạn Hạnh đời Lý, khoảng năm 1018)

Ngoài ra, tôi cũng đã từng chạy chậm chậm trong sương mù vào những buổi

sáng với đèn pha và đèn chống sương mù vì chỉ thấy lò mờ đèn xe phía trước. Nhưng cũng may, sự mờ mịn này cũng chỉ đòi hỏi hết sức thận trọng trên một đoạn ngắn mà thôi, chớ không chí suốt cả một quãng đường xa.

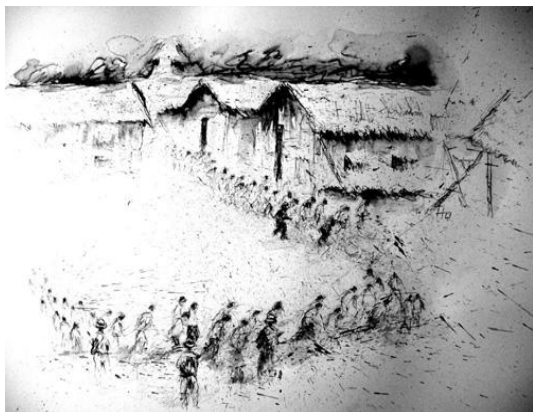


Vì vậy mù sương cũng mang đến cho con người, đặc biệt là cho tôi có những phút giây căng thẳng tuyệt vời những khi có dịp đắm mình trong sương phủ, rồi sau đó là cảm giác thở phào nhẹ nhõm khi thoát qua được vùng sương mù che kín lối đi. Không giống với cảm giác sáng khoái, thân thương, thích thú của lần đầu tiên xuống xe để đắm mình trong sương trên đỉnh đèo Hải Vân của Việt Nam ta, còn được mệnh danh là „*Thiên Nam Đệ Nhất Trùng Quan*“ trong thời chiến loạn. Lần thứ hai cách đây chừng 20 năm, khi có dịp đi qua và nán lại giây phút để thưởng thức cảnh thiên nhiên hùng vĩ này của quê ta, mặc dù thời tiết lúc đó khoảng chừng tháng năm tháng sáu.

Một đặc điểm khác của mùa thu là mưa cũng thường mang đến cho thế nhân những ai hoài cảm khái miên man, như những cơn mưa dài rả rích được ngồi trên xe khách lặng ngắm ruộng vườn một mạc hẻo lánh nơi quê ta, ngắm trâu

bò núp mưa trong chuồng hoặc dưới lùm cây, ngắm những trẻ con cởi truồng chạy giỡn tắm mưa, hoặc những cây rom, tàu chuối dầm mình trong mưa. Riêng tôi cũng đã từng có những cảm giác sáng khoái tuyệt vời dưới mưa. Đã từng một mình một xe không mui, bình thân lao nhanh về phía trước để rút ngắn quãng đường xa mặc cho gió mưa dầm thấm lạnh. Có lúc cùng người nghĩa đệ thân yêu từ rừng về rẫy, vừa đối thơ vừa rảo bước trong một buổi trời chiều giông to gió lớn nơi núi rừng Phú Mỹ.

Và cũng thật khó quên một buổi trời chiều mưa đông xối xả, ngôi núp hờ dưới một chòi canh nhỏ để ôm đứa cháu vào lòng tránh mưa, và sau đó mạo hiểm đầu trần đội mưa chạy băng ra đường cái, chờ đón xe quá giang về Biên Hòa từ trại tù Suối Máu nhân lần đưa người chị dâu và đứa cháu ruột đi thăm ông anh vào những tháng năm dài sau con đờn đời bi thảm.



Lần đó thật khó thể nào quên tấm tình người muôn thuở, sâu xa hơn là tấm lòng trọng nghĩa nhân đức của một đôi vợ chồng trẻ đã chẳng những không ngại mưa to gió lớn và quãng đường rừng vắng về dừng lại chờ đón chúng tôi cùng một gia đình khác có người mẹ đất bầy con lũ khủ khoảng 4-5 trẻ nheo nhóc đi thăm chồng, để đưa về phố thị,

mà còn mời về nhà cho mượn đồ thay để sưởi ấm, nấu cơm cho ăn và thu dọn chỗ cho nghỉ lại qua đêm... Quả là một cơn mưa to nhuận thắm tình người, đã in sâu trong lòng tôi trước một tình cảnh hết sức ngặt nghèo! Nhưng đó không phải chỉ là lần duy nhất, chắc chắn đối với mọi người và đặc biệt với riêng tôi, mưa còn chập chùng muôn vàn kỷ niệm.

Nhưng băng khuâng nhất vẫn là những chiếc lá thu vàng rực rỡ trên chòm cây ngọn cỏ dưới trời sương, trong nắng sớm, hay dưới những cơn mưa buồn thấm lạnh tại Âu Châu. Lá vàng được chuyển hoá từ những nụ mầm, và từ những chiếc lá xanh tươi mát, tràn đầy sức sống, vừa lặng lẽ trước những ngọn gió đông buốt giá, vừa lằng lằng vươn vượt chào đón gió xuân, vừa ngạo nghễ dưới những tia nắng hè chói chang, để rồi sau một thời gian khá dài phe phẩy đã đến lúc phải từ từ lìa cành, rụng rơi lác đác từng ngày theo với định luật tuần hoàn của tạo vật. Nhưng dù vậy, khác hẳn với sương mù tan trong vô hình, giọt mưa thấm sâu vào lòng đất, lá vàng chỉ thỉnh thoảng tung bay cợt đùa với gió, còn thường thì phủ ngập đầy sân, chung quanh cội gốc, đã vô hình chung đưa ra được một hình ảnh đạo lý tuyệt vời: **Lá rụng về cội** để sưởi ấm tâm tình nhân sinh trong mùa đông băng giá.

Những buổi sáng thu lặng nhìn lá rụng, mà bồi hồi cho thân phận mình cũng như cho đàn chim Việt đang tung cánh khắp bốn phương trời tạm dung, mà ai đó dù đang soãi cánh hay đang mỏi cánh có còn nhớ chăng: **Việt Điều Nam Sào ?!** Có còn thời gian lặng ngắm lá vàng rơi rụng, và những thao thức làm sao để cho **lá được rụng về cội** một

cách đúng nghĩa và thiêng liêng nhất hay không?! Nhất là có bao giờ nghĩ tới hay được nghe kể về 2 câu thơ đề trên bia mộ 72 Liệt sĩ Trung Hoa tại Hoàng Hoa Cương ở Quảng Châu và trên đó có mộ phần Liệt sĩ Phạm Hồng Thái với nguyên văn: „**Lạc hồng bất thị vô tình vật- Hóa tắc xuân nê cánh lộ hoa**“?! Đại ý là :“**cánh hoa tàn rơi xuống đất, không phải vô tình mà rơi xuống, nó còn muốn tự biến thành phân bón cho những bông hoa khác mọc lên trong mùa xuân mới**“*.

Một chiếc lá rụng, một đóa hoa rơi mà còn ẩn tàng một đạo lý tuyệt vời như thế, huống chi một kiếp con người như chúng ta, đáng ngẫm nghĩ chẳng !!
*(Theo Vương Hồng Sển, trong Tạp Bút năm Nhâm Thân, trang 180).

Còn nghĩ về mùa đông tuy vạn vật điêu hiu, tuyết rơi trắng xóa, cây cối trơ cành trụi lá, tưởng đâu là đã chết khô giữa trời đông lạnh. Nhưng trái lại, chính là thời điểm di dưỡng và chuyển hoá tuyệt vời, để tô điểm cho luật tuần hoàn: **THÀNH- TRỤ- HOẠI- KHÔNG!** Bởi vậy mà một nhà thơ với tâm hồn đạo sĩ, có lần đã cảm hứng: „**Đông tuy lạnh nhưng không thể thiếu- Luật tuần hoàn vi diệu cao thâm- Chỉ là những khách hữu tâm- Mới hay đạo lý đêm đông tuyết rơi!**“. Mà quả thật, với con người, Chúa đã giáng sinh ra đời trong một đêm đông băng giá. Với cây cỏ và muôn loài, mùa đông tuy là mùa như có vẻ để thu gọn, nghỉ ngơi; nhưng kỳ thực lại là mùa phấn đấu để chuyển hoá và dưỡng nuôi sức sống không ngừng. Đồng thời cũng lại là một chặng đường cuối trên một chu trình quay, vừa để biểu hiện đạo trời: **Vật cùng tắc phản- Vật cực tắc biến** nhiệm màu, vừa là một chuẩn bị trọn vẹn nhất để đón mời Chúa Xuân,

cho ngàn hoa đua nở, cho „**búp non thêm xanh- chuyển hoá đời đời- không bao giờ dứt**“ (Tâm Kinh Việt Võ Đạo).



*
* *

Ở vùng trời Hải Ngoại này, cho dù là Âu-Á-Úc-Mỹ hay Canada.. cũng đều là những khung trời tự do, trong đó có xã hội đa văn hóa, đầy ắp tình người và ẩn chứa nhiều cơ hội để vươn lên. Do đó Cộng Đồng Việt Hải Ngoại của chúng ta nói chung, các Thế hệ Trẻ của Việt Nam nói riêng, quả thực là may mắn khi được sống trong những môi trường này, tuy không cùng chung phong tục và ngôn ngữ, nhưng lại là xứ sở của văn minh tiến bộ, có tinh thần dân chủ, có ý thức nhân bản..

Cho nên, thiết tưởng trước hết, chúng ta rất cần có đủ **ý thức trách nhiệm của một công dân** để biết sống với tinh thần hòa hợp cảm thông, hầu có thể tích cực góp phần hoàn thiện hóa con người, lãnh mạnh hoá xã hội, nhân bản hóa môi trường mà chúng ta đang sinh sống bằng vào những **giá trị Việt** và **tinh thần hội nhập** của chúng ta.

Do đó nhu cầu Bảo Tồn Quê Hương vừa là một yêu cầu khẩn thiết, lại vừa là một nhu cầu trường kỳ, làm sao để đáp đúng đây?! Nhìn lại thế hệ thứ nhất khi

đặt chân đến vùng trời xa lạ của những ngày đầu tiên thì đến nay có người đã nằm xuống, có người đã già yếu, và đa số thì đã không còn trẻ nữa. Mà hầu hết đều đã cố gắng rất nhiều để có thể tiên vững trên đường hội nhập, song song với việc gìn giữ bản sắc đặc thù của dân tộc Việt Nam. Mà nỗ lực chung này ở nhiều nơi, đa số đã thành công.

Nếu hỏi rằng *tại sao chúng ta phải cố gắng gìn giữ bản sắc đặc thù của dân tộc Việt Nam*, mà nói nôm na là „*Hồn Nam Tính Việt*“ cho ta và cho đàn cháu con ?! Đó là vì chúng ta là người Việt nên không được phép quên nguồn gốc Việt của mình. Nếu như chúng ta chọn thái độ sống vô trách nhiệm đối với nguồn gốc, thì chẳng những cuộc sống của chúng ta khó tránh được cảnh vô hồn, thế hệ con cháu của chúng ta sẽ mất hẳn hướng đi trên hành trình dân tộc, mà xã hội chúng ta đang sinh sống cũng sẽ bị ô nhiễm trầm trọng do những phân tử vô hồn, mất gốc gây ra.

Nhưng nỗ lực này (*bảo tồn quê hương trong cách sống*) đối với thế hệ thứ hai và những thế hệ kế tiếp thì sao? Ta nhận thấy thực tình không đơn giản! Vì xã hội mới mà chúng ta đang sinh sống, đối với những thế hệ cháu con được sinh đẻ tại đây thì đáng là môi trường nhân bản, tốt đẹp về mọi mặt, kể cả những cơ hội học hỏi để tiến thân. Nhưng lại là một môi trường *ẩn chứa nhiều nguy cơ mất gốc*, do ảnh hưởng của phong tục-văn hóa-thịnh về văn minh vật chất, sự phát triển vượt bậc về khoa học- kỹ thuật .. Đó là chưa nói đến những tác hại không nhỏ của những sinh hoạt cận bã mà bất cứ xã hội nào

cũng có, sẽ ảnh hưởng nặng nề, nếu như **Việt tính** và **trình độ tự chủ** của tuổi trẻ Việt Nam chưa đủ vững.

Mà tình trạng: **Thiếu GỐC- thiếu HỒN- thiếu HƯỚNG** (nếu có) của những thế hệ con cháu về sau không là điều khó hiểu, khó thấy trong đời sống thường ngày của chúng ta; nếu như **nền tảng giáo dục gia đình** của từng đơn vị tiểu gia không còn được coi trọng và nuôi dưỡng; nếu như từng mỗi Cộng Đồng không có **được những hướng xây dựng đúng cách** (với tầm rộng lớn và có ảnh hưởng lâu dài), cũng như có những sinh hoạt lành mạnh và thường xuyên (trong phạm vi địa phương) để đùm bọc và nhắc nhở lẫn nhau, thì chỉ cần sau vài thế hệ, chắc chắn sẽ chỉ còn thấy có Người Mỹ, Người Pháp, Người Đức .. gốc Việt đúng theo danh gọi của nó mà thôi!

Như vậy, công cuộc **bảo tồn quê hương trong cách sống thường ngày của chúng ta** quả là vô cùng quan trọng, rất cần một sự đồng cảm sâu xa, nhất là một sự đồng bộ chung của tất cả chúng ta.

Hy vọng, tinh thần „**Uống Nước Nhớ Nguồn**“ và ước vọng „**Lá Rụng Về Cội**“ sẽ được mọi người, mọi nơi quyết tâm vun đắp.

Trung Đạo

Nguyễn Văn Nhân

Cám Ghi ngày 30.11.2014

Viết cho Buổi Đầu Xuân Ất Mùi – 2015

Nhớ lại tháng ngày qua



Trần thị Đông Thu

(tiếp theo và hết)

2. Hoang mang

Cuối hè năm 1974, cha mẹ tôi cho tôi về Sài Gòn thăm nhà trước khi vào nhập học lại khoá mùa đông cho năm học sắp tới. Cha mẹ tôi chỉ sợ tôi sẽ không có thì giờ về thăm nhà khi bắt đầu chuẩn bị thi ra trường sau đó. Về nhà chưa được bao ngày thì cha mẹ tôi lại hối thúc tôi mau trở sang Đức vì tình hình đột ngột biến chuyển. Nghe lời cha mẹ, tôi lại khăn gói lên đường trở về Đức, đâu biết rằng đây là lần cuối cùng mình còn được thở hít cái không khí tự do trên mảnh đất thân yêu của Việt Nam Cộng Hòa !

Tình hình chiến cuộc dạo đó càng ngày càng khốc liệt. Những trận giao tranh giữa hai bên ngày càng gia tăng, tin tức trong nước và ngoài nước như hai mâu thuẫn, trắng và đen, chẳng biết phải tin vào ai. Những đàm phán không ngừng của hai miền Nam Bắc và của thế giới làm đầu óc tôi muốn bể tung ra.

Lúc này tôi không còn học ở đại học Mainz nữa, mà đổi lên Frankfurt, cách Mainz khoảng 30 km. Sáng chiều hai bạn tôi đi đi về về Mainz-Frankfurt,

quãng đường không xa lắm nhưng xe lửa cứ mỗi trạm lại ngừng nên mỗi ngày đi về cũng mất gần 2 tiếng đồng hồ.

Cầm theo tờ báo đọc cho đỡ sốt ruột quãng đường dài nhàm chán, càng đọc bao nhiêu tin tức, lòng lại càng thêm trĩu nặng bấy nhiêu, dù tôi có muốn giả ngu, giả quên, giả tảng lơ đi chẳng nữa, mà tin tức Việt Nam cứ dòn dập đập vào mắt, lại cứ phải đọc, lại cứ phải nghe, lại cứ phải suy luận phỏng đoán hay hy vọng này nọ.

Tối nào về nhà vặn TV xem tin tức thì cũng chỉ là những tin tức về Việt Nam. Cả thế giới bình luận về Việt Nam, cả nước Đức nói về Việt Nam, bên ủng hộ miền Bắc, bên ủng hộ miền Nam. Đài TV nào, phóng viên nào „chống“ miền Nam thì tôi tắt, đổi đài khác. Nhưng chính những đài „chống“ miền Nam lại cho những tin tức „xác thực“ nhất, lúc đó chúng tôi chỉ còn muốn nghe những tin tức „ru ngủ“ cho lòng dạ bớt hoang mang, bớt khủng hoảng, nói đúng ra chúng tôi chỉ muốn trốn tránh sự thực,

cái sự thực đau lòng càng ngày càng rõ mồn một.

Bạn bè sinh viên đi học với nhau, đưa nào trong chúng tôi cũng mang một tâm trạng hoang mang lo âu, nói ra với nhau cũng chẳng giúp được gì nhau, nhưng không nói thì chắc nổ tung đầu mà điên lên mất. Nếu gặp phải đám sinh viên „phe bên kia“ thì lại cãi nhau, hằm hè nhau như hai kẻ thù, để rồi rút cục....đường ai nấy đi cho đỡ bực mình.

Thư từ qua lại giữa Việt Nam và Đức thời đó gửi đi bình thường phải mất đến 10 ngày mới tới tay người nhận, đọc xong viết trả lời gửi về lại cũng mất thêm 10 ngày nữa, vị chi là 20 ngày, một thời gian quá lâu cho những tin tức nóng bỏng thay đổi từng ngày từng giờ.... Đạo đó chúng tôi chỉ còn biết gửi Express hoặc đánh Telegramm về cho gia đình khi nghe bất cứ một tin tức nào mà chúng tôi cho là quan trọng, gia đình cần phải biết gấp.

Bản đồ Việt Nam ngày ngày được thế giới đem ra mổ xẻ, dĩ nhiên là TV Đức tường thuật và bình luận rất „khách quan“ những diễn tiến quyết liệt đang xảy ra ở nhà. Càng bình luận khách quan ráo hoảnh bao nhiêu, càng như xa muối ớt vào lòng dạ chúng tôi bấy nhiêu. Không gì đau đớn cho bằng phải giương mắt nhìn, phải vảnh tai nghe những điều đau lòng, mà bó tay, biết làm gì hơn bây giờ....Những bản tin càng ngày càng bi đát hơn, Mỹ đã đồng ý bỏ rơi Việt Nam, không còn một hy vọng hảo huyền nào có thể đứng vững được nữa cả.

Chiều ngày 25.03.75 anh em chúng tôi ngồi dán mắt trước TV để xem tin tức. Đặc phái viên của đài truyền hình số 1-ARD - của Đức đọc bản tin nóng bỏng

„thành phố Huế đã chính thức rơi vào tay Cộng quân“. Tai tôi lùng bùng, lắng nghe giọng nói đều đều của người đọc bản tin mà nước mắt lặng lẽ chảy lúc nào không hay, cổ họng tôi như nghẹn lại. Bỏ buổi cơm chiều, tôi ôm cái TV nghe tiếp bản tin của đài số 2 - ZDF - . Bản tin truyền đi, bản đồ Việt Nam lại được chiếu lên, lần này màu đỏ đã từ Bến Hải, Quảng Trị nhuộm tràn thành phố Huế, phần quê hương thương yêu của tôi.... Suốt đêm hôm ấy tôi không ngủ được, lòng buồn bã rối bời, Sài Gòn của tôi còn đó nhưng còn.....bao lâu nữa ???

Những ngày sau đó bọn chúng tôi không đưa nào còn lòng dạ để học hành hay ăn uống nói cười gì nữa cả, một màn tang tóc đã bao trùm lấy chúng tôi. Mấy ngày sau thành phố Đà Nẵng cũng mất, tôi không còn nước mắt để khóc vì có bao nhiêu nước mắt tôi đã khóc cho Huế mất rồi ...

Ba anh em tôi, hai đứa ở Đức, một đứa ở Bỉ, đánh 3 cái Telegramm khẩn về nhà, báo cho cha mẹ ở nhà biết là bằng mọi cách phải rời khỏi Việt Nam, vì không còn một bám víu, một hy vọng gì nữa. Viết thêm một cái thư kể rõ hết mọi sự tình, tôi viết trong tuyệt vọng vì cả thế giới đã bỏ rơi chúng ta, gửi Express, tem dán chồng chất khắp bì thư, như thắm mong cho thư đi ...nhanh hơn !

Tất cả mọi Telegramm và thư Express của chúng tôi về được đến ...Thái Lan thì nằm ụ ở đó, hai tháng sau anh em tôi nhận lại đầy đủ nguyên vẹn không mất đi cái nào với lời ghi chú „không người nhận“ !!!

Khi thành phố Tuy Hoà mất, cô bạn học cùng đại học với tôi quê ở Tuy Hoà, cô

khóc ròng như tôi đã từng khóc cho Huế một tuần trước đó.

Màu đỏ khủng khiếp lan tràn nhanh chóng và ngừng lại ở Ban Mê Thuộc thì tôi nhận được thư Express của cha tôi viết sang, lá thư ông viết lúc Huế và Đà Nẵng sắp thất thủ, tin tức qua lại giữa cha con tôi mất đi thời gian tính.

Đạo đó cha tôi làm Chánh cuộc trưởng quốc nội của Hàng Không Việt Nam. Vì những chuyến bay ở Huế bị hủy bỏ, hành khách bị ứ đọng, nhân viên không giải quyết được nên ông phải bay về Huế. Bức thư ông viết với nội dung như sau:

„Đáp xuống phi trường Phú Bài vắng vẻ, đường từ Phú Bài về Huế bị chặn lại, nếu cứ lấy xe đi đại về Huế, tuy có sự trợ giúp của quân đội nhưng rất có thể bị kẹt lại trong thành phố, như thế phi cơ sẽ quay về Sài Gòn và sẽ không có mặt cha tôi... Cha tôi cùng phi hành đoàn đã làm lễ hạ kỳ phi trường Phú Bài trong không khí trang nghiêm với đôi giòng lệ buồn tủi của kẻ thua trận... Xếp lá cờ trong tay, vĩnh biệt Phú Bài, vĩnh biệt Huế ...Cha tôi rời Huế 5 giờ chiều ngày 20.03 nhưng mãi đến 25.03 Việt Cộng mới chiếm được Huế.

Mấy ngày sau Hàng không Việt Nam lại phái Cha tôi bay ra Đà Nẵng để giải quyết hành khách và máy bay ứ đọng ở đây. Phi cơ đậu ở phi trường không cất cánh lên được vì hành khách xô đẩy chen lấn nhau lên phi cơ, quá trọng tải đành nằm ụ, phi hành đoàn lánh mặt vì không biết phải giải quyết ra làm sao.

Đoàn thanh tra của Cha tôi ra đến Đà Nẵng cũng bị kẹt cứng luôn tại đây đến mấy ngày. Sài Gòn phải gửi đặc biệt một chiếc Caravelle ra Đà Nẵng để tìm cách bốc đoàn thanh tra về lại Sài Gòn.

Cha tôi viết tiếp: „Máy bay đáp xuống phi đạo nhưng không ngừng vì sợ dân chúng ào lên, nên trước khi đáp, phi công trưởng đã liên lạc với cha tôi, dặn phải tìm cách „nhảy“ lên máy bay khi phi cơ còn chạy từ từ trên taxi way. Kế hoạch „nhảy“ máy bay thật táo bạo nhưng đó là cách duy nhất để đem người về (Cha tôi vẫn có giọng kể chuyện thật hấp dẫn giống như ngày xưa khi ông kể chuyện trinh thám gay cấn hồi hộp cho các con nghe, tuy vậy ông cũng đã không dấu được cái ngậm ngùi cay đắng của kẻ bại trận).

Năm người trong đoàn thanh tra của hàng không Việt Nam ngồi trên chiếc xe Jeep phóng nhanh trực chỉ hướng phi đạo khi chiếc Caravell ló dạng trên Taxi way... Rút cục chỉ có ba người nhảy lên được, còn hai người kia kẹt lại, mặc dầu phi công đã lượn thêm một vòng quanh phi trường và đáp xuống lần thứ hai nhưng hai người kia vẫn không nhảy lên được...Ra khỏi không phận Đà Nẵng thì phi trường bị pháo kích dữ dội....“

Đọc xong lá thư của cha tôi, tôi càng nhận thấy rõ là người trong nước hoàn toàn không biết thế giới bên ngoài đã bỏ rơi Việt Nam, vẫn còn bám víu vào những con cờ vô dụng, vẫn còn hy vọng tình hình „không đến nỗi nào“ ...

Màu máu đỏ lúc này đã lan xuống đến vĩ tuyến 11, Hàm Tân, căn cứ gần như cuối cùng của Việt Nam Cộng hòa.

Ngày nào năm xưa trong chuyến đi ra Huế ăn Tết thăm Ông Bà Ngoại của tôi, tôi chỉ nhớ trong tâm khảm đường „đi ra“ mà không nhớ đường „đi về“, giờ đây đường „đi về“ của tôi đã được đài truyền hình Đức dẫn giải từng bước một, từng chặng này đến chặng kia, khởi đầu là Huế, rồi đến Đà Nẵng, Tam

Kỳ, Quảng Ngãi, Quảng Nam, lan xuống Tuy Hòa, Qui Nhơn, Bình Định, Nha Trang, Phan Thiết, bây giờ làn sóng đỏ dừng lại ở Hàm Tân, có còn giải pháp „hòa bình“ nghiêm chỉnh nào không khi đất nước tôi từ vĩ tuyến 17 nay thu hẹp về đến vĩ tuyến 11?

Chúng tôi, những đứa con xa xứ, xa nhà, nhìn cảnh nước mất nhà tan, nhìn cả một miền Nam bị lừa vô rọ, bỗng chốc không còn nhận một tin tức nào của gia đình, thử hỏi còn có gì đau đớn và khủng hoảng cho bằng ? Đứa này hỏi đứa kia, gia đình bạn tôi ở Tuy Hoà đã di tản vào Sài Gòn, từ ngày mất Tuy Hoà bạn tôi cũng đã mất luôn tin tức của gia đình.

Tin tức cuối cùng mà tôi nhận được của gia đình vào khoảng đầu tháng tư là cha mẹ và các em tôi đang lên đường về Rạch Giá...lo hùn hạp đóng tàu, mua tàu, để vượt thoát theo đường biển. Trời ơi bây giờ mới lo đóng tàu thì khi nào mới đi được đây ?

Semester mùa hè đã bắt đầu tự khi nào (15.04), mùa xuân đã trở về, những cánh hoa Đỗ Quyên đã bắt đầu nở rộ, những dãy Narzise, Tulpen rung rinh trong nắng sớm ban mai vẫn thường làm tôi rộn rã trong tim háo hức ngày nhập học gặp lại bạn bè...Mùa xuân này lại đến nhưng sao lòng tôi tan nát chán chường, học làm gì nữa ?

Chúng tôi hoàn toàn xao lãng chuyện học, lòng dạ nào mà học bây giờ, khi mất hết mọi tin tức của gia đình, khi nhìn cảnh sụp đổ của đất nước, khi phải đứng trước một tương lai đen tối vô định, không biết ngày mai ra sao ? Tiền bạc dự trữ không có...chúng tôi như „chai đá“ và „ù lì“, không còn một phản ứng nào thích hợp trước cái biến cố

khủng khiếp của đời người này. Buồn bã, chán chường, sinh viên Việt Nam chúng tôi tụ nhau lại, không phải để cùng nhau đi ăn trưa như những ngày hạnh phúc đã qua, mà là chỉ bảo nhau chỗ nào có thể kiếm việc làm sống đắp đổi qua ngày, chờ tin tức gia đình.

Lúc này những cánh dành dạt nhau để được chen vào bên trong tòa đại sứ Mỹ ở Sài Gòn được TV Đức quay và đem chiếu cho dân chúng ở đây xem. Những chiếc thuyền nan nhỏ bé của đồng bào miền Trung di tản vào Nam cũng được đặc phái viên của các đài truyền hình thu gọn vào ống kính và trình chiếu ở đây mỗi ngày. Giờ phát hình ăn tiền câu khách nhất là 8 giờ tối, giờ „tử hình“ !!!

Chúng tôi đau đớn dán mắt mà nhìn, nhìn cho cay xé hai con mắt để rồi cuối cùng buông những tiếng chửi thề trong thất vọng nào nề ...Những cuộc biểu tình phản chiến của sinh viên Đức ủng hộ kẻ lẩn chiếm, xen kẽ với những đám biểu tình lẻ tẻ không phối hợp quy mô của sinh viên VN tại Đức vẫn tiếp diễn trong các đại học có nhiều sinh viên Việt Nam như Stuttgart, München v...v...Ở Paris có những cuộc biểu tình quy mô hơn của Tổng Hội Sinh Viên Việt Nam, nhưng quy mô hay không quy mô, cũng chỉ là những kêu gào vô vọng trong sa mạc. Làm gì được lúc này? Tiếng nói của sinh viên chúng tôi nhỏ bé quá, mà có quy mô đi chăng nữa thì làm được gì khi thế giới đã quá chán ghét chiến tranh và kẻ hô hào đem lại hòa bình cho đất nước tôi đang chiến thắng trên bàn cờ thế giới ?

Toà Đại sứ Việt Nam Cộng Hòa ở Đức ngày ấy „bình chân như vại“, ông đại sứ không tỏ một dấu hiệu, không có một tiếng nói nào để „trấn an“ hay „an ủi“ bọn sinh viên chúng tôi. Chúng tôi

như rắn mất đầu, cuống cuống chạy lên tòa đại sứ để „xin xỏ “ cho thêm được vài con dấu mộc „sắp“ trở thành vô dụng đóng vào thông hành, cái thông hành của một quốc gia không còn tên trên bản đồ thế giới, với hy vọng (lại hy vọng) may ra với những con dấu này có thể di chuyển trong khắp Âu Châu, vì trong thông hành của sinh viên chúng tôi dạo ấy chỉ được phép ở Tây Đức và về VN. Sống trong một nước cũng đang bị chia cắt, làm sao biết được tình hình xoay chuyển ra sao, một khi Đông Đức „thắng“ Tây Đức !!!

Ngày 29.04, như thường lệ tôi bật đài truyền hình số 2, tôi vẫn thích nghe tin tức đài này vì người phóng viên có dáng dấp tao nhã, có mái tóc bồng bềnh lãng tử, có giọng nói trầm ấm, vẫn thường có những lời bàn dành nhiều cảm tình cho miền Nam Việt Nam của tôi, chứ không như ông phóng viên già tóc bạc của đài số một, một mực „chiêu đãi“ bên kia và đã từng vào tận bưng biển làm phỏng vấn.

Người đặc phóng viên quen thuộc của tôi đứng trên boong tàu của hải quân Mỹ, máy thu hình đổi hướng liên tục, khi thì hướng ra hải phận quốc tế chiếu hình ảnh của Đệ Thất Hạm Đội Hoa Kỳ, khi thì hướng về giải đất của Việt Nam đang mờ dần đằng sau, người phóng viên nói lên những lời bình luận, đọc bản tin cuối cùng về Sài Gòn, kết luận một khúc phim lịch sử của VNCH chấm dứt từ đây và ông gửi lời chào tạm biệt khán giả của đài truyền hình Đức...

Trong tiếng gió biển phàn phật, ánh nắng chiều dần dần tắt hẳn sau lưng, lời nói của người đặc phái viên vẫn còn văng vẳng bên tai, những hình ảnh cuối cùng của hòn ngọc viễn đông vẫn còn nháy múa trước mắt tôi, nhưng mắt tôi

đã nhòa đi, những dòng nước mắt đã không cần còn phải che đậy nữa. Thôi thế là hết ...thế là bức màn sắt đã buông xuống, đất nước tôi đã không còn nữa. Đối với tôi không phải chờ đến ngày 30.04 mà là ngày 29.04, khi ống thu hình của đài truyền hình Đức được đóng lại với những hình ảnh cuối cùng của thành phố Sài Gòn.

.....Buổi chiều ngày hôm ấy, khi tôi còn ngồi bất động trước máy truyền hình ở Đức, tôi nào ngờ gia đình cha mẹ và các em tôi lúc đó cũng đang vượt dòng sông Sài Gòn trong đêm tối, xa rời thành phố thân yêu trong ánh lửa cháy bùng của kho đạn Thành Tuy Hạ, trực chỉ ra hải phận quốc tế về hướng hạm đội số 7....

Sau ngày 30.04, làn sóng người di tản với những con tàu Exodus đổ xô ra biển Đông, tôi lại dán mắt vào TV, tôi chăm chú nhìn cái màn hình nhỏ bé với cái hy vọng mong manh may ra nhận mặt được người quen, không hề dám mơ tưởng là nhìn thấy được cha mẹ và các em của tôi. Lúc đó tôi hoàn toàn không biết cha mẹ và các em mình ở đâu, Sài Gòn hay Rạch Giá hay đâu đó trong mảnh đất miền Nam trù phú đã bị trao qua tay người khác....

Tên hòn đảo Guam trước đó tôi chưa hề nghe qua một lần, giờ đây ngày nào TV cũng nói đến, họ chiếu từng đoàn người dài xếp hàng chờ nhận thức ăn, chờ làm thủ tục nhập trại hay chờ máy bay đi tiếp sang Mỹ....Tôi thảm nhủ, sao những người này hạnh phúc đến thế. Tôi thảm mơ ước phải chi gia đình mình cũng có được cái may mắn này. Bây giờ tôi còn không biết gia đình ra sao, nói chi đến chuyện không tương đó, làm sao cho tôi biết được tin gia đình thì tôi cũng đã mãn nguyện lắm rồi. Biết là hão huyền nhưng tôi vẫn nuôi cái hy

vọng là nhìn ra cha mẹ hay các em mình trong số người di tản hạnh phúc này.

Sáu tuần lễ sau, sáu tuần lễ dài đằng đẵng của đời tôi, tôi nhận được lá thư của cha tôi viết đi từ đảo Guam. Cầm lá thư trong tay, nhìn nét chữ thân yêu và quen thuộc của cha tôi, tôi đọc đi đọc lại tên người gửi mà vẫn không dám tin đây là sự thực. Không dám mở cái thư, tôi chạy đến nhà anh tôi, đưa anh lá thư,

anh cũng như tôi, vẫn không dám tin đây là sự thực! Anh em tôi đã ôm chầm lấy nhau và khóc trong sung sướng khi biết cha mẹ và các em mình sau 23 ngày lênh đênh trên biển cả đã tới được bến bờ bình yên.

Trần thị Đông Thu

(viết để nhớ mãi những ngày đen tối ...)
Tháng 01/2015

Bói toán ngày Tết

Lò mò cóc tử

Tuổi của Chàng

Chàng tuổi **Tí** nên mắt nhanh hay liếc
Những bóng hồng dù nàng ở thật xa
Hay lập lờ ăn vụng rất tài ba
Bị bắt gặp chỉ làm thơ tạ lỗi.

Chàng tuổi **Sửu** nên tưởng mình vô tội
Cứ từ từ mơ mộng với yêu đương
Yêu một người nào đã thắm tình trường
Nên nhẫn nại tìm hoài tình yêu mới.

Chàng tuổi **Dần** nên tánh ghen dữ dội
Thích độc quyền nhưng nhớ, độc quyền yêu
Tuy chàng vừa mơ mộng lại yêu nhiều
Nhưng chỉ thích người yêu mình chung thủy.

Chàng tuổi **Mão** nên ngọt ngào tế nhị
Làm thơ tình dụ dỗ rất tài ba
Không bằng lòng chàng bày móng vuốt ra
Đem giam hãm trong ngục tù tình ái.

Chàng tuổi **Thìn** nên bất cần hoang dại
Thích tự do lang bạt khắp đó đây
Chuyện tình nào cũng chỉ thoáng mây bay
Ngàn năm nữa chàng vẫn là như vậy.

Chàng tuổi **Tỵ** nên trăm đường bay nhảy
Thấy cô nào cũng lè lưỡi muốn hun
Độc rắn thâm chàng sẽ lấy ra dùng
Rồi cuốn lại mang về làm sở hữu.

Chàng tuổi **Ngọ** thích đi hoang đây đó
"Hí" em rồi ai dám đụng tới em
Dám lơ ngơ đá giò lái ra liền
Không đo đất cũng mảy mòi sút trán.

Chàng tuổi **Mùi** hay làm duyên làm dáng
Xức dầu thơm chải chuốt bóng loáng đầu
Có một sừng cằm dưới lơ phơ râu
"Be he" hết cô này sang cô khác.

Chàng tuổi **Thân** sống trong rừng có khác
Thích giỡn đùa cột nhả với tình yêu
Thích múa may chạy nhảy có hơi nhiều
Tuy thân ngựa nhưng bảy ngày ... chưa tắm.

Chàng tuổi **Dậu** tính tình hiền ngang lăm
Thích màu mè le lối chẳng chỗ chê
Rót bên tai lời ngon ngọt thật nghề
Khi tức giận chàng liền đưa mỏ đớp.

Chàng tuổi **Tuất** đa nghi nhiều hỏi hớp
Thức thâu canh suy nghĩ chuyện không
lành
Mặt lo âu, cau có muốn cạnh tranh
Mắt láo liên như lăm điều suy ngẫm.

Chàng tuổi **Hợi**... chu choa ôi, hôi lăm
Ham ăn nhiều mà lại thích than van
Lười một cây và nổi tiếng hơi gàn
Lui cui kiếm bao nàng về sai vặt



Tuổi của Nàng

Nàng tuổi **Tí** nên thường hay thắc mắc
Lục lạo tìm như nhà báo tài ba
Những tin người dù có ở cách xa
Nàng thông thạo như gần ngay bên ấy.

Nàng tuổi **Ngọ** tóc mây dài kẹp khê
Xõa phất phơ theo lượn gió ngang lưng
Trời mưa buồn tôi ôm vội sau hông
Rồi hôn nhẹ trên tóc dài sũng ướt.

Nàng tuổi **Sửu** nên cần cù nhẫn nại
Yêu cuộc tình như yêu một giàn hoa
Biết người yêu nhiều mơ mộng, nhưng mà
Chỉ trách nhẹ và dối hờn đôi chút.

Nàng tuổi **Mùi** nên cùng tôi lả lướt
Trên mặt sàn cùng bước nhịp pa sô
Khi dìu nàng nhảy vũ điệu mam bo
Tôi nhẹ khê đọc vắn thơ nàng tặng

Nàng tuổi **Dần** nên chẳng hiền như Bụt
Mỗi khi làm lỡ phật chút lòng em
Nàng bảo tôi đừng chọc quấy em phiền
Em sẽ viết nhiều thơ buồn vô tận.

Nàng tuổi **Thân** bảo số phần hơi nặng
Nên ngậm ngùi thua thiệt với chị
Nàng thường than là số Khi không hên
Bỏ công mãi chờ thơ hằng mong đợi.

Nàng tuổi **Mão** nên thường yêu và giận
Thích ngọt ngào, ưa chiều chuộng vuốt ve
Ôm vào lòng tôi hôn nhẹ bờ mi
Để nàng thả hồn say vào giấc mộng.

Nàng tuổi **Đậu** nên thường hay tìm bói
Những chuyện tình vụn vặt thuở xa xưa
Rồi cảm tôi không thơ thần mơ màng
Chôn chặt hết những gì trong dĩ vãng

Nàng tuổi **Thìn** muốn cùng tôi ngang dọc
Trái giang hồ, thăm khắp nẻo quê hương
Nàng muốn cùng đi dạo với người thương
Nhìn hoa nở khắp khu rừng tình ái.

Nàng tuổi **Tuất** nên ghét người lơ đãng
Hỏi điều gì bắt phải trả lời ngay
Vì yêu nàng tôi hỏi khắp đó đây
Để nàng biết những gì nàng muốn biết.

Nàng tuổi **Tỵ** yêu những gì hoang dại
Muốn cùng Rồng và Rắn cưỡi ngàn mây
Trái đường đời, nhưng yêu thích thơ ngây
Cùng thi họa như ngày xưa còn bé.

Nàng tuổi **Hợi** nên thường than thua thiệt
Giận những người hay thích chuyện ăn gian
Muốn chiều nàng nên phải để nàng than
Rồi nhẹ nhẹ mi nàng xin tạ tội.

Ba mươi lăm năm hồi tưởng

Nguyễn Ngọc Phạm thị Bích Thủy



Ba mươi lăm năm tha phương đời ty nạn,
Hẹn nhau về mừng Hội Ngộ - Tri Ân.
Nhớ thuở nào phải bỏ phiếu bằng chân,
Hàng triệu người dân Vượt Biên, Vượt Biển.

Ngày ra đi Mẹ Cha buồn đưa tiễn,
Lê già nua trong đêm tối tuôn trào.
Vợ ôm chồng biết hội ngộ nơi nao?
Cha ôm con mà cõi lòng quặn thắt.

Rồi từ đó triệu tình thâm chia cắt,
Một lần đi là vĩnh biệt muôn trùng.
Người uất hờn xác gởi đầy đại dương,
Kẻ tức tưởi chết ven rừng khe suối.

Người trở lại dần thân „Đường Đông Tiến“,
Kẻ nhục nhằn „cải tạo“ chốn lao lung.
Quê Hương ta bao đày đọa khốn cùng,
Cả Đất Nước thành tù lao, khổ ai.

Ta may mắn đến Bến Bờ Nhân Ái,
Nhủ lòng mình phấn đấu để vươn lên.
Chốn Quê Người luôn ghi nhớ không quên,
Những ân huệ của tình người quảng đại.

Trong vui, khổ vẫn Tri Ân mãi mãi,
Trái Tim Hồng – Tình Nhân Loại bao la,
Mở rộng lòng đùm bọc khách phương xa,
Phải khốn đốn lưu vong vì Quốc Biền.

Khắp Năm Châu bùng lên lời kêu gọi,
Tuổi Trẻ Việt Nam dũng cảm lên đường.
Trở Đức Tài trăm chốn ngàn phương,
Làm rạng rỡ Quê Hương Dòng Hồng Lạc.

Này Bạn nhé dẫu cuộc đời êm ấm,
Phú quý, cao sang, địa vị chốn Quê Người.
Đừng quên rằng: Nỗi Thống Khổ Quê Hương,
Bao nhiêu năm vẫn còn đang tiếp diễn.

Bạn có biết lệ nhiều như sông biển,
Đoàn Dân Oan khiêu kiện khắp ba miền.
Bao nhà tù giam giữ Tuổi Thanh Niên,
Đang quyết liệt đòi Tự Do, Dân Chủ.

Bạn có biết những người Em Gái Việt,
Bán Tiết trinh cho những kẻ lăm tiền.
Không tình người trong xã hội đảo điên,
Sống thụ hưởng trên nỗi đau đồng loại.

Khắp năm châu bùng lên lời kêu gọi,
Thống thiết gào xin: Hãy nghĩ đến cơ đồ.
„Sông là máu đừng đem mua bán,
Núi là xương đừng lấy đổi trao“ (1)

Này Bạn nhé dẫu ngàn trùng xa xứ,
Xin khắc nguyện lời dạy của Tiên Nhân.
Dốc lòng: „Dem Đại Nghĩa Thắng Hung Tàn,
Quyết tâm: „Lấy Chí Nhân Thay Cường Bạo“ (2)

Nguyễn Ngọc Phạm Thị Bích Thủy

(1) Thơ Phan Đắc Lữ, Quảng Nam
(2) Bình Ngô đại cáo (1427) của
Nguyễn Trãi viết thay lời Bình Định vương
Lê Lợi để tuyên cáo kết thúc cuộc kháng
chiến chống Minh, giành lại độc lập cho
Đại Việt.

Lần vượt biên sau cùng 23.6.1980

Trà Sơn

Lời mở đầu: Ngày 23 tháng 6 là ngày con gái tôi được sinh ra tại Tây Đức. Nó cũng đánh dấu ngày tôi và gia đình bỏ nước ra đi tìm Tự Do. Tôi lại có cháu nội cũng được sinh vào ngày 23. Thật là một sự ngẫu nhiên! Đó là niềm vui cho gia đình và là động lực khuyến khích tôi ghi lại đôi giòng về cuộc hành trình vượt biển mà tôi và gia đình đã trải qua trên biển Đông vào mùa hè năm ấy 23.06.1980.

Mặc dù thời gian trôi qua thật nhanh, nhưng nhiều hình ảnh ra đi vượt biên vẫn còn đọng lại tiềm tàng trong trí ức. Làm sao tôi quên được những sự ra đi quá hãi hùng của những đứa con của Mẹ Việt Nam, những đứa con bất hạnh, những người đi tìm tự do, tìm cái sống trong cái chết của mình, mà thế giới gọi là thuyền nhân „Boat People“ mà tôi cũng là người trong cuộc.

... Đêm nay đêm tối trời,
anh bỏ quê hương
Ra đi trên chiếc thuyền
hy vọng vượt trùng dương
Em đâu đâu có ngờ đêm buồn
Bỏ lại em cay đắng thật thương
Hò ơi, hò ơi, tạm biệt nước non...
(Trích Đêm Chôn Dầu Vượt Biển)

Vào một đêm mùa hè trăng sao, ban ngày trời nóng chang chang, nắng cháy da người. Tôi cùng vợ và 2 con từ Sài Gòn đi xe đò về Tây Đô thân yêu. Tối hôm đó, tôi cùng gia đình vợ và 2 con được hướng dẫn lên một chiếc ghe rất nhỏ. Chiếc ghe nhỏ luồn lướt qua những con lạch, băng qua những khóm dừa nước. Sau một thời gian lặng lẽ âm thầm ra đi trong đêm tối, chúng tôi vượt ra khỏi rạch nhỏ, vào sông Hậu Giang,

rồi đến ghe lớn. Lúc đó vào khoảng 1 giờ sáng. Trên ghe lớn cũng đã có một số người từ những ghe nhỏ khác đã được đưa đến. Rồi dần dần có thêm nhiều ghe nhỏ nữa chở thêm người đưa tới.

Sau khi người chủ mua ghe và trang bị máy móc chạy thử máy và kiểm soát kỹ lườn ghe thì thấy tất cả đều tốt. Chủ ghe cũng cho tôi biết rằng ghe sẽ chở khoảng 80 người mà thôi. Nghe vậy, tôi nghĩ rằng với chiếc ghe nhỏ như thế này cũng có thể vượt biển được nếu trên đường đi biển động nhẹ. Nhưng khi tôi lên ghe lớn thì thấy quá nhiều người trên ghe rồi. Chiếc ghe quá tải, tưởng chừng sắp bị chìm. Với số lượng người đông như thế này, tôi đoán có khoảng trên 170 người. Chiếc ghe đang còn ở trên sông, nước phẳng lặng mà đã xem như sắp chìm rồi thì làm sao ra biển đi được. Thấy vậy, tôi đã kêu gọi những người đang chuẩn bị lên ghe lớn sau cùng nên hãy ở lại quê hương và trở về nhà thì tốt hơn. Nếu không, khi ra biển, gặp sóng gió lớn, ghe sẽ bị chìm ngay và sẽ chết hết. Sau khi nghe tôi nói như vậy họ đã hiểu, cho nên một số người còn đang ở trên ghe nhỏ họ không bước lên ghe lớn nữa, cũng như một số người

đã lên được ghe lớn họ cũng bước xuống ghe nhỏ mà trở về.

Mặc dù vậy, chiếc ghe vẫn còn quá tải. Lườn ghe đã chìm sâu, chỉ còn khoảng 10 cm nổi trên mặt nước mà thôi. Riêng cá nhân tôi, với nhiều năm đi tàu biển, có nhiều kinh nghiệm về sóng gió, biết rằng với chiếc ghe nhỏ như thế này mà chở gần 150 người thì rất lo lắng. Nhưng tôi đang ở vào vị thế tiến thoái lưỡng nan. Đây là lần vượt biên thứ ba sau khi tôi bị đi „tù cải tạo“ về. Hai lần vượt biên trước, ghe tôi cũng đã ra tới ngoài biển được rồi nhưng vì bị trở ngại kỹ thuật ghe không chạy tiếp được, cuối cùng phải bị bắt và vào tù trở lại. Lần này nếu tôi và gia đình không đi, khi lên bờ trở lại có thể tôi sẽ bị bắt. Do đó, tôi quyết định ở lại trên ghe để hướng dẫn ghe đi vượt biên. Tôi thừa hiểu rằng trên đường vượt biển có thể có nhiều nguy hiểm xảy ra, nhưng tôi không có con đường lựa chọn nào khác. Tôi chỉ hy vọng rằng vào mùa hè, sóng gió sẽ êm dịu hơn và biển có thể yên lặng.



Thế là cuộc hành trình vượt biển đang diễn ra theo kế hoạch. Trên ghe có già trẻ, trai gái và gồm đủ thành phần trong xã hội đều cùng chung ước mơ ra khơi tìm Tự Do.

*...Đêm nay trên bàn đồ có một thuyền ra đi
Hiền ngang trên sóng gào tự do đón chào
Xin chào tự do với nỗi niềm cay đắng
Nhìn lại bên bờ nước non mình mỗi mặt
Khóc nghẹn ngào
Hò ơi! Hò ơi! tạm biệt nước non...
(Trích Đêm Chôn Dầu Vượt Biển)*

Trong 2 ngày đầu ghe vượt biển, dường như tôi thức trắng đêm. Ngày đầu tiên, vào chiều tối, ghe chúng tôi ra khỏi cửa biển và ra khơi khá xa. Tối khuya hôm đó tôi đổi hướng chệch Nam, nhắm bên phải của chòm sao Nam Tào ở phía Nam gần hướng Tây Nam làm chuẩn mà chạy.

Vùng biển ngoài khơi Vũng Tàu trải dài đến vùng đảo Côn Sơn tôi cũng đã có 2 tháng đi thực tập trên Hoả Vận Hạm HQ 471 và 7 tháng trên Hộ Tống Hạm HQ10 trước khi được thụ huấn tại Trường Sĩ Quan Hải Quân Nha Trang vào tháng 9 năm 1971.



Trong thời gian này chiến hạm HQ10 phải đi tuần liên tục ngoài khơi thuộc vùng 3 duyên hải. Nhờ vậy tôi có phần nào hiểu biết và kinh nghiệm ở vùng biển khơi từ Vũng Tàu đến Côn Sơn.

Để kiểm soát hướng đi, vào ban đêm, nhìn ngược lại hướng Bắc thì có chòm sao Đại Hùng Tinh nằm chéch ở phía sau lưng ghe. Từ đó tôi có thể tìm ra sao Bắc Đẩu. Như vậy ghe đã đổi hướng Nam. Ban ngày thì nhìn mặt trời để đoán hướng. Là sĩ quan hải quân QLVNCH, ngành chỉ huy, nhiều năm đi biển tôi có kinh nghiệm nhìn các sao, các chòm sao, nhìn sóng nước, nhìn sóng gió, nhìn mặt trời, mặt trăng trên biển để đoán được vị trí tương đối và hướng đi của ghe..

Có những lúc mệt quá tôi giao lại cho vài tài công là những thanh niên và là thân nhân của chủ ghe. Chủ ghe không đi theo. Thật sự mấy bạn tài công này chỉ mới tập lái ghe khi ghe được sửa chữa trên sông trước khi đi vượt biên mà thôi. Họ không có nhiều kinh nghiệm về biển cả. Tôi phải chỉ dẫn cho họ. Họ tin tưởng ở tôi.



Trang bị cho chuyến vượt biên, trên ghe chúng tôi chỉ có 1 bản copy của tấm hải đồ biển Đông từ vùng đảo Côn Sơn đến Tân Gia Ba để vẽ tuyến đường đi đến hải cảng Singapore. Tôi đã xác định từng đoạn đường với góc độ. Tôi chọn tuyến đường đi Singapore mặc dù xa hơn đi đến Thái Lan hay Mã Lai Á là vì

tôi muốn tránh xa vùng biển mà hải tặc Thái Lan đang hoành hành trên vịnh Thái Lan. Trước khi đi, chúng tôi đã mua một la bàn từ với đường kính khoảng 10 cm. Loại la bàn từ mà lớn như vậy chỉ có ở các chiến đình của các Lực Lượng Hải Quân VNCH, làm gì mà có bán ra ngoài như vậy? Khi mua nó tôi đã nghi ngờ là giả mạo nhưng không tìm được cái la bàn từ nào khác là thật và original nên đành phải mua.

Khi sử dụng la bàn giả mạo trên biển là một khuyết điểm lớn vì các tài công trên sông không có kinh nghiệm về sóng gió và phương hướng rõ ràng ngoài đại dương. Khi sóng mạnh ập đến ghe thì la bàn từ giả mạo kia bị lắc và không lay chuyển được nữa, góc độ của hướng đi sai ngay. Nếu tài công không để ý và không biết hướng gió, sóng và các chòm sao thì lái ghe sẽ sai hướng. Vì thế mỗi lần tôi tỉnh giấc và xem lại thì đôi khi thấy ghe đi lạc hướng, tôi phải điều chỉnh ghe để có hướng đi đúng trở lại. Ngoài ra tôi còn nghĩ đến, vào một thời điểm nào đó các tài công cũng mệt như người, thì họ vừa lái ghe và sẽ vừa buồn ngủ là chuyện khó có thể tránh. Tôi nghi ngờ như vậy. Nói chung, lái ghe trên biển cũng khá phức tạp. Những đêm bị mưa gió, trời mù, thì không thấy chòm sao Nam Tào. Do đó tôi phải thường nắm tay lái. Vùng biển Côn Sơn và Phú quốc tôi cũng đã quen thuộc phần nào vì trước đây tôi đã phục vụ trên những chiến hạm và thường đi công tác ở vùng biển này.

Suốt mấy ngày vượt biển tôi không lo lắng được gì cho 2 con tôi. Tất cả đều để cho vợ tôi trông nom 2 cháu. Bà xã tôi hiểu được nỗi lo âu của tôi trong khi lái ghe nên không có một lời than thở. Thật tội nghiệp!

Có một lần vào ban ngày vì biển động, sóng hơi lớn nên 1 thùng dầu Diesel dự trữ đặt phía sau lái khoảng 200 lít rơi xuống biển. Tôi phải ngưng ghe lại và nhờ anh Thọ (hiện đang cư ngụ tại Nam California) nhảy xuống biển để cùng chúng tôi vớt thùng dầu lên. Đến hôm nay tôi vẫn còn thâm phục tinh thần của anh ấy. Lúc đó không mấy ai dám nhảy xuống biển mênh mông như vậy. Tôi quyết định là phải vớt thùng dầu lên cho bằng được. Tôi nói với các bạn thanh niên cùng đi rằng con đường chúng ta đi còn xa lắm. Nếu chúng ta thiếu dầu, chết máy thì khi biển động ghe sẽ bị lật chìm ngay vì chúng ta không thể điều khiển được chiếc ghe để lái chèo sóng. Họ nghe lời tôi và quyết tâm phải vớt thùng dầu. Tôi phải tận dụng những phương pháp cứu người trên biển cũng như những cách thắt mũi dây mà tôi đã học được ở những chiến hạm và khi tôi còn là một Huynh trưởng Đoàn trưởng Gia Đình Phật Tử ngoài miền Trung để ứng dụng lúc này. Chúng tôi dùng một sợi dây và 2 cây cọc trên ghe để kéo thùng dầu lên. Rất khó khăn vì thùng dầu quá nặng nhưng chúng tôi đã vớt được. Xin cảm ơn Trời Phật!

Sau những ngày đêm ghe vượt trùng dương bát ngát, lướt sóng gió, đi trong mưa, hướng Tân Gia Ba, vào một ngày nọ chúng tôi thấy 3 ghe khá lớn (*Thái Lan hoặc Mã Lai Á?*) đang đánh cá. Chúng tôi quyết định chạy đến gần họ để hỏi biết vị trí ghe đang ở đâu trên biển. Có lẽ vì bận đánh cá nên họ cứ thân nhiên chạy đi hướng khác. Họ không màng đến chúng tôi muốn tới gần họ. Chúng tôi dùng hoả châu phóng lên tia hồng ngoại tím thì họ mới dừng lại. Khi đến gần, tôi đứng trên mũi ghe và hỏi họ bằng tiếng Anh để biết vị trí ghe đang ở đâu và hướng Singapore. Họ chỉ cần nghe và hiểu chữ Singapore nên họ

chỉ tay về hướng Nam như chúng tôi đang đi. Đồng thời, tôi dùng sợi dây nhỏ cột tám hải đồ chuyển qua ghe họ để nhờ họ xác định trên bản đồ vị trí chiếc ghe của chúng tôi đang đi vì ghe họ có gắn Radar. Ngoài ra chúng tôi còn xin được thêm 2 thùng nước uống, khoảng 50 lít. Tôi cảm ơn lòng tốt của họ.

Khi cầm tám hải đồ với địa điểm ghe đánh cá vừa xác định bằng bút chì, tôi tin rằng có thể những ghe đó không phải là hải tặc Thái Lan vì những ghe đó đang đánh cá ở vùng biển nằm ngoài khơi của bờ biển Mã Lai Á. Tuy vậy, trong lòng tôi vẫn lo ngại.

Sau đó ghe chúng tôi tiếp tục nhắm hướng Tân Gia Ba mà chạy. Đi được một ngày thì bỗng nhiên tôi nhìn thấy từ xa xa ở hướng Nam hiện ra một đốm đen. Dùng ống dòm để quan sát, tôi mới rõ đó là chiếc máy bay trực thăng đang bay về hướng chúng tôi.



Trực thăng của tàu Cap Anamur

Trực thăng càng lúc càng hiện rõ hơn. Chúng tôi, tất cả mọi người trên ghe rất vui mừng khi thấy máy bay trực thăng. Khi đến gần, một người trên máy bay chỉ tay vào chúng tôi và ra dấu tiếp tục đi về hướng Nam. Nhìn về hướng Nam chúng tôi thấy một con tàu cỡ lớn từ từ hiện ra. *Sau này tôi được nghe kể lại*

rằng khi tàu Cap Anamur được trực thăng cho biết đã phát hiện ghe tỵ nạn chúng tôi thì thuyền trưởng cho 2 máy tiến full (với tốc độ tối đa) hầu kịp thời ngăn chặn mọi bất trắc có thể xảy ra cho ghe chúng tôi. Và sau khoảng 2 tiếng đồng hồ thì tàu đã đến gần chúng tôi. Trên tàu, thủy thủ đoàn phóng loa kêu gọi chúng tôi đừng sợ hãi, hãy bình tĩnh. „**Đây là tàu CAP ANAMUR của Tây Đức đang cứu vớt các bạn**“.



Tàu Cap Anamur

Thế là mọi người trên ghe đều lộ vẻ vui mừng khôn tả nhưng tôi vẫn yêu cầu họ hãy bình tĩnh, giữ trật tự, ở đâu ngồi đó. Nếu di động không trật tự thì ghe có thể bị lật úp hoặc ghe sẽ bị nghiêng, bị vô nước và chìm, nhất là lúc ghe đang cập vào tàu.

Lần nữa, mọi người nghe lời yêu cầu của tôi và ở đâu ngồi đó. Họ cũng đã thấy vợ và 2 con của tôi cũng ngồi yên tại chỗ. Tôi thầm cảm ơn họ. Bây giờ tôi cảm thấy khả năng hàng hải rất hữu dụng của mình sau 2 năm được đào tạo ở trường Sĩ quan Hải quân Nha trang và những năm phục vụ trên các chiến hạm.



Ghe cập vào tàu Cap Anamur. Tác giả đang liên lạc với nhân viên trên tàu.



Tác giả đang hướng dẫn thuyền nhân chuẩn bị lên tàu Cap Anamur

Sau khi ghe tôi đã được cập vào tàu Cap Anamur, những thủy thủ của tàu cũng bắt đầu xuống ghe tôi. Họ dùng cần câu trên boong tàu để giúp chúng tôi lần lượt đưa tất cả 148 người trên ghe lên tàu của họ. Tôi rời khỏi ghe sau cùng. Sau khi mọi người trên ghe đã được di chuyển lên tàu Cap Anamur thì thủy thủ đoàn đã phá hủy ghe chúng tôi để nhận chìm xuống đáy biển.

Chiếc ghe thật mỏng manh đối với biển cả mênh mông, giờ đây từ từ đi vào lòng biển. Tôi hướng mắt nhìn ghe lần cuối, hiện lên một vẻ buồn không tưởng, nhưng với tâm niệm „*có sinh thì có diệt*“ theo giáo lý nhà Phật, tôi cũng cố quên đi. *Tôi thầm cảm ơn chiếc ghe đã cứu mang 148 đồng bào thân yêu bỏ nước ra đi, trong đó có tôi cùng gia đình. Ghe đã đưa chúng tôi đến bờ tự do.*

Trên tàu Cap Anamur, chúng tôi được thuyền trưởng cùng thủy thủ đoàn chào đón một cách niềm nở và họ nấu cháo cho chúng tôi ăn sau nhiều ngày đói khát trên biển. Họ cũng sẵn sóc thuốc men cho chúng tôi nếu có người bệnh hoạn. Trước những cử chỉ thân thiện của thủy thủ đoàn trên tàu, họ đã hỗ trợ tinh thần rất nhiều cho chúng tôi nhằm nhanh chóng phục hồi lại sức khoẻ.

Sau khi họ đã cứu vớt chúng tôi, tàu tiếp tục di chuyển trên biển đông ở gần bờ biển Việt Nam khoảng 10 ngày nữa để tiếp tục cứu vớt thêm 4 chiếc ghe vượt biên khác, tiếp nhận khoảng trên 500 người.

Tại hải cảng Tân Gia Ba

Sau cùng, con tàu ân nhân Cap Anamur chở chúng tôi đến hải cảng Tân Gia Ba vào những ngày đầu tháng 7 năm 1980. Đó là chuyến thứ 8 của tàu Cap Anamur ra khơi cứu vớt người vượt biên tìm Tự Do trở lại cảng. Gọi tắt là **Cap Anamur 8**. Tàu không cập bến, chỉ neo trong hải cảng. Ở đó chúng tôi được chích thuốc ngừa. Không một ai được lên bờ.

Cao Ủy Liên hiệp Quốc tại Tân Gia Ba cũng xuống tàu để phỏng vấn chúng tôi. Người nào có thân nhân ở hải ngoại thì được ưu tiên thiết lập danh sách đi đoàn tỵ gia đình nhưng họ cũng phải đến trại tỵ nạn tạm trú một thời gian. Riêng vợ

chồng tôi thì bây giờ có người bác phía vợ đang hành nghề luật sư bên Gia Nã Đại. Nhưng khi tôi trình bày nguyện vọng muốn đi Mỹ thì Cao Ủy Liên Hiệp Quốc nói rằng: *Bạn và gia đình đã được tàu Tây Đức vớt, vậy bạn và gia đình có thể ưu tiên đi Tây Đức. Nếu bạn đồng ý thì trong mấy ngày nữa bạn sẽ đi ngay và không cần lên trại tỵ nạn chờ đợi. Tuy nhiên bạn cũng có thể đi Gia Nã Đại theo diện bảo lãnh, nhưng bạn và gia đình cũng phải qua tạm trú tại trại tỵ nạn ở Nam Dương một thời gian để chờ bác của bạn bảo lãnh. Người bác vợ của tôi tốt nghiệp Luật sư tại Pháp, làm việc trong Bộ Ngoại Giao VNCH và cũng đã từng tham dự và cố vấn Pháp luật cho phái đoàn VNCH tại Hội Đàm Paris. Tôi hy vọng về sự bảo lãnh của bác tôi. Tuy nhiên khi tôi hỏi về thời gian chờ đợi ở đảo thì cao uỷ LHQ không thể cho biết là bao lâu. Họ chỉ trả lời: Điều đó tùy thuộc vào sự bảo lãnh cũng như lệ thuộc vào chính quyền Gia Nã Đại.*

Sau khi được phỏng vấn, tôi đã thảo luận với vợ về vấn đề đi định cư ở nước thứ ba. Vợ chồng chúng tôi cũng ngại ngừng ở đảo vì có 2 con còn quá nhỏ. Cháu lớn nhất lúc bấy giờ được 3 tuổi và cháu thứ hai chỉ được 18 tháng. Hơn nữa chúng tôi cũng không muốn cậy nhờ ông bác vợ ở Gia Nã Đại bảo lãnh. Thế thì tôi quyết định đưa gia đình qua Tây Đức xin tỵ nạn cộng sản. Tôi tâm niệm: „*trời sinh voi, sinh cỏ*“. Vợ chồng tôi đồng quan điểm rằng ở đâu có Tự Do Dân Chủ là nơi đó chúng tôi có thể định cư và sẽ cố gắng xây dựng lại **cuộc đời mới**. Chúng tôi đã trải qua nhiều hiểm nguy, nhiều lần vượt biên trước bị bắn, nhiều cay đắng, nhiều gian truân, nhiều lần vô tù. Vợ con tôi cũng chịu cùng cảnh ngộ, cũng chịu đói khát,

bệnh hoạn như mọi người tù khác. Giờ đây chúng tôi đã may mắn gặp được tàu cứu vớt thì dù có đi định cư bất cứ ở xứ nào cũng đều tốt cả, miễn sao xứ đó có *Tự Do Dân Chủ* là được rồi.

Nhớ lại những năm xưa, mỗi lần vợ tôi sinh con là tôi bị ở trong tù. Con đầu lòng được sinh ra khi tôi ở trong “tù cải tạo” được 8 tháng tại Trảng Lớn, Tây Ninh. Con thứ hai được sinh ra khi tôi ở tù vượt biên tại Côn Đảo. Với tâm niệm: “*Chỉ có tinh thần là quan trọng*”, một bài học rất quý giá, hàm súc nhiều ý nghĩa thâm sâu mà tôi học được từ Trường Sĩ Quan Hải Quân Nha Trang của thuở nào đã giúp tôi nhiều nghị lực để vượt qua mọi trở ngại và tiến lên. Suy gẫm cuộc đời, bài học đó đã được chứng minh.

Ngày đầu tiên đến Tây Đức:

Khi tôi và vợ cùng quyết định đưa gia đình đi Tây Đức để định cư, thì Cao Ủy Liên Hiệp Quốc lo tiếp thủ tục giấy tờ cho gia đình tôi. Thế là sau vài ngày chờ đợi trên tàu Cap Anamur ở hải cảng Tân Gia Ba, gia đình tôi cùng với một số bà con vượt biên khác được chích thuốc ngừa và được phân phối quần áo mới để đi định cư tại Cộng Hoà Liên Bang Đức (Bundes Republik Deutschland) ở Tây Đức (West Germany).



Máy bay Lufthansa chở người tỵ nạn từ Tân Gia Ba sang CHLB Đức

Một buổi sáng tinh sương, chúng tôi được hướng dẫn lên xe buýt đang đậu ngay bên cảng để được chở ra phi trường Tân Gia Ba. Xe buýt chạy xuyên qua thành phố Tân Gia Ba, có cả thuyền trưởng tàu Cap Anamur là ông **Werner Urban** cùng đi về Tây Đức. Một thành phố rất khang trang và sạch sẽ. Rất tiếc rằng tôi chưa có dịp để thăm phố thị muôn màu của bán đảo này.

Khi qua Tây Đức tôi được biết thêm, vào năm 1979 Liên Hiệp Quốc họp tại Geneve, Thụy Sĩ, đã kêu gọi những quốc gia Tây Âu cứu nhận nạn nhân đến từ Đông Dương, nhất là đồng bào chạy tỵ nạn cộng sản từ Việt Nam.

Riêng chính quyền Tây Đức đã đồng ý sẽ nhận khoảng 30.000 người tỵ nạn từ Đông nam Á, đặc biệt là từ Việt Nam.

Sau thời gian ngắn xe buýt chở người tỵ nạn qua Đức đã đến phi trường Tân Gia Ba.

Tôi còn nhớ, khi ông thuyền trưởng Werner Urban cùng đi với chúng tôi đến phi trường Tân Gia Ba, ông ta ứa nước mắt trước khi lên máy bay Lufthansa. Có lẽ ông rất xúc động đã cứu được nhiều thuyền nhân và giờ đây họ sẽ lên đường đến một xứ lạ là quê hương của ông, một quê hương đang có *Tự Do Dân Chủ* và có những hành động nhân đạo.

Vào buổi chiều tối, chiếc phi cơ Lufthansa của Tây Đức chở 145 người vượt biên xin tỵ nạn tại Tây Đức, trong đó có gia đình tôi rời phi trường Tân Gia Ba. Sau khoảng 12 giờ bay vào ban đêm, phi cơ hạ cánh tại phi trường Frankfurt am Main, Tây Đức vào buổi sáng sớm ngày 15.07.1980.



Tác giả cùng đồng hương thuyền nhân trong phòng chờ đợi tại phi trường Frankfurt ngày 15.07.1980

Tại đây, một số người tỵ nạn trong nhóm chúng tôi được đổi máy bay tiếp tục đi lên miền Bắc Đức ở Hamburg, hoặc đến tiểu bang Rheinland-Pfalz, hoặc đi Saarbruecken. Một số người đi lên thành phố Bremen. Một số khác đi qua Tây Bá Linh. Tây Bá Linh nằm trong lòng Đông Đức. *Lúc bấy giờ thành phố Bá Linh được chia làm hai phần bởi bức tường ô nhục do chính quyền cộng sản Đông Đức dựng lên vào ngày 13.08.1961 để chia thành phố Bá Linh ra làm hai nhằm ngăn chặn dân chúng Đông Đức từ bỏ chế độ cộng sản để chạy sang Tây Bá Linh là phần đất tự do để tỵ nạn. Sau đệ Nhị thế chiến, Đức Quốc Xã thua trận nên một nửa thành phố đông Bá Linh thuộc về quân đội Nga quân chế và một nửa thành phố tây Bá Linh thuộc về quân đội đồng minh Mỹ, Anh, Pháp. Chung quanh thành phố Bá Linh thuộc nước Cộng Hoà Dân Chủ Đức (DDR: Deutsche Demokratische Republik). Đó là quốc gia theo chế độ cộng sản.*

May mắn thay, gia đình tôi không đi Bá Linh. Chúng tôi cùng một số người tỵ nạn khác, tổng cộng khoảng 100 người ở lại chờ đợi để đổi máy bay đi đến phi trường Düsseldorf thuộc tiểu bang Nordrhein-Westfalen bên Tây Đức.

Trong lúc chờ máy bay để đi tiếp tục, tôi và 2 con đứng bên cửa sổ của phòng chờ đợi, hướng mắt ra xa. Nhìn qua cửa kính, hướng về những cao ốc, tôi đoán rằng đó là trung tâm thành phố Frankfurt. Lòng mình xôn xao làm sao! Suy nghĩ về quá khứ, nhớ về quê hương rồi nhìn về tương lai, tôi cảm thấy buồn vui lẫn lộn. Nghĩ về cuộc đời binh nghiệp, đã bao nhiêu năm chinh chiến, tôi suy tưởng, ít ra mình cũng đóng góp phần nào cho quê hương, cho Tổ Quốc để bảo vệ tiền đồn Tự Do. Bây giờ có rời xa quê hương mình cũng không ân hận cho lắm.

Nhìn quê hương xứ người với kỹ thuật tân tiến, tôi thầm nghĩ, nếu không có ngày 30.04.1975 thì hy vọng vào năm 1975 mình cũng sẽ có cơ hội được qua Mỹ du học 153 tuần thuộc chương trình đào tạo Master of Art hoặc MS hay cao hơn cho những sĩ quan quân lực VNCH có văn bằng cử nhân nhằm sau này góp phần tái thiết đất nước thời hậu chiến sau khi Hiệp định Paris được ký ngày 27.01.1973, chiếu theo Thông Tư của Bộ Tổng Tham mưu Quân lực VNCH năm 1974. Đến tháng 4 năm 1975 tôi đã học xong chương trình Ban Cử nhân thuộc Đại học Luật Khoa Sài Gòn. Tiếc thay, niềm mơ ước ngày ấy không trở thành sự thật, và giờ đây hiện diện nơi quê người tôi thì thầm:

*„Nhớ nước đau lòng con quốc quốc.
Thương nhà mỏi miệng cái gia gia“...*

Trà Sơn

Ghi chú: Một số hình ảnh trên được trích trong cuốn sách “Thế Kỷ Người Tỵ Nạn” (Das Jahrhundert der Flüchtlinge) do Ủy Ban Bác Sĩ Cấp Cứu Đức (Deutsches Komitee NOT-Ärzte) biên soạn năm 1981.

Bến đò

Nguyễn Bá Boat People

Thuyền nhân, họ là bầy chim xa xứ, họ tìm được đất dung thân, nơi đây là quê hương thứ hai, xứ đơm sữa và mật. Nơi đây dân lành, đầy tình thương đã mở rộng vòng tay nhân ái giúp đỡ, tiếp trợ họ để họ có cơ hội hội nhập và thành công.



Thấp thoáng đây đó những hàng quán mang tên tiếng Việt: Sài gòn, Hải âu, Đà Lạt, Nha Trang... xuất hiện khắp mọi nơi trên quê hương thứ hai này.

Trong những câu chuyện hàn huyên với dân tộc khác, người ta không còn nghĩ đến Việt Nam gắn liền với hai chữ „chiến tranh,, nữa nhưng họ nhắc đến Việt Nam với thức ăn ngon, và người Việt Nam cầu tiến, siêng năng. Các em nhỏ Việt Nam học giỏi ở các trường. Thật đây là niềm hãnh diện cho mỗi chúng ta sau thời gian ở nơi này. Quê hương thứ hai thân thương. Lòng thuyền nhân không bao giờ quên tấm lòng đầy tình thương nhân ái của người dân bản xứ dành cho họ.

Mới ngày nào

Vào đầu thập niên 80, phi trường Frankfurt thường có những chuyến bay từ Đông Nam Á đưa đoàn người đến, họ là những thuyền nhân từ trại tị nạn. Phi trường Frankfurt là trạm dừng chân đầu tiên trên xứ đơm sữa và mật này, đoàn người tị nạn lếch thếch tay xách vài túi ni lông ngơ ngác, ngác ngơ nét kinh hoàng của những ngày vượt biên, nắng gió của trại tị nạn khô cằn vẫn còn đậm nét trên mỗi người. Họ nhìn cảnh vật xung quanh, nhìn xe cộ dưới đường, nhìn sự giàu sang lộ liễu lấy lòng đầy ngưỡng mộ, trầm trồ trên khuôn mặt đầy hy vọng.

Họ được đưa về các trung tâm chuyển tiếp một thời gian ngắn, họ tiếp tục chia đi khắp nơi để học tiếng, các em thanh thiếu niên tiếp tục đi học. Các em được học nghề, học chữ, tiếp tục con đường tương lai đang chờ đón.

Người lớn bắt đầu đời sống mới trong môi trường mới và mọi việc đều mới mẻ đầy khó khăn thách thức trước mắt.

Đa số thuyền nhân lúc ấy là những người đang ở trong tuổi còn trẻ hoặc rất trẻ.

Họ dấn thân tìm việc làm, hết sức siêng năng trong công việc và cần kiệm trong mọi chi tiêu.

Họ sống ban ngày ở Đức nhưng đêm về lòng họ hướng về quê hương, nơi người thân sống cảnh khốn khổ hằng ngày, nào tù đầy, kinh tế mới, thiếu thốn mọi điều, cha già mẹ yếu, anh chị em đói khổ bệnh tật... bên cạnh đó có những gia đình chia ly, cuộc tình chia xa vì kẻ ở người đi còn đang mong ngày đoàn tụ. Lòng người tị nạn như „*vầng trăng ai xé làm đôi.*“



Rồi thời gian qua đi từ từ đời sống cũng ổn, những người tị nạn đến đây bằng hai tay không, mười năm, hai mươi năm họ có đầy đủ của cải vật chất. Đời sống sung mãn và thịnh vượng.

Cám ơn quê hương thứ hai.

Có những khúc quanh

Rồi thỉnh thoảng, gặp lại người cùng hội cùng thuyền ngày xưa, hỏi thăm nhau chúng ta hay tin anh chị đó, gia đình đó, con cái bây giờ đã lớn, thành tài có địa vị trong xã hội, thật đáng ngưỡng mộ. Tạ ơn đất nước này đã cho con cháu chúng ta có cơ hội tiến thân, và thành công. Bên cạnh đó cũng có những khúc quanh, những cuộc tình chia xa, đổ vỡ. Thuyền đã đổi bến, người lại sang sông.

Chúng ta nghe đâu đó, có người trở về Việt Nam tìm lại mùa xuân, nhưng giữa mùa xuân giông bão cũng ập đến, sóng

thần cuộn cuộn cuốn trôi đi ái ân, tình xưa nghĩa cũ, những ngày tháng an lành, để rồi đêm đêm nghe tiếng thở dài.

Chị Lém ngày xưa bán thịt ở chợ Rạch Giá, chị Thắm bán cá ở chợ Rạch Sỏi... Những người bình thường ngày xưa ở Việt Nam bây giờ có cơ hội trở thành người phi thường. Họ bây giờ là bà Meyer, Schmidt, Müller ... bên cạnh ông chồng mới trở về thăm quê hương trên khuôn mặt tràn đầy hạnh diện.

Cũng cảm ơn những vòng tay ân tình của người bản xứ. Thời gian trôi qua thật nhanh, mới ngày nào, bây giờ đã hơn ba mươi lăm năm, thanh niên ngày đó bây giờ đã trở thành... cao niên.

Đời người như một dòng sông qua bao ghềnh thác, buồn vui, cay đắng, ngọt ngào, thành công, thất bại, thoáng chốc tất cả rồi cũng qua đi. Ngày hôm nay khi lắng lòng nhìn lại, có còn lại chăng, một tấm lòng biết ơn, ghi dấu, để lại cho con cháu tấm gương: „*nhớ ơn*“.

Cám ơn lòng nhân từ, sự biệt đãi, cảm thông của người dân bản xứ. Cám ơn những người bạn thân thương, cám ơn những người đồng hương và đồng hành trên con đường tị nạn. Cám ơn những người vì công việc chung của cộng đồng tị nạn đã đang và sẽ còn dấn thân.

Và trên hết cám ơn Trời đã cho chúng ta sống đến ngày hôm nay để viết, để nói lên hai tiếng cám ơn, xem như đóa hoa lòng, đóa hoa tạ ơn.

Lòng thuyền nhân, lòng người tị nạn.
Boat people

Nguyễn Bá Boat People

Quê hương mới Những ngày mới đến

Phương thị Phi Nga

*Quê hương khuất bóng hoàng hôn
Trên sông khói sóng cho buồn lòng ai
(Tản Đà dịch, thơ Thôi Hiệu)*

Hai câu cuối trong bài thơ Hoàng Hạc Lâu của Thôi Hiệu „quê hương khuất bóng“ bây giờ đối với tôi, không còn „làm buồn lòng ai“ nữa. Lòng „ai“ hiện tại trái lại rất vui, cảm thấy rất may mắn vì được định cư tại một quê hương mới, nơi mà „ai“ được sống hạnh phúc thanh bình và an lạc! Quê hương cũ chìm trong kỷ niệm, có lưu luyến thì cũng chỉ là những thời gian trước khi bị chia đàn xẻ nghé, bị bẻ súng đầu hàng...

Chúng tôi đã sống tại Đức hơn 35 năm, thời gian này dài hơn thời gian chúng tôi sống tại Việt Nam. Thời tuổi trẻ, thời để học hỏi, để tạo nên con người bây giờ của mình được thành hình tại quê hương mới. Chúng tôi rất vui mừng và hãnh diện với sự may mắn này và xin cảm ơn quê hương thứ hai: Cộng Hòa Liên Bang Đức.

Khi trên đường đào thoát, chạy trốn Thiên Đường Áo, tôi cũng như đại đa số người Việt tìm tự do nào nghĩ rằng mình sau này sẽ nương nấu trên nước Đức?

Những ngày lên đênh trên biển, nhiều lần chúng tôi đã tưởng mình không còn cơ hội được đạp chân lên mặt đất bởi những đợt sóng cao ngất trời, cao như những tòa cao ốc mười tầng ập xuống,

bởi những khổ ải sống những giờ địa ngục, đến rồi đi của các con tàu hải tặc, bởi những chiếc tàu buôn to lớn, đèn đuốc sáng choang, nhưng mù lòng quang đại! Sau những giây phút tuyệt vọng đó, khi bị bắt buộc đục tàu giữa biển để được giàn khoang dầu ngoài khơi Mã Lai cứu vớt, tôi đã thầm hứa với lòng rằng bất cứ quốc gia tự do đầu tiên nào đến và nhận cư mang, thì tôi sẽ quyết định đi ngay không lựa chọn.

Sau những ngày tháng mền trời chiếu đất, chúng tôi hơn hai ngàn người sống lầy lất trong một chu vi lớn cỡ sân đá banh lại bị chánh quyền Mã Lai xua đuổi. Họ tổng tất cả các thuyền nhân xuống những con tàu rách nát, không bánh lái, không máy móc, không nước uống, không lương thực và đẩy ra đại dương về hướng nam. Đến ranh giới biển giữa hai quốc gia, họ chặt những dây kéo, bỏ mặc năm chiếc tàu chòng chành trên sóng nước. Khó khăn lắm chúng tôi mới trôi dạt được vào Nam Dương.

Sau đó không lâu, đại diện nước Đức là phái đoàn đầu tiên nghe tin về chúng tôi, đã đến tận trại tỵ nạn vô cùng heo lánh trên một hòn đảo nhỏ, để nhận người mà không phân loại trình độ kiến thức và thể lực. Lòng nhân ái là hành

trang của họ khi họ tìm đến chúng tôi. Hành trang chúng tôi tìm đến họ là tìm một quê hương mới với con tim tan nát trong những hình hài rã rượi.

Phi cơ của hãng Lufthansa chở mấy trăm người Việt Nam về Đức. Đoàn người chấy nắng, hôi hám, lồi thối, lếch thếch kéo nhau đi lên máy bay. Chuyến bay đầu tiên trong đời của đại đa số chúng tôi nên không tránh khỏi những lộn xộn, mất trật tự, mất vệ sinh vì không hiểu biết. Chuyến bay kéo dài hơn 16 tiếng làm vất vả cho cả phi hành đoàn, nhất là những tiếp viên, rồi cuối cùng cũng đáp xuống phi trường Frankfurt vào buổi chiều mùa thu nước Đức.

Hôm đó là ngày 05.10.1979.



Khi rời máy bay, các cô tiếp viên đã nhân từ khoác vào người chúng tôi từng chiếc mền mỏng, loại mền để hành khách dùng trên máy bay vì biết rằng với các bộ quần áo mỏng manh từ xứ nóng chúng tôi sẽ lạnh run khi bước ra khỏi phi cơ. Cử chỉ đó đã làm chúng tôi vô cùng cảm động. Riêng tôi, có lẽ những hỏi hớp về vùng đất quê hương mới đã khiến tôi hoàn toàn không thấy lạnh lẽo chút nào dù đó là buổi chiều tháng 10, hè đã đi để nhường chỗ thu đông giá buốt.

Sau khi đi ngang qua một hành lang hẹp với một bàn khám sức khỏe gồm năm vị mặc áo Bluse trắng kiểm tra nhanh gọn, người tôi càng nóng bừng lên khi bước

vào căn phòng sáng choang đèn, được khoanh lại đã chiến dành cho chúng tôi, đang đứng đầy những người Đức, gương mặt họ bừng sáng với niềm hân hoan chào đón chúng tôi qua những nụ cười đầy thân ái.

Những người Đức của các cơ quan từ thiện, của chánh quyền sở tại, đứng sau những dãy bàn bên trên chất đầy những áo Mantel, áo Jacke, những Pullover dày cộm, những quần tây mùa đông và những đôi giày cao ống hoặc giày bên trong có lót lông. Chúng tôi già trẻ lớn bé lần lượt chọn và mặc vào người. Bọn tôi bắt đầu cười vui và nhìn ngắm nhau, đánh dấu những đổi thay hình thức ban đầu của người tỵ nạn. Sau khi y trang đã tạm xong, vị đại diện chánh quyền nói vài câu chào đón và cho chúng tôi biết là chúng tôi sẽ được phân ra ba nhóm và đi về ba hướng khác nhau: Tây Berlin, thành phố Trier và thành phố Idar Oberstein.

Hoàn toàn không một khái niệm, một kiến thức gì về hai vùng có tên lạ hoắc kia, tôi chỉ chú ý đến địa danh Tây Berlin, nơi mà tôi biết sơ sơ rằng nó nằm thò lộn trong phần đất miền đông nước Đức.



Nơi vùng đất Tây Berlin này bị bao bọc chung quanh là Cộng Sản và thú thật lúc đó tôi thảm cầu mong mình và gia đình

đường dính vào danh sách những người phải đi qua đó.

Đoàn người đi Tây Berlin khá đông, họ được đưa qua một khu vực khác để chuẩn bị lên một chiếc máy bay khác bay tiếp về Berlin. Nhìn những đồng bào mình đã từng sống với nhau một thời gian tại thủ đô Jakarta để chuẩn bị định cư nước Đức, giờ phải chia tay nhau và không biết khi nào gặp lại, lòng chúng tôi man mác một nỗi buồn...

Tiếp đến là một vị đại diện của chánh quyền thành phố Trier lên đọc tên, ông giới thiệu một cách hãnh diện rằng: „Các bạn sắp được về một trong những thành phố cổ nhất nước Đức“. Những người được đọc tên lại lần lượt theo ông ra xe. Đoàn chúng tôi còn lại, lần nữa đưa mắt tiễn đưa và thầm chúc nhau những gì an lành và may mắn nhất.

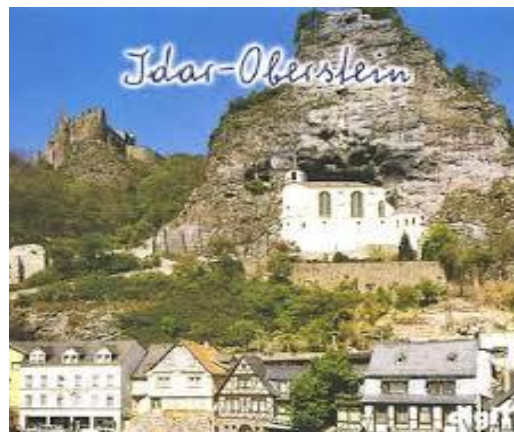


Porta Nigra - Trier

Chúng tôi gồm 80 người còn lại cuối cùng cũng lần lượt leo lên hai chiếc xe Bus nhắm hướng chạy về một làng nhỏ thuộc thành phố Idar Oberstein.

Chuyến không hành dài hơn 16 tiếng cộng với hơn hai tiếng tại phi trường đã làm chúng tôi mệt mỏi và ngủ gà ngủ gật trên xe Bus. Tôi chấp chờn nửa thức nửa mơ, sau đó thì tỉnh táo hẳn để nhìn quang cảnh hai bên đường. Chạy hơn hai giờ đồng hồ, tôi đoán vậy vì không có đồng hồ, thì trời tối mịt vì hai bên

đường không có đèn, nhưng qua những vệt sáng của đèn xe khi qua các khúc queo trái queo phải, tôi nhận thấy xe chạy trên một con đường nhỏ, hai bên đường vắng vẻ không có nhà cửa, chỉ có những cánh đồng ven sườn đồi mà sau này tôi mới biết là những cánh đồng trồng nho làm rượu.



Phía sau tôi có tiếng nói: “Sao khu này giống khu kinh tế mới quá ta!”. Câu nói của anh ngồi phía sau khiến tôi nhớ đến các vùng đất khô cằn xa thành phố mà sau năm 75, nhà cầm quyền Cộng Sản đã đưa, đã bắt buộc những gia đình mà họ xếp loại lý lịch xấu về đó ở và canh tác. Liên tưởng này khiến tôi có sự băn khoăn, tự hỏi, sao thành phố nơi mình sắp đến lại vắng vẻ và hiu quạnh quá?

Trong đầu một người từ nhỏ đến lớn sống tại Saigon, tôi mừng tượng thành phố của Châu Âu sẽ phải rục rờ ánh đèn, sẽ có nhiều tòa cao ốc, sẽ có thiên hạ đi nhộn nhịp suốt đêm, sẽ có chợ búa ồn ào buôn bán 24/24, nên câu nói của anh bạn phía sau quả đã gieo trong tôi nhiều băn khoăn và lo lắng! Kinh tế mới trên quê hương mới? Họ sẽ cho chúng tôi vô một khu vực riêng để tập tành nếp sống trước khi gia nhập vào xã hội người Đức vốn nổi tiếng kỷ luật và thông minh chẳng? Tuy nhiên, khi nhớ lại những hình ảnh từ ái của các cô tiếp viên trên phi cơ cho đến sự thân thiện

chào đón của các người Đức tại phi trường Frankfurt trong giây phút đầu tiên đặt chân lên nước Đức, những ngờ vực bị quan bị đánh tan. Có phải vì tôi đã ở hơn ba năm với Cộng sản, bị người cùng tiếng nói trù dập quá nên đã bị bệnh thường trực nghi ngờ mọi chuyện?

Thật vậy, chúng tôi không bị cách ly hay đi về vùng kinh tế mới nào cả. Nơi xe Bus dừng lại là trang trại có tên: Niederrheindenbacher Hof. Trong trí óc tôi, tôi so sánh trang trại này tựa tựa khu bệnh viện bên VN, với ba tầng lầu, với những hành lang chạy dài hình chữ U, với các bậc thang bằng gỗ khiến khi chúng tôi rầm rập chạy lên chạy xuống, nó gây nên một âm thanh rộn rã.

Tôi tạm gọi nơi đây là trại dành cho người tỵ nạn chánh trị VN vì trước nhóm chúng tôi cũng đã có hơn 70 người Việt được nước Đức nhận từ các đảo tỵ nạn Đông Nam Á từng cư trú tạm trong vòng 9 tháng. Khi chúng tôi đến, chỉ còn vài anh chị và họ cũng đang chuẩn bị nay mai xuất trại để ra ngoài sinh sống. Do đó, nếp sinh hoạt tại nơi đây tạm gọi là đi vào nề nếp.

Ngoài vài anh chị VN đã ở đó hơn 9 tháng, chúng tôi được đón tiếp bởi hai vợ chồng vị mục sư coi sóc nơi đây tên là ông bà Wieher, hai bà ma sơ Thiên Chúa Giáo tên là Emmie và Annie cùng với vài nhân viên mà tôi không còn nhớ tên.

Từng gia đình được gọi tên và hướng dẫn lên nhận phòng, khi bước xuống xe Bus, tôi thấy trên sân đất nơi chúng tôi đứng chờ lấy hành lý ẩm ướt một làn sương mỏng và từ trên cây, lác đác lá vàng rơi, hiu hiu gió đêm về lạnh lạnh... Những căn phòng rộng dành cho các gia đình có đông con hay đông nhân

sự, các gia đình có một đứa con thì đi vào các căn phòng nhỏ hơn và nguyên tầng ba trên lầu thì dành cho hơn mười lăm cậu độc thân tại chỗ.

Vợ chồng tôi vào một căn phòng được xếp đặt xinh xắn, trong đó có một nhà bếp nhỏ và tất cả vật dụng cần thiết cho sinh hoạt gia đình đều có sẵn. Tủ lạnh có thức ăn như thịt nguội, bơ, sữa tươi, trứng gà và điều này làm tôi rất ngạc nhiên, không ngờ mình được chào đón quá ư là chu đáo. Về sau tôi mới biết là trước khi chúng tôi vào ở thì một số học sinh cấp chuẩn bị thi tú tài đã đến dọn dẹp, trang trí, chợ búa, sắm sửa để chúng tôi vào là có đủ mọi vật dụng cần thiết cho một gia đình. Giường ngủ của chúng tôi cũng được trải drap trắng tấp và trong tủ có vật dụng vệ sinh cá nhân và có luôn quần áo. Đoàn học sinh này về sau có trở lại trại để thăm chúng tôi. Các em cười đùa trò chuyện như đã quen nhau tự bao giờ!

Thật không thể tưởng tượng rằng những người Đức vùng đó đã bỏ biết bao nhiêu công sức để lo lắng cho đám VN xa lạ này. Họ thật nhân ái và lòng từ tâm vô bờ bến!

Vất hành lý qua một bên, chúng tôi bèn đi nhòm chỗ ở của nhau để biết ai ở đâu, chuẩn bị mai còn chạy qua chạy lại tìm nhau kể chuyện.

Sáng hôm sau, chúng tôi gặp chị Thu Tâm, người thông dịch cho bọn tôi trong những ngày đầu. Chị sang đây du học trước năm 75, có chồng Đức và cư ngụ tại Stuttgart nên chị sẽ ở trại và làm việc tại đây từ thứ hai đến thứ sáu, còn cuối tuần chị ấy đi về nhà. Chị Thu Tâm dẫn chúng tôi đi một vòng và nhắc chúng tôi phải nhớ những khu quan trọng như phòng làm việc của chị,

phòng khách chung thật lớn có một cái Tivi trắng đen, nhà bếp và phòng ăn chung mà chúng tôi sẽ xuống ăn ngày ba bữa, phòng y tế do hai bà sơ Annie và Emmie đảm trách, lò bánh mì, chỗ để các máy giặt cho chúng tôi sử dụng, nhà vệ sinh và phòng tắm chung cho từng khu, chỗ đổ rác, v...v....

Có một khu gồm nhiều phòng ốc dành làm lớp học, nằm về hướng con đường dẫn ra cổng chánh. Khu trại rất rộng lớn và có nhiều nơi rất vắng vẻ nên cho đến ngày rời khu vực đó, tôi cũng chưa biết hết tất cả mọi nơi mọi chốn. Cạnh khu vực chúng tôi ở không ngăn cách hàng rào, có một dãy nhà dành làm chỗ ở và nơi làm việc của các người Đức bị tâm thần loại nhẹ. Các anh này giúp việc xúc than đá đổ vào lò sưởi chánh, để từ đó hơi nóng sẽ lan tỏa đến các phòng của chúng tôi, họ giúp việc trong lò bánh mì của trại, xúc tuyết, làm vườn theo mùa và vắt sữa bò đem về trại cho VN chúng tôi dùng.

Có một lần, sau bữa cơm chiều, tôi tản bộ vòng vòng cho biết thêm vài nơi trong trại. Khi trời chạng vạng tối, về lại cầu thang để lên phòng mình, tôi suýt la to vì sợ hãi khi bỗng dưng xuất hiện hai anh to béo đứng ngáng ngay cầu thang. Hai anh cứ đứng nhìn tôi và con mắt của những người bệnh tâm thần trông sợ lắm! Tôi xua tay ra dấu mọi cách cốt để cho hai anh hiểu là tôi muốn đi lên lầu nhưng hai anh đột nhiên cười hề hếch và cứ như vậy, cứ đứng hoài nơi đó không nhúc nhích. Dường như họ khoái chí khi thấy tôi múa may quay cuồng ra dấu!

Chỉ một lần thôi, về sau tôi không thấy mấy anh này xuất hiện qua khu chúng tôi ở nữa...

Đêm đầu trên quê hương mới, chúng tôi ngủ ngon làm sao! Sáng dậy, được chị Thu Tâm dẫn từ đêm trước nên chúng tôi lần lượt kéo nhau xuống nhà ăn, một căn phòng chứa hơn trăm người, nhà bếp có rất nhiều người làm việc. Món sữa tươi thơm béo vắt từ những con bò bên nông trại gần bên lại là món đa số bỏ lại vì không quen uống, bánh mì và bơ cùng các loại mứt trái cây cũng xa lạ quá! Chỉ có mấy đĩa con nít hảo ngọt ưa thôi.

Phần ăn trưa kiểu Đức cũng khiến chúng tôi ngán ngẩm, nhiều người ôm bụng đói về phòng! Có một lần 80 cái bông cải nguyên bắp trắng ngần nhưng chua thật là chua, chua như dấm loại cực mạnh, nằm ngơ ngác trên bàn như đĩnh công, như ăn vạ vì không một ai động đến. Trước tình trạng như vậy, ông bà Wieher quyết định phát tiền cho chúng tôi tự đi chợ mua thức ăn về nấu theo khẩu vị.

Gần nơi chúng tôi ở nhất là làng Weierbach, nơi đây có chợ siêu thị Globus, có bưu điện, có hàng quán nên VN chúng tôi kéo nhau lội bộ theo đường tắt đi ra đó.



Làng Weierbach

Lo lắng cho thân nhân còn lại tại Việt Nam, ngay trong những tuần lễ đầu trên nước Đức chúng tôi đã dè xén tiền trợ cấp, đi mua hàng hóa lặt vặt mà chúng tôi nghĩ là người nhà mình có thể bán ra

lấy tiền mà phụ vào cuộc sống bi đát bên nhà. Hộp quẹt, bút nguyền tử của chợ Globus được chúng tôi gom sạch để đóng thùng gửi tàu thủy về cho thân nhân còn kẹt lại. Những gói hàng tình nghĩa đó đi mười món thì tới VN chỉ có tám hay xui nữa thì chỉ tới có năm. Xui hơn thì không bao giờ tới tay người nhận và người nhà mình không biết thưa gửi kiện cáo với ai trong một xã hội luật rừng.

Chợ Globus có thêm nhiều khách đầu đen! Những vị khách đầu đen chưa biết tiếng Đức đi chợ lại không gặp khó khăn gì vì các hàng hóa được bày trên quầy. Hễ ai ưng bụng về giá cả món nào thì cứ ôm ra để trả tiền, dễ ợt! Quầy thịt tươi ư? Cứ chỉ chỗ, giờ mười ngón tay lên xử dụng là các cô bán hàng hiểu hết, còn món mình ưa ăn trong bộ phận con heo hay con bò mà không thấy trong quầy thịt thì với sự thông minh trời cho, các ông bà VN sáng tạo ra nhiều cử chỉ mà nhìn vào ai cũng hiểu để các bà bán hàng vui cười đi vào trong đem ra cho quý khách tiêu dùng. Đông Tây hòa hợp hiểu nhau bằng ngôn ngữ quốc tế không cần qua trường lớp!

Hai tuần hơn đã trôi qua, một hôm chúng tôi được báo tin là tới cuối tuần đó, tất cả phải tập hợp vào phòng khách lớn vì có đồng bào địa phương đến thăm. Các vị khách đến với chúng tôi mục đích là nhận chúng tôi vào những gia đình của họ để tạo cho chúng tôi tiếp xúc và hòa nhập vào xã hội Đức dễ dàng hơn. Đa số là các cư dân quanh vùng nhưng cũng có một gia đình đến từ xa, từ thành phố Koblenz tới dự và nhận người, tôi còn nhớ ông bà tên là ông bà Blumer.

Trong số các gia đình có con nhỏ, có một anh vì hoàn cảnh dắt các con còn

rất nhỏ đi mà không có bà vợ đi cùng, rất được người Đức chú ý.

Gia đình tôi được ông bà kiến trúc sư tên Klein nhận, bà không đi làm nên hàng ngày bà đến nơi tôi ở thăm nom và cuối tuần thì chở chúng tôi về nhà. Bà nấu món Đức tiêu biểu cho chúng tôi thưởng thức. Căn nhà bà rất đẹp, trong phòng khách của căn nhà vô số đầu nai hươu có sừng treo kín cả một mặt tường vì sở thích của cả hai ông bà là săn bắn. Có một lần, chúng tôi được tháp tùng đi theo xem ông bà săn nai.

Nơi săn xa nhà hơn một giờ lái xe, vùng đó tuyết dày lên ngập gối và những hàng thông nặng trĩu những mảng tuyết trắng ngần, thật đẹp dưới tia nắng mặt trời. Mùa săn bắn rơi vào mùa đông nên ngồi trong căn chòi gỗ cất cao cách mặt đất hơn năm thước để chờ thú, dù đã trang bị áo quần ấm hết cỡ chúng tôi cũng run cầm cập vì những cơn gió lốc thổi lùa vào chòi, khiến ông bà phải bỏ dở buổi săn bắn lên xe đưa chúng tôi trở về nhà và đó là lần duy nhất cho chúng tôi biết thêm một Hobby của người dân Đức.

Bà Klein rất đẹp, hơn tôi 7 tuổi và rất dịu dàng quý phái. Tôi được biết bà xuất thân từ một thành phố lớn, trong một gia đình giàu có nên tại làng nhỏ Weierbach và nhất là giữa đám VN tỵ nạn, bà lộng lẫy, sáng láng, nổi bật như tài tử xi nê. Chúng tôi trao đổi với nhau bằng tiếng Anh và bà đã kiên nhẫn dạy cho tôi những câu tiếng Đức thông thường cần phải biết.

Các bạn đồng hương của tôi cũng giống như tôi, có những người Đức vô cùng tốt bụng đến hàng ngày để giúp đỡ bên cạnh các vị nhân viên có trách nhiệm trong khu chúng tôi sinh sống, con của

họ cũng đi theo và chơi cùng với các trẻ con VN và cuối tuần thì đa số trong chúng tôi được xe của các vị tốt bụng này đến đón đi chơi hoặc về nhà họ. Các anh em độc thân cũng có những gia đình bảo trợ, cứ ba người thì được một cặp vợ chồng trẻ nhận lo. Họ bỏ tiền ra mua quần áo thêm cho chúng tôi, thêm vào đó là các vị linh mục và các mục sư trong các buổi giảng sáng Chúa Nhật đều kêu gọi dân làng giúp cho người tỵ nạn VN, nên ngoài những gia đình bảo trợ chánh thức, chúng tôi còn nhận được biết bao quà cáp tặng phẩm của dân làng đem đến. Phần quà quần áo cũ mới được tặng quá nhiều đến nỗi khi rời trại nhiều người trong chúng tôi đành bỏ lại vì không còn chỗ để chất lên xe.

Lòng tốt của người dân Đức thời điểm đó đối với người tỵ nạn Việt Nam thật quảng đại và hào hiệp !

Lớp tiếng Đức vỡ lòng chia thành bốn lớp, đầu tiên chúng tôi được sắp xếp theo lứa tuổi, về sau được sắp xếp lại theo sự thu thập nhanh chậm của mỗi người.

Chúng tôi có cô Fey, cô Kühl, vài cô giáo giữ trẻ mà tôi quên mất tên đến từ các làng chung quanh. Cô giáo Gudrun Hoover là người gần gũi với chúng tôi nhất. Đa số các cô giáo sau giờ dạy trở về nhà, riêng cô Hoover ở hẳn trong trại và đặc biệt thương mến người VN. Nhà ba má cô ở Idar, cô là con độc nhất của ông bà nha sĩ Hoover, ông bà có phòng mạch riêng nên chúng tôi khi đau răng là được cô chở thẳng về nhà ba má cô chữa trị, phải nói cô bỏ thì giờ tâm sức rất nhiều cho chúng tôi. Ba má của cô đối xử với chúng tôi rất tốt. Có bác nói chắc cô này mắc nợ chúng mình. Nợ nần hay lòng tốt?

Cuốn sách giáo khoa tiếng Đức đầu tiên đến với chúng tôi có tựa đề „Vater und Sohn“, bìa màu đỏ đậm, chúng tôi dịch tên cuốn sách ra là sách „cha nào con nấy“. Sách gồm nhiều hình vẽ, kể chuyện về hai cha con rất dí dỏm và ý nghĩa bằng những câu truyện ngắn, qua đó chúng tôi bắt đầu học những câu nói thông thường hằng ngày. Thời gian học cả sáng lẫn chiều, vào những ngày đông giá, chúng tôi hay đi xuyên qua các khu có đồng hương ở, để xuống lớp học, phần là tránh lạnh, phần để rủ nhau cùng đi và chẳng ai phàn nàn về chuyện đồng hương đột nhập, băng xuyên vào khu nhà ở riêng tư một cách tự nhiên như vậy cả. Tất cả như một đại gia đình!

Tiếng Đức, tuy phát âm không trúc trắc khó khăn, không bắt buộc thật đúng về dấu nhấn (intonation) như tiếng Anh nhưng cũng gây cho chúng tôi nhất là các bác lớn tuổi nhiều cái khó. Chữ viết có nhiều chữ dài thông có khi gồm đến mười mấy mẫu tự nối tiếp dính chùm với nhau, rất ư khó thuộc lòng cho các bài chánh tả, hoặc lạ lùng khi phát âm nên sau giờ học là có những giai thoại rất buồn cười về bác A hay về anh B, chị C.

Chữ Kugelschreiber được trả bài nghe ra như bác đang đọc chữ bánh xèo. Chữ cuối trong các từ vựng, các bác cứ ung dung, đàng hoàng cho vô dấu nặng nên có câu truyện miệng chọc nhau: “tới khúc Um lei tùng, tui chạy ùng ùng, về tới Woh nùng tui chui vô mùng“. Phần văn phạm, các động từ khi chuyển qua thể thụ động (passive) hay tiền quá khứ (present perfect) thì bị vất nằm cuối cùng, nằm chỗ kết thúc câu cũng là một điểm rất lạ lùng mà tiếng Anh, tiếng Pháp không hề gặp! Về sau tôi khám phá rằng, nhờ vào đó, các bài diễn văn

tiếng Đức nghe hùng hồn và quyết liệt hơn nhiều. Ngôn ngữ Đức, nếu thời Hợp Chúng Quốc Hoa Kỳ bỏ phiếu chọn Quốc Ngữ không bị thua tiếng Anh một phiếu thì giờ đây Hoa Kỳ đã nói tiếng Đức như mình vậy. Ủng ghê!

Rồi những cơn tuyết đầu tiên trong đời đến. Sáng đó lại là cuối tuần nên không phải đi học, mọi người chạy ra ngoài sân reo hò âm ỉ hoặc ngửa mặt lên trời thảm lặng thưởng thức mùi lẩn hương vị của tuyết trắng đang rơi.



Kế tiếp là chụp hình, các bà con nào có máy ảnh tha hồ mà bấm để còn rửa gập ra khoe nhau và nhất là lo gửi về quê nhà cho người nhà cùng vui chứ! Nhớ lại khi xưa còn nhỏ, ở xứ nhiệt đới nóng điên người, ngồi xem những cuốn phim quay cảnh mùa đông với rừng tuyết trắng, bọn nhỏ chúng tôi ao ước một ngày nào đó, khi được đứng trong tuyết, chúng tôi sẽ ngoạm những mảng tuyết trắng tinh vào mồm ăn cho đã...

Chào đón tuyết, vọc chơi tuyết mà không cụ bị áo quần cho đủ ấm đã làm một số người lớn, trẻ em bị bệnh. Người đưa đón chúng tôi đi khám bệnh là bà Wieher. Cứ sáng sớm là bà như con thoi, làm tài xế chở chúng tôi đi bác sỹ, ngồi chờ ở đó để đưa chúng tôi về.

Nhiều tháng ngày rờn rã với 80 người vì thay đổi khí hậu nên thi nhau bệnh mà chúng tôi thì ít người biết nói tiếng cảm ơn, nghĩ lại thật là vô ý và mắc cỡ! Giờ

hẹn lại không được tôn trọng nên bao giờ chúng tôi cũng khiến bà ngồi trong xe chờ đợi, khi leo vô xe cho bà đưa đi cũng chẳng một tiếng xin lỗi cho phải phép! Thật ông bà Wieher đã rất rộng lượng và chịu đựng chúng tôi rất nhiều điều.

Khi tuyết rơi nhiều và thường xuyên hơn thì Tết Nguyên Đán lại gần kề. Các anh chị trong Ban Đại Diện thưa lên với các cô giáo về ý nguyện làm một cái Tết tha hương đầu tiên của chúng tôi và được, không chỉ các cô giáo mà tất cả các vị có trách nhiệm trong trại hưởng ứng và khuyến khích. Có một chị còn đem theo được chiếc áo dài, cô giáo Hoover có ý may cho mười mấy cô học trò áo dài cho đúng với truyền thống Việt Nam nên cô kêu tháo bung áo mẩu ra để cô theo đó đo may cho chúng tôi. Cô chở chúng tôi lên thành phố Idar-Oberstein lựa vải theo ý thích rồi cô cặm cụi đo cắt may ráp cho từng người một. Đó là chiếc áo dài đầu tiên nơi nước Đức, quà tặng của cô giáo Hoover, thật vô cùng ý nghĩa và quý giá!

Chúng tôi ráo riết tập văn nghệ vì nghe nói Tết sẽ làm trong một Hội Trường lớn nằm tại Weierbach và có nhiều người Đức đến chơi. Thế là tập hát Quốc Ca VNCH, tập hợp ca bài „Ly Rượu Mừng“, thế là đơn ca và có luôn một màn hoạt cảnh diễn tả sự ác độc của Cộng Sản sau khi họ chiếm miền Nam và đó là lý do nhân mạnh cho người Đức biết vì sao chúng tôi phải bỏ xứ ra đi.

Thời gian đó, một anh trong nhóm chúng tôi có trong tay bài hát „Saigon niềm nhớ không tên“ của Nguyễn Đình Toàn từ trong nước phổ biến ra ngoài. Những lời bi thiết và buồn thảm làm chúng tôi hát với sự nã nê không sao tả

hết! Sau phần văn nghệ là các món ăn như chả giò, gỏi gà, xôi đậu xanh do cô Hoover lặn lội chở chúng tôi đến Kaiserslautern, nơi có một tiệm thực phẩm Á Châu gần nhất mua vật liệu cần thiết về làm. Người Đức, tuy chẳng hiểu chúng tôi hát cái gì nhưng cũng vỗ tay ào ào khích lệ, báo chí địa phương đến chụp hình đăng báo. Mọi người cười nói thật vui nhưng đêm ấy khi trở về phòng, khi chỉ còn ta với ta, tôi biết sẽ có nhiều người thầm khóc.

Sau chị Thu Tâm, lần lượt thông dịch viên đến với chúng tôi là anh Nguyễn Sơn, anh Thành (bây giờ là Herr Dr. Thành Nguyễn-Brem), hai cô con gái của ông bà Lê Trọng Phẩm làm việc trong tòa Đại Sứ VNCH trước 75, tên Kim Thu và Kim Chi, lúc đó đang là sinh viên. Tất cả các thông dịch viên đều hết lòng và rất gần gũi với chúng tôi như những người thân thích.

Thời gian được phép học và ở tại đó là 9 tháng nhưng đến tháng 3 năm 1980, nghĩa là mới 5 tháng, qua truyền thông báo chí, ông Eitel, giám đốc hãng làm vỏ bánh xe Michelin, đến tận trại chúng tôi để tuyển người làm việc. Hãng của Pháp nên họ có cảm tình và biết rõ đặc tính cần cù chịu khó của dân Việt Nam. Đa số những người độc thân, tất cả các anh trung niên trong trại đều chụp ngay cơ hội này.



Hãng lo cho chúng tôi trong thời gian đầu đi làm, di chuyển từ trại đến nhà ga xe lửa ở Kirn bằng Taxi, rồi từ đó dùng xe lửa đến nhà ga Bad Kreuznach, từ nhà ga chúng tôi leo tiếp lên xe Bus để đi đến hãng, khi về thì lộ trình ngược lại cũng y như vậy.

Đi làm tổng cộng mỗi ngày mất mười mấy tiếng đồng hồ nhưng anh em ty nạn nào có xá chi, cực khổ đã quen rồi! Sau đó, hãng Michelin tìm nơi ăn chốn ở cho từng gia đình để đưa chúng tôi về ở ngay tại thành phố Bad Kreuznach, nơi có nhà máy Michelin thật lớn và là nơi chúng tôi làm việc, định cư tại đó gần 30 năm.

Đến hôm nay vẫn còn rất nhiều gia đình xuất thân từ trại Niederrheindenbacher Hof sống tại đó với các thế hệ thứ hai thứ ba tiếp nối và các anh vào hãng làm từ năm 80, đến hôm nay vẫn còn làm tại Michelin nếu chưa đủ tuổi về hưu. Như thế, chúng tôi một số đã bỏ dở chuyện học tiếng Đức chỉ sau vài tháng học vỡ lòng để tự lập bản thân, nuôi sống vợ con và đóng thuế cho nước Đức.

Các em độc thân lứa tuổi 16 đến 25, sau khóa học 9 tháng đó, được đưa lên thành phố Arolsen để học tiếp lên, vài em lại đi về phía nam, thành phố Mainburg để học và sau đó là đi vào các trường học nghề hay cao đẳng. Trại từ từ giải tán, sau đợt chúng tôi rời trại là không còn đợt VN ty nạn nào đến trú ngụ cả.

Cách đây tám năm, chúng tôi tìm về chốn cũ thì chốn cũ không còn nữa, các tòa nhà của trại bị đập bỏ và xây những khu nhà mới, hoàn toàn khác lạ tự bao giờ, đi loanh quanh chỉ còn nhận ra một khúc tường trước đây nằm gần cổng chánh để đi ra đường lộ.

Chúng tôi cũng đến bệnh viện Kirn và bệnh viện Idar-Oberstein để tìm gặp bà bác sỹ Strohmaier và cô y tá Monika mà trong thời gian nằm bệnh viện chúng tôi được hai vị này chăm sóc với sự thương mến đặc biệt nhưng không ai còn nơi đó.



Bệnh viện Idar Oberstein



Bệnh viện Kirn

Bà Strohmaier đi về Reutlingen và sau này chúng tôi có gặp lại nhau còn cô Monika cũng dời đi nơi khác không ai biết.

Bà Klein của chúng tôi sau này về ở B.KH và chúng tôi vẫn còn liên lạc, hai bà sơ Emmie và Annie nghe tin đã vào một trại dưỡng lão nhưng không ai trong chúng tôi biết ở đâu, ông bà mục sư Wieher dọn lên Koblenz có một tiệm bán quần áo cũ, các cô giáo như cô Hoover lập gia đình với một quân nhân Mỹ và lúc sau này chúng tôi không còn tin tức.

Con số 80 nhân sự thuở ban đầu hiện giờ đã nhân lên gấp đôi gấp ba mặc dầu trong số 80 người chung chuyến xe Bus, ở chung trại, đến Đức một ngày với chúng tôi có một số đã ra người thiên cổ khi tuổi đời vẫn còn khá trẻ...

Những từ vựng bập bẹ thuở ban đầu, những chỉ định từ (Artikel) „Der- Die- Das“ rối rắm vào năm 1979 tại những lớp học trong trại Niederrheindenbacher Hof là những viên đá, viên gạch ban đầu xây dựng tương lai chúng tôi. Nhiều anh chị em ngày nay đã trở thành Tiến Sỹ hay Bác Sỹ hay Kỹ Sư hay Công Nhân với tay nghề giỏi hay những Doanh Nhân thành đạt có lẽ không bao giờ quên được những ngày tháng rất vui trong những ngày đầu trên quê hương mới.

Ghi nhớ tình cảm của các ân nhân trong trại Niederrheindenbacher Hof, làng Weierbach, chánh quyền và các nhân viên các bệnh viện thuộc Idar Oberstein và Kirn, tôi xin trân trọng kính tặng bài viết này đến các vị hảo tâm với tấm lòng biết ơn vô bờ bến.

Cảm tạ nước Đức đã cứu mang những con người Việt Nam bỏ xứ! Tri ân thì vô cùng nhưng chúng ta phải làm gì ngoài chuyện sống tử tế và lương thiện để trả ơn nước Đức?

PhuongThị Phi Nga

Tháng 01 năm 2015



Con đường xưa ta đi

Bùi thị Bạch Phụng

Gió đông lướt qua trên cành cây khẳng khiu với nụ non còn yên ngủ, nắng chiều diu diu tắt dần trên bãi cỏ còn đọng màu tuyết trắng. Mặt trời chênh chếch về Tây, rồi biến mất, chỉ để lại vệt đỏ thẫm, khuất sau dãy phố phía Tây. Đêm mùa đông về vội vã và bóng tối sẽ không che phủ tất cả các con đường vì via hè ngập ánh đèn điện trước khi những tia sáng mặt trời cuối cùng tắt lịm. Thành phố không ngừng nghỉ, tiếp tục nhịp sống của ngày đã qua, tấp nập, ồn ào. Bàn tay ai hững hờ bật sáng đèn trong nhà, buông tấm màn cửa sổ, đóng lại thế giới bên ngoài, không gian nhỏ bé bỗng chốc trở nên thâm lặng...

Bây giờ mới đầu năm, những hình ảnh của tháng tư oan nghiệt năm 1975 đã lớn vồn, chập chờn trong trí. Giòng kỷ niệm dẫn về quê hương yêu dấu. Từ bên phía cực Tây của châu Âu, tôi nhìn về dải đất phía cực Đông, ven bờ biển Thái Bình, bước từng bước thềm trên con đường tưởng tượng, không có thứ tự nhất định nào, bước ngắn, bước dài, theo bóng những hình ảnh chợt đến, chợt đi, trong trí nhớ đã sa sút. Có những con đường tôi chưa bao giờ đặt bước chân, có những vùng đất tôi chưa bao giờ tới. Nhưng những địa danh nghe qua từ tấm bé, những vùng xa xôi, hẻo lánh mang tên các chiến sự, đã ghi dấu trong ký ức, thành hoài niệm ôm ấp cả một đời. Thời gian đi quá nhanh, chưa kịp kể hết cho nhau nghe những chuyện đời gian truân trong và sau cuộc chiến, mái tóc đã bạc màu. Giấy bút nào mới có thể tả

hết nỗi khổ của người Việt-Nam trong hơn nửa thế kỷ vừa qua.

Khi tôi vừa mới lớn thì chiến tranh đã có mặt trên quê hương, đêm đêm nghe tiếng súng xa vọng về thành phố. Dù vậy người miền Nam chúng tôi biết được tất cả tin tức bên ngoài, không bị bịt mắt, nhốt kín sau bức màn sắt như các bạn ngoài Bắc. Nhìn sự tiến triển của thế giới, hầu như ai trong chúng tôi thời đó cũng mang mộng hải hồ. Tôi rời Sài Gòn vào đầu năm 1970, khi cuộc chiến bước vào khúc quanh quyết liệt, mang theo những tự tình không diễn tả được. Ngày cất bước ra đi, tất cả chúng tôi đều nghĩ rằng mình sẽ trở về sau khi thành tài. Trở về là một sự dĩ nhiên, hầu như là bắt buộc. Năm, sáu năm trong dự định nay đã kéo dài gần nửa thế kỷ, dài hơn nửa đời người.

Thời ấy bọn du học sinh chúng tôi phải đương đầu với những dư luận sai lầm về cuộc chiến đang xảy ra trên đất nước mình, mặc dù mặt nạ „Chiến tranh du kích của đoàn quân dế râu, chống Mỹ cứu nước“, theo lời tuyên truyền của đảng cộng sản Việt-Nam và sự a dua của các nhóm phản chiến, thiên tả ở Âu Châu, đã rơi xuống sau cuộc tổng tấn công Tết Mậu Thân 1968. Nỗi nhớ mái gia đình yên ấm, nỗi xót xa từng ngày khi nghe tin từ trận tuyến, những lần cúi đầu khóc thảm trước ánh mắt thương hại của người bản xứ, khi họ biết mình đến từ Việt Nam, đã là động lực thúc đẩy chúng tôi tham gia các sinh hoạt của hội

sinh viên, từ ngày mới đặt chân đến xứ Đức lạnh lẽo này.

Vào mùa Giáng sinh, chúng tôi chia nhau ra đường phố, đứng khắp các góc đường, bán thiệp, lạc quyên giúp cô nhi ở quê nhà. Tiếng rao của chúng tôi giữa phố đông người, chìm mất trong tiếng động của thành phố lớn, như tiếng khóc của các em bé, vì chiến tranh, bỗng chốc trở thành cô nhi, lạc lõng trong thế giới loài người. Tâm tình người sinh viên trẻ trên đất người được gói ghém trong các tờ báo, xuất hiện trên khắp nước Đức, từ giữa thập niên 60 đến giữa thập niên 80, tại những thành phố có đông các bạn Việt Nam theo học.

Đây là những tờ báo Việt Ngữ đầu tiên phát hành trên nước Đức, cho số độc giả khoảng 1600 người, cả sinh viên và kiều

bào, chủ trương thân hữu, nối giây liên kết giữa những người con xa xứ.

Tần ngần trước chồng báo cũ, bị bỏ quên bao năm trong xó nhà, tôi hình dung lại con đường dài đã đi qua, mờ mờ sau lớp bụi thời gian. Tuổi niên thiếu hiện ra trước mắt với những ước mơ đầu đời, khi thật vĩ đại, khi thật giản dị, tầm thường, vui, buồn, lẫn lộn. Cầm tờ „Con Cua“, tờ báo không định kỳ của nhóm Sinh Viên Quốc Gia, trẻ nhất lúc ấy tại đại học Stuttgart và Hohenheim, chợt phì cười.

Những con cua „Nhí“, ngày xưa đã từng kẹp bọn cộng con đầu điểng, giờ đây tản mác khắp nơi, như đời người Việt Nam tan tác.



Vài tờ báo cũ, phát hành trước năm 1975 còn giữ trong tư liệu

Trong số báo chí truyền thông tại Âu Châu, lẽ dĩ nhiên cũng có sự hiện diện, len lỏi của nhóm thiên tả, muốn lũng đoạn hàng ngũ sinh viên quốc gia, bênh vực cuộc chiến tranh đẫm máu, tiến

chiếm miền Nam của cộng quân phương Bắc. Song song với hoạt động báo chí, xã hội, chúng tôi còn góp sức vào các chương trình văn hoá, giới thiệu quê hương yêu mến cho người bản xứ.



Xuân Qui Sứ 1973 - Stuttgart

Từ ngày xa xứ, tôi chỉ có thể theo dõi tình hình chiến sự qua bản tin thường nhật trên đài truyền hình, các thiên phóng sự đăng trên các nhật báo và tuần báo. Mỗi tên chiến trường, mỗi con số thương vong là thêm một nỗi hoang mang, ray rứt, lo cho sự bình an của người thân đang ở giữa lòng cuộc chiến. Những tên ban đầu xa lạ như Bình Long, An-Lộc, Dakto, Khe Sanh, Toumorong, Charlie...nghe thét rồi quen, không thể tách rời ra khỏi nỗi nhớ, chất đầy áp trong lòng.

Bên này bọn sinh viên thiên tả càng ngày càng lộng hành, thành phần thú ba bỏ mặt nạ hoà giải, bôi lên lớp da mặt dày màu máu đỏ, công khai phản bội xương máu của các chiến sĩ và đồng bào.

Cựu tùy viên văn hóa toà Đại sứ VNCH, chị Nguyễn Thị Ngọc Lan, một người trẻ tuổi đầy nhiệt huyết, đã cố công triệt hạ bọn thiên tả, đề nghị cúp thông hành của chúng. Không ngờ chị lại trở nên nạn nhân của các quan viên tham nhũng bên nhà, bệnh vực lũ con phản bội. Tại Stuttgart, bọn thân cộng còn nhận được sự bảo trợ của các chính trị gia thiên tả, như Peter Conradi (SPD), mục sư Tin Lành Widman. Vì vậy bọn chúng không hề suy xuyển, trái lại chị Lan bị đổi sang Mỹ, nhận nhiệm vụ khác.



Đêm Việt nam - 04.07.1973- Stuttgart

Trước tình trạng nguy cơ của đất nước, một số các sinh viên quốc gia, chính thức dẫn thân vào việc đấu tranh chính trị. Trại hè đầu tiên được tổ chức tại Kirchheim vào mùa hè năm 1972.

Liên đoàn sinh viên tự do ra đời với tờ báo Tự Lực, phát hành lần đầu vào đầu năm 1973.



Trại hè của Liên Đoàn Sinh Viên Việt Nam tự do

Mùa hè năm 1973 tôi trở lại thăm nhà. Trong dịp ra miền Trung, đi qua đại lộ Kinh Hoàng, đến tận bờ Thạch Hãn, tôi đã nhìn tận mắt những chứng tích đau thương của mùa hè đỏ lửa, còn sót lại trên đất mẹ đầy thương tích. Mang trong lòng cái tang người anh trai tử trận, tôi oán hận tất cả những người „phía bên kia“, đã biến miền Nam thân yêu của tôi thành chiến địa, đầy xác người dưới những hố hầm.

Vết thương trên quê hương còn rỉ máu, Tàu cộng tiến đánh Hoàng, Trường Sa đầu năm 1974, có lẽ dưới sự thỏa thuận của chính quyền cộng sản miền Bắc. Tin đến từ quê hương trong mùa đông giá lạnh. Thôn thốc! Bàng hoàng! Đoàn

sinh viên trẻ kéo nhau ra đường giữa trời mưa tuyết, co ro trong tấm chăn mỏng mượn của hội Hồng Thập Tự, tuyệt thực, biểu tình, đòi lại công bằng cho dân tộc, đã chịu nhiều đau khổ về chiến

tranh. Tôi còn nhớ, ngày ấy bọn cộng con lẫn mất, chúng còn cho rằng đó là thủ đoạn chính trị của VNCH, để đánh lạc hướng tình hình chiến sự bên nhà.

Biểu tình tại Bonn - 1974



Từ ngày từ già quê hương lần thứ hai, trở về Đức tiếp tục học trình, cho đến tháng tư 1975, không đầy hai năm, đất nước bước vào giai đoạn đau thương mới, thảm cảnh không cùng của thế kỷ thứ 20. Chiến tranh chấm dứt, đóng lại trang sử viết bằng máu thịt của trên 3 triệu người dân cả hai miền Nam, Bắc, bằng bao nhiêu giờong nước mắt chảy dài

trên các cảnh đời đau khổ, tử biệt sinh ly, bằng chiếc khăn xô quấn vội trên đầu đứa bé. Vô số hình ảnh nằm trong ngăn nào đó của não bộ, bỗng đâu kéo tới nhảy múa trước mắt tôi như một cuốn phim câm. Từng đoàn người kéo chạy từ miền Trung vào Nam, bằng tất cả phương tiện giao thông kiếm được, đường bộ, đường thủy và cả bằng máy

bay, theo lệnh rút quân của Tổng Thống Nguyễn văn Thiệu. Người rơi nhanh xuống lòng biển, bàn tay cố bám vào chiếc trục thẳng, chơi vơi trong khoảng không định mệnh. Sài Gòn đang hấp hối, di tản, bỏ chạy, đầu hàng, xác người trên cầu xa lộ, xe tăng cộng quân tiến vào thành phố..... 40 năm sau vẫn không muốn tin là sự thật.

Tuổi trẻ Việt Nam tại hải ngoại cũng không đành lòng khoanh tay đứng nhìn Sài Gòn tắt thở, cố gắng làm tất cả những gì trong khả năng nhỏ nhoi, mong sự ủng hộ của thế giới tự do cho trận chiến cuối cùng:

09.01.1975: Liên đoàn sinh viên tự do ra tuyên cáo ủng hộ phong trào tranh đấu tại quốc nội phản đối cuộc tấn chiếm miền Nam bằng vũ lực của Bắc Việt và lên án Bắc Việt cùng MTGPMN vi phạm hiệp định Paris.

16.01.1975: Khối văn hoá tổ chức buổi thảo luận về tình hình chiến sự tại quê nhà.

18.01.1975: Tuyên cáo của hội Sinh Viên Việt Nam tại Stuttgart (VVSS) về hiện tình miền Nam bị cộng sản xé hiệp định Paris, đánh Phước Long.

21.03.1975: Tuyên cáo của VVSS về tình hình khẩn trương trước việc Bắc quân chiếm các tỉnh cao nguyên và kêu gọi sự giúp đỡ của mọi tổ chức hầu xoa dịu nỗi thống khổ của đồng bào chạy loạn.

Xin lên tòa giảng trong các buổi lễ ngày Chúa Nhật để trình bày thảm cảnh của người tị nạn.

Một số sinh viên Công giáo Stuttgart ra thư ngỏ, phản đối các Linh Mục thân cộng Lưu Hồng Khanh, Hồ Đĩnh và sơ

Thanh (Paris) đã vì ý thức hệ, làm ngơ trước thảm cảnh của đồng bào.

05.04.1975: Cuộc tuyệt thực 24 giờ của 20 SVVN trên đại lộ chính Stuttgart để phản đối Bắc Việt trắng trợn vi phạm hiệp định Paris, mở cuộc tấn công vào các đô thị miền Nam. Đồng thời một số các anh chị em trưng bày hình ảnh về cuộc tấn công của cộng sản, phát truyền đơn, thu thập chữ ký chống lại sự vi phạm của CS.

Cuộc tuyệt thực đã được đài truyền thanh, truyền hình địa phương và hai tờ báo lớn nhất, Stuttgarter Zeitung và Stuttgarter Nachrichten loan báo.



12.04.1975: Biểu tình và tuyệt thực tại Bonn do Liên Đoàn Sinh Viên Tự Do tổ chức.

26.04.1975: Đêm không ngủ „Hướng về Tổ Quốc“ tại Stuttgart để hòa mình với sự đau khổ mà toàn dân đang gánh chịu.

Nhưng có làm gì đi nữa, tất cả hi vọng đều trở thành vô vọng!!! Sài Gòn thất thủ!!! Tin khủng khiếp đến lúc trời còn tờ mờ tối, sau một đêm khắc khoải, mất ngủ vì lo âu. Hồn tôi chơi vơi trong một khoảng không nào đó, đôi bàn chân hình như đã lìa mặt đất, đầu óc trống trải, mông lung.

Đến sáng hôm sau, bọn chúng tôi vào giảng đường đại học, tìm chút hơi ấm từ bạn bè cùng chí hướng, nhìn nhau trong ngán lệt, không biết chảy ra tự lúc nào. Buổi trưa đến quán sinh viên, nhìn bọn „cộng con“, ăn cơm quốc gia thờ ma cộng sản, trơ trên vui mừng, tôi không ngăn được sự căm thù dâng lên tự đáy lòng.

Ngày 19 tháng 5, sinh nhật ông Hồ, họ tổ chức đêm văn nghệ ăn mừng trong giảng đường lớn nhất đại học. Chúng tôi tụ tập trước lối vào, phát truyền đơn, tố cáo hành động gian manh của cộng sản và yêu cầu khán giả không tham dự. Số đông khán giả, vì vậy bỏ đi, không vào xem nữa. Giảng đường bỗng trở thành quá lớn, so với số khán giả lèo tèo, phần đông là những người thiên tả.

Đây là một chiến thắng nho nhỏ của nhóm sinh viên quốc gia trong những ngày đầu mất nước, vẫn còn mang bầu nhiệt huyết trong hoàn cảnh mới. Để trả thù sinh viên quốc gia, ba tên cộng con ra tố cáo với cảnh sát Đức chúng tôi đã hăm dọa bọn họ. Vì vậy một số các bạn cư ngụ tại cư xá sinh viên Stuttgart-Vaihingen bị cảnh sát lục soát vào lúc 2 giờ sáng.

Những khuôn mặt hí hờn năm nào, nay vẫn còn bành bành, hiện diện ở đây, hưởng tự do, no ấm, vay mượn xứ người. Hầu như không có ai trở về sống trên đất nước được đồng bọn ông Hồ giải phóng. Thậm chí họ còn mang cả gia đình qua đây xin „tị nạn cộng sản“.

Ngày 30.05.1975 sinh viên quốc gia tại Tây Đức họp mặt và biểu tình tại Bonn để gióng lên với dư luận Đức tiếng nói bất khuất, vẫn kiên trì tranh đấu cho cho một miền Nam tự do, không cộng sản, mặc sự đe dọa của bọn theo cộng (Thư

ngỏ của tờ báo CS Đoàn Kết ngày 10.05.1975 và Niềm Tin ngày 05.05.1975).

Hì vọng ngày đất nước hoà bình trong tự do, độc lập đã không còn, những ngày thấp thỏm chờ tin từ trận tuyến cũng không còn nữa, chỉ còn lại nỗi lo, từng ngày mong ngóng tin gia đình. Bây giờ cả gia đình tôi đang ở đâu, còn bình yên sống trong căn nhà cũ, đang lang thang trên một nơi nào tại đất nước mình, hay là trên một bến bờ xa lạ?

Còn chúng tôi ? Thân phận người mất nước! Khi ra đi mang trên mình giấy thông hành VNCH, nay không còn hiệu lực. Quyết định xin thông hành tị nạn (Asylpass) là chuyện đau lòng. Cầm sổ thông hành với hàng chữ “Vô tổ quốc” (Staatenlos) nghe xót xa tận cõi lòng. Tổ quốc tôi, dân tộc đã cu cu mang tôi vẫn còn đó, sao gọi là vô tổ quốc...

Từ trong đêm đen khắc khoải, hầu như là tuyệt vọng, ánh sáng niềm tin bùng cháy. Tuổi trẻ Việt nam tại hải ngoại không cúi đầu. Phong trào đấu tranh chống cộng sản, hùng mạnh hơn giữa trời Âu.

Tổng Hội Sinh Viên Paris với những bản nhạc để đời *Ai trở về xứ Việt, Còn ai thương dân tôi, Thắng bé tát đầu* của nhạc sĩ sinh viên Phan Văn Hùng.

Trên vương quốc Bì, nhóm Nhân Bản Dân Tộc Văn Nghệ Đoàn với những khúc hùng ca, tạo khí thế trong cộng đồng người Việt. Trong đám đông tuổi trẻ ngày hôm ấy, có người hùng đã trở về kháng chiến, mang sinh mạng đền nợ nước.

Hình ảnh liệt sĩ TRẦN VĂN BÁ giản dị, lè phè trong ngày đại hội thể thao năm nào, vẫn còn in trong trí. Tin anh

Bá bị nhà cầm quyền cộng sản Việt nam xử bắn ngày 08.01.1985 cùng với hai người hùng dân tộc Hồ Thái Bạch, Lê Quốc Quân là cái tang lớn cho toàn thể sinh viên Việt nam tại Âu Châu.

Riêng tại Đức, các sinh viên ngoài việc tiếp tục công cuộc đấu tranh đòi hỏi

nhân quyền cho dân mình, bắt tay vào việc giúp đỡ người tị nạn mới tới. Sát cánh với đồng hương tị nạn cộng sản, anh chị em đã hoạt động hăng hái trong tất cả các lãnh vực chính trị, văn hoá, xã hội, báo chí. Tới đầu thập niên 90, vì con cái, gia đình, công ăn việc làm, mỗi người một hướng.

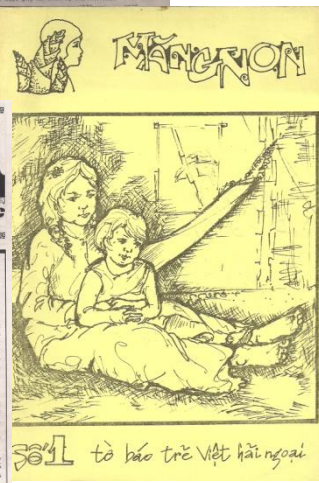
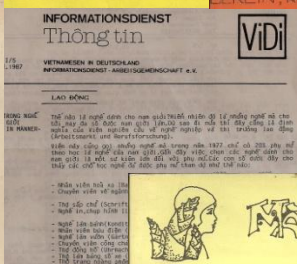
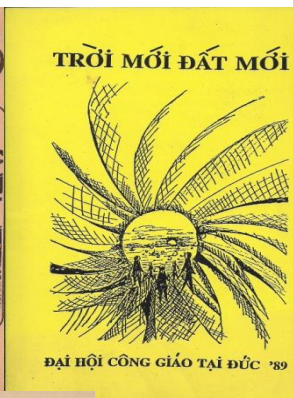
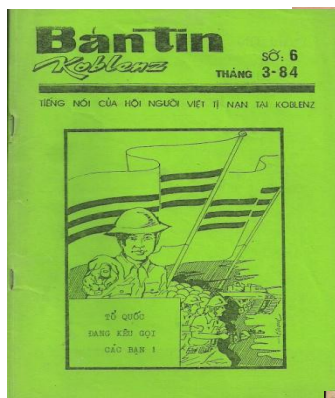
Biểu tình -Tuyệt thực - Bonn - Ngày Quốc tế nhân quyền 1978



Biểu tình - Bonn 1984



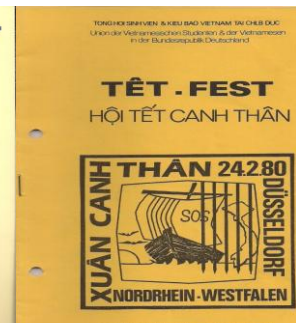
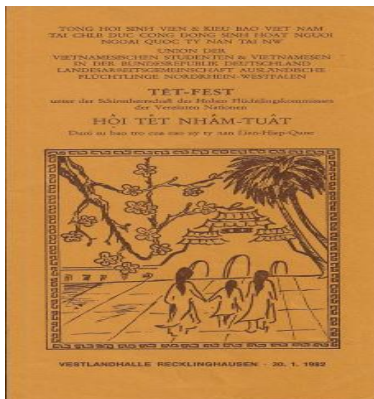
Một số báo chí phát hành sau 1975





Các nghệ sĩ tí hon giờ đã trưởng thành

Vài hoạt động Văn Hóa



Nhìn lại hình ảnh cũ, niềm kiêu hãnh nho nhỏ, len lén vào kỷ niệm. Nhớ những đêm Tết xưa với chủ đề hướng về quê hương như „Còn ai thương dân tôi, Ta là người Việt nam, Những nẻo đường Việt nam v...v...“, được thực hiện với phương tiện eo hẹp của các nghệ sĩ bất đắc dĩ, sinh viên và đồng bào tị nạn. Cả chục năm sau, các sân khấu lớn như Asia, Thúy Nga đã dùng làm đề tài cho những buổi đại nhạc hội thu băng.

Sau ngày đau thương 30.04.1975, kho tàng ngôn ngữ của người miền Nam thêm một số chữ mới, chỉ dành cho họ, bên thua cuộc: nguy quân, tù cải tạo, vùng kinh tế mới, đi chui, vượt biên, thuyền nhân, cướp biển, tị nạn ...Tiếp theo những bước chân vội vã khi Sài Gòn đang thở hơi cuối là những chuyến vượt biên trên các con thuyền mong manh, giữa đại dương bao la, nghiệt ngã, vô tình; hay bước đi quanh quẩn, âm thầm của đoàn người, bất chấp nguy hiểm, vượt rừng, tìm bến tự do. Thế giới chúng kiến lần thứ hai cuộc bỏ chạy của hàng triệu người Việt trước hiểm họa cộng sản, sau cuộc di cư vĩ đại của một triệu người miền Bắc bỏ quê vào Nam năm 1954.

Danh từ thuyền nhân „Boat people“ đã làm rung động lòng người khắp năm châu, trở thành một từ ngữ mới của nhân loại. Bao nhiêu người đã kể lại những hãi hùng của các lần bị cướp biển, hãm

hiếp, đắm tàu, chết đói, lạc đường, mạng sống còn mong manh hơn làn gió thoảng. Nhưng cái càng làm tôi dày vò hơn là sự tàn nhẫn của lính biên phòng đối với người vượt biên.

Khi nghe đứa cháu kể lại, em trai nó, mới có 13 tuổi, bị bắn chết trên chiếc thuyền con, viên đạn thủng qua đầu, từ trước trán, xuyên tận sau ót, tôi rùng mình. Những tên hải tặc không lương tâm, giết người, giết của, ta gọi là cướp. Còn loại người giết chính dân mình, thường dân, đàn bà, con nít trên đường chạy trốn, thậm chí còn những vụ hãm hiếp, hại chết đời người trinh nữ Việt nam, phải gọi là gì cho đáng? Quý? Ma?

Một lần tôi trở về, đi từ Bắc xuống Nam, lặn lội qua các làng mạc xa xôi hẻo lánh. Những gì tôi thấy và nghe từ người dân vô tội, nghèo khổ, lam lũ ở miền Bắc giúp cho tôi có cái nhìn khác, danh từ „Phía bên kia“ đã xóa dần trong tâm hồn của tôi. Tôi đã hiểu rằng từ ngày đảng cộng sản độc chiếm Việt Nam, thì hầu hết dân đen của hai miền Nam, Bắc đã trở thành „Bên thua cuộc“, thua mãi cho đến bây giờ, gần bốn chục năm.

Bóng tối ngục tù trong một xã hội đầy đe dọa vẫn còn bao trùm trên quê hương yêu mến. Kể từ hôm ấy, tôi không về Việt Nam nữa.

*Chuyện chúng mình những mảnh đời gian khổ,
Trong nắm mồ chôn giấc mộng tuổi thanh xuân.
Từ hôm nao tình thân chia đôi ngã,
Chung một nhà phương Bắc cách phương Nam.
Quay lưng đi bóng trở thành địch thủ,
Đổi mặt thù nhận diện lại anh em.
Máu trắng anh thấm đồng hoang bên ấy,
Rừng bên này vui thân xác trắng em.
Để tìm mẹ muôn vàn lần đau đớn,
Cha già hơn khi tin dữ bay về.*

*Chị ngoài kia khăn tang chồng vợ quăn,
Xác người thân em đi nhận bên này.
Hai phương trời hai cuộc tình dang dở,
Ôm con thơ nghe tan vỡ trong lòng.
Nhiều nghiệt oan chết chồng đời bất hạnh,
Ai nữ đành giết tuổi trẻ dân mình.
Rời một ngày khi cuộc chiến đã tàn,
Tiếng oán than lớn dần theo ngày tháng.
Lính Cộng hòa trở thành tù cải tạo,
Hồn lao đao chết lịm buổi đi trình.*

*Anh bộ đội chiến thắng về tàn phế,
Sống bên lề lây lất kẻ thương binh.
Anh công gì, còn tôi người vô tội,
Đứng trên môi ta cùng khóc một lần.
Việt-Nam đâu, liệt oanh không còn nữa,
Họ đã lừa đem bán cả giang sơn.
Ái Nam Quan mờ xa đường biên giới,
Bia ngàn đời dựng quốc của cha ông.
Đảng cất đất để dân ngàn giọt tủi,
Họ chôn vùi khí tiết của tiền nhân.
Hoàng Trường Sa sóng gằm bờ hải đảo,
Gió lao xao hồn tử sĩ nghẹn ngào.*

*Bạn tôi đó bỏ thân trong lòng biển,
Giấc triền miên còn thương nước nhớ nhà.
Rồi bạn anh cũng nằm yên nơi ấy,
Anh có hay họ chết chống giặc Tàu.
Yêu quê hương cả hai cùng một lối.
Hết đơn côi họ nằm cạnh nghìn đời.
Tóc tôi bạc, da anh màu sương gió,
Trời còn cho để lại chút đời thừa.
Ánh mắt tôi chứa tình anh trong đáy,
Nỗi đắng cay nhìn dân khổ mà thương.
(viết vào ngày 04.05.2013)*

Quay bước trên con đường cũ, không tránh khỏi những ray rứt trước bao đổi thay. Con đường thẳng tắp ngày xưa, nay sao nhiều lối rẽ, vài người bạn mất hút trong các khúc quanh. Kẻ đi xa khuất bóng, qua bên kia cầu định mệnh, người bỏ lý tưởng, quên người đồng hành từ bao năm qua.

Vào thời điểm Sài Gòn thất thủ, số người Việt tại Đức chỉ có khoảng 1600 người, nhưng con số người đi biểu tình đều trên dưới 300. Vào đầu thập niên 80, có những lúc con số lên đến hơn 500 người, nhờ sự tham gia nhiệt tình của các đồng bào tị nạn, mới chân ướt chân ráo nơi xứ lạ quê người.

Kể từ ngày chính quyền cộng sản dùng đòn thâm độc, „đem chùm khế ngọt“ đón „khúc ruột ngàn dặm“, cho người tị nạn tự do về nước thì tập thể người Việt tại hải ngoại nói chung, và tại Đức nói riêng đã bị phân hóa, phong trào tranh đấu như chùng xuống. Ai không muốn nhìn lại người thân, xóm giềng, một số người vì vậy đâm ra dè dặt.

Tôi cảm thông tấm lòng của những người vì thân nhân, vì mồ mả tổ tiên, vì nỗi nhớ quê hương, phải ngậm đắng, nuốt hờn, về thăm Việt Nam.

Tôi cũng kính phục những người vì tình thương đối với dân mình, đã âm thầm trở lại trong các công tác xã hội.

Nhưng không thể nào chấp nhận hình thức áo gấm về làng, ăn chơi, gái găm, quên đi những ngày tù tội, khổ nhục trong các trại tù cải tạo, những hải hùng trên bước đường vượt biên tìm tự do. Tệ hại nhất là những người vì lợi lộc cá nhân, bỏ đi lý tưởng, về Việt Nam làm ăn, cam tâm trở thành công cụ của chính quyền cộng sản. Ngay chính những sinh viên quốc gia, một thời chống cộng ồn ào, nay trở trên, đem bán lý tưởng làm vốn kinh doanh với kẻ thù, mà còn trở lại đây lập hội, nhi nhô.

Những tranh chấp gần đây trong cộng đồng người Việt hải ngoại nhắc tôi đến tình trạng chính trị rối beng của VNCH vào thập niên 60, gây bởi một số người trí thức, bị cộng sản giật dây, mang chiêu bài hoà hợp, hoà giải để phá rối chính quyền miền Nam, đâm sau lưng chiến sĩ Cộng Hòa, khi tỉnh giấc thì đã quá muộn màng, quê hương tự do ngày xưa không còn nữa.

Hiện nay tại Đức xuất hiện khuynh hướng chính trị mới, muốn tìm ngã rẽ, bắt đầu bằng việc né tránh cờ vàng, lấy có lời kéo số người từ xưa tới nay vốn

lùng khùng và các anh chị em trước đây làm việc ở Đông Âu. Thành công đâu chưa thấy, nhưng đã gây nhiều xáo trộn, chia rẽ trong cộng đồng người Việt.

Thay vì cố gắng nâng cao chính nghĩa quốc gia, để mong tụ họp tất cả những người con mẹ, yêu chuộng công lý, nhân quyền, lại muốn chối bỏ biểu tượng thiêng liêng nhất của tự do, nhân bản, là lá cờ vàng. Chiêu bài này cũng chẳng có gì mới lạ vì bọn sinh viên thiên tả đã sử dụng từ hơn 40 năm về trước.

Hãy lắng nghe tiếng nói của những người tuổi trẻ, viết cách đây hơn 40 năm:

„Phải nói thẳng đây là một hành động sỉ nhục quất vào mặt những sinh viên đi từ

miền Nam mà không được chính thức treo cờ và hát quốc ca trong ĐÊM VIỆT NAM cho người ngoại quốc. Hãy đừng nói đến dân tộc Việt Nam, quốc gia Việt nam nữa, khi chính biểu tượng quốc gia thiêng liêng nhất mà chúng ta còn không dám nhận.“

(Nhóm sinh viên Quốc Gia Stuttgart 1973).

Con đường xưa trước mắt tôi, bỗng xuất hiện vết xe lăn, đã đưa dân tộc vào vũng lầy, chưa thoát ra được. Xót xa! Bùi ngùi! Bánh xe lịch sử lại xoay vần, mong rằng không còn ai rơi vào hố cũ.

Stuttgart, 19.01.2015

Dr. Bùi thị Bạch Phượng.

(Viết theo tư liệu và những tin tức trong các số báo cũ còn giữ lại)



Viên Kim Cương hay một nền Văn Hóa

Tôn Ngọc Mai

„Kim cương" được xem như một vật quý dùng làm trang sức cho đời thêm long lanh, sáng chói, cho sự thăng hoa giá trị của người sở hữu hoặc làm bảo vật cất giữ trong gia đình. Sự sáng chói đó cũng nhờ vào sự mài dũa công phu các viên đá quý của các thợ kim hoàn. Từ cái nhìn tổng hợp trên vật thể của nó chúng ta chỉ nhìn thấy sự long lanh được toả ra qua nhiều lăng kính. Song, chúng ta thường vô tình hay cố ý nhầm lẫn với sự vật vô hình được gọi là "Văn-Hóa" cũng có giá trị gấp ngàn lần đối với "viên kim cương" kia dù nó to lớn đến bao nhiêu đi nữa. Chúng ta hãnh diện khi sở hữu chủ của viên đá quý, nhưng cũng không quên rằng chúng ta đang có một nền "Văn-Hóa" cao quý hơn được chăm sóc, mài dũa bởi Tổ Tiên và Cha Ông ta từ đời này qua đời nọ, đo bằng chiều dài của lịch-sử hơn 4.000 năm.

Vâng, nói đến "Văn-Hóa" mỗi người có mỗi quan niệm khác nhau, nhưng tất cả đều đúng và cũng không hẳn là điều kiện ắt có và đủ cho sự thỏa mãn trọn vẹn.

Để diễn đạt cái biểu tượng "Văn-Hóa", thiết nghĩ rằng không còn một phương cách nào khác hơn là "Ngôn Ngữ". Nói đến ngôn ngữ như một sự lập lại không bao giờ thừa và chẳng bao giờ đủ. Sự cần thiết của ngôn ngữ là để hội nhập vào nhịp sống của tập thể nhân loại và sự ồn ào trong các sinh hoạt hằng ngày đôi khi không cần thiết.

Từ ngày bỏ nước ra đi trong lo âu và sợ hãi để tìm sự tự-do, trong tận cùng sâu thẳm của tâm thức, chẳng ai còn nghĩ đến những gì phải mang theo như một hành trang cần thiết, nhưng chúng ta đang vô tình, mặc nhiên mang theo một hành trang trĩu nặng đeo đẳng suốt cuộc đời có trách nhiệm, đó là "Văn-Hóa Việt-Nam".

Xuyên suốt 40 năm, người Việt tỵ nạn cộng sản tranh đấu cho lý tưởng ra đi vì chính trị mà nhiều quốc gia tạm dung cố gán ghép cho người tỵ nạn vì miếng ăn (kinh-tế) để thoái thác chối từ tiếp nhận thuyền nhân Việt-Nam, một nỗi nhục khác như thêm một gánh nặng cho những người có ý thức miệt mài tranh đấu cho lẽ phải và công lý với cái định đề "chính trị-kinh tế bất khả phân ly". Có câu ca-dao "Miếng ăn là miếng tòi tàn, ăn vào một miếng lộn gan lên đầu". Đây cũng không ra ngoài cái phạm trù của văn -hóa Việt-Nam.

Chúng ta không đi ăn xin khắp nơi, nhưng vì áp lực của các đại cường quốc trong ván cờ chính trị thế giới và sự đối đầu giữa hai chủ thuyết tư bản và cộng sản, chúng ta đành ngậm ngùi ra đi để tránh sự chuyên chính của cộng sản vô cảm với nhân dân Việt-Nam sau 30 tháng 04 năm 1975. Và lịch-sử đã một lần minh chứng cho hơn 1 triệu người miền Bắc di cư vào Nam năm 1954 và hơn nửa triệu người đã bỏ thân nơi biển cả hoặc chết tức tưởi trên bước đường tìm tự do.

Kể từ ngày đau thương của đất nước, sự lưu lạc khắp nơi của người Việt-Nam chưa hoàn toàn để tâm đến lý do cốt lõi và tự đặt câu hỏi: „bởi vì đâu nên nỗi!“ .Vì chúng ta chưa kịp thức tỉnh sau cơn mê vật chất của các xứ sở văn minh chung quanh chúng ta.

Trường hợp, nếu chúng ta đánh mất một viên kim cương hôm qua, chắc chắn phải cố tìm cho ra đâu đó. Thử hỏi, nếu đã đánh mất một sự vật đáng giá hơn, đó là "Văn-Hóa Việt-Nam", chúng ta có muốn tìm lại nó hay ngồi lại để nghe trong tâm tư thương tiếc và ngậm ngùi không ai thương cảm!!... Mỗi chặng đời, nơi xứ người, làm sao diễn tả được cho người bản xứ rằng chúng ta đã đánh mất một vật báu. Ngôn ngữ nào mà ta phải nói lên đây ?

Chính "ngôn ngữ đầu đời" do chúng ta đã vô tình chôn bỏ, để lấy ngôn ngữ của nước đang cuu mang chúng ta diễn tả sự thốn thức của nội tâm, làm sao chia sẻ được sự thông cảm với tha nhân.

Hỏi tức trả lời, mỗi người trong chúng ta, khi đến xứ người nói chung và CHLB-Đức nói riêng, đều phải học qua Đức ngữ ít ra cũng tám tháng hoặc nhiều hơn nữa mà chúng ta gọi là ngoại ngữ, để sau đó hội nhập vào xã-hội thực tại. Sự khó khăn đó có làm cho chúng ta quan tâm?... Vậy," **Việt-ngữ cũng là một ngoại ngữ"** nhưng là **một ngoại ngữ đầu đời** cho con em của chúng ta tại đây.

Chúng đã hấp thụ nền văn-hóa Đức từ khi mới sinh ra. Con em của chúng ta không cảm nhận được sự khó khăn đó như chúng ta. Việt-ngữ là một ngoại ngữ nhiệm-ý đầu đời của chúng nếu chúng ta không quan tâm nhắc đến.

Đứng trên bình diện ngữ học, tiếng Việt cũng là một ngôn ngữ không đơn giản. Mặc dù mang tính chất độc vận (monosilbe), nhưng không có nghĩa đơn thuần như sự cấu trúc của chính nó. Cũng cần nói thêm, cái đặc thù của tiếng Việt vẫn là cái âm vị trầm bổng qua các dấu : sắc, huyền, hỏi, ngã và nặng tạo thành một cung điệu ngữ âm trong âm nhạc.

Một sự hân hoan và hãnh diện, với sắc thái đặc thù trong tiếng Việt và chỉ trong thơ văn Việt của chúng ta mới có sự đồng cảm khi vui hay khi buồn : hò, ngâm và hát với từng nhịp điệu riêng của từng miền Bắc, Trung và Nam.

Cũng cần khẳng định thêm, trong mỗi ngôn ngữ đều có ít nhiều những câu ca-dao, tục ngữ hay phong-dao được ghi lại trong suốt chiều dài văn-hóa của mỗi dân tộc nói chung và văn-hóa Việt-Nam nói riêng, như nói lên một biểu tượng của phong tục, tập quán.

Song, có những cái hay của ngày trước, lại không phù hợp với ngày nay hoặc không còn thích ứng nữa trong xã-hội hiện tại, muốn thay đổi còn đòi hỏi thời gian và thiện chí, phần chủ yếu là do thể-hệ thứ nhất và thứ hai của chúng ta hôm nay.

Cũng cùng cách thức diễn đạt này, ngôn ngữ còn là một sinh ngữ sinh động theo thời gian, được thay đổi cho kịp trào lưu của xã-hội, đôi khi làm sai lệch phong thái văn-hóa nhân bản của người Việt-Nam nói riêng. Theo Ông Nguyễn-Văn-Vĩnh có nhận định: "Người Việt-Nam chúng ta có một phong thái rất đặc biệt : đúng cũng hì (cười), sai cũng hì (cười), vén môi hì (cười) một cái làm mất cả vẻ nghiêm trang" hoặc nói cách khác: "đúng (có) cũng JA, sai (không)

cũng JA" đôi khi làm cho người bản xứ hiểu lầm, thừa rằng đây là một cái nhìn qua lăng kính của Văn-Hóa Việt-Nam. Một lần nữa, Văn-Hóa của Việt-Nam là một nền Văn-Hóa rất nhân bản, lấy trung hiếu làm nền tảng của gia đình và lấy hoan hi - vị tha làm vòm che cho xã-hội, còn gì hài hòa cho bằng người Việt-Nam chúng ta.

Đến đây, sau một thời gian đầu để thích ứng với cuộc sống, kinh-tế gia đình được ổn định, lắng đọng tâm tư để nghe những lời nhắn gửi của nhà hiền triết Socrate nói: " Việc dễ làm nhất là cho **một lời khuyên**, và điều khó làm nhất là **tự biết mình** ", hoặc Descarte cho rằng " **Tư duy là tự tại** ". Chính chúng ta đã vô tình đánh mất cái hành trang quý giá nhất khi ra đi tìm tự-do là của thừa kế chính đáng nhất cho con em của chúng ta sau này, đó là "Văn-Hóa Việt-Nam", chắc chắn không phải là cái nhà hay chiếc xe mà chúng ta đang có và giữ gìn, vì đó là các vật sở hữu nhất thời sẽ bị hủy hoại hoặc không còn giá trị bởi thời gian giới hạn. Còn những ai đã cùng đồng hành với chúng ta để nghe được tâm tư thổn thức này?...

Là người đồng hương, đồng cảnh ngộ đã, và đang biết hy sinh những gì quý nhất của đời họ là thời gian; họ gạt ngang mọi trở ngại vật chất không phải

là viên kim cương, để cùng chúng ta đùm bọc, giữ gìn và trân quý là cái "văn-hóa Việt-Nam" còn lưu truyền cho thế-hệ mai sau.

Những người ra đi chỉ mang theo một hành trang nặng trĩu trách nhiệm và danh dự của những người còn sót lại trong thể chế Việt-Nam Cộng-Hòa. Thời gian không chờ đợi một ai.

Thiết nghĩ, chúng ta biết trân quý sự sống, cũng còn một chút thương tâm cho những người biết hy-sinh cho tha nhân vì chính họ đang dần thân vì cộng đồng, vì tập thể cùng chúng ta truyền đạt lại cho con em chúng ta những hào quang sáng chói của Văn-Hóa Việt-Nam là viên kim cương để trang điểm cho đời, không hổ thẹn đối với các tập thể nhân loại chung quanh.

Để kết luận, Văn-Hóa là một cái gì trừu tượng, đa dạng khó nhận ra và khi nói đến, chúng ta có cái nhìn tổng thể như ngắm nhìn một viên kim cương qua nhiều lăng kính của chính nó, để thấy những hào quang đẹp lóng lánh trong bóng tối luôn luôn bị chìm dập hay nhận chìm để không còn ai nghĩ đến nữa. Sự mất mát nào cũng để lại sự tiếc nuối khi biết rằng còn ít niềm hy-vọng tìm kiếm được...

Tôn Ngọc Mai



Bài Về cộng đồng Frankfurt

Phạm thị Bích Thủy

Nghe vè, nghe ve,
Nghe vè Frankfurt:
Có Hội Người Việt,
Thành lập lâu năm.
Hội Viên hơn trăm,
Người còn kẻ mất.
Dẫu không đồng nhất,
Ý kiến ý cò.
Hội Viên vẫn lo,
Giữ tình đoàn kết.
Trung Thu, Lễ Tết,
Tranh đấu, Xuống đường.
Trên dưới tỏ tường,
Hoàn thành nhiệm vụ.

Vinh danh Quý Cụ,
Lập Hội Cao Niên.
Tuổi Hạc trung kiên,
Tận tình góp sức.
Những điều Nhân Đức,
Kinh nghiệm Trường Đời.
Khuyên nhủ đôi lời,
Đến cùng con cháu.

Tình cảm quý báu,
Liên đoàn Hùng Vương.
Hướng Đạo Lên Đường,
Châm ngôn „Sắp Sẵn. (1)
Năm dài đàng đẵng,
Mài miệt góp công.
Sinh hoạt Cộng Đồng,
Khắp miền Nước Đức.

Tuổi Trẻ thao thức,
Có Đoàn Thanh Niên.
Việt Nam Tự Do,
Quyết lòng tranh đấu.
Tâm can nung nấu,
Dân Chủ, Nhân Quyền.

Bức phá xích xiềng,
Độc tài Đảng trị.
Đề cao Nhân Vị,

Phong Trào VoViNam.
Tinh thần Quốc Gia,
Cộng Đồng góp sức.
Rèn luyện Nhân Đức,
Xả thân giúp Đời.
Hành thay bằng lời,
Võ Đạo, Võ Thuật. (2)

Tinh thần kiên , quật,
Tuổi Trẻ ngày nay.
Võ Văn Song Toàn,
„Văn Vũ Điểm Sáng“.
Sống đời cường tráng,
Noi gương Tiên Nhân.
Trách nhiệm Tương Thân,
Giúp Đời khởi sắc.

Phụ Nữ tâm đắc,
Noi gương „Hai Bà“.
Bảo vệ Sơn Hà,
Diệt quân xâm lược.
Khó khăn cố vượt,
Thành lập Hội Đoàn.
Văn Hóa Việt Nam,
Tự Do tại Đức.

Tín Hữu góp sức,
Ca Đoàn Thánh Tâm.
Nghệ Thuật hiến dâng,
Cho Đời cho Đạo.
Cộng Đoàn Công Giáo,
Kính Chúa Yêu Người.
Mang đến nụ cười,
Trong tình thương mến.

Lung linh ngọn nến,
Soi sáng Vô Minh.
Phật tử tôn vinh,
Cha lành Đức Phật.
Từ Bi, Chân thật,
Nhân quả, Luân hồi.
Sen trắng đậm chồi,
Nở hoa giải thoát,

Trách nhiệm tổng quát,
Liên Hội Việt Nam.
Ty nạn Đồng Hương,
Cộng Hoà Liên Bang Đức.

Hội Bạn chung sức,
Xây dựng Cộng Đồng.
Ám áp tình nồng,
Cuộc đời Ty Nạn.

Nghe về, Nghe Về ...

Phạm Thị Bích Thủy

(1) *Be Prepared, cũng là viết tắt B.P. tên của vị Tổ Hướng Đạo Robert Baden Powell*

(2) *Kampfkraft, Kampftechnik, Kampfkunstphilosophie*

Hoa nở trái mùa

Bạch Phượng

Ochna integerrima là tên của một loài thực vật có hoa thuộc họ Mai. Tại VN, loại Mai mọc trên rừng núi dọc theo dãy Trường Sơn, các tỉnh miền Trung từ Quảng Bình, Quảng Trị đổ vào, kéo dài đến tận Đồng Nai, Tây Ninh.

Mai vàng mọc trên rừng còn gọi là Mai núi. Mai núi do phải chen tìm đất sống với những cây khác ở địa thế khắc nghiệt trong cuộc sinh tồn nên dáng cây có vẻ đẹp đặc biệt. Hoa lại có nhiều cánh, có hoa có từ 12 đến 18 cánh. Một loại Mai vàng khác mọc ở triền cát, rừng ven biển còn được gọi là „Mai động“. Dáng cây Mai động sưng, tròn, hoa ra chỉ chít, cánh nhỏ. Trong vùng nước sông Cửu Long, cây Mai có thể mọc khắp mọi nơi, trên vùng cao

nguyên cũng có những rừng Mai, song số lượng ít hơn nhiều.



Mai vàng

Theo truyền thuyết, các vị tiên hiền trên bước đường mở mang đất đai về miền Nam đã tìm được hoa Mai nở rộ đứng vào độ xuân về. Từ đó Mai vàng trở thành sứ giả báo tin mùa xuân.

Khắp miền nam từ thành thị đến thôn quê, cứ đến Tết, nhà nhà tìm một nhánh Mai để trên bàn thờ cúng tổ tiên.

Ai không nhớ những chậu Mai vàng tươi, hoa đơm đầy cành trong chợ hoa đường Nguyễn Huệ. Mai vàng 5 cánh được gọi là Hoàng Mai. Mai vàng phương Nam ngày nay không còn là một loài hoa 5 cánh như thời nguyên thủy.



Mai Bến Tre

Người ta đã ghép rất nhiều loại Mai: Mai Sa Đéc 9 cánh, Mai Mỹ Tho 24 cánh, Mai Gò Đen 48 cánh, Mai Bến Tre 120 cánh, v.v... Thông thường Mai vàng không có hương thơm, song ở Việt Nam có loài mai vàng năm cánh hương thơm hơn những loài mai khác nên được gọi là "Mai Hương". Nó còn tên khác là "Mai Thơm", thường được trồng ở Bến Tre hay "Mai Ngự" mọc trên xứ Huế.



Nhị Độ Mai



Mai 48 cánh

Trong những năm đao binh khói lửa, cây Mai và ngày Tết là nỗi ray rứt của anh lính trận xa nhà. Lời nhạc trong bài „Đồn vắng chiều Xuân“ của nhạc sĩ Trần Thiện Thanh:

*„Đồn anh đóng bên rừng Mai
nếu Mai không nở anh không biết xuân
về hay chưa“*

nghe thật buồn bã, ngậm ngùi. Hình như tất cả cái gì ngày ấy cũng có một tương quan, nhắc nhở đến cuộc chiến tranh tàn nhẫn đang xâu xé miền Nam. Tôi còn nhớ những ngày Tết trong thời ấy, ba tôi thường cắm cành Mai vào bình bằng đồng đánh bóng, được chế tạo bằng vỏ đạn đại bác, do anh tôi mang từ chiến trường về. Cái bình hoa bằng vỏ đạn ấy lại rất hợp với cành Mai vàng, hình như là một hòa hợp của nhẫn nại và chịu đựng khôn cùng.... Cách đây 7 năm có đứa cháu của tôi về VN mang qua một cây mai nhỏ xíu, nhỏ đến nỗi có thể nhét vào trong túi xách mang theo lên phi cơ. Cây mai chỉ có 2 nhánh khẳng khiu, lơ thơ vài chiếc lá. Sau một quãng đường dài nằm trong xách tay, nó thật tả tơi, mấy chiếc lá rụng, khi được trồng vào chậu thì lá rụng mất. Cây Mai bé nhỏ trông lại càng thảm hại hơn nhưng cũng được chăm sóc một cách trân quý. Sau đó cây Mai hồi sinh, lá con bắt đầu bám vào thân trụ trụ, một niềm vui nho nhỏ sau những ngày làm việc nhọc nhằn. Những ngày hè có nắng, cây Mai được đem ra

sân tẩm nắng ấm. Tối nào nhiệt độ xuống, tiết trời hơi lạnh là chúng tôi cứ lo nom nớp, không biết cây Mai có chịu nổi khí hàn. Ngày qua ngày, cây Mai vẫn là thân tượng trong đám cây trồng trong nhà, dù nó chẳng đâm hoa.

Khoảng 3 năm về trước, Mai bắt đầu có những nụ hoa xinh xinh, ít ỏi thôi, đầu chùng dăm ba cái. Và từ đó, cứ từ mùa thu, khi được đưa vào nhà để tránh băng tuyết mùa đông, Mai rụng lá trơ cành. Đến giữa Tết Tây và Tết Ta, Mai bắt đầu nở, những cánh hoa vàng, dài có 8 cánh. Nhờ đó chúng tôi mới biết là có loại Mai có dài hơn 5 cánh.



Mai nhà

Cây Mai vẫn bé nhỏ, vẫn không lớn hơn lên một tý nào, chỉ cao chừng 30 cm và vẫn hai nhánh chia ngang. Thế rồi năm nay cũng như bao năm trước, cây mai lại được đem ra sân để hấp thụ khí trời. Mùa hè năm nay trời rất xấu, chỉ đâu được vài ngày nắng ấm. Giữa mùa hè trời trở lạnh, Mai rụng lá. Chưa tới đầu thu chúng tôi phải đem cây Mai vào nhà, vì sợ Mai chết lạnh. Có lẽ vẫn nhớ Tết ở VN, cứ hễ khí trời bắt đầu mát là Mai trở mình nở hoa.

Mai nhà tôi đâm nụ lúc cuối hè và đến đầu thu thì từng nụ từng nụ thì nhau nở, tất cả hơn 20 bông, những cánh Mai vàng tươi như tỵ thuở nào.

Hôm nay trên cành chỉ còn vồn vẹn hai bông hoa. Khi Mai tàn, lá non lại đâm lên, những cánh lá mươn mướt, mềm như những mảnh lụa. Chờ khi hấp thụ ánh nắng trời, và qua chu kỳ lục diệp hóa, lá sẽ trở thành màu xanh, từ màu xanh mướt lúa non đến màu xanh đậm.

*Hoa xưa nở rộ đón xuân về,
hoa thêu bầu áo tuổi đằm mê,
vàng khung trời cũ màu xuân thắm,
ngoảnh mặt lại nhìn mấy mươi năm.
Hương xưa quê cũ về đất lạ,
nâng niu nỗi nhớ kẻ xa nhà,
trời Ấu lạnh giá Mai nở chường,
nụ trở đầu thu luật vô thường.
Cũng màu vàng ấy từng cánh mỏng,
đem nhụy tình quê rải trong lòng,
hoa mùa xuân chờ thu mới đến,
muộn màng ghi kỷ niệm không tên.
Hoa Mai tàn, lá non đầy nhánh,
màu vàng tươi xóa mất trên cành.
Một vòng đời bao nhiêu ngày nữa,
đếm mãi rồi quên đếm cũng thừa.*

Bạch Phụng
(Stuttgart 2015)

Món...nhớ đời !

Nguyễn hữu Nghĩa

„Sống trên đời ăn miếng đời chó, chết xuống âm phủ biết có hay không?“.

Thịt chó từ bao đời nay được coi là món ăn khoái khẩu không thể thiếu được đối với phần đông người Bắc. Người ta tôn vinh thịt chó như một ẩm thực vô cùng đậm đà về cả hương lẫn sắc. Nói như nhiều người, món này có thể san bằng mọi khoảng cách giàu-nghèo, sang-hèn, già-trẻ, gái- trai trong xã hội, mà hễ trời lất phất mưa, se se lạnh, chỉ nhắc khẽ đến hai chữ "thịt chó" là nhiều người đã nuốt nước miếng ừng ực rồi! Lạ thế!

Ngày xưa có nhà văn còn dám nâng tầm vóc của nó lên tới mức "Thịt chó còn, nước Nam còn". Tuy câu nói chỉ là một ví von, nhưng lại rất "thấm thía" đối với những ai đã phải sống xa quê, tha hương nơi đất khách quê người như tôi.

Những ngày đầu tiên ở Đức, phải nói là ngày ấy tiếng Đức của tôi "đầy" một bụng nên bắt buộc phải ghi tên theo học khóa tiếng Đức ở Goethe Institut Rothenburg o.d.T. Năm ngày trong tuần từ thứ hai đến thứ sáu tôi không phải lo lắng chuyện ăn uống vì chỉ cần đi đến những Restaurant do Goethe Institut chỉ định là đã có đầy đủ món ngon vật lạ, còn có khoái khẩu hay không lại là chuyện khác.

Nhưng hai ngày cuối tuần là một cực hình cho tôi, vì trời thì lạnh, tuyết, mưa....mà phải dậy sớm (trước 12 giờ)

để lặn lội đi chợ và suy nghĩ nấu món gì để ăn cho qua cuối tuần.

Vào chợ, nhìn ngang nhìn dọc (hình như vẫn chưa tỉnh ngủ cho lắm vì mới ngủ dậy), bất chợt tôi thấy trên kệ hàng một lô những đồ ăn đóng hộp, nào là thịt mèo, và cả thịt chó nữa...Ồ là la, không lẽ dân Đức cũng khoái món ăn bất hủ này chăng ?

Đầu nghĩ, tay vói, tôi vói tay "dót" ngay 2 hộp in hình 2 chú cầu mắt tròn xoe, lông vàng mượt, trông đáng yêu làm sao!!!

Về đến nhà trọ tôi hăm hở mở ngay một hộp, thêm chút tiêu và chút Maggi cho đậm đà, xong bung nguyên hộp bỏ vào nồi "chung cách thủy". Khoảng 15 phút sau, nước bắt đầu sôi, mùi thơm bốc lên thơm phưng phức cả căn phòng 15 m2 của tôi. Phen này chắc phải đi khoe với mấy tên bạn Mít học cùng khóa tiếng Đức của tôi mới được, chúng nó cả lũ chỉ biết gặm bánh mì với thịt nguội, chẳng đưa nào "thông minh tháo vát" như tôi.

Vừa bẻ mẩu bánh mì (ngày ấy làm gì có cơm, có gạo xa xỉ như bây giờ) chấm vào nước sốt „rựa mặn“, tôi vừa nuốt xoa lắm bằm: "chỉ hơi thiếu mùi riềng, mùi rau thơm...". Nhưng dù sao cũng tuyệt cú mèo! Ngày mốt đi học lại sẽ

lấy le, kể cho bạn bè là mình đã tìm ra chỗ bán thịt chó...

Cuối tuần sau đó, nghe lời quảng cáo âm ỉ của tôi, 3 tên Mít cùng khóa xung phong đến đánh thức tôi dậy....đi chợ.

Như một tay nấu bếp sành sỏi, tôi đi thẳng một mạch đến kệ bán....thịt chó, bốc nhanh vài hộp trước 6 đôi mắt còn đang ngơ ngác của các bạn. Về đến nhà, “bồn cũ soạn lại”, tôi dọn món thịt chó rạ mận một cách rành rỏi cho 3 tên Mít

bạn tôi thưởng thức. Cả bọn vừa ăn vừa không tiếc lời khen tôi “lanh lợi” !!!

Sáng thứ hai, khoảng 7 giờ sáng, tôi thức dậy soạn đi học tiếng Đức thì bỗng có tiếng gõ cửa phòng, quái nhỉ ? Ai gõ cửa phòng mình vào lúc này ???

Thò đầu ra cửa, tôi nhận ra bà chủ nhà trọ, một tay cầm thùng rác, một tay cầm hộp đồ ăn của tôi đã vất đi ngày hôm qua sau khi thưởng thức món „quốc hồn quốc túy“ một cách ngon lành.

Thế rồi....

Bà ta vừa nói vừa ra dấu, rồi đi thẳng vào phòng tôi, cúi người xuống gầm bàn, gầm giường, miệng thì kêu „vâu vâu“. Vốn “thông minh”, tôi hiểu ra ngay là bà muốn tìm xem con chó đang ở đâu ?

Tôi dơ tay phân bua và nói với bà “ tôi làm gì có chó mà nuôi !”. Bà cười to, tỏ vẻ không tin rồi dư dứ hộp thịt chó lên xuống trước mặt tôi, bà nói nhiều lắm nhưng tôi chỉ hiểu lồm bồm may ra một phần mười mà thôi.

Khi tôi lấy tay chỉ vào hộp thịt chó rồi đưa tay vào miệng của tôi, ý là cho bà biết đồ ăn đã nằm trong bụng của tôi rồi, thì bà chủ phát cười ngặt nghẽo. Bà chỉ tay vào hộp thịt chó, miệng kêu „vâu vâu“, rồi bà ngồi xuống đất làm giống như con chó đang ngồi chực ăn, sau đó bà để hộp thịt xuống đất.....



Đến đây thì tôi đã hiểu ra !! Ôi, thế là mình đã soi một món ăn dành cho các chú cẩu rồi.

Thế mới biết không rành ngôn ngữ nó tai hại biết chừng nào, thật đúng là dở khóc dở cười, chẳng biếttỏ cùng ai (chữ đâu mà tỏ !!!). Nhưng ngẫm nghĩ lại, sao mà nó lại....ngon đến thế ????

Nguyễn hữu Nghĩa

Món Ăn Thuần Túy Việt Nam Nơi Xứ Người

Dương Thị Thanh Thủy

Tôi sinh ra ở đất thần kinh, làng Vỹ Dạ, có sông Hương, núi Ngự Bình, nhưng tôi lớn lên ở miền Nam.

Ba tôi là công chức, vì nghề nghiệp nên thường đi công tác ở các tỉnh. Gia đình tôi phải dọn nhà theo ba tôi. Những tỉnh mà tôi đã ở như: Phan Thiết, Nha Trang, Kontum, Bình Long, Cần Thơ, Mỹ Tho và thành phố sau cùng là Sài Gòn.

Có những lần ba tôi đi công tác miền Tây, vào dịp nghỉ hè, tôi được theo ba xuống các tỉnh như Long Xuyên, Bạc Liêu, Sóc Trăng. Ôi thật tuyệt vời với sự phì nhiêu của miền Tây nào là gạo trắng, cá tươi, trái cây đủ loại. Tôi được ba dắt đi ăn canh chua cá lóc, cá bông lau là những đặc sản của miền Tây, nhờ vậy tôi mới biết được phong tục tập quán từng miền. Những kỷ niệm ấy gắn sâu vào tâm hồn tôi, làm sao tôi quên được.

Đời sống êm đềm của miền Nam bỗng nhiên bị sụp đổ kể từ ngày 30.04.1975. Gia đình tôi chịu chung số phận như bao nhiêu người khác và cuộc sống gia đình thay đổi từ đó.

Tôi đã sống 5 năm dưới chế độ cộng sản. Sau những lần vượt biên không thành công, lần cuối cùng được Cap Anamur vớt. Tháng 7 năm 1980, gia đình tôi cùng với những thuyền nhân khác được định cư tại tỉnh Recklinghausen, thuộc tiểu bang Nordrhein Westfalen, Tây Đức. Nơi đây là quê hương thứ hai của tôi.

Ngày ấy hai con tôi còn nhỏ. Cháu lớn 4 tuổi, cháu nhì 18 tháng. Năm đầu tiên ở xứ người tôi được học tiếng Đức một năm. Sau đó chồng tôi đi học xa, tôi và hai con nhỏ ở lại Recklinghausen. Đêm đêm nằm nhớ quê hương, nhớ gia đình, nhớ cha mẹ, tôi khóc hàng đêm. Cứ nghĩ là mình sẽ không bao giờ gặp lại cha mẹ.

Những năm tháng đầu tiên, đồ ăn Á Châu thiếu thốn, chúng tôi mua gạo Đức nấu ăn. Muốn có một chai nước mắm phải chờ qua Pháp mới mua được. Thời gian trôi qua, tôi cố gắng hội nhập với cuộc sống mới nơi đất khách quê người.

Năm 1987 chồng tôi tốt nghiệp Đại học và là năm đón mừng cháu gái thứ ba ra đời. Song vào đó chồng tôi có việc làm tại München. Thế là một cảnh hai quê trở lại, một mình tôi lo cho ba cháu.

Đi làm khó khăn, tôi bèn nghĩ đến việc đi dạy nấu ăn vào ban đêm để ban ngày có thời giờ lo cho con. Năm 1989 bức tường Bá Linh sụp đổ. Những năm sau đó nhà hàng Việt Nam được mở ra như nấm. Trước đó, nhiều người Đức không biết gì về Việt Nam và nước Việt Nam ở đâu.

Từ ngày người Việt tỵ nạn cộng sản được tàu Cap Anamur vớt và được chính quyền Đức thu nhận cho định cư thì người Đức mới biết nhiều về Việt Nam và những món ăn Việt.



Tác giả và lớp học

Năm 1992 là năm đầu tiên tôi đi dạy tại VHS Recklinghausen (VHS: Volkshochschule). Sau 6 tháng quen với công việc dạy, nhiều người Đức hỏi thăm về những món ăn Việt Nam. Tôi bắt đầu ghi danh dạy ở những trường VHS và FBS (Familienbildungsstätte) của Kreis Recklinghausen như các thành phố Datten, Halten, Marl, Castrop Rausen, Dorsten, Herne, Herten, Bochum, Recklinghausen và những vùng phụ cận.



Tác giả và học viên tại nơi dạy nấu ăn

Từ đó những món ăn Việt Nam được nhiều người biết đến. Sau 5 năm dạy ở vùng Ruhr đến năm 1997 chồng tôi lại đổi chỗ làm đến Frankfurt am Main. Năm 1998 tôi cùng gia đình dọn nhà xuống Frankfurt. Lúc bấy giờ cháu trai đầu lòng đang học Đại học ở Bochum. Cháu thứ hai vừa thi xong tú tài (Abitur) và học Y Khoa tại Đại học Giessen. Cháu gái học lớp 6. Thế là tôi

phải rời quê hương thứ hai nơi mà có nhiều kỷ niệm từ ngày đầu đến Đức. Cứ mỗi lần nhắc đến Recklinghausen là mỗi lần lòng tôi thương nhớ nơi mà tôi không bao giờ quên được.

Gia đình tôi dời xuống sống ở Egelsbach, Kreis Offenbach, ngoại ô của Frankfurt. Tôi chọn nơi này làm quê hương thứ ba.



Tác giả giải thích cách thức ăn sau khi đã dạy cách nấu

Nơi đây tôi tiếp tục dạy ở VHS, FBS tại các thành phố Darmstadt, Dieburg, Münster, Egelsbach, Weiterstadt, Mörfelden-Waldorf, Groß-Gerau, Dreieich, Offenbach, Hanau, Rödermark, Hainburg, Rüsselheim. Ngoài ra tôi còn dạy ở Institut Küchenmeister in Darmstadt và Genuss Akademie tại Frankfurt.

<p>Zauberhaftes Vietnam</p> <p>Über die Vietnamesen geht das Gerücht, sie würden den ganzen Tag essen, eigentlich auch an nichts anderes als an gutes Essen denken und bei genauer Betrachtung dieser an filigranen, hochinteressanten Gerichten so reichen Kultur kann man sich dem im Grunde nur anschließen. Hier treffen sich unterschiedliche Einflüsse von China über Laos bis Thailand und bilden einen einzigartigen kulinarischen Mikrokosmos, den Sie ganz authentisch in der Genussakademie kennen und kochen lernen können! Thuy Duong, bereits seit vielen Jahren erfolgreiche Kochkursdozentin, erklärt ihren Gästen anschaulich die Zubereitung und Besonderheiten der vietnamesischen Küche!</p> <p>Menü</p> <p>Hühnersalat (Goi Ga) Sommerrollen (Goi Cuon) Rindfleischspieß (Thit Nuong), Kochreis, Erdnussauce, süß-saures Gemüse Che Dau</p>	 <p>Thanh Thuy Duong</p>
--	--

Trích từ Genuss Akademie Magazin Frankfurt

Qua những khoá dạy, học viên được học những món ăn thuần túy của quê hương Việt Nam mà họ đã ăn ở nhà hàng hay đã có dịp đến Việt Nam.

Họ nhận xét rằng những món ăn ở đây được nấu ngon hơn, tươi hơn, nguyên bản hơn ở các nhà hàng mà họ đã có dịp thưởng thức.

Trong những món súp, họ thích nhất là món Bún Bò Huế. Mùi thịt bò cộng với

ruốc, sả, quỳện với nhau làm cho tô bún bò thơm ngon.

Những năm dạy nấu ăn tôi hãnh diện là một người Việt Nam. Tôi có cơ hội trình bày cho người Đức biết về văn hoá Việt Nam.

Sau 23 năm trong nghề, tôi nhận thấy đồ ăn Việt Nam được chế biến là một nghệ thuật nấu ăn ngang hàng với những món ăn trên thế giới.

Nhân đây, tôi xin công hiến quý vị một công thức Bún Bò Huế, một món ăn quốc hồn, quốc túy không thể thiếu trong những món ăn Việt Nam

Bún bò giò heo Huế



Vật liệu:

500 gr.	xương bò nấu súp	1	củ gừng nhỏ
1000 gr.	bắp bò, có gân cũng được	2	tép tỏi
1	đùi heo(trước hoặc sau, hoặc móng heo)	1	củ hành
1/2	trái thơm hoặc những củi thơm	2	muối canh ớt bột
7	nhánh sả	7	muối canh dầu ăn
		2	muối canh mắm ruốc

*Bún bò cọng to,
Muối, đường, nước mắm,
tiêu, rau răm, ngò thơm,
hành lá, ớt, chanh*

Cho 2 muỗng canh mắm ruốc vào tô.
Đổ nước vào, khuấy và để lắng lấy nước
trong

Cách nấu:

Giò heo rửa sạch, bỏ vào nồi nấu sôi khoảng 5 phút. Đổ giò heo ra và rửa sạch thịt giò heo. Dùng một nồi nước khác, thêm vào một muỗng cà phê muối, bỏ thịt heo vào và nấu. Lấy cây tăm găm vào thịt nếu không còn ra máu nữa là thịt đã chín (cứng, mềm tùy theo ý thích). Vớt thịt ra, cắt thịt như ý muốn. Nếu muốn ăn móng heo thì luộc móng heo cho thêm vào.

Xương và thịt bò bỏ vào nồi nấu vừa sôi, đổ ra rửa thật sạch. Bắc nồi nước, bỏ thịt bò, thơm, nước ruốc trong, sả cây cắt khúc và một muỗng cà phê muối vào nấu cho mềm như ý thích.

Vớt thịt ra.

Sau đó, đổ nước luộc thịt heo vào chung với nước hầm thịt bò. Nêm nếm cho vừa miệng.

Thịt bò cắt lát mỏng.

*Hai cây sả băm nhỏ. Tỏi, hành băm nhỏ.
Gừng cắt sợi nhỏ.*

*Lấy một nửa sả băm phi với dầu cho vàng.
Sau đó bỏ ớt bột vào và nhắc xuống liền.*

Lấy một cái chảo khác bỏ dầu vào cho nóng, bỏ một ít sả băm, gừng, tỏi, hành và phi cho thơm. Sau đó bỏ thịt bò cắt mỏng vào xào. Cho gia vị vào và nêm nếm cho thơm.

*Bún cọng to luộc chín.
Hành, ngò, rau răm, cắt nhỏ.*

Lấy cái tô, bỏ bún, múc thịt bò xào, xếp thịt giò heo vào tô. Cho dầu ớt sả vào.

Lấy nước lèo thật sôi múc vào tô bún. Bỏ hành ngò, rau răm vào tô. Có thể bỏ thêm một miếng chả Huế vào thì ngon hơn.

Mến chúc quý vị ăn ngon !!!

Dương Thị Thanh Thủy

Email: thuyd@gmx.de

<http://www.vichikoch.de>



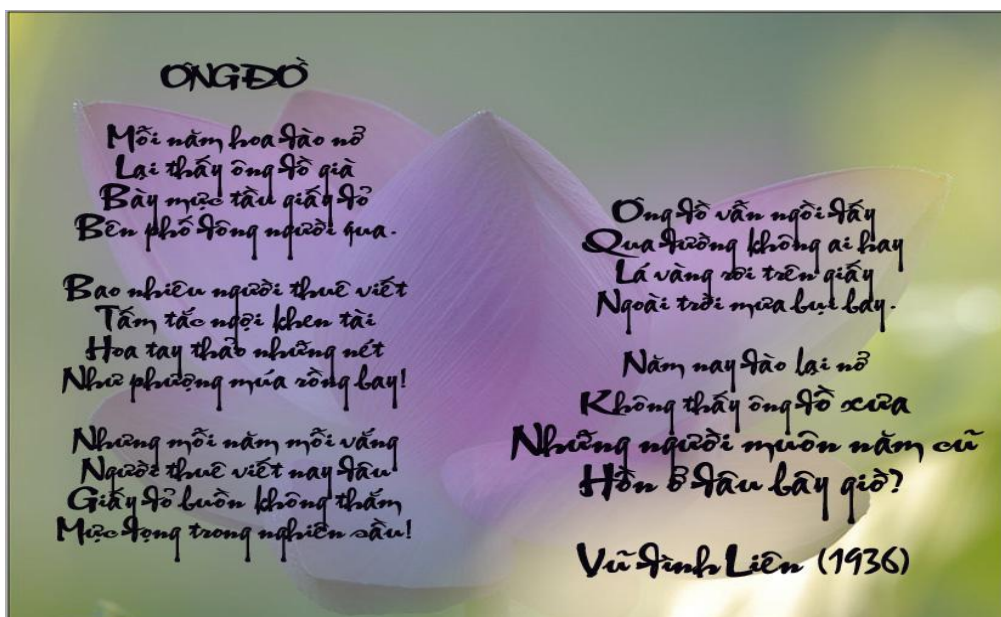
Đào - Mai ngày Tết

Châu Đình Lợi sưu tầm



Mùa Xuân lại trở về với nhân thế. Mỗi lần Xuân về là chúng ta lại thấy hoa đào, hoa mai nở đẹp trên vạt nẻo đường. Miền Bắc Việt Nam đón Xuân với hoa đào hồng tươi. Miền Nam Việt Nam đón Xuân với hoa mai rực rỡ. Mỗi hoa có một vẻ đẹp riêng của nó nhưng thấy hoa đào, hoa mai nở là biết Xuân đã về rồi. Ngắm Xuân này chúng ta lại nhớ đến Xuân xưa xum họp với những người thân trong gia đình ngày cũ.

Chúng ta lại nhớ đến những vần thơ tuyệt tác của người xưa với hình ảnh ông đồ “*Bày mực tàu giấy đỏ. Bên phố đông người qua*” (Vũ Đình Liên), làm cho những người cỡ tuổi “không còn trẻ nữa” luôn cảm thấy vẫn vương với những hình ảnh đẹp của quê hương và mong muốn truyền đạt những tình cảm và hình ảnh đẹp này đến các thế hệ mai sau.

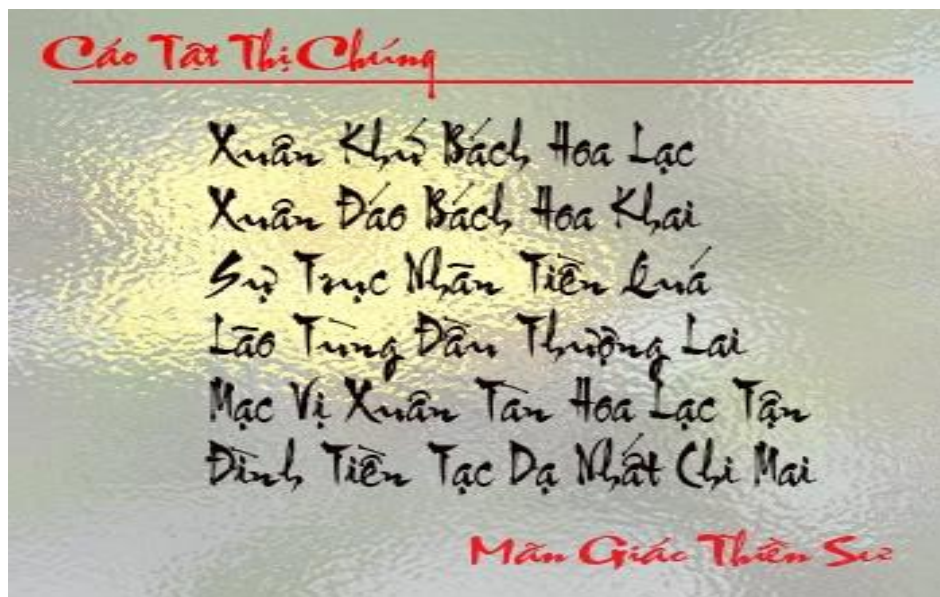


Hoa mai cũng góp mặt qua bài thơ Cáo Tật Thi Chúng (cáo bệnh dạy đệ tử) của Mãn Giác Thiền sư.

Ngài Mãn Giác Thiền Sư đắc đạo vào thời vua Lý Nhân Tôn thế kỷ thứ 11 đã thấy được những cảnh vật trong vũ trụ, tất cả đều là những huyền tượng không có gì là thường tồn vĩnh cửu. Giống như hoa của mùa Xuân, Xuân hết trăm hoa đều héo rụng, Xuân đến trăm hoa

lại đua nở. Đòi người cũng như vậy, từ lúc tuổi trẻ, thoan thoát đến tuổi già mà không hay.

Tuy nhiên, đừng trông Xuân qua rồi tất cả các hoa đều phải rụng hết mà giữa lúc trời Đông giá lạnh, giữa những cây cối trơ trọi đó, vẫn có một cành mai nở rộ. Ngài Mãn Giác đã ngộ được lý Vô Thường, và Ngài đã thăng hoa trong cuộc sinh hóa của vũ trụ:



Bài thơ có nhiều bản dịch Việt ngữ khác nhau, trong số đó bản dịch của cụ Ngô Tất Tố được biết đến nhiều nhất, được truyền đọc và trích đăng thường nhất.

*Xuân khứ bách hoa lạc
Xuân đáo bách hoa khai
Sự trục nhãn tiền quá
Lão từng đầu thượng lai
Mạc vị xuân tàn hoa lạc tận
Đình tiền tạc dạ nhất chi mai*

*Hoa đi trăm hoa rụng
Xuân đến trăm hoa cười
Trước mắt việc đi mãi
Trên đầu già đến rồi
Đừng trông xuân tàn hoa rụng hết
Đêm qua sân trước một cành mai*

Và tạm dịch bản tiếng Anh :

*Spring comes: flowers blossom,
Spring goes: they fade and fall
Before our eyes, life takes its course.
On our head, grey hair appears
Yet, don't say
That when spring ends,*

*There's nothing left.
Last night, in the front yard,
A branch of plum gleamed
in the dark*

(Võ Đình và CHTN Nha Trang)

Bốn câu đầu chỉ ra tính chất vô thường vốn dĩ là quy luật chung của thế gian - đời người:

*“Xuân qua trăm hoa rụng
Xuân đến trăm hoa cười
Trước mặt việc đi mãi
Trên đầu già đến rồi*

Hai câu cuối: Giác ngộ - cái kết quả viên mãn, siêu tuyệt vượt lên từ quy luật vô thường:



Châu Đình Lợi sưu tầm



Những điều kiêng kỵ trong ngày Tết

(only in Germany)

Nguyễn hữu Nghĩa sưu tầm

* Kiêng quét nhà nhưng không kiêng hút bụi: Trong 3 ngày Tết, kiêng quét nhà vì sợ quét hết vận đỏ đi. Hút bụi thì hút rác vào máy, có nghĩa là cất vận đỏ ở trong nhà. Nhớ đừng thay bao đựng rác của máy trong những ngày Tết !

* Kiêng không treo những tranh xui xẻo như: đánh ghen, kiện tụng... mà phải tìm treo tranh mang ý tài lộc như lợn, gà, cậu bé... Chưa bao giờ có tranh như thế mà treo. Cũng đừng nên mua những tranh như thế !

* Kiêng cho lửa ngày Tết: Ngày mừng Một Tết người ta rất kỵ chuyện người khác đến xin lửa nhà mình. Vì quan niệm lửa là đồ, là may mắn. Ở đây có lửa đâu mà đem cho, nếu bạn có bếp Gas nướng thịt, bạn đừng cho ai mượn lửa nhé, chỉ nên cho mượn ...thịt thôi !

* Kiêng cho nước đầu năm: Vì nước được ví như nguồn tài lộc trong câu chúc “tiền vào như nước”, nếu cho nước thì coi như mất lộc. Nhưng có thể cho Bier, Cola, Wein, Sekt, Saft thoải mái, khỏi kiêng !

* Kiêng rắc vôi bột ở 4 góc vườn: Ở nông thôn, nhà nào cũng rắc vôi bột ở 4 góc vườn rồi vẽ hướng ra phía cổng để xua đuổi ma quỷ. Vì thế, dân gian có câu: “Đầu năm mua muối, cuối năm mua vôi”. Đầu năm bạn mua muối tặng cho mọi người cũng chính là lời chúc năm mới làm ăn phát đạt, gặp nhiều may mắn. Ở thành phố, chung cư, nhà mượn khỏi kiêng, làm vậy coi chừng bị kêu là mắc bệnh tâm thần đó nghe !

* Kiêng xông nhà: Những người “nặng vía”, không hợp tuổi với gia chủ đừng nên đến xông nhà ngày đầu năm. Vậy cũng đừng nên gọi điện thoại đến nhé !

* Kiêng nói giông: Ngày đầu năm, ta phải hết sức tránh những ngôn ngữ, hành động có thể đem lại sự không may, còn gọi là nói giông hoặc nói xui như: chết rồi, tiêu rồi..., còn “DM” hay “Sch...” thì khỏi kiêng !

* Kiêng làm vỡ bát, đĩa: Bát, đĩa tượng trưng cho gia đình, vì thế, trong ngày này không được đánh vỡ bát đĩa, ấm chén. Các bạn độc thân, sáng Mc Café,

trưa Kantine, tối Kebap/Döner khỏi kiêng, vì có chén đĩa đâu mà kiêng !

* Kiêng mai táng: Nhà nào có đại tang kiêng đi chúc tết, mừng tuổi bà con, xóm giềng, ngược lại bà con xóm giềng lại cần đến chúc tết và an ủi gia đình bất hạnh. Cái này thật khó kiêng à nha...

* Kiêng ăn một số món: Người dân miền Trung có thêm tục kiêng ăn trứng vịt lộn, thịt vịt trong ngày Tết và cả tháng đầu năm. Người ta cho rằng ăn thịt vịt sẽ gặp xui xẻo. Hai thứ này đâu phải dễ mua ở đây!!!

Một số vùng không ăn tôm vì sợ... đi giật lùi như tôm. Nếu ăn trong ngày Tết, công việc sang năm sẽ lùi chứ không thể tiến tới. Đừng ăn nhiều quá nghe. Cholesterin sẽ làm mình đi giật lùi thiệt đó !

* Kiêng mua quần áo màu trắng, vải trắng suốt tháng Giêng Âm lịch. Nếu có rồi thì cứ mặc... nhưng mùa đông trời tuyết mà mặc màu trắng chắc hồng giống ai !

* Ngày Tết có lệ ai đến nhà, bắt kể giờ giấc nào, gia chủ cũng dọn cỗ, mời uống rượu, ăn bánh. Khách không được từ chối bữa ăn, dù no cũng phải nhấm nháp chút ít. Không ăn là đại....

* Đi đâu xa cũng phải về nhà trước giờ Giao Thừa. Ai không về kịp xem như cả năm sau người ấy phải bôn ba vì công việc làm ăn. Nếu bị kẹt xa lộ, xe lửa, máy bay đình công thì thời gian này không tính. À quên, theo giờ Giao Thừa Việt Nam hay giờ bên này ?

Những điều nên làm trong ngày Tết

(only in Germany)

- ❖ Nên tổng khử những đồ vật đã lâu không dùng đến, dọn dẹp nhà cửa cho sạch sẽ. Các bạn độc thân hoặc đang có bạn gái nên làm. Một công hai việc. Các bạn mới lập gia đình khỏi lo nghĩ đến chuyện này. Các bạn nào đã làm chuyện này quanh năm thì cũng chẳng phải “nên” mà là “phải”....
- ❖ Nên thay đổi tấm drap giường, áo gối, chiếu ngủ mới nếu bản thân các bạn nào quá xui từ hạnh phúc, sức khỏe, công việc làm và tiền tài... Bạn nào nằm chiếu nên vào Amazon đặt mua chiếu mới càng sớm càng tốt, hàng phải đến trước Tết đấy nhé.
- ❖ Nên sắm cho mình giày dép, một bộ quần áo mới (nên mua áo có màu sắc sỡ càng tốt). Ráng tìm “Schlussverkauf” hay “Sale” mà mua, màu sắc sỡ ít người mặc thế nào cũng mua được giá rẻ trừ lúc trùng với Fastnacht
- ❖ Đầu năm tuyệt đối không nên mặc áo màu đen dù là các bạn hợp với màu Thủy (đen). Nếu có đi Konzert hay dạ tiệc của người bản xứ mời, các bạn nên mặc áo dài, vì áo dài được xem là áo cổ truyền, mặc ở đâu cũng được, màu nào cũng được, trừ màu đen..
- ❖ Tuyệt đối không mở nhạc mang tính chất ưu sầu, chết chóc, chia ly, đau khổ....nên mở nhạc càng “sung” càng tốt. Coi chừng hàng xóm láng giềng kêu cảnh sát..
- ❖ Nên thanh toán tiền nợ nần cho sòng phẳng. Không nên vay mượn tiền đầu năm dù là số tiền rất nhỏ. Nếu có thiếu nợ trong năm thì nên thanh toán (nếu khả năng cho phép). Nhà bank đâu có chờ theo khả năng. Đi đồ xăng mà quên ví ở nhà không biết phải làm sao đây?



Tổ Chức và Đoàn Thể trong Cộng đồng NVTN Frankfurt và vpc

Trong 35 năm qua, song hành với Hội NVTN còn nhiều tổ chức, hội đoàn cũng được thành lập và sinh hoạt tích cực trong cộng đồng. Một số có thể xem như thành phần trong cộng đồng, đã đóng góp tích cực, hợp tác thường xuyên với Hội trong sinh hoạt chung như tổ chức Tết, tham gia Diễn Hành Văn Hóa do thành phố Frankfurt tổ chức, biểu tình vào dịp 30.04 và Ngày Nhân Quyền v...v...

Sau đây xin giới thiệu các tổ chức hội đoàn trong vùng Frankfurt thường xuyên cộng tác và đóng góp vào sinh hoạt Hội NVTN tại Frankfurt & vùng phục cận.

BBT Đặc san chân thành cảm tạ sự đóng góp của quý Anh Nguyễn Lê Sơn (Vovinam), Nguyễn Minh Hùng / Tân (Hương Đạo), anh Hoàng Tôn Long đã cung cấp phần giới thiệu về tổ chức của mình.

o o o

VOVINAM

Hình thành

Hội Vovinam-Việt Võ Đạo Cộng Hòa Liên Bang Đức (Vovinam-Viet Vo Dao BRD e.V.) được thành lập vào năm 1995 tại Frankfurt, có số danh bạ tại tòa án Frankfurt từ năm 1997, là 1 trong 5 đơn vị gốc của Phong Trào Vovinam Việt Võ Đạo Âu Châu (Pháp, Ý, Thụy sĩ, Hoà Lan và Đức).

Mục đích và tôn chỉ

Hội hoạt động theo đuổi 3 mục đích và 5 tôn chỉ của môn phái Vovinam Việt Võ Đạo.

- **Ba Mục đích**

1) Bảo tồn, chấn hưng và phát triển Môn Phái VOVINAM VIỆT VÕ ĐẠO do Cố Võ Sư NGUYỄN LỘC sáng tạo vào năm 1938. VOVINAM VIỆT VÕ ĐẠO nêu cao tinh thần truyền thống bất khuất của dân tộc, khai thác trọn vẹn hai phần CUONG và NHU của con người và phối hợp mọi tinh hoa võ thuật đã có trên thế giới.

2) Sưu tầm, nghiên cứu và phát minh các thế võ để tu bổ, xây dựng cho nên võ thuật VOVINAM VIỆT VÕ ĐẠO mỗi ngày một phong phú và tiến bộ.

3) Huấn luyện môn sinh trên ba phương diện: Võ lực, Võ thuật và Tinh thần võ đạo.

→ **Võ lực:** Môn Phái sẽ luyện tập cho môn sinh có một thân hình dẫn dỏi, vững vàng; một sức lực mạnh mẽ dẻo dai để có thể bền bỉ chịu đựng trước mọi khó khăn, cực nhọc, đẩy lui các bệnh tật, giữ cho thân thể luôn luôn tráng kiện và lành mạnh.

→ **Võ thuật:** Môn Phái sẽ huấn luyện cho môn sinh một kỹ thuật tinh vi để tự vệ hữu hiệu và sẵn sàng bênh vực lẽ phải.

→ **Tinh thần võ đạo:** Môn Phái sẽ rèn luyện cho môn sinh một tâm hồn cao thượng, một ý chí bất khuất, một tính tình hào hiệp, biết khép mình trong kỷ luật tự giác, biết sống hợp quần trong tình đồng đạo, biết hy sinh trong nếp sống vị tha và trở nên những công dân gương mẫu, phục vụ cho bản thân, gia đình, tổ quốc và nhân loại.

• Năm Tôn chỉ

Để thực hiện 3 mục đích nêu trên, Môn Phái VOVINAM VIỆT VÕ ĐẠO chủ trương hoạt động theo 5 tôn chỉ dưới đây:

1) Mọi hoạt động của Môn Phái VOVINAM VIỆT VÕ ĐẠO đều dựa trên một nền tảng vững chắc: lấy CON NGƯỜI làm cứu cánh, lấy ĐẠO HẠNH làm phương châm, lấy KỸ THUẬT và Ý CHÍ QUẬT CƯỜNG làm phương tiện.

2) Môn Phái VOVINAM VIỆT VÕ ĐẠO là một đại gia đình, trong đó môn đồ thương yêu kính trọng lẫn nhau. Sự kính trọng và lòng thương yêu ấy sẽ đan kết thành kỷ luật của Môn Phái, một giềng mối vững chắc giúp các môn đồ đoàn kết chặt chẽ để nêu cao danh dự Môn Phái, phục vụ Dân Tộc và Nhân Loại.

3) Môn Phái VOVINAM VIỆT VÕ ĐẠO tích cực góp phần vào công cuộc giáo dục thanh thiếu niên.

4) Hoạt động của Môn Phái không có tính cách chính trị và tôn giáo.

5) Môn Phái VOVINAM VIỆT VÕ ĐẠO luôn luôn tôn trọng các võ phái khác.

Trung tâm huấn luyện Vovinam tại CHLB Đức

1) **Trung tâm huấn luyện Frankfurt**
TSV 1875 Bonames
Harheimer Weg18, 60437 Frankfurt am Main
HLVCC Nguyễn Trịnh Anh, điện thoại:
0152 151 595 69

2) **Trung tâm huấn luyện Stuttgart**
Universität Stuttgart - Hochschulspport
Allmandring 28, 70569 Stuttgart

VSTH Oliver Bernecker, điện thoại:
0171 418 53 10

3) **Trung tâm huấn luyện Weil am Rhein**
Eimeldingerweg 26, 79576 Weil / Haltingen
HLV Nguyễn Cao Trúc, điện thoại:
0176 575 35 32

4) **Trung tâm huấn luyện Bad Homburg / Oberursel**

Sportcontainer auf dem Sportplatz "Lange Meile"

Lang Meile, 61352 Bad Homburg
HLVCC Trần Thị Kim Trang, điện thoại: 0152 115 23452

Schwebe Fitness Center

An den Drei Hasen 12, 61440 Oberursel
HLVCC Trần Thị Kim Thanh, điện thoại: 0162 874 9244



HƯỚNG ĐẠO VIỆT NAM Liên Đoàn Hùng Vương



**Hướng Đạo Việt Nam
Liên Đoàn Hùng Vương
tại Frankfurt và Vùng Phụ Cận**



Liên đoàn Hùng Vương là đơn vị trực thuộc Hướng Đạo Việt Nam, Chi Nhánh CHLB Đức, là một hội đoàn có đăng ký tòa án với danh xưng là „Die Vietnamesischen PfadfinderInnen und Freunde in der Bundesrepublik Deutschland e.V.“

Liên Đoàn Hùng Vương được thành lập và ra mắt vào tháng tư năm 1987 tại trại Bách Hợp 1, Karben.



Trại Bách Hợp 1, năm 1987 Ngày ra mắt Liên Đoàn Hùng Vương



Ngày khai mạc trại Bách Hợp 20, tháng tư năm 2014

Liên đoàn trưởng: Trương Nguyễn Minh Hùng
Địa chỉ liên lạc: 64546 Mörfelden- Walldorf, Würzburger Straße 14a
Hiện tại có 72 người đang cùng sinh hoạt với liên đoàn.

MỤC ĐÍCH VÀ LÝ TƯỞNG CỦA PHONG TRÀO HƯỚNG ĐẠO

Mục Đích:

Mục đích của phong trào được bao gồm trong các điều sau:

1. Rèn luyện những đức tính cho thanh thiếu niên. Những đức tính như chuyên cần, thật thà, can đảm, yêu thương, giúp đỡ, học hỏi, lễ phép, trung thành... là những đức tính căn bản cần phải có trong con người Hướng Đạo để từ đó tạo dựng được nhiều việc hữu ích cho tha nhân.
2. Rèn luyện những khả năng tháo vát cho thanh thiếu niên. Người Hướng Đạo cần phải trang bị cho mình những khả năng tháo vát. Chuyên môn Hướng Đạo chính là những khả năng cần thiết cho những trường hợp khẩn cấp. Có nhiều khả năng tháo vát sẽ làm cho chúng ta tự tin hơn khi va chạm với cuộc sống thực tế. Từ những nút dây nhỏ bé cho đến những phương pháp cấp cứu đơn giản đều
3. Rèn luyện khả năng lãnh đạo cho thanh thiếu niên.
4. Phong trào rèn luyện cho thanh thiếu niên những khả năng lãnh đạo qua phương pháp hàng đội tự trị, biết tự phân công hợp lý mà điều hành đơn vị của mình.
5. Tập cho thanh thiếu niên ý thức được sự hoàn thành trách nhiệm được giao phó và nhất là làm đúng theo vai trò của mình trong công tác điều hành đơn vị.
6. Tập cho thanh thiếu niên sống cuộc sống có lý tưởng. Phong trào Hướng Đạo là một phong trào giáo dục bổ túc cho giáo dục gia đình và học đường. Sự giáo dục lấy Lời Hứa và Luật Hướng Đạo làm căn bản. Phong

trào luôn giúp các em hướng vào cuộc sống tươi sáng, lành mạnh, biết học hỏi tu tiên và giúp ích tha nhân vô vị lợi.

Lý Tưởng:

Lý tưởng Hướng Đạo hầu như được gói trọn trong Lời Hứa HD: Thật thà, trung thành và giúp đỡ.

- Theo cuộc sống với tất cả sự thật thà.
- Trung thành với tổ quốc.
- Có đức tin và luôn trung thành với đức tin của mình.
- Giúp đỡ mọi người bất cứ lúc nào và vô vị lợi.

SINH HOẠT CỘNG ĐỒNG VÀ SINH HOẠT XÃ HỘI

Sinh hoạt cộng đồng:

Trong gần 30 năm qua liên đoàn vẫn ủng hộ và góp sức với Hội NVTNCS tại Frankfurt và vùng phụ cận những công việc tổ chức mang đến ích lợi chung, gắn bó tình đoàn kết của các người Việt đang sinh sống ở trong và quanh vùng Frankfurt như các công tác trang trí, vệ sinh, trật tự, bán vé, ... mỗi khi có dịp sinh hoạt cộng đồng chung và nhất là đóng góp đều đặn những tiết mục văn nghệ bảo tồn văn hóa qua các ban ca, vũ, nhạc, kịch và đội lân.

Sinh hoạt xã hội:

- Quyên góp, giúp đỡ và chia sẻ đau thương với những nơi có thiên tai, bão lụt, bị nạn đói đe dọa...
- Thăm viếng sinh hoạt chung với các người già trong viện dưỡng lão.
- Tham dự những ngày diễn hành ĐA VĂN HÓA.
- In sách nói về lịch sử Việt Nam bằng tiếng Đức.



Hội cứu trợ thương phế binh Việt Nam Cộng Hòa tại Đức

*Em bỏ tôi chi giữa chợ đời,
Sầu theo năm tháng hạt mưa rơi.
Tôi buồn tôi khóc đời binh phế,
Khổ hận sầu thương mãi một thời.*
(Trích đoạn „ Tôi mất em rồi“ TPB Trần Trung Quán)

Hội cứu trợ Thương Phế Binh Việt Nam Cộng Hòa tại Đức là một tổ chức vô vị lợi để cảm ơn những anh TPB/VNCH đã bỏ lại phần thân xác trên chiến trường trong cuộc chiến

bảo vệ miền Nam Tự Do cho chúng ta.

Hội cứu trợ TPB/VNCH đã được thành lập khoảng thời gian năm 2000

tại vùng Stuttgart/Reutlingen, do chiến hữu Nguyễn Thành Nam kêu gọi. Sau một thời gian hoạt động, vì tuổi đã cao và mang bệnh tật trong người nên CH Nguyễn Thành Nam không còn cáng đáng được và đã trao lại cho CH Hoàng Tôn Long chịu trách nhiệm và hoạt động tại Frankfurt từ năm 2005, dưới sự hỗ trợ của Hội Người Việt Tỵ Nạn tại Frankfurt. Những năm 2005, 2007, 2009, 2011 đã được Hội Người Việt hỗ trợ tích cực và mượn phòng ốc, Hội cứu trợ TPB/VNCH đã lần lượt tổ chức văn nghệ để gửi những món

quà nhỏ bé nhưng đầy ân tình cho các anh TPB/VNCH đang còn sống nơi quê nhà.

Những năm qua, hội cứu trợ TPB đã nhận được 700 hồ sơ, cứu xét và đã gửi về giúp đỡ.

Hội TPB vẫn tiếp tục hoạt động nhờ lòng hảo tâm của các vị ân nhân. Tin tức của hội thường được đăng trong tờ báo Viên Giác.

Chúng tôi kêu gọi sự hỗ trợ của quý vị ân nhân, hãy giúp các anh TPB/VNCH có những món quà nhỏ an ủi tinh thần trong đời sống hiện tại.

Xin mượn những vần thơ cuối của TPB Trần Trung Phán để kết thúc

*Tôi mãi nằm đây rách tả tơi,
Hỡi người chiến sĩ khắp muôn nơi.
Chút tình an ủi đời binh phé,
Sống nốt thời gian thuở cuối đời.*

Mọi thắc mắc xin gửi về : hoanglongd31@gmx.de



Hội Cao Niên tại Frankfurt & Vùng Phụ Cận

Mới đó đã mười năm trôi qua !

Vào tháng 7/2005 tại Saalbau ZAB các thành viên sáng lập hội Cao Niên gồm có Ông Nguyễn Văn Hùng (Aschaffenburg), Lê Trung Ứng (Erbach), Lưu Văn Nghĩa (Hanau), Hoàng Tôn Long (Frankfurt), đã họp sơ bộ để thành lập Hội Cao Niên vùng Frankfurt & phụ cận. Tháng 10/2005 Ban Chấp Hành đã được thành lập gồm các thành viên như sau:

Hội trưởng: Bà Phạm Thị Nga
Phụ tá hội trưởng: Ông Lưu Văn Nghĩa
Hội phó nội vụ: Ông Nguyễn Văn Hùng
Phụ tá: Ông Hoàng Văn Hùng
Hội phó ngoại vụ: Ông Trần Hữu Lượng
Phụ tá: Ông Ngô Kiếm Hoàng
Thư ký: Ông Nguyễn Văn Quan
Thủ quỹ: Bà Nguyễn Thị Thu Cúc

Vào ngày 16.10.2005 bản nội quy của hội đã được ban chấp hành thông qua tại Hanau.

Hội Cao Niên gặp nhau hai tháng một lần vào những tuần lễ cuối tháng lẻ. Đây là dịp để gặp nhau, thăm hỏi và tìm hiểu thêm về sức khỏe. Ngoài ra hội cũng tạo các điều kiện cho hội viên đi thăm các nơi trên nước Đức.

Từ ngày thành lập đến nay Hội đã đi thăm các nơi như thành phố Norden, Bodensee, München, Berlin, Hamburg, Essen v.v....., mỗi lần đi có khoảng 50 tham dự viên. Năm nay hội dự định sẽ đi thăm thành phố Bremerhaven miền Bắc Đức.

Qua những năm sinh hoạt Hội với sự điều dắt của bác Phạm Thị Nga, hội trưởng từ đó đến nay. Tuy đã lớn tuổi nhưng tinh thần bác rất hăng say, và có uy tín trong cộng đồng.

Thay mặt cho Hội Cao Niên tại Frankfurt & VPC kính mời quý vị đến tham gia với chúng tôi.

Lịch trình sinh hoạt cho năm 2015 như sau:

Địa điểm:

Caritas, lầu 4, Rüster Str. 5,
60325 Frankfurt amMain

Ngày giờ:

- | | | | |
|--------------|---------|------------|------------------|
| - Tháng Một | Thứ bảy | 31.01.2015 | từ 14giờ - 19giờ |
| - Tháng Ba | Thứ bảy | 28.03.2015 | từ 14giờ - 19giờ |
| - Tháng Năm | Thứ bảy | 23.05.2015 | từ 14giờ - 19giờ |
| - Tháng Bảy | Thứ bảy | 25.07.2015 | từ 14giờ - 19giờ |
| - Tháng Chín | Thứ bảy | 26.09.2015 | từ 14giờ - 19giờ |
| - Tháng 11 | Thứ bảy | 28.11.2015 | từ 13giờ - 19giờ |

Hội sẽ tổ chức du lịch trong thời gian 04-07/06/2015

Trân trọng kính chào và chúc sức khỏe.

Frankfurt, ngày 14.01.2015

Hội phó nội vụ

Lưu văn Nghĩa



Mục lục Đặc San Xuân Ất Mùi

1. Lá thư BBT	1
2. Thư Cảm Tạ BBT	2
3. Sự Hình Thành của Hội	3
4. Ba mươi năm trên đất người	6
5. Frankfurt và thắng cảnh lịch sử.....	9
6. Dr. Walter Wallmann.....	17
7. Vài cảm nghĩ nhân lễ truy điệu Dr. Ernst Albrecht	21
8. Con tàu của Thế Kỷ 20.....	29
9. Bài diễn văn Dr. Philipp Rösler.....	38
10. Quê tôi.....	40
11. Tết và Kỷ niệm.....	43
12. Thơ „Chúc bạn – chúc em“	48
13. Thơ „Cô nàng xứ Huế“	49
14. Nhớ lại tháng ngày qua (phần 1)	50
15. Cảm nghĩ về bốn mùa.....	59
16. Nhớ lại tháng ngày qua (phần 2).....	63
17. Thơ „Bói toán ngày Tết“.....	68
18. Thơ „Ba mươi lăm năm hồi tưởng“	70
19. Lần vượt biên sau cùng 23.06.1978.....	71
20. Bến đỗ.....	79
21. Quê hương mới.....	81
22. Con đường xưa ta đi.....	91
23. Viên Kim cương hay một nền văn hóa.....	103
24. Thơ „Bài về cộng đồng Frankfurt“	106
25. Hoa nở trái mùa.....	107
26. Món.....nhớ đời.....	110
27. Món ăn thuần túy Việt Nam nơi xứ người.....	112
28. Đào Mai ngày Tết.....	116
29. Những điều kiêng cử trong ngày Tết.....	118
30. Tổ chức cộng đồng Frankfurt và vùng phụ cận	121
31. Mục lục.....	128

